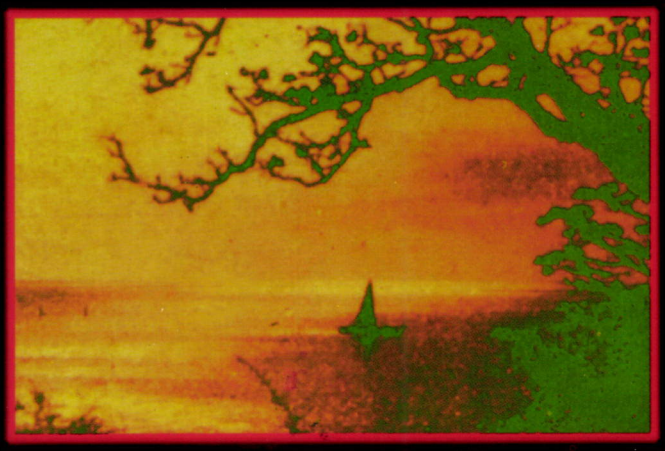
HUỲNH MINH

GÒ CÔNG

XƯA và NAY



XUÂN THU
PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA. (714) 828-9222

HUỲNH-MINH
SƯU-TẦM – KHẢO-CỨU
QUA CÁC TỈNH NAM-PHẦN VIỆT-NAM
BẢO-TỒN NHỮNG DI-SẢN TINH-THẦN CỦA TIỀN-NHÂN

GÒ-CÔNG

XƯA và NAY

Nội-dung gồm sáu phần :

- LỊCH-SỬ, ĐỊA-LÝ TỔNG-QUÁT.
- DI TÍCH, HUYỀN-SỬ, GIAI-THOẠI.
- DANH NHÂN, NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI.
- XUYÊN QUA CÁC ĐỊA-HẠT TÔN-GIÁO.
- VĂN HOÁ, PHONG-TỤC TẬP-QUÁN.
- GÒ-CÔNG SINH-HOẠT CÁC NGÀNH.
- TRÊN ĐÀ PHỤC-HƯNG và KIẾN-THIẾT.

CÁNH BẰNG
TÁC-GIẢ XUẤT-BẢN
— 1969 —

KÍNH TẶNG

_____

_____

_____

Non nước Gò-công

Công, trò danh lam vững đất Gò,
Sơn qui, hiệp cảnh quả trời cho.
Địa linh tú-khí, sanh anh kiệt,
Tô đậm sử xanh biết mấy pho.

DANH TÀI

Gò - công tỉnh nhỏ lắm anh tài.
Bốn biển năm-châu thảy thảy hay.
Thuở trước Thái-Hoàng còn rỡ mặt,
Ngày nay Công-Định tiếng ghi hoài.
Tấn Tài kiện tướng ai bì kịp,
Biều-Chánh văn hào thật xứng tay.
Tân cựu hai đàng dân chúng nể,
Trung thần ái quốc vẫn còn dài.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
BỘ VĂN-HOÁ GIÁO-DỤC
Văn-Phòng Thứ-Trưởng Văn-Hoá
NHA VĂN HOÁ
Số 148 VHGD/NVH/VP.

Saigon, ngày 17 tháng 4 năm 1968
GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HOÁ
Kính gửi : Ông Huỳnh-Minh.
Nhà Sưu-khảo về loại sách
các Tỉnh Nam-phần Việt-Nam.
Số 585/88 Phan-đình-Phùng - SAIGON

Thưa ông chủ nhiệm,

Ông đã có nhã ý tặng chúng tôi những tác-phẩm do ông biên soạn, và muốn biết cảm nghĩ của chúng tôi về những cuốn :

— Vĩnh-Long xưa và nay.
— Kiến-Hoà xưa và nay.
— Cần-Thơ xưa và nay.
— Bạc-Liêu xưa và nay.

Tôi có đọc và nhận thấy đó là những sách sưu-khảo công-phu, có giá trị đáng được phổ-biến.

Ông định thực hiện một công cuộc lớn lao, trường cửu, một bộ Địa-phương-chí nhằm sưu-tầm, khảo-cứu về các tỉnh miền Nam Việt-Nam trong nhiều lãnh-vực : Địa-lý, Lịch-sử, văn-hoá, danh-nhân, huyền-sử...

Xưa kia, các cụ đã để lại một bộ Địa-phương-chí rất quý giá, vĩ-đại : Đại-Nam Nhất-Thống-chí là cả một kho tàng kiến thức bổ-ích về mấy chục tỉnh Bắc-phần, Trung-phần, Nam-phần dưới nhiều khía cạnh : Lịch-sử, Địa-lý, Danh-nhân, Cổ-tích, phong-tục tập-quán..

Đơn thương độc mã, Ông dám theo gót người xưa trong một công cuộc trọng đại. Ông tỏ ra có thiện-chí, lòng can-đảm, óc hy-sinh, tinh-thần Quốc-gia cao đẹp.

Sách sưu-khảo mà ông đã, đang và sẽ biên-soạn chắc chắn sẽ giúp ích các giới học-sinh, sinh-viên, học-giả, tất cả ai muốn biết những nét chính yếu về di-tích, lịch-sử mà một phần đã bị chiến-tranh tàn phá trước mắt đau buồn của chúng ta, về đặc-điểm địa-lý, về cá-tính văn-hoá trong nhiều tỉnh miền Nam, một phần của Quốc-gia đang chịu muôn vàn điêu linh nhưng đã vượt không biết bao nhiêu thăng trầm của lịch sử.

Với lòng tin tưởng vào tương lai sáng-lạng của đất nước, của giang-sơn cẩm tú, từ ải Nam-Quan đến mũi Cà-Mau, chúng tôi hoan nghênh những tác phẩm thật lòng tha thiết với giang sơn ấy.

Xin thành thật kính chúc ông Chủ nhiệm được thành công trong một cuộc sưu tầm đầy ý nghĩa, đáng được khích lệ, nâng đỡ.

Kính thư
Giám-Đốc Nha Văn-Hoá.
Trịnh-huy-Tiến
(đóng dấu và ký tên)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách Pháp :

— Monographie de la province Gò-công.

— Bulletin administratif de la Cochinchine.

— G. Coedès : Histoire des Etats Hindouisés d'Extrême Orient.

— Paulin Vial, Les premières années de la Cochinchine. Tomes I-II.

— P. Cultru, Histoire de la Cochinchine française des-Origines à 1883.

Sách Việt :

— Lục tỉnh Nam Việt.

— Địa-phương chí Toà Hành-chánh Gò-công.

— Đại-Nam Nhứt-thống chí (Tu trai Nguyễn Tạo).

— Đại-nam Thực lục chánh biên.

— Liệt-truyện.

— Việt-Nam văn-học sử yếu (Dương-quảng-Hàm).

— Lịch-trình hành-chánh Nam-phần (Đào-văn-Hội).

— Từ-Dũ Thái-hoàng Thái-hậu (Nguyễn-Liên-Phong).

— Anh-hùng Trương-Công-Định (Thái-Bạch),

— Võ-Tánh Trương-Định (Nguyễn-Huỳnh-Mai)

Và các truyền thuyết của các bô lão, thân hào nhơn sĩ địa-phương kể lại. . .

VÀI GIÒNG TÂM SỰ

Tiếp nối công trình tự vạch quyết ghi lại và điểm tô thêm những nét đẹp của non sông cẩm tú, vạch bóng thời gian tìm lại sự nghiệp những người hùng của một dân tộc kiêu hùng, chúng tôi đã lần lượt cống hiến đồng bào những cuốn sách sưu khảo riêng về mỗi tỉnh miền Nam. Sau những tỉnh Bến-tre, Bạc-liêu, Cần-thơ, và Vĩnh-long, hôm nay chúng tôi rất hân hạnh trình bày trước mắt quí vị những đặc điểm của tỉnh Gò-công yêu mến.

Trong mười mấy hòn ngọc quí hiệp thành kim miện của nữ-hoàng Nam-Việt, Gò-công là một trong những hòn sáng chói đáng yêu. Người dân hiền lành chất phác, có tinh thần hiếu học, lịch sử oai hùng, mỗi thời đại mỗi đóng góp cho quốc gia những nhân tài cũng như vật lực dồi dào trong lúc đấu tranh cũng như xây dựng.

Đầm Vạn-thắng muôn thuở ghi danh những chiến công Võ-Tánh, giồng Sơn-qui còn giữ lăng họ Phạm để nhắc lại công dung ngôn hạnh bà Từ-Dũ, người hiền mẫu của Nam-triều. Mộ Trương-Công-Định kiêu-hùng sừng sựng giữa trời mây làm giặc Pháp kiêng oai, bia đội Tấn mấy phen sụp đổ bởi nhơn dân oán ghét.

Xứ Gò-công hai phen kháng-chiến, từ Đám-lá-tối-trời tới lũy tre xanh ở Giồng-nâu, bao nhiêu anh hùng noi gương Trương-công-Định đã mài dũa gươm linh, tinh-thần bất khuất của dân-tộc tồn tại mãi trên đồi cây ngọn cỏ. Bao nhiêu di tích lịch-sử còn sờ sờ ra đó, khiến khách nhàn du về viếng Gò-công mỗi bước đi mỗi luống ngậm ngùi. Ngắm cảnh vật, nhớ người xưa lòng quyến luyến. Tôi đã viết quyển sách này với tất cả tấm lòng.

Gò-công kháng-chiến anh-dũng !

Gò-công văn-nghệ tinh anh !

Gò-công kinh tế dồi dào !

Gò-công xưa cũng như nay đã cống hiến cho quốc gia lắm nhơn tài đáng kể.

Đọc « Gò-công Xưa và Nay » quý vị sẽ được dịp ôn lại những trang lịch-sử vẻ vang của nòi giống, sẽ được viếng thăm những di-tích lịch sử, những cảnh đẹp non sông, sẽ làm quen với những nhà văn cận đại và hiện đại của nước nhà, sẽ nhận thức hiện tình chánh trị, kinh-tế, văn-hóa, mỹ-nghệ của một tỉnh đã và đang vươn mình tiến bộ.

Chúng tôi không dám tự phụ đã sưu-tầm đầy đủ, không bỏ sót một khía cạnh nào. Nhưng với tất cả cố gắng của chúng tôi, cuốn sách này ít nữa cũng sẽ giúp cho quý vị có một quan-niệm tổng-quát về tỉnh Gò-công trong dĩ-vãng và hiện-tại.

Với sức mọn tài hèn, phương-tiện eo hẹp, hơn nữa, chúng tôi chỉ làm hết sức mình với tinh-thần thiện chí. Chỉ mong nơi sự tán trợ của quý độc-giả trong nước cũng như ngoài nước ủng hộ chúng tôi để tiếp tục con đường đã vạch sẵn.

Mục-đích của chúng tôi là phụng-sự văn-hóa, góp công tô-điểm quê-hương, bảo tồn di tích lịch-sử nước non nhà.

Nêu các gương trung-dũng ái-quốc của các bậc danh nhân chí sĩ, làm sống lại hùng khí của người xưa, bảo-vệ dân-tộc tính, đó là lý-tưởng duy nhứt của chúng tôi vậy.

Sàigon, ngày 01-01-1969

HUỲNH-MINH

Còn nhiều sách xưa trong Quán Ven Đường kính mời vào lấy về đọc.

PHẦN THỨ NHỨT

— Lược sử tỉnh Gò-công trải qua các thời-đại.

— Địa-lý tổng quát.

SỬ LƯỢC TỈNH GÒ-CÔNG

(Căn cứ vào Bộ **Hoàng-Việt Địa-dư chí** đời Minh-Mạng thứ 14 năm 1934 và **Cours d'Histoire Annamite** của Trương-Vĩnh-Ký, in năm 1877).

A.— Ý NGHĨA VÀ ĐIỂN-TÍCH DANH HIỆU GÒ-CÔNG :

Từ lâu lãnh thổ Gò-công đã được ghi vào Bộ **Đại-Nam Quốc-Sử** do cụ Phan-Thanh-Giản bình luận, là một xứ «Địa-Linh Nhơn-Kiệt», căn cứ vào địa lý và nhân văn.

Có hai thuyết định nghĩa danh hiệu Gò-công

Thuyết thứ nhứt : Gò-công nguyên xưa kia là đất đai của Cao-miên, khi Chúa Hiền (Nguyễn-Phúc-Tần) định cuộc di dân Nam tiến, thì người Việt-Nam mới tràn vào định cư. Lúc bấy giờ Gò-công còn là nơi rừng rậm, chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao, nhiều giống chim công ở nên gọi là Gò-công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau : Khi vua Minh-Mạng ra lệnh cho các quan địa-phương đổi tên nôm na các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì «Gò-công» biến thành «Khổng-tước-Nguyên», Đồng-nai đổi ra «Lộc-dã», Bến-tre là Trúc-giang, Sóc-trăng được gọi là «Nguyệt-giang» (Sông-trăng), v.v...

Thuyết thứ hai, cho rằng : Lần đầu tiên tại xứ này có một người đàn bà tên Thị-Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, vì thấy Gò-công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng các nơi tụ họp về khai hoang ruộng rẫy, lập thành làng mạc. Số người ở càng ngày càng đông, do đó dân địa-phương thường quen gọi là quán Bà Công, Gò Bà Công, đến sau lâu ngày trở thành một địa danh vắn tắt là Gò-công tồn tại đến hôm nay.

B.— GÒ-CÔNG TRƯỚC THỜI CẬN ĐẠI :

Đây là một vùng đất hoang vu không tên, có rất nhiều rừng rú và cọp hùm, thuộc nước Thủy-Chân-Lạp (Khmer) không dân cư, chỉ có một vài sóc Mền trú ngụ trên các giồng cao.

C.— GÒ-CÔNG DƯỚI THỜI NGUYỄN TRỊNH PHÂN TRANH :

Chúa Trịnh ở Bắc hà không quan tâm đến xứ này vì cách rất xa. Chúa Nguyễn ở Nam-hà gần với Thủy-Chân-lạp, thấy dân nước này yếu hèn nên thường mưu tính việc xâm lấn bằng cách tàm thực nghĩa là như tằm ăn dâu, không chinh chiến mà thu phục được đất. Đời Chúa Hiền Nguyễn-Phúc-Tần (1649-1686) mưu việc Nam tiến Người xuất dân tỉnh Quảng-ngãi và khai-thác nguồn lợi tại Gò-công. Mên sống thưa thớt, có tánh nhút-nhát lại thấy người lạ khác ngôn ngữ và văn-hóa xâm nhập, không đủ sức kháng cự nên lần lần rút lui. Thành thử lâu ngày tràn ngập người Việt trên phần đất này, lập thành làng, thành xã để khai khẩn làm ăn.

Ngược dòng lịch sử, chúng tôi thấy mãnh đất Gò-Công mà đồng bào miền Nam Trung-Phần vào định cư khai thác hồi đầu thế kỷ 17, được chánh thức nhập vào bản đồ Việt-Nam từ năm 1755.

Trước đấy, năm 1750, xảy ra sự tranh chấp ngôi báu Cao-Miên Nặc-Nguyên (Ông Snguôn) từ bên Xiêm về tranh được ngôi và thường đem quân xâm lấn nước ta, còn phía bắc thì thông sứ với Trịnh-Vương để đánh Nguyễn-vương.

Năm Quí-Dậu (1753), Võ-vương sai Nguyễn-Cư-Trinh làm Tham mưu đốc xuất tướng sĩ ngũ dinh đi đánh Nặc-Nguyên : bốn phủ Tầm-bôn, Lội-lạp, Cầu-nam và Nam-vang xin hàng.

Nặc-Nguyên chạy trốn, đến năm ất-hợi (1755) Nặc-Nguyên chạy ra Hà-tiên nương nhờ Mạc-Thiên-Tích, xin hiến hai phủ Tầm-bôn và Lôi-lạp tức địa phận Gò-công ngày nay để chuộc tội và xin cho về nước.

Nguyễn-vương chấp thuận.

GÒ-CÔNG ĐẤT DỤNG BINH CỦA VÕ-TÁNH GIÚP NGUYỄN-ÁNH CHỐNG TÂY-SƠN KHẮC PHỤC ĐẤT NAM-KỲ

Năm 1785, trong khi Nguyễn-Ánh (Gia-Long) thất thế sa-cơ bị quân Tây-sơn đánh bại phải chạy qua nương náu ở Xiêm, thế kém thân cô không hy-vọng gì khôi phục lại cơ đồ, thì lúc bấy giờ có một thanh niên ở làng Phước-tỉnh tục gọi Lưới-rê Giếng-Bọng, Bà-rịa, xưa thuộc tỉnh Trấn-biên sau kêu Biên-hòa. Chào đời nhằm thuở loạn ly cha mẹ mất sớm, Võ-Tánh chịu cảnh mồ côi ở với anh là Võ-Nhàn, Cai-Cơ thuộc tướng của Đỗ-Thành-Nhân.

Người thanh niên ấy nặng lòng với tổ-quốc đứng lên hoạt-động, đứng ra kêu gọi tráng niên quy tụ những tôi thần Chúa Nguyễn đang bôn đào, hết lòng vận động góp nhóm tàn binh của đạo Đông-Sơn. Đầu tiên Võ-Tánh chọn Vườn trầu, hiện là Hốc-môn và Bà-điểm, tỉnh Gia-định làm nơi tập trung binh lực.

Lúc ấy không ai rõ Võ-Tánh theo đuổi mục-đích nào. Phò ai ? chống ai ? Hay chỉ là một anh hùng thời loạn muốn tự tạo cho mình một sự nghiệp ? Không ai biết, vì sau khi vua Gia-Long giết Đỗ-Thành-Nhân thì anh Ông Võ-Nhàn tụ tập du đảng của đạo quân Đông Sơn của Đỗ-Thành-Nhân làm phản chống lại rồi cũng bị bắt giết. Nhưng quân Tây-Sơn lúc ấy đã làm chủ Gia-Định Nghi là Võ-Tánh chiêu binh mãi mã giúp Nguyễn-Ánh, liền phái một đoàn quân đến Vườn-Trầu bao vây Võ-Tánh. Một trận kịch chiến xảy ra. Quân Võ Tánh mới qui tụ còn ô hợp, mặc dầu có thừa can đảm chiến đấu hết lòng, rốt cuộc vẫn bị một kẻ địch thiện chiến và đông hơn đánh cho thất điên bát đảo. Võ-Tánh như con hùm dữ tả xông hữu đột, sát địch như chém chuối, không khác nào Triệu Tử-Long đương dương trường bản, nhìn lại quanh mình trơ trọi nhứt thân, một mình hồ tướng phá trùng vây, thoát ra được nhưng mình thọ trọng thương, sau lưng bị đâm nhiều mũi giáo. Sau cuộc thất bại đớn đau này, sự đớn đau cả tinh-thần lẫn thể-xác, nếu là một người khác tất đã nhục khí đứng lại rồi. Nhưng Võ-Tánh không thối chí ngã lòng,

nhẫn nại góp nhặt lại tàn binh, chiêu mộ thêm người mới. Lòng tự nhủ : Thua keo này ta bày keo khác ! Tuy nhiên viên tướng trẻ thất trận rút tỉa kinh nghiệm, nhận thấy địa-thế Vườn trầu không thuận lợi cho một cuộc đồn quân kháng địch, ông bỏ vùng này rút về Gò-Công, nghĩ rằng nơi đây vườn ruộng phì-nhiêu, sông rạch đầy cá, người đông của thịnh, công việc nuôi quân dễ dàng hơn, đồng thời ở vùng này có nhiều giồng cao, cây cối rậm rạp phải là nơi dụng binh rất tiện khi phục kích cũng như khi né tránh.

Viên tướng trẻ quan-sát địa-hình địa-vật chọn lựa Giồng-tre, hay Gò-tre, là một nơi đồi đất lên cao, địa-thế hiểm-trở, ở phía đông Gò Công cách 1.500 thước, ở bên hữu con tỉnh lộ đi từ Gò-Công đến Tân-niên-tây, nơi đây Võ-Tánh dốc lòng lo xây đồn đắp lũy, mua trữ lương thực, tuyển mộ tân binh. Tổ chức vừa xong thì gặp quân Tây-sơn kéo tới tấn-công liền, lần nầy là một đạo quân rất hùng hậu. Tuy quân mình yếu hơn quân địch, Võ-Tánh khôn ngoan dùng quỷ kế, dụ địch quân vào chính giữa giồng, rồi dùng hỏa công thiêu rụi. Những binh sĩ Tây sơn thoát khỏi ngọn lửa thì lại bị quân Võ-Tánh xạ tiễn phóng giáo diệt trừ Cả đạo binh Tây-sơn thất bại ; chỉ thoát được một phần rất nhỏ. Thắng lợi trận này lòng tin tưởng càng thêm vững, Võ-Tánh tuyển mộ thêm binh và tổ-chức hẳn hòi hơn, dưới quyền chỉ huy của ông đã thành lập một đạo binh bách chiến bách thắng, oai danh lừng lẫy đến đỗi về sau này hễ nghe tin đạo binh Võ-Tánh, gọi là «Kiến-hoà-đạo», đến nơi thì quân Tây-sơn chưa đánh đã lo kiếm đường chạy.

Lúc bấy giờ danh tiếng của ông lẫy lừng, nơi Đầm Vạn-Thắng ở Gò-Công ông đã giết rất nhiều quân Tây-Sơn, ghi lại những chiến công hiển hách của viên tướng trẻ tài ba lỗ lạc trên đất Gò ngày nay còn nhắc nhở.

Năm 1787, Chúa Nguyễn-Ánh từ giã nước Xiêm về đến Hà-tiên trước khi đi Chúa Nguyễn đã phái một người tin cậy là Nguyễn-đức Xuyên về Gò-Công liên lạc với Võ Tánh để yêu cầu vị tướng trẻ tài ba này về phò nhà Nguyễn, bởi Nguyễn-Ánh đã nghe được tin cuộc chiến thắng của Võ-Tánh trước quân Tây-Sơn, tại Giồng-tre, Đầm Vạn-Thắng, v.v... Lạ một điều là Võ-Tánh từ chối, thì kẻ Chúa

Nguyễn về nước chiến thắng Tây-Sơn ở nước xoáy hiện là rạch Mân-Thích Vĩnh-Long. Tướng Tây-Sơn là Phạm-Văn-Tham, tấn công chúa Nguyễn bị thất bại phải rút về Kỳ-hôn, một rạch ở phía Nam tỉnh lỵ Mỹ-tho.

Võ-Tánh tuy từ chối giúp vua Gia-Long, bỗng nhiên tự ý kéo binh qua rạch kỳ-hôn chận đường lui binh của tướng Tây-Sơn Phạm văn-Tham, xáp chiến 3 trận. Võ-Tánh thắng cả ba, đánh tan quân đội Tây-Sơn thất trận chạy tán loạn, lội rạch bằng đồng lầy tìm về Gia-Định.

Sau cuộc thắng trận, Võ-Tánh lui về trấn tại Gò-Công như cũ, thì nơi đây vào khoảng năm 1788, một đại-diện của chúa Nguyễn là Trương-Phước-Giao tìm đến diện-kiến để thuyết phục ông theo phò nhà Nguyễn cho trọn nghĩa tình. Lần này Võ-Tánh ưng thuận dẫn theo mình 4 viên tướng cạnh trung thành là Võ-Văn-Luông, Nguyễn-Văn-Hiếu, Mạc-Văn-Tô, Trần-Văn-Tín và một số quân đến yết-kiến chúa Nguyễn tại Vĩnh-long, ông vào bái yết, dựng một quả gạo và một quả trứng gà làm lễ ra mắt. Kẻ thị thành trông thấy dường như khi dễ nên cười chúm chím. Chúa Nguyễn-Ánh là bậc thông-minh, biết người biết ta, niềm nở tiếp rước hỏi ông : « Thiên lý cống nga mao, lễ khinh nhơn ý hậu, ta muốn biết ý tướng quân hậu thế nào ? « Chúa khéo đem lời trong kinh thư là bộ sách chánh-trị phương đông chép lời của vị vương giả khôn ngoan tiếp nhận và phủ dụ các triều thần ở xa từ ngàn dặm tới bái yết với lễ mọn, dầu một cái lông ngỗng cũng là trọng hậu lắm rồi. Ngài thưa : « Xin chúa ngự xem. Hột gạo trắng trong, trứng gà to, tròng đỏ lớn. Tôi ngụ ý hai món thổ sản này của quê hương, tượng trưng lòng trung-dõng của người Gò-công đem kính biến lên Chúa ». Nguyễn-Ánh cả mừng, bước xuống ôm ông và nói « Thật quả là địa-linh Nhơn-Kiệt ». Chúa truyền luộc một trứng gà nấu một chén cháo cho chúa ngự, còn bao nhiêu đổ vào nồi lớn nấu chín chia cho các tướng sĩ cùng nếm cái hương-vị trung-dõng của người Gò-công.

Từ đây chúa Nguyễn được tôi trung phò tá, bèn phong cho ông làm Tiền-phong-dinh Khâm-sai Tổng-nhung Chưởng-cơ và gả trưởng công-chúa là Ngọc-Du cho ông. Theo phò chúa Nguyễn lập nhiều chiến công hiển-hách, đánh đâu thắng đó, uy danh lẫy lừng khiến cho

Tây-sơn khiếp sợ gọi là « Gia-định tam hùng », duy Võ-Tánh đệ nhứt. Lần lần thâu phục sáu tỉnh Nam-kỳ, đánh lấy được thành Sài-gòn, kéo binh thẳng ra miền Trung hạ được thành Bình-định là nơi phát tích của Tây-Sơn. Chúa Nguyễn giao cho ngài và Ngô-tùng-Châu, trấn thủ, lui về Sài-gòn tức vương vị, sắp đặt guồng máy chánh-trị, dưỡng sức quân binh chờ ngày Bắc tiến. Tây-sơn kéo rốc đại binh lấy lại thành Bình-định, vây bốn mặt thành. Nguyễn-Vương đem binh ra giải vây và ra lệnh cho người ra bảo ngài bỏ thành, ngài không khứng chịu quyết cố thủ cho đến kỳ cùng chớ không chịu rút lui.

Cố thủ ba năm, lương thực đã hết, ăn tới thịt voi ngựa, tướng sĩ khuyên ngài phá vòng vây mà ra. Ngài nói : « Nếu ta ra thì đặng rồi khi giặc lọt vào thành tàn sát quân lính và lương dân vô tội ta không nỡ ».

Ngài nhứt quyết sống chết với thành. Đến lúc cùng quá, quan Hiệp-trấn Ngô-tùng-Châu hỏi kế, Ngài nói : « Đã là võ tướng thà hy sinh thân mạng để bảo vệ non sông, mặc dầu có phải chết để cho dân tộc sống tôi cũng vui lòng ». Trước khi chết Ngài lên lầu bát giác ngồi day mặt về hướng vua khấn vái lạy ba lạy, rồi bảo quân sĩ chất lửa thiêu Ngài để bảo tồn thinh giá, đồng thời Ông Ngô-tùng-Châu về dinh trước uống thuốc độc quyên sinh. Thế là xong sự nghiệp của vị anh hùng đất Gò đã tận trung báo quốc trả nợ núi sông bằng cái chết can đảm danh lưu muôn thuở. Ngài chết vào ngày 27 tháng 5 năm Tân Dậu (1801).

Tướng Tây-Sơn là Trần-Quang-Diệu thấy ngọn lửa biết Ngài giữ chữ tín đã kết liễu đời oanh liệt rồi, truyền tấn binh nhưng bốn cửa thành đều mở ; Trần-Quang-Diệu không hề giết chóc ai hết, đem thi hài Ngài ra dùng vương-lễ khâm liệm và mai táng trọng thể đúng với tinh thần thượng võ của hai vị anh hùng dân-tộc cái chết của hai ông để bảo toàn sinh mạng ba quân. Vua Gia-Long nghe tin Ngô-tùng-Châu và Võ-Tánh tử tiết ngài lấy làm xúc động làm một bài văn tế hai ông lời lẽ rất nên thống thiết.



BÀI VĂN CỦA VUA GIA-LONG TẾ VÕ-TÁNH VÀ NGÔ-TÙNG-CHÂU

Hỡi ôi !

Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa, gian-nan càng tỏ dạ trung thành ;
Đấng anh-hùng vì nước quên mình, điên bái chẳng dời lòng tiết-nghĩa.

Nhớ hai người xưa :

Thao lược ấy tài, kinh luân là chí
Phò vạc Hán thuở ngôi trời chích-lịch, chém gai đuổi lũ hung tàn ;
Vén xe Đường khi thế nước chung-chinh, gát bút ra tay kinh tế.
Mối nghĩa sánh duyên các tía, bước gian-truân từng cậy sức khuôn phò ;
Màn kinh giúp đức cung xanh, công mông-dưỡng đã đành lòng ủy ký.
Hậu quân thuở trao quyền tứ trụ, chữ ân oai lớn nhỏ thảy đều phu ;
Lễ-bộ phen nầy việc chánh-khánh, bề thanh trực sớm khuya đều chẳng trễ.
Ngoài cõi vút nanh ra sức, chí tiêm cừu đành giải xuống ba quân ;
Trong thành lòng dạ chia lo, niềm ưu-quốc đã thấu lên chín bệ.
Miền biên-khổn ba năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao-quản thế là nguy ;
Cõi Phú-xuân một trận nức oai trời, nặng việc nước phải lấy thân làm nhẹ.

Sửa mũ áo lạy về Bắc-quyết, ngọn quang-minh hun mát tấm trung cang ;
Chỉ non-sông giả với cô thành, chén tàn-khổ nhắp ngon mùi chánh khí.
Há rằng ngại một phen thỉ thạch, giải trung vi mà tìm đến quân vương ;
Bởi vì thương muôn mạng tì hưu, thà nhứt tử để toàn cho tướng-sĩ.
Tiếng hiệu-lịnh mơ-màng trước gió, ân tín xưa người bộ khúc đau lòng ;
Bóng tinh-trung thấp-thoáng dưới đèn, phong nghi cả kẻ liêu bằng sái lụy.
Cơ đảng định kiếp chầy đành hẹn buổi, xót tướng doanh sao vắng mặt thân huân ;
Phân truy-tùy gan tấc cũng đền công, tiếc nhung mạc bỗng thiệt tay trung trí.
Nay gặp tiết thu, bày tuần quí tế.
Hai chữ cương thường nghĩa nặng, rỡ cồn-bia cũng thỏa chốn U-Minh :
Ngàn năm hà nhạc khí thiêng, sắp mao việt để mở nền bình trị.

Hàn-lâm học-sĩ : ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU phụng-soạn

★

CÔNG CHÚA NGỌC DU CÓ BÀI THƠ KHÓC CHỒNG NHƯ SAU :

Những tưởng ra tay giúp nước nhà,
Ai dè bình địa nổi phong ba.
Xót người vị quốc liều thân ngọc.
Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.
Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,
Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.
Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,
Nóng ruột thuyền quyên giọt lệ sa !

Sau Nguyễn-Vương trung hưng được cơ nghiệp, tức vương vị tại Huế lấy niên hiệu là Gia-Long. Vua Gia-Long phong tặng cho ông là Khâm-Sai Chưởng-Hậu-Quận, Bình-Tây Tham-Thặng Đại Tướng Quân. Hoài-Quốc-Công tùng tự nơi Thái-Miếu.

Ông Ngô-tùng-Châu được truy tặng Lễ-bộ Thượng-Thơ, Ninh-Hoà Quận-Công.

Xuyên qua cuộc đời của vị võ-tướng như Võ-Tánh và văn-quan như Ngô-tùng-Châu được thế nhân tôn thờ nhắc nhở, hai ngài đã trọn đời đem chí cả phụng sự cho đất nước, không lùi bước trước sự gian nguy. Cao cả thay cái chết của hai ngài là cái chết vinh diệu cho non sông tổ-quốc.

Ngày nay tại Qui-Nhơn, Bình-Định, có đền thờ ngài và tại Gò-Công nơi ngài đóng quân thuở xưa cũng có một ngôi đền thờ dựng lên để ghi nhớ công nghiệp của người anh hùng sanh vi tướng tử vi thần ; đền thờ toạ lạc tại xã Long-Thuận, xóm Gò-Tre.

Trước cửa miếu có khắc những dòng chữ Nho như sau :

Tân-hoà huyện bảo-dân, vạn-thắng trận chi kim lưu chánh khí.

Bình-Định Thành hoàng tiết, Bát giác lầu tự cổ hiền trung tâm.

Và có hai câu nữa, chúng tôi cũng xin ghi chép ra đây để hiến quý bạn đọc rộng bề tra cứu :

Kỳ lân các thiên thu danh bỗng nhựt.

Khổng tước thành vạn cổ nghĩa Tham-Thiên.

Một nhân sĩ lão thành là cụ Nguyễn-huỳnh-Mai phụng đề :

Khổng tước kỳ khẳng khái cần-vương, tam hùng thủ liệt.

Bàn xà địa thung-dung tựu nghĩa, nhất biểu trung hưng.

Hình bộ chủ sự, Trần-đình-Thiều phụng cúng.

Chúng tôi đã nói lên khí tiết của một danh tướng tỉnh Gò-công, từ thuở xa xưa theo phò Nguyễn-Ánh, vào sanh ra tử, với tinh-thần bất khuất, cho đến khi tử tiết, đã tô đậm những trang sử oai hùng ngàn năm bất diệt.

CHÚA NGUYỄN-ÁNH KHẮC PHỤC ĐẤT NAM KỲ GÒ-CÔNG ĐƯỢC LẬP NỀN HÀNH-CHÁNH

Năm Đinh-Vị 1787, Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh từ Xiêm-quốc kéo quân về, tiến vào cửa Cần-giờ. Nguyễn-Lữ lui binh đóng giữ ở Lạng-phụ (thuộc Biên-hòa), giao cho Thái-Bảo Phạm-Văn-Tham giữ thành Gia-định. Chúa Nguyễn đánh phá mãi không được bèn lập kế ly gián, khiến Phạm-Văn-Tham và Nguyễn-Lữ nghi ngờ lẫn nhau, bằng cách viết một bức mật thơ giả kể tội Tham kiêu hoạnh, ngầm sai Lữ hãy giết Tham đi. Bức mật thơ ấy vờ đánh rớt, để quân tuần tiễu bắt được đem vào trình cho Tham xem xét. Tham xem thư cả kinh lo ngại không an. Giữa lúc ấy, chúa Nguyễn truyền phao tin rằng Tham đã đầu hàng, rồi trong một đêm lừa khi Nguyễn-Lữ còn đang nghi ngờ, binh chúa Nguyễn lại trương cờ trắng dối là binh của Phạm-Văn-Tham đã đầu hàng, từ Gia-định kéo ra định chiếm Biên-hòa. Nguyễn-Lữ khó nỗi cự đương kéo quân chạy ra Qui-Nhơn. Chúa Nguyễn đắc thắng chiếm lấy Biên-hòa đoạn chia binh tiến đánh Gia-định. Phạm-Văn-Tham thế cô sức kiệt đành chịu hàng, nhưng sau đó lại phản bị chúa Nguyễn giết chết. Khắc phục được thành Gia-định xong, vỗ an dân chúng, lập nền hành chánh đặt quan cai-trị đâu đó xong xuôi, binh chúa Nguyễn tiến chiếm tiền giang và hậu giang, trong đó có Định-tường, huyện Tân-hòa tức là Gò-công ngày nay, rồi kéo binh thâu phục Long-hồ (Vĩnh-long) một mặt tổ-chức quân sự để ngăn ngừa quân Chân-lạp có thể thừa cơ quấy rối, một mặt quyết không để đất đai này lọt vào tay Tây-sơn nữa.

Lúc bấy giờ đất Nam Kỳ thuộc về tay chúa Nguyễn làm chủ, mỗi nơi đều có quan lưu thủ cai trị.

Từ đây đất Gò-công lần lần được khai thác mở mang, dân chúng sanh sống về nghề nông-nghiệp và đánh cá. Còn ngành thương mãi rất sút kém chỉ một ít người Tàu di cư đến cư ngụ mua bán chút ít và một số làm nghề hạ bạc, trồng rẫy, v.v...

Quan đầu tỉnh dựng lên những cơ sở đặt guồng máy chánh-trị chỉnh đốn về mọi mặt, thâu được nhiều lợi-tức tài nguyên, nên đặt tên là Hòa-thạnh đóng thị trấn tại chợ Dinh (thuộc làng Đồng-Sơn bây giờ) thời-gian sau quan đầu tỉnh khác đến, cải Dinh-Hòa-Thạnh lại làm Phủ Hòa-Thạnh coi hai huyện : Phần đất phía Tây bên kia sông Rạch-lá là huyện Tân-Thạnh, phần đất phía Đông bên này là huyện Tân-hòa tức là thị xã Gò-công của ta bây giờ.

Đến triều Minh-Mạng nguyên niên phân nước Việt-Nam làm 5 kỳ như sau :

1.— Kinh-kỳ
2.— Tả-kỳ
3.— Hữu-kỳ
4.— Bắc-kỳ
5.— Nam-kỳ

Miền Nam nước Việt kêu là Nam-kỳ Lục-tỉnh như sau đây : Biên-hoà, Gia-định, Định-tường, Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên, ngoài ra có phủ Hoà-thạnh, đề huyện Tân-hoà trực thuộc phủ Tân-an, tỉnh Gia-định, huyện lỵ là nơi tỉnh lỵ bây giờ.

Kết luận : Chúng tôi đã trình bày đất Gò-công từ thời Thủy-Chân-lạp cho đến Nguyễn-sơ, Nguyễn Phúc-Ánh bôn tẩu vào Nam chống lại Tây-sơn, xuyên qua cuộc đời của ngài lắm cảnh truân chuyên nhiều lần hoạn nạn, dấu chân ngài đã từng đi khắp đó đây thâu phục anh hùng hào-kiệt đề theo phò ngài.

Chính đất Gò-công là nơi dụng võ của tướng Võ-Tánh, một vị anh hùng tài ba thao lược, có nhiều can đảm, Tây-sơn nghe nói đến đều kính nề, giữa lúc thời loạn, người anh hùng đứng ra khuôn phò chúa Nguyễn cứu nguy đất nước, từ Gò-công xuống Vĩnh-long đề gặp chúa Nguyễn.

Thật ra Gò-công là đất « Địa-Linh Nhơn-Kiệt » nơi đây sản-xuất các bậc công-thần, anh-hùng liệt-sĩ phò dưới triều nhà Nguyễn, trong đó có dòng họ Phạm, tức là Phạm-Đăng-Công, Phạm-Đăng-Dinh, Phạm-Đăng-Hưng, Ông là thân sinh Đức bà Từ-Dũ Thái-hoàng Thái hậu mẹ của vua Tự-Đức, bà là một bậc mẫu nghi trong thiên hạ được thần dân sùng kính.

Gò-công từ thuở xa xưa đã đóng góp rất nhiều về tài lực và nhơn lực cho chánh-phủ Nam-Triều qua những trang sử vàng son của đất nước.

Chúng tôi đã trình bày sự diễn tiến của đất Gò-công từ thuở xa xưa, qua phần sử lược đại-cương, hầu giúp bạn đọc tìm hiểu thêm những giai đoạn diễn tiến và những sự việc sẽ đến trong thời Pháp thuộc, v.v...

Tuy nhiên không sao tránh khỏi những khuyết-điểm trong việc sưu-khảo này mong bạn đọc bổ khuyết cho trong phần còn lại.

NAM-KỲ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC
(1861 — 1945)

1.— LÝ DO PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT-NAM

Giữa thế kỷ thứ XIX, các vua Việt-Nam : Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức nhận thấy nhiều nước Á-châu như Ấn-độ, Qua-va (Java) Lữ-tống (Luçon) bị mất, thế lực đế-quốc Âu-châu càng ngày càng bành-trướng qua Đông mà binh lính đi tiền-phong chính là lái buôn, thành thử các ngài lo ngại về chủ quyền nước mình mà buộc lòng phải cấm ngăn tôn-giáo.

Chụp lấy cơ-hội nước Việt-nam bắt đạo, giết đạo, nước Pháp vội vàng cử binh hùng, tàu chiến đến xâm-lược Việt-nam, thật sự không ngoài mục-đích sau đây :

— Chánh-trị : Cần dùng phải tìm kiếm mở-mang thuộc địa, cho khỏi tỏ mình thấp kém hơn một vài cường quốc Âu-châu.

— Kinh-tế : Bắt buộc phải có chỗ tiêu-thụ cho hàng hóa sản vật của mình.

— Văn-hóa : Xây-dựng thế-lực trên biển Thái-bình-dương tự-do nghiên-cứu khoa-học trên đất nước Việt-nam.

2.— XÂM CHIẾM NAM-KỲ

Ngày hai tháng hai, năm 1859, hải quân Trung-tướng Rigault de Genouilly đem binh thuyền vào cửa Cần-giờ, ngày 18-2-1859 chiếm thành Sàigòn, ngày 12-4-1861 đánh chiếm Định-tường, ngày 14-12-1861 chiếm lấy Biên-hòa.

Ký-kết hòa-ước năm Nhâm-Tuất ngày 5-6-1862, sứ-thần Việt-nam là Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông :

— Biên-hòa
— Gia-định
— Định-tường

Ngày 4-7-1863, sứ-bộ Việt-nam xuống tàu **L'Européen** sang Pháp xin chuộc ba tỉnh ấy : ngày 5-11-1863, sứ-bộ Pháp-Hoàng Napoléon III tiếp rước trọng thể, hẹn rằng sẽ trả lời cho Triều-đình Huế sau khi đình nghị về việc đó.

Sau đó, Pháp-quốc không ưng-thuận cho chuộc ba tỉnh miền Đông, nên Thiếu-tướng De Lagrandière, ngày 20-6-1867, đoạt thành Vĩnh-long, ngày 22-6 chiếm An-giang, ngày 24-6 chiếm Hà-tiên, và ngày 25-6, De Lagrandière bố-cáo trọn xứ Nam-kỳ từ đây thuộc về Pháp-quốc.

Do hòa-ước năm Giáp-Tuất, ký kết ngày 15-3-1874, Triều-đình Huế nhìn nhận sáu tỉnh Nam-kỳ là thuộc địa nước Pháp.

3.— CHẾ-ĐỘ CAI-TRỊ TẠM-THỜI :

Sau khi quân-đội Pháp chiếm lấy 3 tỉnh miền Đông : Gia-định, Biên-hòa, Định-tường, mấy năm đầu, các quan Nam-Triều bỏ đi hết, làng xã thì không hương-chức, sổ bộ đều lạc mất.

Có ít trò nhà dòng biết tiếng La-tinh theo làm thông-ngôn cho quan binh mà thôi.

Lần lần, dân-sự mới qui tụ lại, hương thôn mới tái lập như xưa.

Đời Đô-đốc Charner, lập tại Gia-định và Mỹ-tho một số đồn Pháp để cai-trị nhân-dân, có một đội binh yểm-trợ.

Nhiều sĩ quan được lãnh trách-nhiệm cai-trị, gọi là « Quản-đốc bổn-quốc sự-vụ » (Directeur des Affaires Indigènes) thay thế cho tri-huyện, tri-phủ người Việt.

Nhiệm-vụ của họ là xử kiện, tiễu-trừ trộm cướp, khảo-cứu phong-tục và tổ-chức chánh-trị trong xứ. Mặc dầu họ có chức-chưởng hành-chánh song họ có quyền trưng-dụng đội binh trấn thủ trong các đồn để đề phòng giặc giã và bảo vệ quyền thế của họ.

Các khu-vực hành-chánh Nam-kỳ vẫn y nguyên như cũ và quyền-hạn của các quản-đốc không vượt khỏi phạm-vi khu-vực của mình.

Sau đấy, Đô-đốc Bonard có sáng-kiến giao phó cho các quan Việt-nam cai-trị người Việt, nếu các quan bất-lực và dân-sự nổi lên thì quân đội Pháp sẽ đến can thiệp.

Bởi thế, khi nào thuận-tiện, thì Đô-đốc thay thế mấy viên quản-

đốc bằng tri-Phủ, tri-Huyện dưới quyền của một số ít sĩ-quan Pháp lãnh nhiệm-vụ chỉ-huy cao cấp (Commandant Supérieur) quyền hành như chức Tổng-đốc và lãnh-binh gồm việc binh-dân.

Quan tham-biện bổn-quốc sự-vụ đảm nhiệm ty-án và trông coi các quan huyện lãnh phần hành-chánh, thâu thuế và lo việc cảnh sát trong địa-phận mình.

Phương-pháp cai-trị ấy đưa đến kết-quả thảm bại và không thể áp dụng cho các tỉnh mới chiếm được, lý-do là các quan người Việt bỏ xứ mà đi còn những người ở lại có uy-tín đối với dân thì lại bị chính-phủ Pháp bắt mà giết đi vì chống cự người Pháp.

Chỉ còn lại những người dốt nát xu thời, và nhà chức-trách Pháp lại tuyển chọn những người cầm quyền Việt-nam có thành kiến không tốt với Nam-Triều, thừa cơ-hội chạy theo làm tay sai cho chúng.

Những đứa con trung-thành của tổ-quốc thấy cảnh nước mất nhà tan do bọn thực-dân Pháp chiếm đoạt đất đai, nhứt tề đứng dậy khắp nơi phản kháng. Mặc dầu khí-giới tối-tân, nhưng chúng không thể nào chiếm được lòng dân. Súng đồng tàu chiến của chúng tuy có thể dẹp tan binh lực của Triều-đình, nhưng không sao dập tắt lửa thù vong quốc của một dân-tộc đã có truyền-thống oanh-liệt trên bốn ngàn năm lịch-sử.

Cuộc chiến đấu của dân quân miền Nam đã thiết thực cảnh cáo nặng nề chủ-nghĩa thực-dân khi mới đề chân xứ này, họ gặp phải sự phản đối mãnh-liệt của nhân dân ta tiêu biểu là bức thơ của dân chúng Gò-công gởi lên nhà cầm quyền thực-dân Pháp sau đây :

NHO PHONG SĨ-KHÍ TRÊN ĐẤT GÒ

Một bức thơ lịch-sử của dân chúng Gò-công gởi phản kháng chánh-phủ Pháp vào năm 1862

Đây là một bức thơ quan-trọng trong lịch-sử kháng Pháp của dân quân miền Nam vùng dậy từ năm 1862, sau khi quân-đội viễn chinh chiếm đóng 3 tỉnh miền Đông : Gia-định, Biên-hòa, Định-tường, và luôn cả phần đất huyện Tân-hòa tức là Gò-công ngày nay.

Lúc bây giờ dân chúng Gò-công thảo một lá thư gởi lên nhà cầm-quyền Pháp ở Sài gòn phản kháng sự xâm lăng cướp nước của chánh-phủ tân-trào. Lời lẽ trong bức thơ rất chân-thành không văn-hoa bóng bẩy, nhưng đượm vẻ hào-hùng với tinh thần bất khuất,

một bức thơ cách đây trên một thế kỷ của lớp người xưa trên đất Gò, nhưng đến nay lời lẽ cũng còn văng vẳng bên tai của người dân Việt nó đã ăn sâu vào huyết quản của người Việt có tinh-thần hoài bão đến quê-hương, nhìn xa sự mất còn của đất nước không sao quên được bức thư này.

Cố công sưu tầm, chúng tôi xin trích lục bức thơ đăng trong tuần báo **Phổ-thông**, số 7 tháng 10 năm 1952 của soạn giả Trần-Nguyên-Anh gồm những đoạn sau đây :

«Cuộc tranh-thủ độc-lập của dân Việt-Nam đang làm sôi nổi dư luận thế giới phải chú ý tới. Người ta nói rằng cuộc tranh đấu mới có từ mấy năm nay. Thật là một sự hiểu lầm to ! Vì nó đã bắt đầu ngay từ khi triều đình ta phải nhượng 3 tỉnh miền Đông rồi sau bị quân xâm-lăng cướp nước chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây tức là trọn Nam-kỳ lục tỉnh.

Một bằng chứng cụ-thể, một tài liệu quý giá với những lời lẽ thiết tha, là lá thư của dân chúng tỉnh Gò-công gởi lên Đô-đốc Réveillère, tư lệnh quân đội Pháp, khi ông này đến đó thiết-lập tỉnh bộ hành chánh năm 1862.

Tiếc rằng bản chánh không còn, nhưng bản Pháp văn do Georges Garros mà chúng tôi tạm dịch ra đây, thiết tưởng cũng đầy đủ lột hết tinh thần nho phong sĩ-khí dân chúng ta thời ấy.

Cùng nhà đương quyền Pháp.

« Mặt chính-phủ của bản quốc Hoàng-đế, chúng tôi đau đớn « như con mất cha, mất mẹ.

« Quý quốc ở Tây-phương, bản quốc ở Đông-hải, chẳng khác « gì con ngựa và con trâu vậy.

« Chúng ta khác nhau từ ngôn-ngữ, từ văn-tự đến phong-hoá. « Tạo hoá sinh ra loài người mỗi giống mỗi khác. Khắp trong vũ-trụ « loài người như nhau, nhưng không chung một bản tánh.

« Vì mang ơn quốc-vương của chúng tôi, chúng tôi quyết báo « thù kẻ nào « xúc phạm đến Ngài » và chúng tôi sẽ chết vì Ngài. « Vậy sự xung đột sẽ phải dài, nhưng chúng tôi phải làm thuận lòng « Trời và quyết nhiên chúng tôi phải thắng.

« Nếu các ông muốn hoà bình, hãy trả đất lại cho Quốc-vương « chúng tôi. Chúng tôi có phải chiến đấu cũng vì mục đích ấy.

« Các ông chiếm xứ sở của chúng tôi để tăng cường nền phong « phú của các ông và để đề cao thanh danh của các ông.

« Các ông có muốn một số tiền chuộc đất-đai ấy không ? Chúng « tôi sẽ trả các ông, nhưng các ông đừng gây chiến nữa. Các ông « hãy đem quân-đội trở về xứ các ông đi ! Chúng tôi sẽ mang ơn, « các ông cũng sẽ được tiếng vẻ-vang đối với hoàn-vũ.

« Các ông muốn có thị-trường để mở mang thương-mãi ư ? « Chúng tôi sẽ nhân nhượng cho các ông.

« Nhưng trái lại, nếu các ông không khứng chịu, chúng tôi sẽ « chiến đấu « mãi » để thuận lòng người. Chúng tôi cũng gớm khả- « năng của các ông đấy, nhưng chúng tôi còn sợ Trời hơn là sợ sức « mạnh của các ông. Chúng tôi thề sẽ chiến đấu vô cùng, vô tận, « không ngừng.

« Ngày mà chúng tôi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ bẻ cành « lá làm cờ và võ-trang binh bị bằng đòn, bằng gậy. Đến ngày ấy, « liệu các ông còn ở chung với chúng tôi được không ?

« Chúng tôi yêu cầu các ông chú-ý xét lại thơ này và chấm-dứt « tình trạng tai hại cho quyền-lợi của các ông và quyền lợi của « chúng tôi ».

Nhà cầm-quyền Pháp ở Sài-gòn nhận được lá thư trên ; Đô-đốc Réveillère lấy làm khâm phục chí anh-dũng của dân tộc Việt và thốt ra lời sau này, đã làm vinh-dự cho ông :

« Thật ra không phải là những lời trống rỗng, chưa có một dân tộc nào đã đề kháng trong nỗi thống khổ như vậy ! »

Chúng tôi nhắc lại thư này không phải là vì tỉnh Gò-công là nơi sinh ra hai vị hoàng-hậu trong triều Nguyễn, mà để nhận-định tinh-thần dân-tộc Việt-nam.

Dù sao thì Gò-công cũng là lãnh-thổ tân lập, nhưng dòng máu Việt là di sản truyền thống ngàn xưa, chảy đến đâu cũng xứng đáng với nòi giống Hồng-Lạc.

Hiện nay dân tộc Việt nam đang tranh đấu để thu hồi lãnh-thổ rất mật-thiết với đời sống của nhân dân, không thể để chia xẻ làm trăm mảnh và tạo nên nền phong-kiến nó là mối loạn ly của quốc-gia.

Quốc loạn thì dân bất an ! Muốn an, dân phải theo chính đạo. Một như mười, mười như trăm, trăm như nghìn, vạn, triệu . . . . đặt tin-tưởng vào vị lãnh-đạo mà ngày đêm chẳng khỏi đang tâm-

niệm với nguyên-tắc tôi vừa kể trên.

Vì tin tưởng, chúng ta không có cửa cao nhà rộng, không có mâm cao cỗ đầy và không có tất cả cái gì nữa, nhưng chúng ta sẽ có Tổ-quốc để thờ, có dân-tộc để cùng sống với năm châu, bốn biển.

Hơn nữa chúng ta sẽ xứng đáng làm người, hãnh-diện làm dân của nước Việt-Nam sáng lạn.

Đó là con đường «Dân-Tộc» vậy.

Tinh-thần ấy và ý-chí ấy đã được chứng minh một cách hùng hồn qua các phong trào khởi nghĩa của các anh-hùng liệt-sĩ miền Nam :

— Thủ-khoa-Huân, Thiên-hộ-Dương, Đốc-binh-Kiều, ở Đông-Pháp, Mỹ-tho.
— Trương-Công-Định, ở Gò-công.
— Trương-Văn-Uyển, ở Vĩnh-long.
— Quản Hớn, ở mười tám thôn Vườn-trầu.
— Trần-Văn-Thanh, ở Rạch-giá,
— Nguyễn-Xuân-Phụng, Đoàn-Công-Sữu, ở Trà-vinh.
— Trịnh-Quang-Nghị, Đức cố Quảng, ở Châu-đốc.
— Phan-Tôn, Phan-Liêm con cụ Phan-Thanh-Giản, ở Bến-tre.
— Lê-Tấn-Kế, Trần-Bình, ở Ba-động, Trà-vinh.
— Quảng-Sư, ở Bà-rịa.
— Nguyễn-Trung-Trực, ở Tân-an.
— Lê-Cần, Nguyễn-Giao, ở Vũng-liêm (Vĩnh-long), v.v...

Các cuộc khởi-nghĩa này lấy danh hiệu là Bình-tây Sát-tả Cần-vương cứu quốc hoặc dân chúng tự-vệ, quyết-tâm chiến đấu để giành lại chủ-quyền và đất đai thà chết chớ không để chịu nhục.

Đất nước càng bị quân xâm lăng dày xéo thì tinh-thần anh-dũng dân-tộc càng lên cao, các anh-hùng liệt-sĩ lần lượt kế tiếp nhau nổi-dậy, từ đồng bằng đến rừng núi không một nơi nào mà không có dân quân ta. Chúng tôi xin thuật lại một vài tài-liệu sưu-tầm về trận đánh chiếm Định-tường và Gò-công của đoàn quân viễn-chinh tàn bạo và vị anh hùng Trương-Công-Định, danh tiếng lẫy lừng ; thực dân nghe nói tới Trương-Công-Định đều kính nể không dám khinh thường, vì ông có tài xuất quỷ nhập thần lại thêm đa mưu túc kế, đã chứng tỏ quân Pháp sợ Trương-Công-Định là dường nào.

Việc huy động lực lượng để đánh Gò-công và bổ nhậm các sĩ quan để đối phó với ông, tường thuật sau đây :

PHÁP ĐÔ-HỘ –
NHỮNG ANH HÙNG KHÁNG CHIẾN GÒ-CÔNG VỚI NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH-SỬ

Lấy xong Saigon ngày 18-2-1859, Đô-đốc Charner thấy cần phải đánh lấy Định-tường để giữ an phòng tuyến và để mở rộng khu vực hoạt động giới hạn bởi các con sông Đồng-nai, Soi-rạp và Vàm-cỏ, vì dân quân ta từ đấy phát xuất đánh lẻ tẻ khắp vùng chiếm đóng của Pháp.

Lúc bấy giờ quân Pháp mở hai mặt thủy bộ, một đội thuyền kèm theo bộ binh hành quân thăm dò tiến xuống Tân-an, Bến-lức rồi đổ bộ xuống Trung-lương tiến đánh Định-tường, còn bộ đội thuyền kia do Đô-đốc Page chỉ huy, vượt qua cửa Tiểu và xuất hiện trên sông lớn phía Tây Định-tường. Thế là địch quân với lực-lượng hùng-hậu và võ-khí tối-tân hơn, đã vượt lên trên thi hài của quan quân ta và chiếm cứ Định-tường ngày 12-4-1861, cùng với sự chiếm cứ vùng bên này bờ sông Cửu-long và Soi-rạp. Tuy nhiên, cuộc hành-quân này đã làm cho Pháp quân bị thiệt hại nặng hơn bao giờ hết về nhân mạng, vì mưa giông, bùn lầy, nước độc của miền nhiệt-đới, thêm vào đó quân địch phải chiến đấu liên miên đêm ngày với một kẻ thù lúc ẩn lúc hiện.

Tuy chiếm Định-tường Đô-đốc Charner còn nể nang Nam-triều, để quận Gò-công (Tân-hòa) ra ngoài, chỉ đóng đồn binh thôi vì nơi đây là gốc gác họ ngoại của nhà vua. Bởi vậy trong một thời gian khá lâu, Gò-công lúc ấy đã là vùng phì-nhiêu thạnh mậu, dân-cư đông đảo, là nơi qui tụ của nhiều anh hùng nghĩa-sĩ nặng lòng yêu nước và nghĩa quân vương quyết chống lại sự thống trị của ngoại

bang, không lùi bước trước võ-khí tối tân của quân địch. Chính các tác giả của quyển **Histoire militaire de l'Indochine** (Lịch sử quân sự ở Đông-Dương) ; trang 38, cũng đã viết là sự thất bại của quân Triều-đình không có chút ảnh-hưởng gì đối với phong trào nổi dậy chống Pháp trên phần đất bị chiếm, và Pallu de la Barrière trong quyển **Histoire de l'expédition de la Cochinchine en 1861** (Lịch sử cuộc viễn chinh ở Nam-Kỳ năm 1861) cũng ghi là trung-tâm kháng chiến ở cùng khắp mọi nơi và tiềm phân đến vô cùng vô tận gần như mỗi người Việt-Nam, mỗi người nông dân cột bó lúa là một trung tâm kháng chiến vậy.

Trong tinh-thần đấu tranh ấy, nghĩa quân đã mấy lần tìm đến gây trận thư hùng với quân Pháp. Hai tháng sau khi Định-tường thất thủ, ngày 22-6-1861, lúc 5 giờ sáng sáu trăm nghĩa-quân do Huyện-Thoại chỉ huy kéo tới tấn công Gò-công.

Ông Huyện-Thoại tên thật là Đỗ-Trinh-Thoại (xem **Việt-sử tân biên** V, 192), là người trước đây đã trấn nhậm huyện này. Ông điều động dân quân tiến vào, tưởng có thể đánh úp bất ngờ, chẳng may bị phát giác. Vừa tiến vào tới chợ thì bị lính pháo thủ hải-quân Pháp cầm đầu bởi Trung-úy hải-quân Paulin Vial chận lại, và mới giao tranh thì loạt súng đầu của địch đã hạ 14 nghĩa-quân, trong số có Huyện-Thoại và phó-tướng của ông chết liền tại chỗ. Nhưng viên sĩ-quan hải-quân của địch cũng bị thương nặng vì hai mũi giáo, may nhờ có tên lính thủy Bodiez hy sinh dùng thân che chở cho, không thì đã chết rồi. Nghĩa-quân ta mất chủ tướng như rắn mất đầu, số còn sống sót thoát về chiến khu chờ cơ hội phục hận.

Huyện-Thoại, một văn-quan mà đã chết như võ-tướng ! Tinh thần nho-sĩ không nhường tinh-thần võ sĩ đạo của con cháu xứ Mặt Trời vậy ! Huyện-Thoại đã đền nợ núi sông, nhưng ngọn đuốc kháng Pháp do ông đốt sáng lên đã cháy lan và sáng chói mãi muôn đời trên đất Việt.

ANH HÙNG TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH DỰNG CỜ KHÁNG PHÁP

Người đứng lên tiếp tục cuộc đấu tranh của Huyện Thoại ở Gò-công, là vị anh hùng Trương-công-Định. Ông tên là Trương-Định, dân chúng đặt thêm chữ **Công** để tỏ lòng kính mến, và người đương thời gọi là Quan-Định vì trước kia ông từng cai-quản một trung đoàn quân Đồn-điền là quân do Nguyễn-tri-Phương, Kinh-lược sứ Gia-Định sau khi Trương-minh-Giảng mất, theo lệnh vua tổ chức diệt trừ các du-đảng phá làng xóm mới lập nên. Các người giàu có hay có thế lực nếu tham gia thì được phong chức Quản hay Đội, một khi tụ họp được một số người để cày cấy ruộng hoang. Chức Quản chỉ-huy 500 người và chức Đội 50 người. Họ được cấp ruộng chưa khai phá và họ được miễn thuế trong một vài năm. Trong thời chiến họ đi đánh giặc, trong thời bình họ được miễn thuế thân và quân dịch và được phái đi khai hoang lập ấp, biến miền hoang vu thành vườn ruộng phì nhiêu.

Con một gia đình giàu có quê ở Quảng-Nam, cha là Lãnh-binh Trương-Cầm, ông sinh năm Canh-Thìn, Minh-Mạng nguyên niên năm 1860 dương lịch. Ông cư ngụ tại một Tổng phía Tây-Nam Gò-cộng, và đã chiêu tụ được khá đông đảo nghĩa quân, song cánh quân này không tham dự trận đánh ngày 22-6, vì được đưa đến mặt trận ngày hôm sau.

Trước khi rút về kháng chiến tại Gò-công, ông đã từng cầm đầu một đội chí nguyện quân đánh với Pháp quân tại đồn Kỳ-hoà khiến ông được nổi tiếng. Legrand de la Liraye nói là các đồn bót của ông rất vững chắc và nếu chỉ-huy-trưởng Tôn-Thất-Hiệp chịu để cho ông nhiều sáng kiến hơn thì có thể quân Pháp bị thiệt hại nặng-nề, thất bại nữa là đằng khác. Chính ông đã phục kích Đại-úy Barbé đêm 7-12-1860 tại góc đường Trần-Quý-Cáp — Lê-Quí-Đôn ngày nay, trước mặt chùa Khải-Tường (Pagode Barbé) mà người

Pháp đã phá hủy sau trận phục kích ấy. Pháp quân càng khiếp sợ ông nhứt là sau vụ ông bắt cóc và giết tên bá-hộ Huy, một tay giàu có theo quân Pháp dựa thế bốc-lột dân lành Tên Việt-gian nầy nịnh bợ quan thầy đàn áp đồng bào, điềm chỉ những nhà ái-quốc nên được quan thầy tin yêu đưa lên làm Cai-tổng. Bá-hộ Huy rêu-rao quyết tâm bắt Quản-Định nạp cho quân Pháp, mặc dầu ngày trước ông với hắn là bạn thâm-giao. Tuy nằm trên bạc tiền và có quyền thế hắn vẫn nơm nớp lo sợ khó thoát chết nên dọn nhà và cơ-sở về ở Đồng-sơn, gần sự che chở của một chiến-hạm Pháp Nhưng khi y đưa kẻ ở thân-tín mang thư điềm-chỉ chỗ ở của Trương-công-Định thì người này lại đưa cho ông. Thế là Trương-công-Định liền đến Đồng-sơn, thừa bóng đêm bắt kẻ thù mang đi, nhưng vì bị Pháp quân theo sát quá nên đã chặt đầu bá-hộ Huy bỏ xác lại trên lộ trước khi thoát qua một cánh ruộng.

Sự gan dạ này khiến uy thế Trương-Công-Định ngày càng tăng. Ông được sự ủng-hộ của thân-nhân họ Phạm, dòng dõi bên Ngoại vua Tự-Đức, và của các quan triều Nguyễn với gia-quyến họ vốn thù ghét và không hiệp tác với Pháp quân xâm lược. Tuy nhiên, ông phải đương đầu một cách thẳng tay, đôi khi tàn bạo với bọn cường-hào với phường vô sĩ tham lợi chạy theo kẻ mạnh, trong số đó có các điền-chủ và thân-nhân của các kẻ bị triều-đình Huế xử tử trong cuộc nổi loạn năm 1831 ; các người này thù ghét triều-đình và nhà cầm-quyền của triều-đình.

Vào khoảng này, phía người Pháp Đô-đốc Bonard thực thi một chánh-sách thực-dân khôn-ngoan : dưới sự kiểm-soát của các sĩ-quan Pháp, họ dùng người Việt trực-tiếp cai-trị người Việt, một chánh-sách mà họ mong dân ta có cảm-tưởng lầm-lạc là mình được tự-trị, nhưng thực ra đã vô-ích và có hại cho việc cai-trị, vì các quan Phủ Huyện không thể có uy-tín và quyền-hành đối với dân-chúng, liền sau khi đất nước họ bị thôn-tính. Chính người Pháp cũng công nhận điều này.

Tin chắc là các chức việc bản-xứ đủ để kiểm-soát dân-chúng không cho nổi dậy, Đô-đốc Bonard ra lệnh rút quân ở các đồn bót và một vài nơi khác. Ngày 1-3-1862 quân Pháp rút khỏi đồn Gò-công. Đô-đốc Bonard ra lịnh rút các sĩ-quan cai-trị quận Tân-hòa, Cần-giuộc và Tân-an.

Chánh-sách của Bonard để thu phục dân tâm tuy có chỗ hay nhưng cũng có điều bất-lợi : bỏ những vùng hành-chánh rút quân đi Pháp bỏ lại đám dân trước đây theo họ đến cất nhà sanh-cơ lập-nghiệp gần bên đồn Pháp để được che-chở. Nhứt là ở Gò-công, khi quân đội Pháp rút đi, đám người theo Pháp không còn được sự che-chở phải tìm thế an-toàn. Trong số lối 600 dân này có 460 người xuống ghe đi lên Sài gòn và ở lại đây gần thành phố cho tới năm 1863 khi mọi sự đã yên mới trở về quê cũ.

Dịp này, nghĩa-quân của Trương-Công-Định, nhân sự rút đi của quân Pháp, đã củng-cố lại hàng ngũ, đào hầm đắp lũy xây dựng một đồn binh kiên-cố. Từ đấy nghĩa-quân đã hoàn-toàn làm chủ tình thế, được dân chúng ủng-hộ họ tự-do lui tới các làng, kêu gọi nhân dân hiệp-tác, thu-thuế, tổ-chức thêm nhiều đội ngũ chờ ngày chống giặc và loan tin quân Pháp sẽ rút về hết.

Khoảng tháng 5 năm 1862, có tin đồn nhà vua đã băng hà, Nam-triều với Pháp đã ký hoà-ước, nhà cầm-quyền hai nước phát lời kêu gọi nghĩa-quân trở về hiệp tác. Mặc dầu phía người Pháp hết sức ve-vãn, phái người khuyến dụ Trương-công-Định ra hàng, vị anh-hùng kháng-chiến miền Tây tiền-giang vẫn cương-quyết một lòng không chấp nhận ngoại bang đô-hộ, quyết không để cho lợi danh lung lạc. Nhân lúc làm chủ tình-hình ở Gò-công, ông cố tranh thủ thời-gian lo chỉnh tu lực-lượng để đeo đuổi công cuộc kháng Pháp. Ông được cụ Đồ-Chiểu ở Bến-tre làm cố vấn đôn-đốc chỉnh đốn hàng ngũ mộ thêm nghĩa binh, lập đồn cố thủ Gò-công, Trương-Công cho đặt trọng pháo giữ-gìn các kinh rạch giao-thông từ sông cái vào nội-địa vùng ông đóng quân. Từ căn-cứ này, ông chỉ huy đánh phá các tàu binh Pháp thường tới lui dòm ngó.

TRẬN THƯ HÙNG : CUỘC HÀNH-QUÂN LỚN NHẤT CỦA PHÁP TẠI GÒ-CÔNG (25-2-1863)

Gương yêu nước và sự anh-dũng của Trương-công-Định không khác nào một thứ men kích-thích dân chúng ái-quốc, thúc đẩy nho-sĩ và thanh-niên các vùng khác ở xa gần nổi lên chống Pháp. Thêm nữa, dân chúng rất đỗi bất bình và các điều khoản bất lợi của hòa-ước mùng 5 tháng 6 năm 1862, như : để các nước Pháp và Tây-

ban-nha đến tự-do giảng đạo, nhượng đứt cho Pháp ba tỉnh Gia-định Định-tường và Biên-hòa, và nhất là phải bồi thường chiến-tranh cho Pháp và Tây-ban-nha 4 triệu bạc trong lúc dân chúng lầm than, kho tàng khánh kiệt.

Vì thế đâu đâu cũng có xuất hiện những đoàn nghĩa-quân đánh phá gây thiệt hại nhân mạng cho quân Pháp, làm cho nhà cầm quyền đô-hộ lắm nỗi lo phiền. Hầu hết các đồn bót ở Sài-gòn và Biên-hòa bị tấn-công. Đồn Rạch-tra bị tràn ngập, Đại-úy Thouroude bị giết. Ba chiếc **lorcha**, một loại ghe bản-xứ có một tiểu đội và một đại-bác để tuần tiễu trên sông rạch bị tấn công. Tình thế bất an-ninh càng ngày càng trầm-trọng cho quân Pháp và các chức việc bản-xứ của họ. Không thể ngồi yên được nữa, Đô-đốc Bonard quyết-định mở một cuộc hành quân lớn với nhiều binh lính và phương-tiện để diệt-trừ một lần cuối cùng các ổ kháng-chiến. Để thực-hiện cuộc hành-quân đại quy mô này, Đô-đốc Bonard kêu gọi thêm viện binh và tàu chiến Pháp đóng tại Thượng-hải qua tăng-cường. Một lực-lượng hùng hậu lính pháo thủ Algérie và bộ binh Tagal (Phi-luật-tân) do Đô-đốc Jaurès chỉ huy, được đưa qua hiệp với đạo quân viễn chinh Pháp ở Sài-gòn, quyết gây trận thư hùng với nghĩa-quân của Trương-công-Định.

Dưới sông dầy đặc tàu chiến, quân Pháp-Tây và quân đánh giặc mướn tiến binh rần rộ trực-chỉ Gò-công, sau khi giải-tỏa Biên-hòa và làm chủ con đường Bến-lức.

Về mặt thủy, khi tiến vào Rạch-lá trong vùng Vàm-cỏ, chiếc tàu chở binh **Européen** được thiết lập thành bệnh-viện, trung-tâm tiếp-liệu và kho dựa chứa than. Chiến thuyền **Alarme** thả neo trên rạch Gò-công, phái quân lên bờ đắp mô đặt một cỗ đại-bác bắn dọc dài con rạch không cho ghe thuyền xuất nhập. Pháp quân đông đảo và đầy đủ võ-khí, ồ-ạt tiến vào Đồng-sơn phía tây-bắc Gò-công một cánh đánh trực diện, một cánh đánh tạt ngang hông và bọc hậu phá hủy những cỗ đại-bác của Việt quân đang bắn chận. Một đoàn quân Turco do Thiếu-tá Piétri chỉ huy đã thắng lợi nhờ tiến đánh nhanh trong khi ở phía đông, chiếc thủy đỉnh **Circé** của Tây-Ban-Nha phong toả và chiếm giữ đường vào rạch Cần-lộc ở sông Soi-rạp, ở phía Tây và Nam, quân Pháp từ đồn Chợ Gạo và nhiều cánh quân

địch, từ Mỹ-tho do Thiếu-tá Aries chỉ huy, ở Rạch-lá thì cánh quân của Thiếu-tá Vergnes. ở Vĩnh-lợi cánh quân của Thiếu-tá Gougeard cầm chân quân ta. Trên bộ cánh quân địch chính chỉ huy bởi tướng Chaumont và Đại-tá Palanca, tràn tới tấn công dưới sự yểm trợ của chiến thuyền Alarme do Thiếu-tá Hải-quân Guys điều-khiển, vừa yểm trợ vừa chạy thẳng lên con rạch. Cuộc dàn trận này cho ta thấy quân Pháp đã dùng những phương-tiện thật lớn lao, đủ thấy chúng ngán nghĩa-quân của Trương-Công-Định là dường nào. Để vượt qua đồng lầy kinh rạch chúng cho đóng sẵn 30 chiếc tàu gỗ phía trước có bọc sắt, mỗi chiếc chở được 6 lính pháo thủ. Các tàu này được nghiên-cứu kỹ để thủy-thủ đoàn có thể vác đi theo bộ-binh được, và chỉ trong vài phút họ có thể lập một đầu cầu vững chắc chống mọi sự tấn-công.

Ở phía sau trận tuyến, chiến hạm **Forbin** phong tỏa sông Vàm-cỏ ở cửa Rạch-lá bằng cách thả xà-lúp và một chiếc lorcha chở binh lính và võ-khí tuần-tiễu suốt ngày đêm. Các tàu chiến **Avalanche, Dragonne** và pháo hạm 31 phong tỏa cánh sông mặt bắc Cam-Bốt : tàu **Cosmao**, pháo hạm số 20 và chiếc lorcha **Saint Joseph** với 15 chiếc thuyền phong tỏa phía tây.

Ngày 25 lúc 8 giờ tối, Đô-đốc Bonard ở trên soái-hạm **Ondine**, sau khi quan-sát và chắc dạ mọi người đều sẵn-sàng ở vị-trí của mình, ra lịnh mở cuộc tấn công vào sáng hôm sau. Mặt trời vừa lên thì cuộc tấn công của địch bắt đầu. Khắp mọi nơi quân ta liều chết kháng cự, nhưng than ôi võ-khí thô-sơ, súng thần công chậm-chạp, ngực trần không thể ngăn súng địch nên quân ta đành tháo chạy. Trương-công-Định bại trận nhưng địch quân đã phải trả giá rất đắt : một số bị tử trận và bị thương rất nhiều vì không chịu nổi nắng nóng và bùn lầy nước độc.

Sáng ngày 26, tướng Chaumont cầm đầu một đội quân hoàn-thành cuộc tiến quân xuyên qua Tân-hoà, tiến về miền nam chiếm cứ được đồn lũy sau cùng của nghĩa quân ở Trại cá. (Theo chi-tiết trích trong phúc trình của Đô-đốc Bonard đề ngày 2 tháng 3 năm 1863).

Thời trời đã định. Anh-hùng nghĩa-sĩ bị xô đẩy vào một cuộc đấu tranh tuyệt-vọng đành phải đem xương máu trả nợ núi sông của nhà vua phong-kiến nguyên thời, Tự-Đức không biết nghe theo

lời trực gián của những công-dân thông-minh sáng-suốt, như Nguyễn Trường Tộ, của vị công-thần thức thời vụ như Phan-thanh-Giản, không biết hoà mình với thời thế để duy tân đất nước, như Minh-trị Thiên-hoàng của nước Nhật, sáu tháng công lao xây đồn đắp lũy, luyện binh tuyển tướng của anh hùng Trương-công-Định bị thiêu hủy chỉ trong một ngày. Vì địch quân đông và khí giới tối-tân, lại được bọn đánh giặc mướn Âu-châu hỗ trợ võ khí binh lực mà quân ta với vua quan lạc hậu, chỉ có tinh-thần và xương máu để chống đỡ nên đành để Pháp mở đầu kỷ nguyên đô-hộ.

THUA KEO NÀY TA BÀY KEO KHÁC : SỰ BỀN LÒNG TRANH ĐẤU CỦA TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH VÀ NGHĨA-QUÂN

Quân ta đã bại trận nhưng nhờ chủ tướng đủ tài thao-lược nên chỉ bị thiệt-hại nhẹ. Phần lớn còn lại tháo rút thoát vòng vây đi nhiều ngả, đến tụ họp ở những địa-điểm khác nhau. Một số qua tập họp ở tỉnh Biên-hòa, những tốp khác qua tụ tập trên các hòn đảo sình lầy sầm-uất mọc đầy dừa nước ở giang khẩu Soi-rạp và Đầm-trang, quân kháng-chiến đã rút về trú đóng trên những địa-điểm ít ai biết và khó léo hánh đến. Ở những nơi này nghĩa-quân tiếp-tục liên-lạc với Bình-thuận, và Trương-công-Định không lúc nào ngưng thư tín với các bạn ở triều đình Huế để biết ý định của vua Tự-Đức. Tình hình ngoài Bắc và Trung-kỳ lúc này đang nghiêm trọng bởi các cuộc nổi dậy, quan-trọng nhất là đám của Tạ-văn-Phụng và Cai-tổng Vàng tức Nguyễn-văn-Thịnh, khiến triều-đình phải dốc toàn lực để đánh dẹp và vội-vã ký hòa-ước với Pháp ở Nam-kỳ để rảnh tay đối phó. Và vì đã lỡ ký hòa-ước không thể nhất thời xoá bỏ đi được nên ở trong một tình trạng khó xử khi Trương-công-Định và sĩ dân miền Nam dâng sớ về kinh xin quyết chống Pháp. Mặt khác triều-đình Huế cũng muốn áp dụng biện pháp hoà-bình để giải quyết êm đẹp việc thu hồi ba tỉnh miền Đông, nên phong ông làm lãnh binh tỉnh An-giang và Phan-thanh-Giản được cử vào Nam để yêu cầu ông và dân chúng hạ khí giới. Nhưng ông không chịu nên bị cất chức Bình-Tây Đại Nguyên Soái mà vua Tự-Đức đã bí mật phong cho ông, hầu tránh mọi rắc rối với Pháp, tuy rằng

vẫn ngấm ngầm giúp ông chống Pháp. Soái-phủ Sài-gòn cũng cử Tôn Thọ-Tường đến điều đình với ông để giải binh nhưng ông cũng từ chối và qua một bức thư trả lời, ông giả bộ chần chờ qui thuận viện cớ Tổng-trấn Vĩnh-long bắt ông giao khí giới, nhưng các nghĩa-quân không cho ông đi nhậm chức ở An-giang. Một mặt ông đưa ra một lời hiệu triệu dân chúng và nghĩa-quân tiếp tục chiến đấu, nhất quyết không hiệp tác với quân thù.

BÀI HỊCH CỦA TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH SAU KHI TÂN HÒA THẤT THỦ NĂM 1863

Hỡi Chiến-sĩ !

Hòa ước ký kết bởi Triều đình không làm dịu nỗi thù hận của các bạn đối với quân thù

Đừng vì sự nhường ba tỉnh mà các bạn bỏ cuộc chiến đấu

Hỡi dân chúng !

Công ơn đất nước rất nặng, đừng quên bổn phận thần dân

Hãy tăng cường giúp đỡ bảo vệ nhau, đừng tin lời kẻ thù

Đừng vì Gò công thất thủ mà phải xếp giáp qui hàng

Đừng vì sự di tản ở Bến nghé mà quì gối trước bọn man rợ

To lớn thay sự căm thù của chúng ta, hãy rửa nhục với bất cứ giá nào

Bền vững thay công-trình của chúng ta, đừng đành lòng dẹp bỏ..

Sống trong danh dự, chết trong danh dự, hãy sống và chết sao cho vinh dự tổ quốc

Dù là sĩ-phu bậc nhất mà nhận chức phủ huyện thì chỉ là rác rưởi

Đừng bào chữa cho mình là kẻ hèn mọn mà nhận một nhiệm vụ, một công việc gì thì cũng là nhơ bẩn.

GIAI ĐOẠN TRANH ĐẤU VỚI KẺ NỘI THÙ : ĐỘI TẤN

Sau vụ thất thủ Gò-công, Trương-Công-Định về lập lại căn-cứ ở Lý-nhơn, giữa một hòn đảo đất phù-sa, cây cối và dừa nước dày

đặc phủ kín. Vùng này hoang vu và đầy thú dữ tương tự như Rừng sát, khi nước lớn thì chỉ còn một phần đất nhỏ nhô lên trên mặt nước mà thôi. Ông hy vọng quân Pháp không bén mãng đến được và ông sẽ có thời giờ củng cố lại thực lực.

Nhưng quân Pháp không bao giờ quên Trương-Công-Định, con người đã làm cho chúng quên ăn mất ngủ. Sự an toàn của chế-độ đô-hộ Pháp, đòi hỏi phải trừ diệt cho được người đã thề nguyền chết sống chống xâm lăng. Chúng thấy một cuộc huy động lực-lượng lớn lao như trong trận Gò-công không cần thiết, mà ngược lại, còn tăng sự quan trọng của Trương-Công-Định, nên một mặt chúng giao cho vài sĩ-quan cương quyết của chúng canh chừng ông cần mật và đem binh chinh tiễu cầm chừng để phá nghĩa-quân không cho lúc nào được an nghỉ. Cũng do Việt-gian mật báo, quân Pháp chỉ-huy bởi Thiếu-tá Gougeard và Béhic, kéo đến đột kích ngày 25-9-1863 tịch thu một số súng đạn quan trọng mà ông đã tích trữ được. Nhưng ông trốn thoát được trên một chiếc ghe nguỵ trang len lỏi giữa các vùng sình lầy. Từ lúc ấy ông hoạt động bí mật, xuất hiện bất thần khắp nơi ban linh mang tay hay khẩu lệnh đến mọi đoàn nghĩa-quân mà ông là linh-hồn.

Mặt khác đã đến lúc thực-dân thi hành chánh-sách dùng người Việt chống người Việt được, vì thời-gian trôi qua Nam-triều cứ im lìm trong sự bất lực, dân chúng dần dần bị chiến tranh tàn phá. Lâm vào cảnh nghèo đói tuyệt-vọng, trong khi đó nhiều kẻ chạy về hàng ngũ địch. Những ông Thông, ông Phán, thầy Cai ngất-ngưởng trên uy-quyền và tiền bạc, tối sâm-banh sáng sữa bò khiến nhiều kẻ chạy theo danh lợi thờ phụng chủ mới.

Một trong những kẻ thù Trương-Công-Định là Đội-Tấn tên thật là Huỳnh-Công-Tấn. Vốn là một chiến-sĩ của ông trong hàng ngũ kháng Pháp đầu tiên, hắn bị ông trừng phạt vì phạm kỹ luật. Không ăn-năn Đội-Tấn lại đâm ra thù oán ông, rồi vì cạm bẫy lợi-danh y bỏ hàng ngũ qua đầu quân Pháp vào năm 1862. Tấn phụng sự quân địch rất đắc lực, giúp Thiếu-tá Gougeard diệt-trừ các người chống lại Pháp ở Tân-an và Gò-công. Trong trận đánh chiếm Gò-công hắn được Thiếu-tá hải-quân Guys, cai-quản chiếc thuyền Alarme chú ý vì đã tỏ ra hăng hái và gan dạ.

THÀNH TÍCH CỦA ĐỘI-TẤN

Đội-Tấn quả là một người bạo-dạn và lũng cảm khi trong trận lánh ở Gò-công kỳ hai, chỉ một mình với một thanh gươm, hắn đã cố thủ được một đầu cầu chật hẹp chống lại nghĩa-quân đông-đảo, cho đến khi y bị một gian bắn đá bắn một hòn đá trúng bể đầu gối, vừa quỵ xuống thì được vài Pháp quân đến cứu kịp và chở về chữa trị. Lương-y Pháp muốn cưa chân để cứu mạng cho hắn nhưng hắn không chịu, hắn tự chữa lấy và thời may lành bệnh một cách lạ lùng, để rồi theo đuổi việc phục thù Trương-công-Định.

Vốn hiểu biết tánh tình và thói quen của cựu chủ tướng, Đội-Tấn dự đoán Trương-Công không đi đâu xa hơn là quanh vùng Gò-công, nơi mà bà con thân quyến của ông rất đông, và các gia đình dòng họ Phạm, bà con bên ngoại nhà vua, vừa đông vừa giàu lại có thế lực, giúp ông ẩn náu chắc chắn và tiếp tay một cách trung-thành.

Thời thế biến chuyển có lợi cho nhà cầm quyền Pháp khi Phó Đề-đốc Lagrandière, người thay thế Đô-đốc Bonard, cho thi hành một biện-pháp khiến những kẻ lạc lòng không lập trường lần hồi ngã về theo bọn giặc xâm-lăng. Bấy giờ tại Gò-công vừa trải qua một năm hạn hán, mạ gieo đều bị cháy cả, nhiều làng vì loạn lạc bị cướp giựt, dân chúng đói kém không tiền mua lúa giống làm mùa khác. Đô-đốc Lagrandière cho nông-dân và tá-điền vay mượn với lời hứa hẹn sẽ trả vốn sau mùa gặt hái. Vài hương chức, một mặt cảm động vì được mượn tiền không lãi để làm mùa nuôi sống, phần khác oán hờn quân kháng chiến bắt buộc họ đóng góp để nuôi binh, đã mật báo cho Đội Tấn biết Trương-công-Định về ẩn náu tại Kiểng-phước, nơi « Đám-lá-tối-trời » ở hữu-ngạn sông Soi-rạp.

NGÀY CUỐI CÙNG CỦA VỊ ANH-HÙNG KHÁNG CHIẾN : TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH TRẢ NỢ NÚI SÔNG.

Thì quả thật trong ngôi nhà nhỏ, trên đám đất có cây rậm rạp, chung quanh toàn là lùm nước phủ che, trong một dãy nhà lá lụp-

sụp, Trương-Công đang tạm náu với 25 nghĩa sĩ trung-thành. Đêm 19 rạng 20 tháng 8 năm 1864, Đội Tấn đem quân đến bao vây và trời vừa rựng sáng sương mù chưa tan, liền ồ-ạt tấn-công. Các nghĩa quân của Trương-Công quyết tử cầm chân quân lính khố xanh cho chủ tướng thoát nguy. Trương-Công ở giữa đám bộ hạ thân tín thoát ra khỏi ngôi nhà, vung gươm chặt bay nón của một lính khố xanh và quất ngược gươm lại làm rớt súng của một kẻ thù khác, Trương-Công xách gươm lao mình tới gần vùng buội rậm để tránh né, chỉ còn mấy bước nữa thôi thì rủi thay bị trúng đạn của quân thù nhằm chỗ nhược ngã xuống chết. (Có sách nói bị chém trúng chết, có chỗ nói ông tử-tiết, sách vở không thống nhứt, xin bạn đọc nghiệm xét coi thuyết nào đúng).

Lúc bây giờ ông mới 44 tuổi. Thi hài Trương-Công được chở về tỉnh lỵ đặt tại nhà lồng chợ ba ngày để thị oai. Các vị bô lão thuật lại thấy Trương-Công đầu bịt khăn dầu rìu đỏ, mặc áo song khai nỉ màu xanh đậm, quần trắng bỏ ống vào trong võ hài. Ba ngày sau, Pháp truyền mời phu nhơn là Trần-thị-Sanh tới vỗ về cho lãnh thây về chôn cất. Bữa cất đám, lúc gần động quan, không biết vì phương diện chánh trị để thâu phục nhân tâm trọng vọng võ tướng. Trung-úy Guys bổn thân đem 1.000 quan tiền tới điếu tang và cho một toán lính Pháp Ấn, mang súng đến hầu đưa linh cữu tận huyệt.



Bình-Tây Đại-Tướng-Quân Trương-công-Định chi mộ

Năm 1864 sau khi Trương-công-Định qui thần, mộ nầy làm bằng đá ong và tô hồ ô-dước (lúc bây giờ chưa có Ciment) tới nay trên 100 năm, vẫn còn chắc cứng. Lúc làm mộ trên mộ bia bằng đá trắng Quảng Nam, đề nguyên chức tước của Trương-Công thọ phong : « Đại-Nam Bình-Tây Đại-Tướng Quân, Trương-công-Định chi mộ ». Nơi hai cột trụ trước mộ bia, một đôi liễn kỷ-niệm lòng trung nghĩa của Ngài :

Sơn hà thâu chánh khí
Nhựt nguyệt chiếu đơn tâm

Nghĩa là : Chánh khí của Ngài về với núi sông mãi mãi.

Lòng son của Ngài, hai vừng Nhựt Nguyệt soi sáng bất diệt.

Cụ Đồ-Chiểu trước kia làm cố-vấn cho ông, rất cảm động khi hay tin ông chết và có làm 12 bài thơ điếu Trương-Công như sau :

I

Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò-công nức tiếng đồn ;
Dấu đạn hỡi rêm tàu bạch quỉ,
Hơi gươm thêm rạng thề huỳnh môn ;
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ,
Quả ấn Bình Tây đất vội chôn ;
Nỡ khiến anh-hùng rơi giọt lụy,
Lâm-râm ba chữ điếu trung hồn.

II

Trung-hồn nay đã tách theo thần,
Sáu tỉnh còn roi dấu Tướng-quân ;
Mực rở lãnh binh mờ mắt giặc,
Son bằng thấm nghĩa thấm lòng dân ;
Giúp đời dốc trọn ơn Nam-tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần ;
Ốc ngỡ tướng tinh rày tỏ mặt,
Giúp xong nhà nước buổi gian truân.

III

Gian-truân kể xiết bấy nhiêu lần,
Vì nước đành trao một tấm thân ;
Nghe chốn Lý-nhơn người sảng sốt,
Nhìn còn Đa-phước cảnh bâng-khuâng ;
Bát cơm Kê-lữ chi sờn buổi,
Mảnh áo Mông-nhung chẳng nệ phần ;
Chí dốc ra tay nâng vạc ngã,
Trước sau cho trọn nghĩa quân-thần.

IV

Quân-thần còn gánh nặng hai vai,
Lỡ dở công trình hệ bởi ai ?
Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ,
Một gò cô lũy chống hôm mai,
Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước,
Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài ;
May rủi phải chăng trời cũng biết,
Một tay chống chỏi mấy năm dài.

V

Năm dài những mảng ngóng tin vua,
Nhín nhục thầm toan lẽ đặng thua ;
U, Kế năm hàng còn chỗ đoái,
Ngô Tôn trăm chước đợi ngày đua ;
Bày lòng thần-tử vài hàng sớ,
Giữ mối giang sơn mấy điệu bùa ;
Phải đặng tuổi trời cho mượn số,
Cuộc nầy ngay vạy có phân bua.

VI

Phân bua trời đất biết cho lòng,
Công việc đâu đâu cũng muốn xong,
Cám nỗi nhà nghiêng mong chống cột,
Nài bao bóng xế luống day đồng ;

Đồng nai, Chợ Mỹ lo nhiều phía,
Bến nghé, Sài-gòn kể mấy đông ;
Dẫu biết dụng binh nhờ đất hiểm,
Chẳng đành xa bỏ đất Gò công.

VII

Gò-công binh giáp ngó chàng ràng,
Đoái bắc trông nam luống thở-than ;
Trên trại đồn đàng hoa khóc chủ,
Dưới vàm Bao-ngược sống kêu oan ;
Mây giăng Truông Cóc đường quân vắng,
Trăng xế Gò Rùa tiếng đầu tan ;
Mấy dặm non sông đều xửng-vững,
Nạn dân ách nước dễ ai toan.

VIII

Ai toan cho thấu máy trời sâu,
Sự thế ôi thôi đã lắc đầu ;
Giặc cỏ om-sòm mưa lại nhóm,
Binh sương lác-đác nắng liền thâu ;
Cờ lau đã xếp trên Giồng Cát,
Tiếng sấm còn rền dưới cửa Khâu ;
Cảnh ấy những mơ người ấy lại,
Hội này nào thấy Tướng-quân đâu.

IX

Tướng-quân đâu hỡi ! thấu hay chăng ?
Sáu ải cơ-đồ nửa đề ngăn ;
Cám nỗi kiến ong ra sức dẹp,
Quản bao sâu mọt chịu lời nhăng ;
Đá kêu rêu mọc bia Dương Nghiệp,
Cỏ úa hoa tàn mả Lý-Lăng ;
Thôi vậy thì vầy thôi cũng vậy,
Anh-hùng đến thế dễ ai giằng.

X

Dễ ai giằng thúc lối sau này,
Trời hỡi chưa cho vội đánh Tây ;
Thà buổi sa-trường da ngựa bọc,
Khỏi nơi Đạo-chích tiếng muông rày ;
Lục lâm mấy chặn hoa sầu bạn,
Thủy-hử vì đâu nhạn lẻ bầy ;
Hay vậy cõi Biên dừng vó ký,
Náu nương chờ vận có đâu vầy.

XI

Đâu vầy sấm chớp nổ thình-lình,
Gió hạc thêm buồn mấy đạo binh,
Ngựa trạm xăng-văng miền Bắc khuyết,
Xe nhung ngơ-ngẩn cõi Tây-ninh ;
Bài văn phá Lỗ cờ chưa tế,
Tấm bảng phong-thần gió vội kinh,
Trong cuộc còn nhiều trang Tướng Tá,
Lời nguyền trung-nghĩa há làm thinh.

XII

Làm thinh hồ đứng giữa hai ngôi,
Nếm mật từ đây khó nỗi ngồi ;
Mũi giáo Thi-Toàn đừng để sét,
Lưỡi gươm Dự-Nhượng phải toan dồi ;
Đánh Kim chi sá thằng Lưu-Dự,
Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi ;
Ủng-hộ nước Nam về một mối,
Ngàn năm miếu tặng rạng công tôi.

Mười hai bài thơ của cụ Đồ-Chiểu, nói lên tinh thần thượng võ của Trương-Công, làm cho người Pháp đem lòng kính nể. Ông không lùi trước những sự hiểm nguy, quyết tâm hy sinh phụng-sự cho đất nước trọn nghĩa quân vương, nêu cao khí tiết giống Tiên Rồng bốn ngàn năm lịch sử, thế nhơn đều xưng tụng công nghiệp của người anh hùng muôn thuở.

Cái chết của ông là cái chết vinh diệu cho non sông tổ-quốc.

Sau khi Đội Tấn dẫn lính đánh cứ điểm cuối cùng của ông tại đám lá tối trời, hạ được ông rồi, quan thầy thăng cho Đội Tấn chức Quản để thưởng công, qua mấy năm sau Tấn dẫn Pháp tảo thanh các mật khu của nghĩa-quân tại Đồng Tháp Mười và mấy tỉnh kế cận ở miền Tây, lập được nhiều công trận với chủ, được phong chức lãnh binh do nghị định Thống-đốc Nam-kỳ ngày 5-11-1867.

Từ đấy lãnh binh Huỳnh-Công-Tấn tha hồ làm mưa làm gió, giết chóc lương dân vô tội, sống trên xương máu của người đồng loại, chẳng biết tiếc thương, lịch sử đã chứng minh điều đó.

Con của lãnh binh Tấn là cậu hai Miêng về sau cũng được người Pháp cho hưởng nhiều quyền lợi, chúng tôi sẽ nói giai-thoại của cậu hai Miêng trong phần thứ tư tác phẩm này.

Thế là sự nghiệp kháng chiến của người anh hùng đến đây đã chấm dứt, nhưng lịch sử và lòng người dân Việt muôn đời còn ghi tạc công-đức và tên tuổi của người còn sống mãi với sử xanh.

Mấy năm về sau, nhiều đám kháng-chiến nổi lên chống Pháp người chủ-trương đều là thuộc hạ cũ của Ngài. Pháp giận, tới mộ xem, điều tra hàng chữ ở mộ bia, Thông-dịch viên cắt nghĩa thế nào không rõ mà Pháp sai lính tới bắm nát hàng chữ ấy, đòi Phu-nhơn tới tra hạch, Pháp vẫn biết Phu-nhơn tên Trần-thị-Sanh vốn là chị em cô cậu với Đức Thái-hậu Từ-Dũ, nên lấy lẽ khuyến dụ dọ hỏi tông-tích của tỉ-tướng Trương-công còn ẩn núp hầu lùng bắt. Phu nhơn nói không biết. Rốt cuộc, cuộc thẩm-vấn không đem lại hiệu quả, Pháp phạt vạ 10.000 quan tiền kẽm, bằng 10 lần số tiền của Trung-Úy Guys đi điếu lúc trước. Chúng cho rằng từ năm 1862, Nam-triều về Pháp giao-hảo lập hòa-ước rồi ngày 5 tháng 6 năm 1862 thì lẽ nào vua Tự-Đức chống Pháp mà phong chức Bình-Tây cho Trương-công. Ấy chẳng qua Trương-công thừa cơ hội, tạo ra để cầm đầu quân phiến-loạn, giả vờ chống Pháp, bốc lột nhơn-dân, khuấy rối cuộc trị an của Pháp sắp đặt.

Lòng nghi kỵ tư thù ích kỷ của Pháp quân, chúng bèn ra chỉ thị cấm nhặt dân chúng Gò công không đặng bén mảng đến mộ Trương-công-Định trong thời kỳ chúng còn đặt nền thống trị ở đây.

GÒ CÔNG DƯỚI CHẾ ĐỘ TÂN TRÀO

Người Pháp xâm-chiếm Gò-công từ năm 1861 nhưng chỉ hoàn-toàn làm chủ huyện Tân-hòa vào năm Giáp-Tý 1864 sau khi hạ được vị anh hùng Trương-Công-Định.

Nước non đổi chủ, cảnh vật điêu tàn, lòng người giao động, ai ai cũng ngậm ngùi cho là số trời đã định, chấm dứt cơ-nghiệp chúa Nguyễn trong Nam. Kể từ đây dân tộc miền Nam Việt-Nam sống dưới một chế-độ mới của chánh-phủ tân trào.

Để xóa bỏ dấu vết của Nam-triều, người Pháp bèn đổi huyện Tân-hòa thành Tham-biện Gò-công, đặt các cơ-sở hành-chánh theo hệ-thống Pháp : có Tòa-bố, để một vị Tham-biện coi giữ toàn tỉnh và lập ra Tòa-án, nhà Bưu-chánh, sở Quan-thuế, Đề-lao, sở Ngân-khố và thiết lập chiếu theo Hòa-ước mùng 5-6-1862 giao cho Pháp, ngoài đảo Côn-nôn, ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ (Biên-hòa, Gia-định, Định-tường). Nhưng hòa-ước này phải trì hoãn vì Hoàng-đế Việt-Nam không đành lòng giao nhượng vùng đất quê Ngoại cho ngoại bang, nơi đây có nhiều di-tích kỷ-niệm thân yêu liên hệ đến danh-dự nhà vua. Nhưng rồi Nam-triều yếu thế đành nhượng bộ, bằng lòng giao toàn xứ Gò-công cho người Pháp cai-trị.

Pháp quân đã chiếm xong ba tỉnh miền Đông trong đó có Gò-công. Qua năm 1867, lòng tham không ngừng, quân xâm lăng không ngần ngại kéo binh bằng đường thủy từ Định-tường xuống chiếm thành Long-hồ tức là Vĩnh-long ngày nay, rồi chiếm An-giang, Hà-tiên cũng trong một tuần đều bị thất thủ, nuốt trọn 6 tỉnh Nam-kỳ. Người pháp tổ-chức guồng máy hành-chánh, sắp xếp việc trị an trong 6 tỉnh, gồm có 27 sở Tham-biện. Riêng về châu thành Gò-công gồm có huyện Tân-hòa nằm trong tỉnh Saigòn mà chúng tôi đã trình bày ở đoạn trước.

Sau đó, năm 1868, và mấy năm sau, các sở Tham-biện được sửa đổi khi thêm khi bớt không chừng. Trừ ra Tham-biện Gò-công vẫn còn được tồn tại cho đến năm 1899, sau đó do nghị-định Soái-Phủ Sàigòn, ngày 20-12, bãi bỏ chữ Tham-biện (Inspection) và gọi là tỉnh (Province). Trong việc cai trị đầu tiên, người Pháp rất chú-trọng về văn-hóa Tây-phương : việc dạy chữ Pháp và chữ quốc-ngữ, cần được phổ-biến sâu rộng, giáo-viên thì tuyển những người có đạo Thiên-Chúa biết chữ Pháp hay quốc-ngữ sung vào. Còn về hành-chánh thì để y theo chế độ làng cũ, thư từ trát lục bằng chữ quốc-ngữ hoặc chữ Hán, chữ Pháp thì có thông-ngôn, chữ Hán có kinh lịch phiên dịch. Các quan Tham-Biện trấn nhậm đều là quan võ cấp bậc trung úy.

Một thời gian sau, chánh-phủ tân trào mở mang thành phố, bắt cầu, xẻ đường làm trục giao thông từ làng này qua làng kia để dễ bề lưu thông tuần-tiễu. Ban đêm thành phố tối om, dọc theo những con đường chánh có những cột trụ đèn lồng đốt bằng dầu lửa lờ mờ ít bóng người qua lại, chỉ có những chú lính mả tà đi canh gác.

Năm Kỷ-Tỵ 1869, người Pháp bắt đầu khai con kinh chợ Giồng, năm Canh-Ngọ 1870 khai kinh Cửa Khẩu để tiện việc lưu-thông cho sự mua bán. Gò-công trước kia chỉ có hai làng, phía Bắc sông Thuận-tắc, phía Nam là Thuận-ngãi, nay được nhập lại làm thị-xã mang tên là thành-phố Gò-công. Về sự xê dịch, dân chúng trong thời ấy muốn ra chợ phần nhiều đều đi ghe xuồng theo kinh rạch, hoặc đi bộ chỉ có một ít cỗ xe ngựa xưa chuyên chở hành khách, những cỗ xe cũ-kỹ này gợi lại những hình ảnh của thời xa xưa.

Từ đây dân chúng thấy trong tỉnh được bình yên không còn cảnh chiến-tranh bắn phá như trước nữa, nên lần lượt kéo đến để sanh cơ lập nghiệp dưới sự che chở của chế độ tân trào.

Nhà cầm quyền địa-phương áp dụng một chánh-trị khôn ngoan, với nhiều thủ-đoạn cốt mua chuộc lòng dân chúng, cho tha hồ cờ bạc, hút sách, rượu chè, đờn ca xướng hát, tứ đổ tường bốn cửa mở rộng khiến dân chúng vui chơi thỏa-thích, không còn nghĩ gì đến sự chống đối phá rối cuộc trị an nữa. Không bao lâu tỉnh trở nên sung túc và náo-nhiệt. Bấy giờ người Pháp mới lần lần lập ra, và

thâu các sắc thuế, như thế thân, thuế thổ-điền, thổ-trạch, thủy-lợi, thuế ghe. Còn mua bán đều có môn-bài tùy theo lớn nhỏ, gia súc như trâu bò cũng đều có bài chỉ, được kiểm soát rất chặt chẽ, chợ búa mua bán mỗi ngày đều có người góp, v.v...

Bên trong chúng tổ-chức mật thám theo dõi hành-động của dân chúng trong làng, tìm kiếm những người trước kia có dính líu vào việc chống Pháp, hoặc thân-nhân Cần-vương nghĩa-sĩ, tay chơn bộ hạ của Trương-Công-Định còn ngấm ngầm chống đối. Những người này bị chúng rất để ý, phái bọn tay sai đắc lực đi rình rập những nơi tụ họp khả nghi, rồi về báo-cáo liệt vào sổ bìa đen. Mỗi khi trong tỉnh có xảy ra việc gì, hoặc có hành động phá rối trị an, thì mấy người này bị đòi hỏi điều-tra lý-lịch hoặc bị bắt giam cầm, hoặc bị đày ra côn đảo hoặc xa hơn nữa.

Những nhà ái-quốc chân-thành, sĩ-phu trong tỉnh thấy thủ-đoạn gian-ngoa của chúng cai-trị bằng lối giả nhân giả nghĩa, đưa dân-tộc đến chỗ tồi phong bại tục, làm cho người dân lãng quên nước non mình bị trị. Những thú vui cạm bẫy của chúng bày ra thật là một chánh sách ngu dân để dễ bề sai khiến và bốc lột.

Đứng trước cảnh quốc phá gia vong, kẻ nặng lòng non nước, thấy vậy không thể ngồi yên, coi đó là một điều sỉ-nhục quốc thể Nam-triều phản lại tinh-thần truyền-thống dân-tộc, cực-lực vận-động cuộc kháng-chiến trường kỳ liên tục cho đến ngày hôm nay.

Dân-tộc Việt-Nam đã nếm khá nhiều bài học chánh-sách xâm-lược của ngoại bang bằng đầu môi chót lưỡi, một bàn tay bọc nhung bên ngoài ve vuốt an-ủi những người theo chúng, ban cho áo mão cân đai, quyền hành để ngồi trên đầu trên cổ của đám dân đen chất-phác.

Chúng mượn tay người Việt để cai trị người Việt, đặt ra chế độ làng tổng, kiểm tra dân chúng từng khu vực.

Theo sự sưu tầm của chúng tôi, Gò-công dưới thời Pháp thuộc có một đềm đặc-biệt hơn các tỉnh khác là không có Quận.

DƯỚI THỜI PHÁP GÒ-CÔNG CÓ 5 TỔNG

Hương-chức hội-tề làm việc thẳng với Chánh tham-biện ; vì vậy thời ấy quyền hành của hương-chức hội-tề rất lớn.

Dưới thời Pháp Gò-Công gồm có những tổng và làng dưới đây:

1.— Tổng Hòa-đồng-hạ : Gồm những làng,

1) Bình-luông-đông (nay đổi là Bình-long)
2) Bình-luông-tây (đổi lại là Bình-long)
3) Bình-luông-trung (đổi lại Bình-tân).
4) Long-hựu
5) Long-thạnh (đổi lại Bình-Long, 2 làng nhập lại)
6) Phú-thạnh-đông (cù-lao)
7) Tân-cương (đổi lại Bình-Tân).
8) Tân-thới (cù-lao)

2.— Tổng Hòa-đồng-thượng :

1) Bình-phú-đông
2) Bình-phục-nhì
3) Bình-phú-tây (đổi lại Vĩnh-bình)
4) Đồng-sơn
5) Bình-công
6) Bình-thành (đổi là Thành-công)
7) Thạnh-nhựt

3.— Tổng Hoà-lạc-hạ :

1) Bình-an
2) Dương-phước (đổi lại Phước-trung)
3) Tân-duân-trung (đổi lại Phước-trung 2 xã sáp nhập)
4) Tân-bình-điền
5) Tân-duân-đông (đổi lại An-hoà)
6) Hoà-nghị (đổi lại An-hoà) 2 tỉnh sáp nhập)
7) Tân-thành
8) Kiểng-phước (đổi lại Vàm-láng)
9) Tân-hoà
10) Thành-phố Gò-công khi xưa nay đổi lại Long-thuận.

4.— Tổng Hoà-lạc-thượng :

1) Bình-thạnh-đông
2) Tân-niên-đông (Giồng Sơn-Qui)
3) Bình-xuân
4) Tân-niên-tây
5) Tân-niên-trung
6) Gia-thuận
7) Tân-phước

Thời-gian sau cắt ra Hoà-đồng-thượng và Hoà-đồng-hạ, lấy khúc giữa thêm 1 tổng nữa là Hoà-đồng-trung.

5.— Tổng Hoà-đồng-trung :

1) Xưa Bình-công (đổi lại Thành-công)
2) Xưa Long-chánh (đổi lại Long-thuận)
3) Vĩnh-hữu (do Nghị-định ngày 6-1-1916 của Thống-đốc Nam-kỳ chia ra 2 xã trong đó có Vĩnh-viễn).
4) Vĩnh-viễn
5) Xưa Vĩnh-lợi (đổi lại Vĩnh-bình)
6) Vĩnh-thạnh (đổi lại Thạnh-Trị)
7) Xưa Vĩnh-trị (đổi lại Thành-trị)
8) Yên-luông-đông (đổi lại Yên-luông)
9) Yên-luông-tây (đổi lại Yên-luông)

(Tài-liệu của Tổng-Nha Điền-Địa)

BAN HỘI-TỀ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Trong guồng máy hành-chánh tỉnh từ trên tới dưới người Pháp đã sắp đặt xong việc làng tổng, chiếu theo Nghị-định ngày 15-2-1898 và kế tiếp Nghị-định 16 9-1920 và 6-1-1927 ấn định chánh tổng đại-diện dân-sự tiếp-xúc với nhà chức-trách Pháp trong tỉnh, với nhiệm vụ coi trật tự an-ninh trong tỉnh :

— Chăm nom việc cử đặt chức việc làng cho đứng đắn.
— Kiểm-soát việc lập bộ thuế và tổ-chức việc thâu thuế.
— Thanh-tra các trường sơ-học.
— Trừng-trị mạo hóa.

Chánh tổng có nhiều quyền hành cũng như các quan chủ quận, ở tỉnh thi hành phận sự tư-pháp và phụ-tá biện-lý.

Chúng tôi xin nói qua vài nét về chế-độ xưa trong việc cai-trị Hương-đẳng. Do Nghị-định ngày 30-10-1927, chánh phủ Pháp tổ chức lại thôn xã Nam-kỳ và đặt một hội «Hương-chức» gọi là «Ban Hội-tề», gồm có những hương-chức sau đây, kể theo đẳng cấp :

Hương cả hay là Đại Hương Cả	Nghị-trưởng
Hương chủ	Phó Nghị-trưởng
Hương sư	Nghị-viên
Hương trưởng	-nt-
Hương chánh	-nt-
Hương giáo	-nt-
Hương quản	-nt-
Hương bộ hay Thủ bộ	-nt-
Hương thân	-nt-
Xã trưởng hay là thôn trưởng	-nt-
Hương bào	-nt-
Chánh lục bộ	-nt-

Hương chức được chọn trong mấy người điền chủ trong làng, mấy người dân làng giàu có hơn hết, mấy viên chức hồi-hưu hoặc tư chức thuộc các ngạch thượng đẳng cùng trung đẳng, mấy người lính tập hồi hưu hay là mãn khóa, ít nhứt là được chức đội (sergent) và mấy người ấy phải có đứng bộ đinh trong làng.

Theo nguyên-tắc thì chẳng ai vào đặng bàn Hội-tề, nếu chưa từng ở trong ấy. Muốn đặng cử làm hương-hào thì phải có ít nữa là 24 tuổi, biết đọc và biết viết.

Nhưng mà mấy viên chức hồi hưu và lính tập nói trên đây đều được chuẩn-miễn, khỏi phải ở chức dưới rồi mới lên đặng chức trên.

Mỗi hương-chức giữ việc trong mỗi chức ít nữa là 2 năm mới đặng qua chức khác.

Mỗi năm vào tháng chạp dương lịch, ban hội-tề nhóm họp để lập ban hội-tề năm mới, các hương chức hoặc là giới-thiệu người mới vào ban hội-tề, hoặc là tự cử nhau để sang chức khác.

TRÁCH NHIỆM

Trách-nhiệm của mỗi hương-chức được ấn định, nhưng trong thực-tế chỉ có mấy hương-chức sau đây là thật sự làm việc :

Hương cả
Hương bộ
Hương quản
Hương thân
Xã trưởng
Hương hào
và Chánh lục bộ.

— Hương cả, hay Hương chủ, giữ công nho làng và thay mặt thôn xã đối với nhà chức-trách hàng tỉnh.

— Hương bộ hay là thủ-bộ gìn-giữ các thứ bộ, địa bộ và giấy tờ sổ sách của các làng, giữ sổ tiền biên thâu xuất và coi sóc bàn ghế và vật-liệu của làng.

— Hương quản đảm nhiệm cảnh-sát chánh-trị và đề hình trong làng, là người phụ-tá của biện-lý, truy tầm những tội tiểu-hình và đại hình. Tuần thủ các đường trên bộ và dưới sông, giữ gìn an-ninh.

— Hương-thân là người đứng đầu trong ba viên chức hành sự lại lãnh riêng phần giao tiếp giữa chánh-trị và đề-hình với ban Hội-tề.

— Xã-trưởng hay là thôn-trưởng giữ mộc làng cùng ký tờ trát của chánh-phủ và riêng lo việc thâu thuế mà nạp vào ngân-khố.

— Hương hào lo việc tuần phòng trong làng, lãnh chức trưởng tòa, nghĩa là việc truyền rao trát Tòa-án cùng là những giấy đòi các sắc thuế cho ngân-sách đông-pháp.

— Hương thân, xã trưởng và hương hào là ba viên chức hành sự, tu bổ các sổ thuế, thị chứng văn khế, kiểm soát sơn-lâm.

Lại phải phụ-tá hương quản về việc cảnh-sát chánh-trị và đề-hình, hiệp nhau thi hành lịnh phát mãi y theo án tòa.

— Chánh lục bộ riêng một mình hay là có phó lục bộ phụ-tá, coi giữ các bộ đời, sanh, tử, hôn-thú trong làng. Có phận-sự phúc-trình với thượng-cấp hay biết hết thảy các bịnh truyền-nhiễm của người hay của súc vật phát ra trong làng.

Ban Hội-tề có quyền cho mướn tài-sản của làng, như công-điền công thổ, bổn thôn điền, bổn thôn thổ, trong một thời hạn 3, 6, hay 9 năm.

Những khế ước ấy, phải được chánh tham biện phê chuẩn mới thi-hành và những khế ước, mà kỳ hạn quá 3 năm, phải đệ trình lên Thống-đốc xét trước « Hội nghị tư » (Conseil Privé).

Khi có việc cần đến hương chức thì chánh tham biện gởi trát về làng, quan chánh án đòi hương chức thì phải chỉ riêng đích danh từ người.

Các ty, các sở trong tỉnh có cần dùng hương chức thì phải xin cùng chủ tỉnh. Hương-chức có trách nhiệm chung về việc thâu thuế, điền lính, việc phá hoại các đường giao-thông, đê đập, bộng cống, ống dẫn nước, v.v...

Chúng tôi đã trình bày qua guồng máy hành-chánh của thực-dân Pháp trên đất nước Việt-Nam nói chung, tỉnh Gò-công nói riêng mà sự tổ chức y như các tỉnh khác. Trên 80 năm bị mất chủ-quyền người dân Việt mang nặng trong lòng mối căm thù, chờ cơ-hội đứng lên mở ách bứt xiềng. Đất nước Việt-Nam phải về tay người Việt-Nam làm chủ, có như vậy mới đúng với luật tuần hườn của trời đất xoay chuyển, chuyển xoay.

Bánh xe lịch-sử chuyển quay. Ngày 9-3-1945, chánh-phủ Pháp tại Đông-dương bị quân đội Nhựt lật đổ, đồng bào toàn quốc cũng như dân chúng Gò-công reo mừng. Từ đây dân chúng thở một không khí nhẹ nhàng thoát khỏi ách ngoại bang. Một trang sử mới lật qua,

VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ GÒ-CÔNG DƯỚI PHONG TRÀO 1944 – 1945

Năm 1944, quân đội Phù-tang đóng tại Đông-dương để hiệp lực với nhà cầm quyền Pháp bảo vệ xứ này, chống lại quân-đội Đồng-minh, Anh, Mỹ, Hoa.

Các tỉnh trong miền Nam lúc bấy giờ đều có dấu chân của quân đội Nhựt đến, tại Gò-công chúng xuống đóng giữ các chỗ trọng yếu, như bãi Tân-thành, Vàm-láng, Cửa Tiểu, những chỗ này có thể Đồng-minh đổ bộ đánh Sàigòn nên phải phòng thủ. Đầu tiên chúng mượn cuộc đất kế kho bạc làm căn-cứ bộ chỉ-huy, ngoài ra người Nhựt không can-thiệp gì đến vấn-đề nội bộ của Pháp. Lúc ấy tỉnh Gò-công chỉ có hai viên chức người Pháp là Chánh-tham-biện Ropion và viên cò Lefort còn bao nhiêu công chức là người Việt.

Ngày 9-3-1945 quân đội Nhựt đứng ra đảo chánh lật đổ chủ-quyền người Pháp, và trên giang sơn Việt-Nam lại thấy quan Nhựt thay thế quan Pháp trong những địa vị cao-cấp : Toàn-quyền, Khâm-sứ, Thống-đốc, Đô-trưởng v. v...

Còn riêng về các tỉnh thì Tỉnh-trưởng người Việt lên thay thế, tại tỉnh Gò-công lúc bấy giờ ông phủ Nguyễn-văn-Hải thay Chánh-tham-biện Ropion do sự thoả thuận của chánh-quyền ở Sàigòn.

Năm tháng sau, Nhựt bị hai trái bom nguyên-tử của Mỹ phá tan hai thành phố Hiroshima (Quảng-đảo) và Nagasaki (Trường-kỳ) ngày 9-8-1945, bắt buộc Nhựt-Bổn đầu hàng Đồng-minh vô điều-kiện ngày 14-8-1945.

Nhơn đó Việt-Nam cũng thoát khỏi vòng cai trị của Nhựt, và ngày 14-8-1945, cựu-hoàng Bảo-Đại ban chiếu tuyên-bố hủy bỏ hết những hiệp-ước bất bình-đẳng mà nước Pháp bắt ép triều-đình Việt Nam ký ngày 5-6-1862 và ngày 15-3-1874 nhượng Nam-kỳ cho Pháp làm thuộc địa.

Thế thì từ ngày 14-8-1945, theo dụ số 108, Bảo-Đại chuẩn cho ông Nguyễn-văn-Sâm sung chức Khâm-sai Nam-bộ (Nam kỳ lúc ấy được đổi tên là Nam-bộ).

Tình thế biến chuyển quá mau lẹ.

Ngày 19-8-1945, mặt trận Việt-Nam độc-lập Đồng-minh, gọi tắt là Việt-Minh biểu tình đòi chánh-quyền Hà-nội và các tỉnh trong nước.

Bảo-Đại thoái vị ngày 25-8-1945 và cũng từ ngày ấy Việt-Minh đoạt lấy quyền bính.

Ở Saigon, Nguyễn-Văn-Sâm từ chức, các tỉnh lúc bấy giờ sống dưới chế-độ mới. Trần-Văn-Giàu kế tiếp Phạm-Văn-Bạch làm Chủ-tịch «Lâm Ủy Hành-chánh» tức là Ủy-Ban hành-chánh lâm thời Nam-bộ.

Các tỉnh miền Nam lúc bấy giờ lần lượt đổi tên khác, Gò-công đổi tỉnh Trương-Công-Định, Định-tường : Thủ-khoa-Huân. Bến-tre : Nguyễn-đình-Chiểu, v.v...

Thừa cơ hội ấy, dân chúng Gò-công kéo đến đập phá triệt hạ đài Huỳnh-công-Tấn và đồng thời dựng đài Trương-Công-Định lên thay thế.

NAM KỲ TỰ TRỊ

Ngày 23-9-1945, quân đội Pháp theo chân quân đội Anh, Ấn đến giải giới quân đội Nhựt tại Nam-bộ và chiếm lại xứ này Đại-tá Cédille được làm Ủy-viên cộng-hòa tại Nam-bộ (Commisaire de la République).

Bộ máy hành-chánh Nam-phần do người Pháp gián-tiếp điều-khiển, có tỉnh thì được những công-chức người Nam làm tỉnh-trưởng, có tỉnh do người Pháp trở lại cai-trị.

Khi quân-đội Pháp trở lại chiếm tỉnh Gò-công với chiếc Richelieu và một số lính thủy quân lục chiến đổ bộ bên Cầu-nổi. Họ gặp phải sự kháng cự của đối phương kéo dài ba ngày mà vô châu thành chưa được, phải kêu thêm viện binh mới đổ bộ và vào thành phố được, Đầu tiên chúng đặt bộ chỉ huy tại nhà Ông Huyện-Hải, đường Phạm-đăng-Hưng ngày nay, và đồng thời đem Ông Thái-lập-Thành xuống làm tỉnh-trưởng.

Kịp đến ngày 1-6-1946, chánh-phủ Nam-kỳ tự trị ra đời, với Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thinh làm thủ-tướng ngày 10 11-1946 và tự vận sau đó. Đồng bào đều ngầm hiểu lý-do nào đã đưa đến sự tự vận của ông. Thiếu-tướng Nguyễn-Văn-Xuân Phó Thủ-tướng, lại nắm quyền chức Thủ-tướng từ ngày 15-11-1946 đến ngày 6-12-1946 là ngày Bác-sĩ Lê-văn-Hoạch đắc cử Thủ-tướng Nam-kỳ quốc và giữ địa vị ấy đến ngày 29-9-1947 mới từ chức.

Kể từ năm 1945 đến nay miền Nam Việt-Nam trải qua lắm lần

thay ngôi đổi chủ, từ Bảo-Đại, Nguyễn-Văn Xuân, Lê-Văn-Hoạch, Trần-Văn-Hữu, Nguyễn-văn-Tâm, Bửu-Lộc, v.v...

Mãi đến khi chánh-thể Việt Nam Cộng-hòa ra đời, chí sĩ Ngô-đình-Diệm lên chấp chánh quyền Tổng-thống. Trong chín năm, ông thay đổi hẳn bộ máy hành-chánh : nhiều tỉnh như Châu-đốc Bạc-liêu, Sa-déc, Vũng-tàu đổi lại thành Quận. Gò-công cũng chịu số phận ấy từ năm 1956. Đến năm 1963 lại trở thành quận của tỉnh Định-tường.

Trước khi thực hiện, Tổng-thống Ngô-đình-Diệm xuống viếng Gò-công để giải thích sự thay đổi cho đồng bào dân chúng ở đây nghe, nhưng không mấy ai hài lòng

Những cuộc đổi thay danh từ và ranh giới ấy tóm lại đều do một ý định thủ tiêu tàn tích của thời kỳ thực-dân đô-hộ. Dụng ý ấy dẫu có hay nhưng vì không nghiên cứu kỹ nên chỉ nhằm mục-đích tuyên truyền chánh-trị hơn là nghĩ đến sự thiệt hại đến quyền lợi của dân chúng.

Chánh-phủ Diệm đã động phạm đến luật tự nhiên và đã gặp phải sự phản ứng của dân chúng tỉnh Gò-công gởi thơ phản kháng kịch liệt.

Luật nhơn quả trả vay không sao tránh khỏi. Trong 9 năm chấp chánh ông đã đưa dân tộc đến đâu ? Có năm được lòng dân không ?

Nếu được sự ủng-hộ của đồng bào dân chúng và quân đội thì đâu có xảy ra cuộc đảo-chánh ngày 1-11-1963 khiến ông bị quân-đội lật đổ do tướng Dương văn-Minh cầm đầu.

Từ năm 1945 đến nay đất nước này gặp lắm cảnh thăng-trầm, máu đã đổ rất nhiều, nhà tan cửa nát, dân chúng điêu linh, kẻ ra đi người ở lại, có biết bao đứa con thân yêu của tổ-quốc ngã gục trên chiến-trường để bảo-vệ quê-hương và chủ-nghĩa.

Kẻ chép sử như chúng tôi đứng trên lập-trường vô-tư lấy làm đau buồn tủi-nhục cho vận nước ngửa nghiêng, lòng người ly tán.

Đứng trước khúc quanh của lịch-sử biện đại, hoàn cảnh không cho phép chúng tôi tường thuật mọi chi tiết xảy ra trên đất Gò trong tác phẩm này vì còn quá sớm.

Tuy nhiên chúng tôi cũng sưu-tầm được nhiều tài-liệu lịch-sử từ năm 1945 trở lại đây nhưng chưa thể công bố được, xin quý bạn đọc niệm tình thông cảm cho.

Ước mong một khi đất nước trở lại thanh-bình, chúng tôi sẽ tiếp tục ghi lại những gì còn thiếu sót.

DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH TRƯỞNG VÀ QUẬN-TRƯỞNG GÒ-CÔNG DƯỚI THỜI NAM-KỲ TỰ-TRỊ VÀ VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

— Thái-lập-Thành	Tỉnh-Trưởng
— Trần-văn-Thạnh	—
— Huỳnh-văn-Sửu	—
— Trần-văn-Kỷ	—
— Trần-văn-Trực	—
— Nguyễn-văn-Kiên	—
— Nguyễn-Hữu-Kiết	—

TỪ NĂM 1956 ĐẾN 1963 GÒ-CÔNG LẠI TRỞ THÀNH QUẬN CỦA TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

— Dương-văn-Các	Quận-Trưởng
— Nguyễn-văn-Vi	—
— Đại-úy Nguyên	—
— Đại-úy Chấn	—
— Thiếu-tá-Tuệ	—

NĂM 1963 ĐẾN THÁNG 4-1965 LẠI ĐƯỢC TRỞ THÀNH TỈNH

— Nguyễn-Viết-Thanh	Trung-tá Tỉnh-trưởng
— Trần-Thanh-Xuân	Thiếu-tá Tỉnh-trưởng
— Lê-Văn-Tư	Đại-tá Tỉnh-trưởng
— Nguyễn-Tất-Thịnh	Đại-tá Tỉnh-trưởng

GÒ-CÔNG ĐỊA-LÝ

— Gồm các trục giao-thông

— Tổng kết dân số 4 Quận

ĐỊA-LÝ

VỊ-TRÍ — ĐỊA-GIỚI — DIỆN-TÍCH

Tỉnh Gò-công nằm về phía Đông-nam Sài-gòn và thuộc miền Tây Nam-phần Việt-Nam, cách Sài-gòn 45 cây số đường chim bay. đường bộ 58 cây số.

Bắc giáp tỉnh Long-an

Nam giáp tỉnh Kiến-hòa

Tây giáp tỉnh Định-tường

Đông giáp biển Nam-hải.

Kể đến nay (1969) chúng tôi được biết Gò-Công gồm tất cả là bốn Quận. Vị trí các Quận lỵ nằm theo ranh giới trong tỉnh dưới đây :

1.— Quận Hòa-lạc.— Gồm có 9 xã :

An-hòa, Bình-ân, Long-thuận, Phước-trung, Tân-bình-điền, Tăng-Hòa, Tân-thành, Bình-tân, Yên-luông.
Quận-lỵ đặt tại Tăng-hòa.

2.— Quận Tân-hòa.— Gồm có 9 xã :

Bình-thạnh-đông, Bình-xuân, Gia-thuận, Kiểng-phước, Tân-niên-đông, Tân-niên-tây, Tân-niên-trung, Tân-phước và Thành-công.
Quận-lỵ đặt tại Tân-niên-tây,

3.— Quận Hòa-đồng.— Gồm có 8 xã :

Bình-phú-đông, Bình-phục-nhì, Đồng-sơn, Thạnh-nhựt, Thạnh-trị, Vĩnh-bình, Vĩnh-hựu và Vĩnh-viễn.
Quận-lỵ đặt tại Vĩnh-bình.

4.— Quận Hòa-bình.— Gồm có 5 xã :

Bình-long, Bình-luông-đông, Long-hựu, Phú-thạnh-đông, và Tân-thới.

Quận-lỵ đặt tại Bình-luông-đông.

Ranh giới Tỉnh Gò-công là những ranh giới thiên-niên :

Bắc là sông Vàm-cỏ

Nam là sông Cửa-đại

Đông là biển Nam-hải

Tây là một phần sông Cửa Tiểu, một phần của sông Tra và địa-giới.

B.— DIỆN-TÍCH :

Tỉnh Gò-công có một diện-tích là 54.317 mẫu 86 sào 27 thước vuông, chia ra như sau :

1.— Quận Hòa-lạc : Diện-tích 15.107 mẫu 05 sào 73 thước vuông

2.— Quận Hòa-tân : Diện-tích 15 376 mẫu 12 sào 66 thước vuông

3.— Quận Hòa-đồng : Diện-tích 11.752 mẫu 59 sào 70 thước vuông

4.— Quận Hòa-bình : Diện-tích 12.082 mẫu 08 sào 18 thước vuông

II.— ĐỊA CHẤT :

Đất Gò-công phần nhiều gồm có đất sét pha cát hay với cây cỏ mục. Đồng bằng Gò-công thuộc về vùng đất phù-sa cũ, chia ra làm 2 loại : — Đất nặng.

— Đất nhẹ (khó giữ nước).

Trước kia đất Gò-công rất phì-nhiêu, nhưng vì cày cấy lâu đời, nên 2 loại đất này thường thiếu chất đạm và chất lân-tinh, này không còn mầu mỡ như trước nữa.

III.— NÚI ĐỒI :

Gò-công không có núi đồi. Nhưng rải-rác trong nội-địa Gò-công có những giồng cát rất mầu mỡ, rất thích hợp với việc trồng rau cải.

Gò-công là một bình-nguyên rộng lớn, kết thành bởi đất phù-sa của hai dòng sông Cửu-long và Đồng-nai, rất thích-hợp cho công việc canh-nông. Trung bình mặt đất cao hơn mặt biển 3 thước.

IV.— SÔNG NGÒI, BỜ BIỂN

A.— Sông ngòi :

1.— Sông Soi-rạp : Nằm về phía Đông-bắc tỉnh Gò-công là ranh giới thiên-nhiên giữa Gò-công và Biên-hòa (rộng lối 3.750 thước là một trong những cửa của sông Đồng-nai),

2.— Sông Vàm-cỏ : Nằm về phía Bắc tỉnh Gò-công là ranh giới thiên-nhiên giữa Gò-công và Long-an. Người trong vùng thường gọi là sông Bao-ngược, sông này đổ ra sông Soi-rạp rộng lối 1.000 thước.

3.— Sông Cửa-Tiểu : Sông này là một trong 9 cửa của sông Cửu-long, ở về phía Bắc sông Cửa-Đại, chảy ra biển Nam-hải, có nhiều tàu lớn qua lại, dài 34.000, thước, rộng từ 800 đến 1.000 thước, lòng sông sâu.

Các phụ-lưu gồm có :

1.— Hữu-ngạn chảy vào các xã :

a.— Phú-Thạnh-Đông :

— Rạch Cạn — Rạch Nò — Rạch Ô-Kim
— Rạch Bà-Lắm — Rạch Bần-Bọng — Rạch Bà-Tài
— Sông-Mã — Rạch Quẹo — Rạch Tán-Dù

b.— Tân-Thới :

— Rạch Kinh-nhiếm (ranh hai xã Phú-thạnh-đông và Tân-thới).
— Rạch Lý Quàn Trên
— Rạch Lồ-Ồ
— Rạch Vọp
— Rạch Dứa.

2.— Tả-ngạn :

— Rạch Gà (ranh hai xã Bình-luông-Đông và Phước-trung)
— Rạch Sáu-Thoàn
- Rạch Vàm-rồng

4.— Sông Cửa Đại : là một trong 9 cửa sông Cửu long, chảy

ra biển Nam-hải, chạy dọc theo phía Nam của quận Hoà-đồng và quận Hoà-Bình, dài 30 cây số, rộng từ 2 000 đến 2.500 thước. Lòng sông phân ranh hai tỉnh Gò-công và Kiến-hòa có nhiều cồn lớn và nhỏ về phía cù-lao Lợi-quan, như cồn Thầy Thiện, cù-lao Cậu, cù-lao Cô và cù-lao Bà Nở. Ngoài ra còn có nhiều cồn ngầm dưới mặt sông.

Những phụ-lưu bên tả chảy vào địa-phận xã Phú-thạnh-đông, gồm có :

— Rạch Bà Từ — Rạch Thôn-Sâm — Rạch Gảnh — Rạch Lý-quàn-Dưới — Rạch Cả Thu — Rạch Mương — Rạch Bãi-Bùng — Rạch Kinh Nhiếm.

5.— Sông Cửa Trung : (hay gọi là Cửa Đại nhỏ) nằm giữa cù-lao Lợi-Quan và các cù-lao Bà Nở, cù-lao Cậu, dài trên 15 cây số rộng từ 300 đến 500 thước.

6.— Sông Vàm Rồng : (hay gọi là Rạch Rồng) thuộc xã Vĩnh Hựu bắt nguồn từ sông Cửa Tiểu chảy qua địa phận xã Vĩnh-Hựu đến tiếp nối với Kinh Vĩnh-Lợi, dài lối 5 cây số, rộng từ 15 đến 20 thước.

— Tả ngạn : — Rạch Cây Đông
— Hữu ngạn : — Rạch Cầu-Ngang, chảy qua hai xã Bình-phục-Nhì và Thành-Nhựt

7.— Rạch Gò-Công : là một con rạch lớn nhứt trong nội địa tỉnh Gò-công. Rạch này chảy đến Tỉnh-lỵ, nối tiếp Kinh Vĩnh-Lợi và Rạch Vàm-Rồng rồi đổ ra sông Cửa-Tiểu.

Các phụ-lưu gồm có :

a) **Hữu ngạn** : — Rạch Sơn-Qui nối liền với Rạch Tổng-Châu chảy ngang các xã Tân-Niên-Đông, Tân-niên Tây và Tân-Phước.
— Rạch Già chảy ngang xã Bình-Xuân.
— Rạch Bằng chảy ngang xã Bình-Thạnh-Đông.

b) **Tả ngạn** : — Rạch Cần-Giế chảy ngang xã Bình-Xuân.
— Rạch Gò-Dừa chảy ngang xã Thành-Công.

Ngoài ra còn có các phụ-lưu đổ ra sông Cửa Tiểu :

— Rạch Long Uông
— Rạch Già

— Rạch Sáu-Thoàn
— Rạch Vàm-Rồng
— Rạch Cần-Lộc (chảy ra sông Soi-Rạp).

8.— Sông Ta là tả-ngạn của sông Vaico, chảy ra cửa Soi-Rạp, lòng phân ranh hai tỉnh Gò-Công và Long-An. Rộng từ 800 đến 1.000 thước, sâu lối 80 thước.

— Hữu-ngạn chảy vào phía Long-An
— Tả-ngạn chảy vào xã Đồng-Sơn, gồm có

— Sông Hươu — Rạch Kiến — Rạch Ô-Kính — Rạch Đào —
— Rạch Lá — Kinh Chợ-Gạo.

Ngoài các sông rạch nêu trên còn có các kinh : Chợ-Gạo, Kinh Vĩnh-Lợi ; Kinh Giồng-Nâu, Kinh Trần-văn-Giỏi, Kinh Cải Mai, Kinh Chambeaux, Kinh Cần-Lộc.

B.— BỜ BIỂN

Bờ biển Gò-Công nằm về phía Đông của thành-phố, bờ biển này chạy dài từ cửa sông Soi-Rạp đến cửa sông Cửa-Đại, dài độ 23 cây số.

Bờ biển thấp, bằng phẳng, độ nghiêng rất nhỏ, các nơi lồi ra đến gần một cây số mà chưa ngập đầu. Bờ biển này có một bãi cát khá tốt gọi là bải Tân-Thành lên tỉnh lỵ 14 cây số (thuộc xã Tân-Thành, Quận Hòa-Lạc Gò-công). Nước không được xanh như các biển ở miền Trung, độ mặn cũng không bằng.

V.— KHÍ HẬU :

A.— NHIỆT ĐỘ — MƯA :

Khí-hậu tại Gò-Công là khí-hậu của miền nhiệt-đới, chia ra làm 2 mùa rõ rệt : Mùa mưa ẩm-ướt và mùa nắng khô-ráo.

Mùa mưa khởi sự từ tháng 6 đến tháng 11, 12 dương lịch. Gió từ biển Nam-Hải thổi vào khá mạnh và đôi khi có những trận giông dữ dội ở vùng Đông Nam Gò-Công.

— Từ tháng Giêng đến tháng Ba trời nóng nhiều.
— Từ tháng 4 đến tháng 6 trời mát dịu
— Từ tháng 7 đến tháng 9 thường có mưa giông và ẩm-ướt.
— Từ tháng 9 đến tháng 12 trời hơi lạnh.
— Mưa nhiều nhứt vào tháng 8 tháng 9 mỗi năm.

B.— BÃO TỐ

Tỉnh Gò-Công nằm gần bờ biển nên cũng chịu ít nhiều ảnh-hưởng của bão tố. Bão thường tập trung ngoài khơi biển Nam-Hải và di chuyển theo hướng Tây Bắc.

Từ trước đến nay Gò-công chỉ bị một trận bảo lớn nhứt tàn phá mùa-màn và nhà cửa vào năm 1904 (Bão năm giáp Thìn). Ngoài ra Gò-công cũng bị ảnh hưởng của những trận bão khác ở những vùng phụ cận nhưng không gây thiệt hại đáng kể nào.

VI.— THẢO-MỘC :

Thảo-mộc ở tỉnh Gò-công là loại thảo-mộc của vùng nhiệt-đới :

— Về ngũ-cốc gồm có : Lúa, bắp, khoai.

— Về rau cải : Đậu, bầu, bí, mướp. dưa, cải, cà, v. v.., có trồng khắp trong tỉnh.

— Các loại cây ăn trái : Đặc biệt ở vùng Gò-công có loại cây «Cerise» là một loại cây có trái giống như trái táo nhưng có nhiều hột rất nhỏ, vừa ngọt vừa chua và dòn. Du khách khi đến Gò-công thường hay mua «Cerise» để làm quà biếu và coi như là món quà đặc biệt của Gò-công.

Ngoài ra loại măng-cầu ta cũng được trồng rất nhiều nơi trong tỉnh như : Tân-thành, cù-lao Lợi-quan (Pháo-đài), Tăng-hòa, An-hòa, Giồng-tháp, Hòa- ân. Măng cầu ngon nhứt là măng-cầu Tân-thành và Pháo-đài.

Về thảo-mộc thì Gò-công không có loại cây gì quý giá, chỉ có các lại tạp mộc như cây tràm, cây mắm, dừa nước và một số rừng chồi.

VII.— CẦM THÚ :

Gò-công không có thú vật rừng mà chỉ có gia-súc.

CÁC TRỤC GIAO-THÔNG THỦY-BỘ

a.— **Đường bộ** : Gò-công có tất cả 220 cây số đường bộ, gồm có liên-tỉnh lộ, Tỉnh-lộ và Hương-lộ :

— Liên-tỉnh lộ số . . . 13 cây số 160
(nối liền Gò-công và Sàigòn)

— Tỉnh-lộ 21 . . . 6 cây số 275
(nối liền Gò-công và Long-An)

— Tỉnh-lộ 24 dài . . . 32 cây số 650
(nối liền Gò-công và Mỹ-Tho)

— Hương-lộ số 1 dài . . . 11 cây số 000
(từ Gò-Công đến xã Tân-Phước)

— Hương-lộ số 2 dài . . . 8 cây số 500
(từ Tân-Phước đến Vàm-Láng)

— Hương-lộ số 3 dài . . . 9 cây số 680
(từ Gò-Công đến Kiềng-Phước)

— Hương-lộ số 4 dài . . . 5 cây số 181
(từ quận Hoà-Lạc đến sông Cửa Tiểu)

— Hương-lộ số 5 dài . . . 3 cây số 892
(từ An-Hoà đến Bình-Ân)

— Hương-lộ số 6 dài . . . 18 cây số 100
(từ Gò Công đến Long-Hựu, qua quận-lỵ Hoà-Bình).

— Hương-lộ số 7 dài . . . 18 cây số 000
(từ Gò-Công đến Vàm-Giồng, qua quận-lỵ Hoà-Đồng)

— Hương-lộ số 8 dài . . . 7 cây số 220
(từ Vĩnh-Bình đến Long-Hựu)

— Hương-lộ số 9 dài . . . 6 cây số 970
(từ Bình-Luông-Đông đến Thạnh-Trị)

— Hương-lộ số 10 dài . . . 4 cây số 500
(từ Bình-Luông-Đông đến Phú-Thạnh-Đông)

— Hương-lộ số 11 dài . . . 4 cây số 785
(từ Bình-Tân đến Bình-Long)

— Hương-lộ số 12 dài . . . (từ Quận-lỵ Hoà-Đồng đến Thạnh-Nhựt)	8 cây số 500
— Hương-lộ số 13 dài . . . (từ Tân-Niên-Tây đến Đồng-Sơn)	17 cây số 315
— Hương-lộ số 14 dài . . . (từ Thành-Công đến Tỉnh-lộ 24)	2 cây số 800
— Hương-lộ 15 dài . . . (từ Đồng-Sơn đến Bình-Thạnh-Đông)	19 cây số 000
— Hương-lộ 16 dài . . . (từ Phú-Thạnh-Đông đến Tân-Thới)	25 cây số 000
— **Tổng-cộng** : — Tỉnh lộ và liên tỉnh lộ	52 c.s. 385
— Hương lộ . . .	168 c.s. 443

Vì tình hình an ninh, có một số hương lộ đã bị gián đoạn lưu thông vì luôn-luôn bị phá hoại. Hiện nay tỉnh đang xúc-tiến việc tu-bổ các đường-sá nối liền tỉnh-lỵ và các quận-lỵ.

Liên-tỉnh lộ số 5 và tỉnh-lộ số 24 là hai con đường được xử dụng thường-xuyên để chuyên-chở thực phẩm, lúa, gạo và hành-khách từ Gò-công về Sài gòn hoặc Mỹ-Tho.

Đường sắt : Không có.

c. — **Đường thủy** : Vì lý-do an-ninh một số đường thủy đã bị hạn-chế lưu-thông. Hiện nay các đường lưu-thông chính gồm có :

— Rạch Gò-Công
— Kinh Salicetti
— Kinh Champeaux
— Rạch Vàm-Rông
— Sông Cửa-Tiểu
— Sông Cửa-Đại. . . . .

d.— **Đường hàng không** : Hiện nay bên cạnh Tỉnh-lỵ có một phi trường loại H dài độ 800 thước, dùng để xử-dụng cho các loại phi-cơ vận-tải, quan-sát và trực thăng trong các công tác quân-sự. Trong tương lai có thể thiết lập đường hàng không dân-sự nối liền Sài gòn và Gò-công.

TỔNG KẾT

Tên Quận, Tên Xã	Số Ấp	Diện tích (mẫu)	Dân-số
I. QUẬN HÒA-LẠC :			
1. Long-Thuận	16	1.639.03,85	21.465
2. Tăng-Hòa	13	1.809.30,36	5.640
3. Tân-b-Điền	5	1.779.62,50	2.687
4. Phước-Trung	12	1.662.26,13	4.179
5. Bình-Ân	12	1.831.77,53	5.870
6. Bình-Tân	8	870.47,32	3.086
7. Yên-Luông	8	1.093.48,76	5.160
8. An-Hòa	8	1.011.45,83	4.367
9. Tân-Thành	13	3.449.63,45	7.266
II. QUẬN HÒA-TÂN :			
1. Tân-Niên-Tây	11	1.356.28,28	6.363
2. Tân-Niên-Đông	9	1.499.63,66	4.977
3. Tân-Niên-Trung	7	1.510.34,73	4.438
4. Tân-Phước	11	1.700.32,71	7.315
5. Kiểng-Phước	16	3.323.03,08	11.456
6. Bình-thạnh-Đông	11	1.771.72,36	7.447
7. Thành-Công	10	1.603.87,82	3.240
8. Bình-Xuân	7	1.670.18,83	5.472
9. Gia-Thuận	4	929.70,89	1.633
III. QUẬN HÒA-ĐỒNG :			
1. Vĩnh-Bình	9	1.237.35,50	6.811
2. Thạnh-Trị	11	2.063.37,33	5.771
3. Thạnh-Nhựt	7	810.80,16	2.610
4 Bình-phục-Nhì	13	1.901.81,40	5.722
5. Đồng-Sơn	13	1.772.36,86	7.512
6. Bình-phú-Đông	8	1.897.68,60	4.160
7. Vĩnh-Hựu	6	1.058.59,15	4.854
8. Vĩnh-Viễn	4	1.010.60,70	2.065
IV. QUẬN HÒA-BÌNH :			
1. Bình-luông-Đông	10	1.180.66,77	3.421
2. Phú-thạnh-Đông	12	5.462.01,81	5.268
3. Tân-Thới	13	3.273.99,70	8.949
4. Bình-Long	12	1.538.11,83	3.592
5. Long-Hựu	6	627·28,07	1.780
4 QUẬN 32 XÃ	305	54.317.86,27	174,576

PHẦN THỨ HAI

– Di tích lịch sử

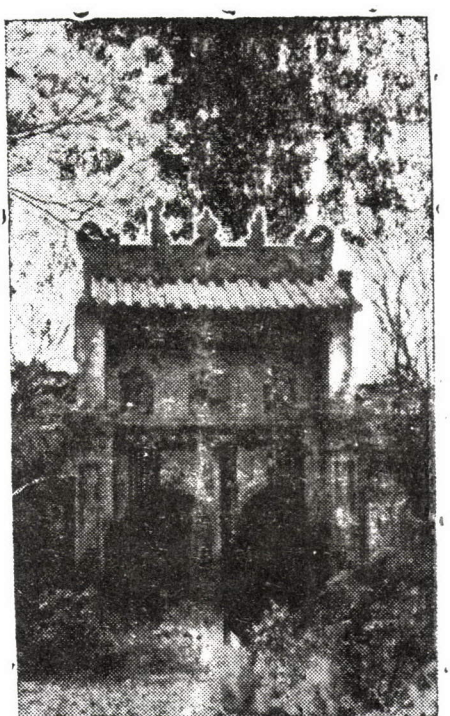
– Lăng mộ danh nhân

DI-TÍCH LỊCH-SỬ

LĂNG MỘ NHÀ HỌ PHẠM :

Tại Gò-công người ta còn nhắc đến những ngôi cổ mộ của nhà họ Phạm, ở làng Tân-Niên-Đông cách tỉnh lỵ 3 cây số. Làng này là sinh quán của Bà Từ-Dũ, thân mẫu vua Tự-Đức, con gái của Ông Phạm-Đăng-Hưng.

Tại vùng này khi quân Pháp chưa lập nền đô-hộ, dòng vua Tự-Đức còn nhiều bà con bên ngoại, và chính thân nhân của dòng họ này đã hết lòng ủng hộ cuộc kháng chiến chống ngoại xâm dây dưa từ năm 1861 tới 1864, cuộc kháng chiến do nhà ái-quốc Quản-Định cầm đầu.



Cổng vào Lăng đền thờ Hoàng-gia Phạm-Quốc-Công

Cuộc thương thuyết ký kết hòa-ước mồng 5 tháng 6 năm 1862 giữa Pháp và Việt phải trì hoãn, vì Hoàng-đế Việt-Nam không đành lòng giao nhượng vùng đất đai quê ngoại cho ngoại bang, nơi đây có nhiều mồ mả ông bà, nhiều di-tích kỷ-niệm thân yêu mà sự mất còn liên-hệ đến danh-dự của Hoàng-triều Nguyễn.

Những ngôi mộ này kiến-trúc theo lối cổ xây bằng hồ ô dước nằm trên một giồng cát cao trông như hình con qui, chung quanh cây cối u-huyền đầy vượng khí phải là nơi phát xuất bậc mẫu-nghi trong thiên hạ, đất lành trồ sanh trái ngọt, đồng bào dân chúng tỉnh nhà cũng nhờ ảnh hưởng cuộc đất này mà phát đạt, nhiều người làm quan lớn, đúng với câu Địa-linh trồ sanh Nhơn-kiệt.

Cảnh trí từ ngoài đường cái thẳng vô có một con lộ dài chừng 200 thước, bên trong có một đền thờ. Ở về mé bên Phải có những ngôi mộ trước đầu có dựng bia đá cẩm thạch khắc ghi tên họ, ngày sanh tháng chết, chức-tước của người yên nghỉ dưới mồ.

Những ngôi mộ này ngoài ý-nghĩa lịch-sử và cũng là di-tích đặc-biệt của tỉnh Gò-công được bảo tồn từ trước đến nay.

Theo sử liệu cho biết thì bản Hòa-ước, ký tại Sàigòn ngày 15 tháng 3 năm 1874 giữa Pháp và Nam-triều, có một điều khoản quan-trọng nói về những ngôi mộ này. Điều khoản ấy là khoản 5 thỏa thuận như sau :

ĐIỀU KHOẢN 5.— Hoàng-đế nước Nam nhìn nhận chủ-quyền nước Pháp trên toàn lãnh thổ do Pháp quân chiếm đóng, gồm những miền có ranh giới kể sau đây :

— Phía Đông, đến biển Trung-Hoa và An-nam Vương-Quốc (tỉnh Bình-Thuận).

— Phía Tây ranh giới Vịnh Xiêm-La.

— Phía Nam biển Trung-Hoa.

— Phía Bắc nước Cao-miên và An-nam Vương-quốc (tỉnh Bình-Thuận). Có cả thảy 11 ngôi mộ nhà họ Phạm, nằm trên địa phận làng Tân-Niên-Đông và Tân-Quan-Đông (tỉnh Sàigòn) và 3 ngôi mộ nhà họ Hồ ở trên địa-phận làng Linh-Chiểu-Tây và Tân-Mai (tỉnh Biên-hoà, không ai được động phạm, đào xới, cải táng hay phá hủy.

Nhà nước cấp một sở đất rộng 100 mẫu cho các ngôi mộ nhà họ Phạm và một sở đất cũng rộng chừng ấy cho các ngôi mộ nhà họ Hồ. Huê lợi thâu được do 2 sở đất này dành để giữ gìn các ngôi mộ và nuôi sống những gia đình lãnh trông nom các ngôi mộ này. Hai sở đất trên đây được miễn thuế ; con em giòng dõi những gia đình này cũng được miễn thuế thân, làm xâu và đi quân-dịch.

5 ngôi mộ lớn nhà họ Phạm tọa-lạc trên địa-phận làng Tân-Niên-Đông cách Gò-công 3 cây số, đó là mộ của :

1) Phạm-Đăng-Dinh, nội tổ Phạm-Đăng-Hưng, sanh năm Bính-dần (1717), tử ngày 8 tháng Giêng năm Tân-Mùi (1776), hưởng thọ 59 tuổi. Sau lúc ông mãn phần, vua Tự-Đức sắc phong Hàn-Lâm-Viện Chưởng-viện học sĩ-tước Bình-Thanh-Bá (Đệ-Tam-Đẳng Nam-Triều).

2) Phạm-Đăng-Long, cố ngoại vua Tự-Đức, con của Phạm-Đăng Dinh, sanh năm Canh-Tuất (1741) tử ngày mồng 3 tháng 7 năm Canh Ngọ (1810) hưởng thọ 69 tuổi. Được vua Tự-Đức truy-phong Tu-Thiên Đại-Phu (Nội-vụ Thượng-Thơ) tước Phước-An-Hầu và Trang-Nghị-Công (Đệ-Nhứt-Đẳng).

3) Phạm-Thị-Tánh, bà cố ngoại vua Tự-Đức, vợ của Ông Phạm-Đăng-Long mẹ của Phạm-Đăng-Hưng, sanh năm Giáp-Tý (1743) tử ngày rằm tháng 9 năm Giáp-Tuất (1814) hưởng thọ 71 tuổi. Được tước phong Phu-nhơn đoan-khiết.

4) Phạm-Đăng-Hưng, ngoại tổ vua Tự-Đức, con của Phạm-Đăng Long và Phạm-thị-Tánh, sanh ngày 24 tháng 9 năm Ất-Dậu (176- tử ngày 14 tháng 6 năm Ất-Dậu (1825), làm Lễ-Bộ Thượng-Thơ dưới thời Minh-Mạng. Sau khi Ông chết được vua Tự-Đức truy phong Vĩnh-Lộc đại-phu dục-quốc-Công và tước Trung-Nho-Công (Đệ-nhứt-Đẳng).

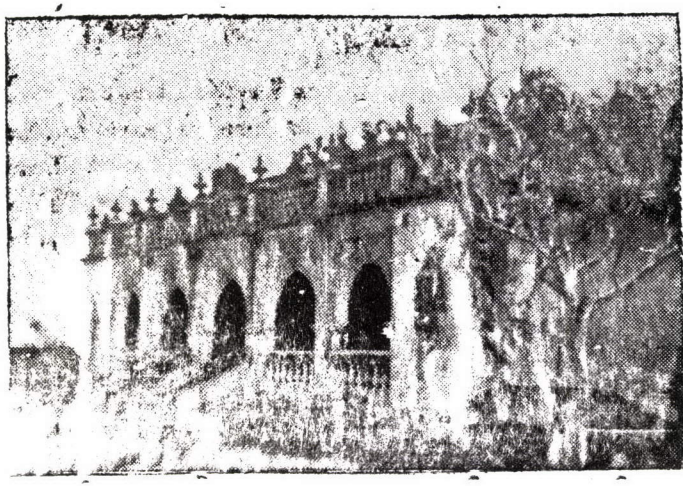
5) Phạm-Thị-Du, bà ngoại vua Tự-Đức, vợ của Phạm-Đăng-Hưng sanh năm Mậu-Tý (1767) tử ngày 8 tháng 6 năm Tân-Tỵ (1821), hưởng thọ 54, được truy-phong Nhứt-Phẩm Phu-Nhơn đoan tụ.

ĐỀN THỜ HOÀNG GIA PHẠM-QUỐC-CÔNG

Lăng này ở tại ấp Sơn-Qui, xã Tân-Niên-Đông bây giờ, là một tòa nhà rộng lớn được xây cất dưới triều Tự-Đức, gồm có 5 gian và hàng nhì làm bằng danh mộc trạm trổ và sơn son thếp vàng. Một gian sau thì có chỗ hư mục nên người thủ-giám sửa lại và làm mất kiểu xưa.

Nơi chính vị thờ Đức-Quốc-Công Phạm-Đăng-Hưng, thân-sinh bà Thái-Hậu Từ-Dũ. Bên trái thờ Phước-An-Hầu Phạm-Đăng-Long là cha Đức-Quốc-Công. Bên mặt thờ Bình-Thanh-Bá Phạm-Đăng-Dinh là ông nội Đức-Quốc-Công. Căn chót bên trái thờ Mỹ-Khánh-Tử Phạm-Đăng-Tiên, là ông cố của Đức Quốc-Công. Căn chót bên mặt thờ Thiêm-Sự-Phủ Phạm-Đăng-Khoa, là ông Sơ của Đức Quốc-Công.

Điều đó đúng với câu thành-ngữ thời quân-chủ : « Nhất nữ thọ hoàng-ân, toàn gia hưởng thiên lộc ». Trong đền có để một tấm bia gỗ sơn son thếp vàng chép lại những chữ khắc trong bia đá dựng trước mộ Đức Quốc-Công bên cạnh đền thờ, do cụ Phan-Thanh-Giản để đề xưng tụng công-nghiệp của Ngài, mỗi năm có 2 lễ Xuân, Thu quý tế do Tri-huyện Tân-Hòa thủ lễ cho tới khi Pháp thuộc mới bãi-bỏ, chỉ còn giỗ như thường lệ nhưng cũng có nhạc lễ và hương chức sở tại đến cúng.



Đền thờ Hoàng gia nhà họ Phạm tại Gò-công Sơn qui.

MỘ TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Xây cất từ năm 1864. Mộ làm bằng đá ong với hồ vôi trộn nước ô-dước tới nay 100 năm vẫn còn chắc. Lúc làm mộ, trên tấm mộ bia bằng đá trắng Quảng-Nam, người ta khắc đủ chức tước của Ngài :

« Đại-Nam Bình-Tây Đại-Tướng Quân Trương-Công-Định chi mộ »

Đây là chức do vua Tự-Đức phong cho Ngài.

Mấy năm về sau kháng-chiến nổi lên chống Pháp, người chủ-trương là người thuộc hạ cũ của Ngài. Do đó Pháp tới mộ để điều tra hàng chữ kia. Thông-dịch viên lúc ấy cắt nghĩa làm sao cho Pháp nghe không rõ, mà Pháp sai lính tới bẩm nát hàng chữ ấy và đòi phu nhân của Ngài là bà Trần-thị-Sanh tới hạch hỏi và làm khó dễ. Rốt cuộc bà bị phạt vạ 10 ngàn quan tiền viện lẽ rằng từ năm 1862 Pháp và Nam-triều đã giao-hảo, Vua Tự-Đức không khi nào phong chức ấy cho Trương-Công-Định, chẳng qua là Ông này tạo ra để cầm đầu phiến-loạn.

Sau mấy mươi năm Pháp thuộc, mộ Trương-công-Định trở thành hoang-phế, mộ Ngài được bà Sương-phụ Đốc-phủ-sứ Nguyễn-văn-Hải nhủ-danh Huỳnh-thị-Điệu sửa chữa và quét dọn sạch sẽ. Sau đó mướn người khắc mộ-bia theo chức tước của vua Bảo-Đại truy tặng :

« Đại-Nam, Phấn dõng Đại-Tướng Quân truy tặng Ngũ-Quân Quận-Công ».

Từ đó, quần chúng tự động đến làm lễ bái yết rất đông.

Năm 1956, ông Phó Tỉnh-trưởng Lê-văn-Đề có cho sửa sang lại và chỉ-thị cho một giáo-viên hồi hưu là ông Nguyễn-huỳnh-Mai phụng-đề 2 câu đối liên :

Mặt tiền : *« Trương chí quật-cường, võ liệt nêu cao dặt Việt-Định tâm kháng-chiến, văn mồ chói rạng Trời Nam ».*

Mặt hậu : *« Huyện Tân-Hoà, khẳng-khái Cần-vương, tờ chiếu ngọc — Làng Gia-Thuận, thung dung tựu nghĩa, chiếc gươm vàng ».*

Năm 1964, Gò-công được tái lập thành tỉnh, Trung-tá Nguyễn-viết-Thanh, Tỉnh-trưởng và ông Châu-văn-Bảy, Phó Tỉnh-trưởng hành chánh, có đến viếng mộ và cho xuất công-quỹ một số tiền là 40.000$ để tu bổ lại.

Ngày 18 tháng 7 â.l. năm 1964, lễ khánh-thành lăng Trương-công-Định đã tổ-chức một cách trọng-thể và tôn-nghiêm.

MIẾU VÕ QUỐC CÔNG

Miếu này ở tại ấp Gò-Tre, xã Long-Thuận.

Tục truyền rằng nơi đây chính là chỗ ông Võ-Tánh dựng cờ tụ nghĩa chiêu tập quân lính đánh với Tây-Sơn. Sau khi Ngài qui thần tại Bình-Định, dân làng nhớ đến công ơn ; lập một hội kêu là Nghĩa-Hội, cất miếu thờ Ngài.

Năm 1940, triều-đình Huế gởi sắc-thần vào cho Hội. Lúc bấy giờ hội-viên sa-sút, các bô-lão bèn hiến cúng lại cho làng trông-nom. Trong miếu có câu đối sau đây của ông Chủ-sự Thiều đã phụng-đề để chứng-minh chính nơi đây dựng cờ tụ-nghĩa :

« Khổng-Tước kỳ, khẳng-khái cần-vương, tam hùng thủ liệt.

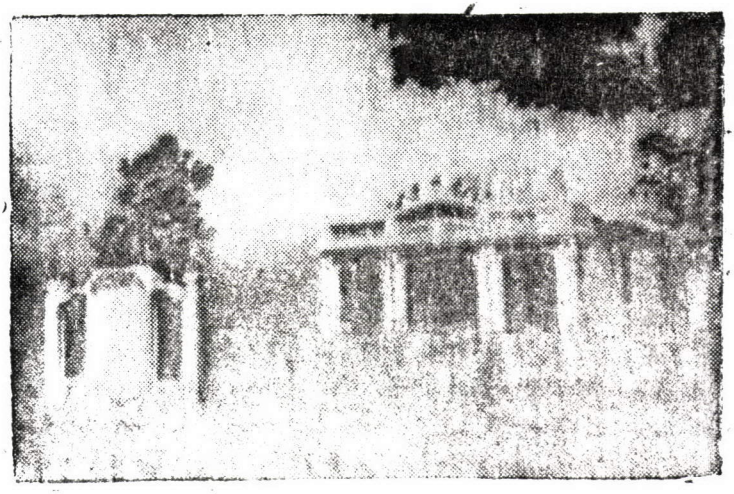
Bàn Sà địa, thung-dung tựu nghĩa, nhứt biển Trung hưng ».

Tại miếu có bài tiểu sử của Ngài do Ông giáo Nguyễn-Huỳnh-Mai soạn để cho thiên hạ vào xem.

Năm 1956, Ông Lê-văn-Đề, Phó Tỉnh-Trưởng Gò-công cho xuất công-quỹ để tu-bổ lại.



Cổng vào Lăng Hoài-quốc-Công Võ-Tánh tại Bình-định



Miếu thờ Hoài-quốc-Công Võ Tánh tại Gò-tre, xã Long-thuận, Gò-công

LĂNG CÁ ÔNG

Cũng như ở các miền duyên-hải khác, tại Vàm-Láng xã Kiểng-Phước (Quận Tân-Hòa bây giờ) có 1 cái miễu thờ Cá Ông (1). Miễu này đã có từ lâu, sau người ta khuếch-trương thêm và sửa sang lại. Trong miễu có nhiều thúng to sơn đỏ, đựng xương cá Ông.

Có người thắc-mắc về chuyện thờ cá (2), vì là loại cá mà người Tây-Phương hay bên Á-Đông, người Nhựt-Bổn gọi là Cá Voi thường đi săn bắt để lấy mỡ. Mấy nhà lão-luyện ở biển xác nhận hình-thức 2 loại cá khác nhau ở chỗ đuôi cá. Cá Voi đuôi chỉ có hai chia, còn cá Ông thì đuôi có 3 chia như đuôi tôm và da láng như lảnh (3). Gặp lúc thời tiết xấu, biển động ghe đi ngoài khơi rất nguy-hiểm, nhờ cá Ông độ và đưa vào bờ. Có người cho rằng Cá Ông chịu không nổi sóng gió nên dựa theo ghe để núp và đi lần vào bãi để tránh sóng. Như thế người và cá đều nhờ lẫn nhau, người ta thoát nạn, có sự nhớ ơn và lập đền thờ.

Tục truyền trước kia khi thuyền Chúa Nguyễn có lần lâm nạn ngoài khơi (4), có 2 con cá Ông cặp đưa vào tới Vàm-Láng được bình an (5). Chúa thảo sắc phong Cá Ông chức Nam-Hải Đại-Tướng. Kể từ đó tại Vàm-Láng có một hội do những dân chài tổ-chức mỗi năm có một lễ cúng Ông tại miễu này đúng vào ngày Rằm tháng Sáu âm lịch (6). Lễ cúng cũng long trọng nghiêm-chỉnh như cúng thần hoàng ở Đình. Họ có bày đủ cuộc vui, nhứt là treo đèn trên thuyền, chèo ra khơi thỉnh Ông, hát bội, cờ-bạc ăn chơi từ chiều 14 đến hết ngày 16.

Đến nay vì thời cuộc chiến-tranh nên những tục-lệ này đã được hạn chế bớt. Vì tình-hình an-ninh đường sá cho nên các du khách ở Saigon cũng như các Tỉnh khác không còn đến viếng miễu cá Ông như hồi xưa nữa.

CHÚ THÍCH VỀ CÁ ÔNG :

(1) Người ta để ý chỉ thấy từ đèo ngang trở vào đến Gò-công mà thôi nên có người cho rằng tục thờ cá ông do người Anh-Đô-Nê-Giêng nói chung và người Chàm nói riêng, truyền lại cho chúng ta. Tuy nhiên các tác-giả Pháp chuyên về phong tục dân tộc Chàm, như Aymonier, Durand.., thì không thấy đề cập gì đến mục này. Ngoài ra, theo sự sưu tầm của chúng tôi thì trở lên phía Bắc tại Đồ-Sơn chẳng hạn, ngư-phủ cũng chôn cất cá Ông mà họ coi như Thần phò hộ, nhưng không có lập miếu thờ.

(2) Điều này không có gì lạ nếu so sánh với tục thờ bò của người Ấn-Độ.

(3) Vào những thời kỳ nào đó người ta thấy cá Ông thật (Baloena lunulata), mà dân chài gọi là « Ông », xuất hiện trước đảo Phú-Quốc và ở cửa sông Việt-Nam. Dân chài không kính trọng lại cá Ông giống cá mập (Requin-balaine, Rhineodontypus) (L.Laurent).

(4) Có chỗ nói vua Gia-Long bị lâm nạn ở cửa sông Soi-Rạp trong một chuyến đi Phú-Quốc (Langrand). Nhưng thuyết cho rằng Gia-Long bị đắm thuyền vì bão tố trong lúc bị quân Tây-Sơn rượt có thể đúng hơn, vì theo **Gia-Định Thông-Chí**, 49, thì vào tháng 2 âl năm Nhâm-Dần (1782), Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ cầm đầu một toán bộ binh và một phân đội hải-quân, kéo vào Gia-Định lần thứ ba Quân Hoàng-gia (Gia-Long) chống cự tại ngã bảy Cần-Giờ, bãi Cấp ; Nhưng quân Tây-Sơn nhờ được nước và gió thuận đã đánh lui quân Triều-đình. . . Tháng 2 Âm lịch trên đây là trùng hợp với tháng có cuộc lễ cúng ông của dân chài lưới thôn Trường-Đồng, tổng Xương-Hà, tỉnh Khánh-Hòa Trung Việt).

(5) Về việc cá ông cứu người thì không riêng gì ở Việt-Nam mà ở phương Tây cũng có xảy ra. Theo Hérodote, sử-gia HY-LẠP, thì Arion, một thi-sĩ và nhạc-sĩ Hi-Lạp, bị quân cướp vứt xuống biển, cũng được cá ông cứu trong những trường hợp tương tợ.

(6) Dân chài thôn Trường-Đồng, tổng Xương-Hà, tỉnh Khánh-Hòa và dân chài thôn An bàn, Phước trạch, làng Cẩm an, quận Điện bàn cúng Ông một năm hai lần : ngày 12 tháng 2 âm lịch ; ở Vàm-Láng ngư phủ cúng đêm rằm qua 16 tháng 6 âm lịch, sự khác biệt về ngày cúng này, có thể phỏng đoán là ở Cò-Công ngày cúng hằng năm được tính theo ngày táng khúc cá ông đem ở Gia-Định về (xem Lễ rước Ông tại Vàm-Láng ở phần đất).

Tài liệu tham-khảo :

— Langrand (Gustave). **Vie Sociale et religieuse en Annam, monographie d'un village de la côte Sud Annam.** Lille, Univers, 1945.

— Laurent (L.). « Causeries sur les hôtes marins des Mers de Chine », **BSEI**, 1896, fasc.

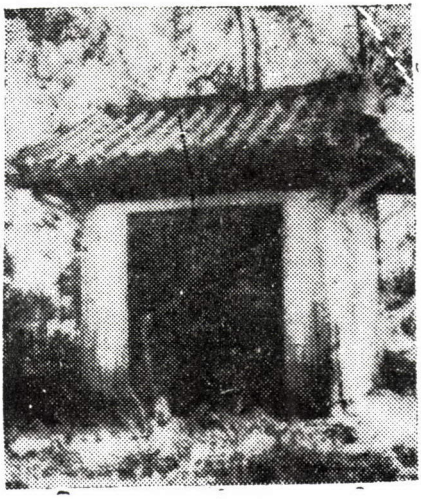
NGÔI CỔ MỘ BÀ DƯỠNG MẪU HẬU QUÂN VÕ-TÁNH

Trong lúc Nguyễn-Nhạc Tây-Sơn mưu lật đổ Chúa Nguyễn-Ánh ở miền Nam. Gây ra một trận tranh hùng khiến cho đất nước nhuộm đầy khói lửa.

Thuở ấy có một bà dưỡng mẫu ở tại Bà rịa tức là mẹ nuôi của Võ-Tánh phải bôn đào chạy loạn. Bà cùng với Võ-Tánh qua trú ngụ tại Gò-công, xóm Gò-tre, làng Thuận-ngãi nay là xã Long-thuận.

Lúc bấy giờ vùng Gò-tre thường nổi lên nhiều bọn trộm cướp, đánh phá giết người lấy của.

Vì lòng hào hiệp của người trai trẻ tuổi không thể ngồi yên, Võ-Tánh sẵn sàng ra tay tiếp cứu, mọi nhà đều thoát nạn. trong xóm được bình yên. Bọn cướp nghe đến danh Võ-Tánh thì rút đi không dám bén mãn. Tướng Tây-sơn Nguyễn-Lữ, lúc bấy giờ là Đông-định-vương trấn thủ thành Sài gòn, nghe tiếng Võ-Tánh là người có tài bèn cho người xuống Gò-công chiêu dụ về làm vây



Miếu thờ bà dưỡng mẫu Hoài-quốc-Công tại Gò-tre

cánh. Bị Võ-tánh cự tuyệt, nửa đêm Lữ sai đem binh đến vây bắt Võ-tánh. Được người thông tin, bà dưỡng mẫu bảo Võ-tánh ẩn trốn, vì một mình khó nổi cự đương với giặc. Bọn chúng đến lục soát không gặp Võ-Tánh mới tra khảo đánh bà mang thương tích nặng đến nỗi phải bỏ mình, được an táng tại Gò-tre. Ngày nay ngôi mộ của bà vẫn còn, cạnh bên có một cái miễu nhỏ thờ bà dưỡng mẫu, dân làng phụng tự lửa hương hàng năm cúng tế.

Tiếc rằng bà dưỡng mẫu mất sớm về tay giặc không thấy được ngày thành công của con nuôi mình.

Đây là di-tích lịch-sử của đất Gò, trăm năm còn lưu lại dấu vết người dưỡng mẫu của một vị võ tướng trong Gia-định Tam-hùng.

ĐỊA DANH «XÓM THỦ» NGÀY XƯA

Lúc Tây-sơn và Nguyễn-Ánh đánh nhau, có vị thủ khoa xuất thân, người huyện Ninh-hòa, tỉnh Bình-thuận, lánh nạn Tây-sơn vô ngụ tại làng Yên-luông-đông (Gò-công) mở trường dạy học, nay còn di-tích là «xóm ông Thủ».

Ông tên là Ngô-tùng-Châu, một bực văn tài có nhiều mưu lược nhưng đành ẩn dật lánh thân để chờ ngày ra phò vua giúp nước.

Lấy bấy giờ Võ-Tánh tự xưng là tướng quân tại Gò-công Ngô-tùng-Châu đến cộng tác làm Tham-mưu, giải thích trận đồ chiến-lược, phần lý thuyết, phần luyện tập và thực-hành cho binh-sĩ. Cùng với các ông Mai-tấn-Huệ, Nguyễn-văn-Hiếu, Mạc-văn-Tô coi việc khai thác đồn-điền, lấy lúa gạo nuôi binh sĩ. Ông Mai-tấn-Vạn có nhiệm-vụ trông coi giao thông các tỉnh lân cận, mộ nhơn tài mưu đồ đại sự, đóng binh tại đầm Vạn-thắng.

Tây-sơn nghe danh tiếng đem binh đến đánh nhiều trận đều bị quân Võ-Tánh bao vây tiêu diệt, số sống sót còn lại chạy tán loạn, oai danh của ông Ngô-tùng-Châu và Võ-Tánh lừng lẫy tại đất Khổng-tước-nguyên, qui tụ đông-đảo binh sĩ dưới ngọn cờ cứu quốc cứu dân. Ngày nay nhắc đến lịch sử đất Gò-công đồng bào không sao quên được ông Ngô-tùng-Châu, người có công khai-sáng nền Nho-học đông phương ở đây đầu tiên và đã đào tạo rất nhiều môn sinh văn tài lỗi lạc.

Danh từ « Xóm Ông Thủ » được truyền tụng đến ngày nay, để tỏ lòng ngưỡng mộ vị tiền nhân có công với đất nước trong thời quốc loạn.

Hiện nay các tỉnh Nam-phần và Trung-phần Việt-Nam đều có tên đường Ngô-Tùng-Châu, ghi lại tên tuổi của một vị công thần, trọn trung vì chúa thà tuẫn tiết chớ không hề đầu giặc.

ĐẬP ÔNG CHƯỞNG

Di tích này ở tại xã Bình-tân (Quận Hoà-lạc bây giờ). Đây là công nghiệp đắp đập giữ nước ngọt, lập đồn-điền trồng lúa nuôi quân lính của ông Mai-tấn-Huê. Sau ông được phong làm Chưởng-cơ, nên người ta nhớ ơn ông và gọi là đập ông Chưởng. Dân chúng ở đây có lập một hội và dựng lên một cái miếu thờ Ngài.

Năm 1940, nhân dịp tìm kiếm cổ-tích, Giám-đốc viện Bảo tàng Sài-gòn là ông Malleret có phái nhân viên xuống Gò-công, vào miếu này lấy được nhiều giấy tờ quan-trọng bằng giấy bạch, chữ Nôm có ấn son của Chúa Nguyễn, và đem về trình bày tại hội triển lãm lịch-sử.

Chánh-phủ Pháp ở địa-phương có xuất công-nho xã cất miếu lại và cấp mấy mẫu công-điền để làm tư điền.

Vì thời cuộc chiến-tranh, miếu bị tàn phá năm 1945 và hiện nay người ta làm lại bằng cây và lợp lá.

VỊNH ĐÔI-MA

Tục truyền thuở xưa, có hai nhà họ Nguyễn và họ Phạm ở hai bên mé sông Ma-giang. Họ Nguyễn chết để lại một vợ goá và một con cội đặt tên là Nguyễn-Nghị. Bà goá-phụ này thủ tiết, mua tảo bán tần nuôi con ăn học. Nguyễn-Nghị có tiếng là một nho sinh ưu-tú ở vùng này. Nhà họ Phạm có một gái tên Phạm-thị-Nữ thấy Nguyễn-Nghị học giỏi nên yêu tài, hứa gả Thị-Nữ cho và còn châu cấp và để Nguyễn-Nghị ăn học, ý muốn trông cho ngày sau võng anh đi trước võng nàng theo sau. Chẳng may mẹ Nguyễn-Nghị chết,

mọi việc chôn cất nhà họ Phạm lo. Lúc này Nguyễn-Nghị phần rầu mất mẹ, phần lo đền đáp ơn nhà họ Phạm nên rán lo việc sách đèn thành mang bệnh nan y (có lẽ là ho lao). Nhà gái hết sức chạy chữa nhưng không thấy thuyên-giảm. Thị nữ xin phép cha mẹ qua nuôi dưỡng nhưng không được thoả mãn vì theo lễ giáo khi chưa cưới hỏi thì vấn đề vợ chồng chưa nên, chỉ đến thăm viếng vậy thôi. Một thời-gian, Nguyễn-Nghị chết, bên họ Phạm chôn cất ở nền nhà vì không còn ai hết. Bấy giờ Thị-Nữ tang chế theo lệ thường, rồi từ đấy sanh ra bệnh thất tình, cha mẹ biết khuyên giải không đặng. Thị-Nữ chết, trước khi chết trối chôn bên mã Nguyễn Nghị. Cha mẹ cũng ý lời.

Đến sau, người ta thấy hai người thường hiền hiện, dắt tay nhau đi trên bờ sông. Tuy thành ma nhưng không phá phách ai, nên người ta cất một cái miếu nhỏ để thờ và con sông này thành danh Vịnh Đôi-Ma, sách địa-dư chép là sông Ma-giang hay gọi là Tình-trinh-giang.

GIỒNG SƠN QUI

Tọa lạc tại làng Tân-niên-trung (Quận Hòa-tân bây giờ) hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, tục danh là gò Rùa. Trong Địa-dư chí gọi là «Qui nguyên». Đây là tổ quán của Bà Từ-Dũ Thái-Hậu nên vua Tự-Đức thay chữ Qui-nguyên thành Sơn-qui tức là gò Rùa thành ra núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên Ngoại được vững bền như núi Rùa, là một loại trong Tứ-Linh sống lâu lại hợp với núi càng lâu thêm mãi. Giữa giồng có đền thờ Đức Quốc-công và 5 ngôi mộ vĩ-đại của tiên-nhơn Thái-Hậu.

ĐÁM-LÁ-TỐI-TRỜI

Tại làng Kiềng-phước lúc trước có một đám lá dừa nước rất lớn, choáng cả một phần ba làng. Vào trong đám lá này thấy tối như vào trong rừng rậm, nên gọi là đám-lá-tối-trời. Đây là chỗ ông Trương-Công-Định làm căn cứ trốn Pháp lúc bại-binh và cũng nơi đây ngài tử tiết khi quân Pháp do lãnh binh Tấn cầm đầu đến vây bắt ngài.

Bây giờ không còn di-tích gì nữa vì đã bị khai-thác ra làm **ruộng nương.** Tuy nhiên, do truyền khẩu và để chứng-minh nơi đây là căn cứ của **Trương-công-Định,** trong quyển **Nam-kỳ phong-tục diễn-ca,** cụ **Nguyễn-Liên-Phong** có đề :

« Tiếng đồn đám-lá-tối-trời,
« Có ông Trương-Định trải phơi gan vàng.
« Hiềm vì cơ chưởng nan minh,
« Lưỡi gươm đâm bụng liều mình như chơi.
« Nên hư số hệ ở Trời,
« Khá đem thành bại luận người hùng anh ».



Đám lá tối trời

AO ÔNG SÂM

Dưới triều Minh-Mạng có một nhà từ-thiện tên là Trần-Hữu-Đạo tự Sâm. Ông là người giàu có hay làm việc thiện, việc nghĩa như tu sửa đường sá, cứu-trợ người nghèo bằng lúa thóc. Quan Huyện lúc ấy dâng sớ về Triều-Đình để ân-tứ cho ông tước Cửu-phẩm Bá-Hộ.

Di-tích công-nghiệp của ông còn lại là một cái ao rất lớn chứa nước ngọt tại làng Yên-luông-đông và gọi là ao Ông-Sâm. Cả làng và vùng kế cận đều nhờ nước ao này trong mùa nắng.

PHÁO ĐÀI

Tọa lạc tại mõm cù-lao Lợi-quan thuộc làng Phú-thạnh-Đông (thuộc Quận Hòa-bình bây giờ) chỉ còn tên gọi mà không còn di-tích nào cả.

Nguyên đây là đồn binh án-ngữ hải-khẩu, do ông Mai-Tấn-Huệ và sau đó Ông Nguyễn-Văn-Học trấn giữ.

Về sau, quan binh nơi đây có đặt một pháo-đài, vị-trí súng có khắc 4 chữ : «Thống-chế thần-công», tức là chú các việc công-phá nhà thần để ngăn ngừa giặc biển. Cây súng này còn có biệt hiệu là Ông Cà-Lâm, vì mỗi khi bắn gầm mấy tiếng rồi mới nổ. Sau người Pháp chở về làm món đồ trưng-diện để trước dinh tỉnh trưởng. Hiện cây súng này còn tại tỉnh-lỵ Gò-công.

ĐẦM VẠN-THẮNG

Ngày nay là một xóm rất lớn có đông đảo dân-cư thuộc làng Bình-ân, giáp ranh với Long-thuận và An-Hòa.

Xưa kia, đây là một trận kiên-cố của quan Hậu-quân Võ-Tánh lúc chưa xuất sĩ. Ông đánh với Tây-sơn trận nào cũng thắng nên gọi là đầm Vạn-thắng.

AO ĐỒN BINH VÕ-TÁNH

Khi xưa vị anh-hùng Võ-Tánh dựng cờ tại Gò-công chống lại binh Tây-Sơn. Vì gặp phải trời nắng hạn, thiếu nước uống, ông ra lịnh cho đào một cái ao lớn để lấy nước cho quân lính dùng. Khi đào xong gặp mạch nước ngọt quanh năm không hề cạn, ông cho đó là trời giúp để nuôi binh trong cơn quốc loạn.

Cái ao này hiện nay gần đầm Vạn-thắng, ở ngay bên chùa và trường học Tân-duân-đông, thị xã Gò-công.

Dân chúng quanh vùng rất nhờ đến cái ao nước ngọt này và xài liên-tục đến ngày nay.

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng, đồng bào rất cảm nhớ đến công nghiệp của người xưa đã lưu lại cho địa-phương này một di-tích đáng quý là ao Đồn-binh vậy.

CHỢ DINH QUAN ĐÀNG-CỰU

Kể ra ở Gò-công cũng lắm chợ, như chợ Ông Tổng, chợ Giồng, chợ Vàm-láng, v.v...

Nhưng có một cái chợ rất xưa mà ít người để ý. Vì ngày xưa, Nơi đây có Dinh Hòa-thạnh nên chợ này mang tên là chợ Dinh, tọa lạc tại làng Đồng-sơn, trên ngọn Rạch-lá giáp ranh với hạt Tân-an chợ rất sung túc.

Dưới triều nhà Nguyễn Gia-Long, vị quan trấn thủ tại đây đứng ra lập cái chợ này, dân quanh vùng kế cận đến mua bán rất thạnh mậu. Đó là di-tích của tiền-nhân để lại trên đất Gò, đến hôm nay vẫn liên tục làm nơi mua bán, càng ngày càng đông đảo.

NGÔI CHÙA BÀ HUYỆN

Bà Huyện Huỳnh-đình-Ngươn, nhủ danh là Dương-Thị-Hương có lập tại làng Tân-duân đông một kiểng chùa rất đẹp tên là Long-thoàn Bửu-tự Chùa này kiến-trúc kiên-cố và hoa-mỹ, tham-bác cả kiểu xưa và nay.

Trước chùa có một cây dầu to cao gần 100 thước và được dùng làm cột phướn, sau chùa có một ngôi tháp của Bà Huyện bằng đá xanh rất khéo léo. Chùa đã bị điêu-tàn vì cuộc biến chuyển năm 1945.

ĐÌNH ĐỒNG-SƠN

Trong các ngôi đình chùa ở tỉnh Gò công, chúng tôi thấy tại làng Đồng-Sơn có một ngôi đình rất cổ kính, bên trong trang-trí lộng lẫy, trang nghiêm. Đó là đình Đồng-sơn.

Công trình kiến tạo này do cựu phủ danh-dự Huỳnh-Đình-Khiêm, một điền-chủ trong tỉnh, và thân nhân ông đứng ra xây cất từ lâu để thờ Linh-Thần, hằng năm đáo lệ cùng lễ trọng thể.

Đình này rất linh hiển, trong xã có việc chi đến khấn vái đều được linh ứng như sở nguyện, nhân dân trong làng hết lòng sùng kính.

DANH-LAM THẮNG-CẢNH

Nếu gọi là danh-lam thắng cảnh thì Gò-công không có chỗ nào đáng gọi là danh-lam thắng-cảnh cả, ngoại trừ bãi biển Tân-thành.

Bãi biển Tân-thành thuộc xã Tân-thành (Quận hòa-Lạc bây giờ) nằm về phía Đông-Nam tỉnh-lỵ Gò-công, cách xa tỉnh-lỵ 15 cây số. Nơi đây vào thời thái-bình dân chúng các nơi, nhứt là những vùng phụ-cận như Mỹ-tho, Long-an, Kiến-hòa, Sài gòn, Chợ-lớn, thường đến đây để tắm biển và nghỉ mát. Dưới thời chánh-phủ Ngô-đình-Diệm có thành lập một nhà nghỉ mát cho công-chức, gồm có 3 căn và một nhà công cộng có ba căn. Vì tình-trạng chiến-tranh nên các nhà nghỉ mát này đã bị tàn phá. Đường Gò-công — Tân-thành vì thế cũng bị gián đoạn từ năm 1961 cho đến nay (1969) đường đi biển lại được khai thông, du khách lại tới lui tấp nập.

Ngoài ra, các du khách khi đến Gò-công thường viếng thăm lăng Trương-Công-Định, lăng Hoàng-gia Phạm-Quốc-Công và miếu Võ-Tánh, là những bậc tiền-nhân của chúng ta đã góp công xây-dựng quê hương làm rạng rỡ nước non nhà.

PHẦN THỨ BA

— **Danh-nhân lịch-sử**

— **Nhân-vật cận-đại**

VÀI NÉT VỀ DANH-NHÂN LỊCH-SỬ VÀ NHÂN-SĨ GÒ-CÔNG XƯA VÀ NAY.

Gò-công là một xứ Địa-linh Nhơn-kiệt.

Tuy không trù-phú lắm, xứ Gò-công cũng nuôi sống dân mình một cách sung túc và đóng góp một phần quan-trọng vào sự thịnh-vượng của nền kinh-tế nông-nghiệp quốc-gia. Gò-công cũng sản-xuất lắm nhơn tài làm rạng rỡ tỉnh nhà, trong công cuộc tranh đấu xây dựng đất nước.

Nếu đã lỡ sanh một Huỳnh-Công-Tấn làm cho cỏ cây sầu tủi, thì đã có một Trương-Công-Định đem máu xương tô-điểm sơn-hà, một Từ-Dũ hoàng thái hậu noi gương mẫu nữ-lưu, một Mai-Tấn-Huệ để danh cho đất Gò trên đập Ông Chưởng, một Quận-công Võ-Tánh tô đậm những trang sử vàng son, oai hùng tại Đầm-Vạn-Thắng danh bia muôn thuở...

Non nước có lúc thạnh lúc suy. Và trong những lúc suy mới rõ đâu là con thảo tôi trung, đâu là phường buôn dân bán nước. Ta không có quyền bắt buộc ai ai cũng phải là anh-hùng nghĩa-sĩ vị-quốc xả thân. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, mỗi tánh tình, sở trường sở đoản không giống nhau, chỉ cầu mong một điều những người sức yếu thế cô, trong hoàn cảnh nào cũng liệu thế giúp nước cứu dân là được.

Sau những năm chinh chiến khói lửa, máu anh-hùng yêu nước đã tràn nhuộm non sông, trước sự yếu hèn của một triều-đình phong-kiến bạc-nhược, những vua chúa bất minh, nước Việt Nam lọt dưới quyền đô-hộ của thực-dân hùng mạnh. Trong suốt thời kỳ đô-hộ, những nhà ái-quốc chân thành nóng lòng liều mình tranh-đấu mãi dầu là tuyệt-vọng, song cũng có những người ẩn-nhẫn chờ thời cơ. Có khi ra hiệp tác với thực-dân, nhưng cốt để chở che cho dân chúng. Vì lẽ đó trong cuốn sách này trong mục danh-nhân và nhân-sĩ Gò-công chúng tôi nhắc nhở đến tất cả những ai có nhiều ít công lao với tỉnh nhà và dân chúng.

CHƯỞNG-CƠ MAI-TẤN-HUỆ

Từ khi chúa Định-vương Nguyễn-Phúc-Thuần chạy vào Gia-định, mãnh đất miền Nam biến thành trường dụng võ, tranh-hùng giữa hai thế-lực Tây-sơn và Nguyễn vương khai sáng. Anh-hùng hào-kiệt Đồng nai có cơ-hội xuất đầu lộ-diện. Các danh tướng lỗi lạc như Đỗ-Thành-Nhân, Võ-Tánh, Châu-Văn-Tiếp, Nguyễn-huỳnh-Đức, Trương-Tấn-Bửu, Lê-Văn-Duyệt, Nguyễn-Văn-Nhơn, v. v... mỗi người đều có bản sắc riêng, oanh-liệt hào-hùng đáng được cho đời nhắc nhở.

Nhưng kể về mặt có công giúp đỡ cho dân chúng một cách thực-tế hơn cả, đáng kể có Thoại-Ngọc-Hầu, Nguyễn-Văn-Thoại với công cuộc mở mang đường thông-thương xuyên con kinh Vĩnh-tế, và chưởng-cơ Mai-Tấn-Huệ trong việc mở mang khu-vực Bình-luông-tây.

Trước kia, làng Bình-luông-tây rộng lớn, bao trùng các làng Bình-luông-đông, Bình-luông-trung, Long-thạnh, phân nữa Long hựu và phân nửa Tân-cương bây giờ.

Mai-Tấn-Huệ quê quán ở Giồng-lăng, làng Bình-luông-tây, tỉnh Gò công, nay thuộc về địa-phận làng Tân-cương.

Ông theo đòi nghiệp võ từ thuở trẻ, tài nghệ vang tiếng xa gần. Khi Võ-Tánh bỏ mười tám thôn vườn trầu xuống Giồng-Tre (gọi là Khổng-Tước nguyên, tức Gò-công), ông theo làm bộ tướng của Võ-Tánh. Ấy là đạo binh Đông-Sơn, mục-đích chống nhau với Tây-sơn. Lực-lượng quân đội Đông-sơn càng ngày càng bành-trướng, có thinh thế lớn, một phần chính do công lao của ông khéo chiêu mộ thêm và tổ-chức có quy củ hẳn hòi. Có thể nói ông chính là cánh tay mặt của Võ-Tánh khi ấy, khiến cho tên tuổi họ Võ ngày một vang lừng.

Chẳng bao lâu, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh cho Nguyễn-Đức-Xuyên đến chiêu dụ. Võ-Tánh khứng theo về ; ông trước có mặt trong đạo quân của Võ-Tánh, từng xong pha trận mạc, từng phen đương cự với Tây-sơn và Chân-lạp, danh tiếng nổi dậy trên các chiến trường, Tuy nhiên, ông vẫn còn là thuộc tướng của họ Võ nghĩa như chủ khách, tình như anh em, sống chết hoạn nạn có nhau.

Đến khi Võ-Tánh tử tiết trong thành Bình-định, ông và Nguyễn-Văn-Tấn đứng lên cai quản binh tàn. Giai đoạn này bản sắc hào hùng của ông mới nổi bật. Ông nghiễm nhiên là một vị danh tướng, tài năng thi triển không kém gì Võ-Tánh bao nhiêu. Chúa Nguyễn mười phần đẹp ý, tín nhiệm ông, trọng dụng và ban thưởng rất hậu. Đáp ơn tri ngộ, từ đây ông thỏa chí vẫy vùng hơn nữa.

Lấy lại được Qui-Nhơn, chúa Nguyễn phong ông làm quan lưu thủ tại đây. Bấy giờ ông lại có công dẹp bọn giặc cướp ở Cây-na, dẹp giặc Tàu ô ở cửa biển Kim-bồng và dẹp được giặc Mán ở Quảng-Ngãi. Bao nhiêu công trận an dân, giữ đất kể trên đủ là bằng chứng hùng hồn định chân giá-trị làm tướng của ông. Chẳng những ông được các chiến-hữu khen phục, dân chúng mến tưởng. mà chúa Nguyễn cũng tin yêu hơn lên. Trong việc xây đắp hoàng thành Phú-Xuân, chúa Nguyễn cũng ủy thác cho ông coi sóc.

Bình-định thiên hạ, thống nhất non sông, sự đóng góp của ông cũng ngang hàng với các tướng lãnh hữu danh khác. Thế nên khi lên ngôi vua, luận công ban thưởng, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh trao cho ông trọng trách trấn giữ thành Bình-định.

Đến năm Ất-sửu 1805, ông được phong chưởng cơ. Những khi trong nước có giặc cướp, biến loạn, ông thường được nhà vua giao cho sứ mạng đề đánh dẹp, đều thành công cả. Nơi nào ông điều động binh sĩ đi qua, nơi đó dân chúng được nhờ ơn che chở, lo việc an ninh châu-đáo. Quân luật của ông rất nghiêm minh, các thuộc hạ của ông không ai dám làm điều sái quấy, nhũng nhiễu dân. Bởi thế, ông trấn giữ chỗ nào, tiếng tốt bia truyền, nhân dân cảm đức xưng phục.

Tuổi về già, ông dân biểu xin cáo quan quy điền. Nhà vua tỏ lòng luyến tiếc, ban cho ngự tửu và đề lời ân cần :

— Một mai nước nhà có việc, khanh hãy vì xã-tắc mà ra sức như thuở ban đầu, đừng để phụ lòng Trẫm ưu ái.

Ông cúi đầu tuân mạng. Ngày ông lên đường về quê, các quan vâng chỉ đưa tiễn hơn trăm dặm, xem như thế, đủ biết ông được triều-đình tưởng lệ là ngần nào.

Lui về ở tại ấp Bình-hòa, thuộc làng Bình-luông-tây, ông mở trường dạy võ, đào luyện con em trong làng xóm để bảo-vệ thôn ấp những khi có biến và dự bị nhơn tài để ra giúp nước cơn biến loạn. Ngưỡng mộ tăm tiếng ông, học trò xa gần đến thọ giáo ông đông đảo.

Ít lâu, ông lại cùng dân chúng lo phá rừng mở ruộng, ông có đắp một cái đập ngang ngọn Rạch Dà, lưu truyền cho đến nay tục gọi là «Đập Ông Chưởng».

Ngày ông qua đời, triều-đình có phái quan đem vào ban cho một hộc mả đá ong và một tấm mộ chí.

Hiện nay, mộ ông còn tại Bình-luông-tây, ấp Bình-hòa, Miếu thờ cất bằng lá. Trong năm Quý-Tỵ 1943, hội đồng xã Bình-luông-Tây có đệ đơn xin phép lập một hội gọi là «Long-An-Hội» để lo việc thờ phụng ông.

NGÀI NGUYỄN-VĂN-HIẾU

Một võ-tướng thanh-liêm, cương-nghị.

Nói đến các danh-nhân khuông phò chúa Nguyễn, thống nhứt san-hà, chúng tôi phải nói đến ông Nguyễn-văn-Hiếu người miền Nam, có công rất lớn với vua Gia-Long. Ông là người có tài, có đức, cương-trực và liêm-khiết.

Ông Nguyễn-văn-Hiếu người Kiến-hoà, thuộc tỉnh Định-tường ; ông thân-sinh húy là Đán, được tặng chức Chưởng-vệ Cẩm-y. Ông Hiếu lúc còn hàn-vi, cắt cỏ thuê để sinh sống, năm Ất-tị 1785, ông theo ông Võ-Tánh khởi nghĩa binh ở Gò Khổng-tước (tức Gò-công), cùng giặc giao chiến, giết được giặc rất nhiều tại đầm Vạn-thắng. Mùa thu năm Đinh-mùi 1787, đức Thế-tổ Cao-hoàng ở Vọng-Các về, gởi trao ông Hiếu chức Tổng-nhung Cai-cơ. Đại binh tiến đóng ở Hồi-oa (nước xoáy), ông Hiếu đến yết-kiến, được trao chức Khâm-sai Cai-cơ, và một cái yêu bài (thẻ bài đeo ở lưng) để theo quân đánh giặc, năm Tân-hợi 1791, ông được bổ chức Cai-đội Hữu-chi Nhập-nội đạo ; sau đó được thăng Cai-cơ ; năm Bính-thìn 1796, thăng Hữu-chi Phó trưởng-chi ; liền sau đó được thăng Chánh trưởng-chi. Năm Tân-dậu 1801, ông theo ông Võ-Tánh giữ thành Bình-định, đánh với quân địch ở cửa Đông thành trúng đạn ở chân, nên bị địch bắt, sai ông đem quân của Chi mình làm kỳ binh (binh lẽ ở ngoài, thừa lúc địch vô ý mà đánh) hậu tập, Ông Hiếu bèn dẫn quân chạy về với quân ta. Tháng 9, ông đánh úp quân địch ở Trà-sơn, thắng được thưởng 7 trăm quan tiền. Năm Nhâm-tuất 1802, ông được thăng Phó tướng Hữu-quân, đem binh đồn trú Bình-định. Năm Quý-hợi 1803, xuống chiếu sai ông theo Tả-quân Lê-văn-Duyệt đem binh đánh Ác nam ở Quảng-ngãi (tức mọi Đá-vách). Năm Mậu-thìn 1808, ông quyền lãnh chức lưu-thủ Bình-định ; rồi lại được phái theo ông Lê-văn-Duyệt trong việc binh. Sau đó, ông được triệu về kinh. Năm Canh-ngọ 1810, ông được phái đem binh ở Bắc-thành, mùa đông năm ấy ông kiêm lãnh chức Đề-thinh. Rồi gặp tang mẹ, ông nghỉ việc. Sau đó ông được bổ làm trấn-thủ Sơn-nam-hạ (tức tỉnh Nam-định).

Ông Hiếu tính người thanh-liêm, cương nghị, không cầu thả trong việc lấy của người khác, thường nghiêm cấm bọn môn hạ, không cho giao thiệp với người ngoài, trong những dịp lễ tiết, có ai biếu tặng vật gì ông đều khước từ, vì vậy mà khi làm quan, chốn hoạn xá rất tiêu-điều, lương bổng chỉ đủ dùng, cuối năm là hết, thế mà ông cũng không mong cầu cho dư đủ. Bà phu-nhân thường đem điều ấy thưa với ông, ông cười nói : « Bà không nhớ lúc cắt cỏ thuê sao ? lúc ấy khi đi đâu thì vợ chồng phải đổi áo mà mặc, chỉ lo cái ăn đủ mỗi ngày ; nay sánh với xưa, đã hơn gấp mấy lần, thế mà còn muốn lấy của bất nghĩa để làm giàu sao ? » Từ đó, bà phu-nhân không dám đem tài lợi mà thưa với ông nữa.

Ông Hiếu tuy xuất thân võ-biền, nhưng hành động, cử-chỉ, có phong độ một nho thần. Các vị cử-nhân tân khoa đến yết, ông tiếp đãi rất ân cần, rồi hiểu thị rằng : « Mười năm đèn sách mới có ngày nay, tôi xin mừng cho các thầy. Ngày sau, được bổ dụng làm quan ; cũng nên giữ-gìn như lúc tân khổ hồi đi học, chớ có xa-xỉ thái quá để mang vết xấu cho thân danh, và phụ ý tốt chọn lựa nhân tài của Triều đình ».

Ông Hiếu khi làm quan đã thi thố nhiều huệ chính, nên được dân thương mến ; lại nghiêm trị thuộc lại, thuộc lại đều kính sợ. Trong hạt nhiều trộm ông Hiếu đến, bọn trộm bảo nhau rằng : « Ông Trấn-thủ là người nhân huệ, ấy là Phật xuất thế, bọn chúng ta phải tránh đi » Vì đó, ông đến đâu thì trộm tránh xa.

Năm Minh-Mạng thứ 2, xa giá Thánh-tổ Nhân-hoàng-đế Bắc-tuần nghe ông Hiếu trị dân có chứng-tích, triệu đến hành tại ở Thăng-long, thăng thưởng một cấp, ban cho một thiên-lý kính mạ vàng một con dao có chạm khắc và một khẩu súng chữ Kim rồi bổ ông làm Án-trấn Thanh-hóa.

Ở Thanh-hóa, một hôm có chức Thổ-Ty đem lễ hậu đến ra mắt, ông Hiếu lấy lời ôn tồn từ khước, bảo đem ra — Có một gã đầu xanh ở nhà bếp lẻn ra theo, dọa nạt người Thổ-ty, lấy một nữa lễ vật. Ông Hiếu biết được, giận lắm, lập tức sai ra chém, các quan đều can gián, nhưng ông không nghe — Chém rồi, ông xin chịu tội với Triều-đình. Vua cho là ông Hiếu thiện tiện giết, giáng 3 cấp, vẫn lưu lại chức cũ.

Năm Minh-Mạng thứ 7, ông Hiếu cùng quan trấn Nghệ-an hội binh bắt được tên giặc Ninh-Tạo, vua xuống chiếu hậu thưởng và triệu ông về kinh, ông vào bệ kiến, vua hỏi : « Trấn khanh có yên không ? » Ông tâu : « Yên » lại hỏi : « Khi trước khanh trấn Nam-định, thấy dân vật, phong-tục trấn ấy sánh với Thanh-hóa thề nào ? « Ông tâu » : Dân Nam-định đa-trá, không bằng dân Thanh-hóa thuần phác hơn ». Liền đó ông được thăng Thần sách Tả-dinh, Phó-đô Thống-chế, lãnh chức Trấn-thủ Nghệ-an.

Năm Minh-Mạng thứ 8, thổ-phí Nam-định đã dẹp xong, vua sai ông Hiếu xung chức kinh-lược Đại-thần, cho bạc 200 lượng, cùng Hình bộ Thượng-thư là Hoàng-kim-Xán là Phó-sứ, Binh-hộ Thị-lang là Thân-văn-Duy làm Tham-biện Kinh-lược sự-vụ, đến Nam-định, tuần-hành các làng, ấp, xét quan lại, chẩn cấp cho dân bần cùng, xét các việc kiện tụng, gian-dối còn ẩn dấu, Phái bộ đến đâu cũng thu xếp yên ổn ; khi về, vua sai Bộ lại xét thưởng, ông Hiếu được thăng Thần-sách Tả-dinh đô-thống-chế, vẫn lãnh chức Trấn-thủ Nghệ-an như cũ.

Minh-Mạng năm thứ 9, quan binh kinh-lược biên-giới Nghệ-an, ông Hiếu lo việc chuyển-vận và điều bát binh lính, không khi nào thiếu-thốn. Minh-Mạng năm thứ 10, ông Hiếu vì tuổi già sức yếu, thường đau ốm, xin giải chức, vua cho và cho được lãnh toàn bổng.

Đến khi lành bệnh, ông vào chiêm cẩn, vua hỏi han và an ủi rất lâu, rồi cho lấy chức Đô-thống lãnh trấn-thủ Nghệ-an. Có lần hội-đồng các quan đồng liêu để xét án các tên tù ăn trộm ; có đứa đã thú tội rồi, mà vẫn còn bị tra tấn, ông Hiếu thong thả nói : « Chúng nó vì cùng cực mà phải làm việc gian phi, đêm khuya xoi tường khoét vách, khó nhọc lắm mới lấy được tiền của người ta, nay nó đã nhận tội thì cứ theo luật mà trị, hà tất phải vẻ vời thêm làm gì ? Thử hỏi : Ở các nha-môn coi việc Hình, có những kẻ trên nhà cao, ngồi nệm, dựa gối, giữa ban ngày, vẫy ngòi bút mà làm tiền người ta không chút khó nhọc, các người ấy sánh với bọn ăn trộm kia, tội ai nặng hơn ? » Nghe ông nói, ai cũng giật mình.

Năm Minh-Mạng thứ 12, đổi Trấn làm Tỉnh. Ông Hiếu được bổ chức Tổng-đốc Hà-Ninh (Hà-nội và Ninh-bình) Khi Phó lỵ, đi ngang qua phủ Lý-nhân, thấy viên quản phủ là Nguyễn-Văn-Sáng suy yếu, mềm mại, ông liền tâu xin bãi chức. Vua dụ rằng : « Khanh mới tựu chức, đã biện biệt được nhân-phẩm, thật đáng khen ! »

Năm Minh-Mạng thứ 13, ông được thăng Thự Tả-quân Đô-thống-phủ Chưởng-phủ-sự. Năm Minh-Mạng thứ 14, được phong Lương-năng-bá. Rồi ông mất, thọ 70 tuổi.

Vua nghe tin rất thương xót, thực thụ hàm Tả-quân Đô-thống-phủ Chưởng-phủ-sự, vẫn tước Bá, và cấp 1.000 quan tiền, lập đàn tế một lễ. Năm Tự-Đức thứ 5, ông được thờ ở miếu Trung-hưng Công-thần.

Năm Tự-Đức thứ 11, ông được thờ ở Hiền-lương từ.

Ông Hiếu bình sinh tánh người thuần phác, làm quan thì thanh-liêm, cần-mẫn, đãi người hòa-nhã dễ-dải, trải qua các chức trong triều, ngoài trấn, đều được tiếng tăm và có chính tích thời bây giờ, nói đến hạng « tuần-lương » thì ai cũng nói là ông.

Ông Hiếu có 6 con là các ông Nhâm, Tồn, Túc, Tình, Ân, Nhân, ông Nhân có tật ở chân, vô tự, Ông Tồn làm Vệ-úy Tả-vệ Bình-định, tập tước Lương-năng-tử, sau bị can, bị cách, rồi được khởi phục chức Suất-đội. Ông Túc lấy Công-chúa Chương-Gia, làm Phò-mã Đô-úy. Ông Tình làm Thành-thủ-úy. Ông Ân làm Phó-quản-Cơ. Ông Nhân làm Lãnh-binh Khánh-hòa.

Xuyên qua cuộc đời của Ông Nguyễn-Văn-Hiếu, người xuất thân ở miền Nam, đã lập được nhiều chiến công hiển-hách, trên đường quan lộ lắm bước thăng trầm, nhưng lúc nào ông vẫn giữ một lòng chung thủy với nước non, không lùi bước trước sự gian nguy và thử thách, ngày nay tại Khổng-tước-nguyên (tức là Gò-công) người ta cũng còn nhắc đến ông và Quận-công Võ-Tánh oai danh lừng lẫy nơi Ao Đồn-binh và Đầm Vạn-thắng, nói đến danh-nhân Gò-công mà không nhắc tới Ông Nguyễn-Văn-Hiếu là một điều thiếu sót lắm vậy.

Theo sự tra cứu của chúng tôi về dòng họ của ông Lương-năng-Bá tục gọi Tổng-đốc Nguyễn-Văn-Hiếu, hiện nay con cháu còn ở tại Thừa-Thiên (Huế) cũng khá đông, được biết hồi ấy các vị công-thần trong Nam theo giúp vua Gia-Long khi ra Huế có lập một hiệp hội lấy tên là Nam Châu Hội, ông Hiếu là sáng lập viên khởi xướng. Trong hội này gồm các đại-thần họ Nguyễn (Nguyễn-Văn-Hiếu) họ Phan (giòng Phan-Thanh-Giản), họ Phạm (giòng Phạm-Ngũ-Văn), v.v... Về sau hội Nam-châu đổi thành làng Nam-trung, (người Nam ra làm quan tại Trung-kỳ) hiện nay làng Nam-trung có một ngôi đình tọa lạc tại cửa đất lớn ở gốc đầu cầu Kim-long hướng về cánh hữu lầu Ngọ-môn Đại-nội Huế.

Xuyên qua tài liệu mà chúng tôi đã trình bày trên về ông Nguễn văn-Hiếu, và may mắn gặp được người người cháu mấy đời của ông hiện ở Sài gòn là giáo-sư Nguyễn-Lương-Hưng. dòng dõi của Tổng-đốc Hiếu.

Sau ngày Cách-mạng 1-1-1963 ông Hưng từng giữ chức hội-viên thuyết-trình viên chính-trị, có chân trong hội đồng quốc-gia lập pháp lâm thời, và giữ nhiều chức-vụ khác quan trọng trong các trào chánh-phủ kế tiếp.

Ông Hưng, người có tinh thần quốc-gia, thích hoạt động về văn hóa, đứng ra chủ trương Tuần-báo **Hòa-đồng** và là nguyên cố-vấn đặc-biệt Bộ Thông-Tin.

Trong khi tiếp truyện với ông Hưng nhận thấy ông là người đầy tiết tháo mang một dòng máu truyền thống xứng đáng là dòng máu của vị công thần được thế nhân xưng tụng.

Dưới triều Tự-Đức, nhân một hôm nhàn tản vua Tự-Đức cầm bút phê lên giấy long-đằng hai chữ Nguyễn-Lương và đay đem về treo tại tư đường. Từ đó con cháu của ngài thay vì Nguyễn Văn đổi thành Nguyễn Lương cho đến ngày nay.

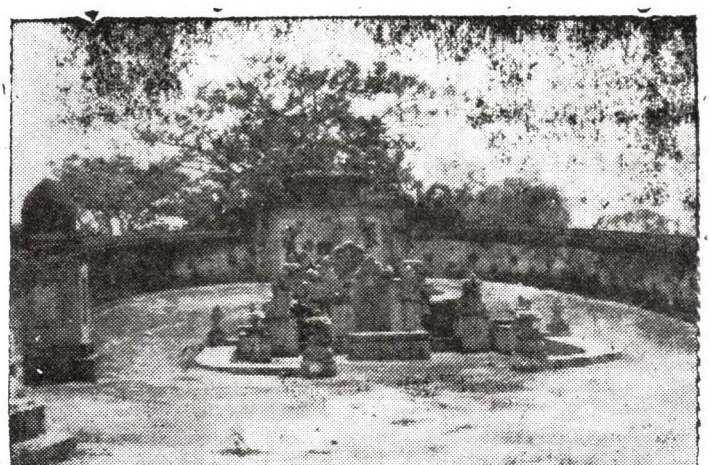
Bản này do ông Phan-Khoang, giảng-viên Đại-học Văn-khoa, dịch đúng theo nguyên văn ở sách Đại-Nam chánh biên liệt-truyện, sơ tập quyển 16, « chư thần liệt-truyện ».

QUỐC-CÔNG PHẠM-ĐĂNG-HƯNG
(1764 — 1825)

Phạm-Đăng-Hưng sanh ngày 24-9-1864 năm Ất-dậu, con của ông Phạm-Đăng-Long và Bà Phạm-thị-Tánh, công-thần dưới triều Nhà Nguyễn, người huyện Tân-hoà, làng Tân-niên-đông (Gò-công) thuộc tỉnh Gia-định Nam-phần Việt-Nam.

Ông là người thông-minh đỉnh-ngộ, tánh tình cương-trực, ăn nói thẳng-thắng, có nhiều ý chí lớn lao, ra đời gặp lúc quốc biến loạn ly, nhưng lúc nào ông cũng trau giồi kinh sử rèn luyện võ văn, hầu trở nên người hữu dụng của đất nước sau này, ông không thối chí ngã lòng trước cảnh quốc phá gia vong, giữa Tây-sơn và Nguyễn Ánh trang hùng, gây cảnh núi xương sông máu trên đất nước.

Một lòng cương-quyết nuôi chí lập thân chờ cơ hội thực thi nguyện vọng, năm Bính-thìn (1784) Ông thi đỗ tam-trường, được triều đình sơ bổ làm Lễ-sinh ở Phủ, với một chức vụ nhỏ nhen nhưng ông rất thận trọng lo tròn phận sự. Nhà vua thấy ông là người bặt-thiệp có nhiều khả-năng hết lòng lo việc nước, bèn thăng lên làm



Lăng Hoàng gia Phạm-quốc-công tại giồng Sơn-Qui

Lại bộ Tham tri, thường theo chân chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đi dẹp giặc, lại thêm có nhiều mưu lược, giúp cho vua thắng được nhiều trận lớn lao, lúc bấy giờ nhà vua hết lòng tin dùng trọng đãi cho là một bậc nhân tài của đức Khổng-tước nguyên, quần thần văn võ đều kính nể đến oai đức của ông, mỗi khi gặp sự khó khăn nào đều hỏi ý-kiến ông, và được giải thích thoả đáng.

Năm Gia-Long thứ 4 (1805) kiêm Chưởng trưởng-đà-sự, từ đây thỉnh giá ông càng lên cao. gánh vác những việc quan-trọng của nhà vua giao phó, ông tận dụng hết khả năng khai-thác làm những điều lợi ích cho chúa Nguyễn. Năm Gia-Long thứ 12 (1813), ông bước thêm một nấc thang nữa, được thăng lên Lễ-bộ Thượng-thơ lo việc trào chánh.

Mùa đông (1815) ông lại được kiêm thêm Quân-khâm Thiên-giám. Năm Gia-Long thứ 16, ông bèn dâng sớ thỉnh cầu nhà vua xin lập Xã-thương, tức là kho chứa lúa ở các xả trong nước phòng khi trời hạn hán, hoặc bị thủy tai mùa màng thất bát, thì lúc ấy lúa trong kho có sẵn chẩn cấp cho dân chúng tránh nạn đói kém, việc làm trên đây chứng tỏ ông hết lòng lo cho dân cho nước, một đời chỉ biết hy sinh và phụng sự không nghĩ gì đến việc riêng tư, tiếng tăm của ông càng vang rộng khắp trong thần dân khiến ai nấy đều khen ngợi và sẵn sàng đứng sau lưng ông để ủng hộ.

Năm Gia-Long thứ 18 (1819), vua Gia-Long bịnh nặng, ông phụng thảo di-chiếu, cùng Lê-Văn-Duyệt đồng thọ cố-mạng.

Sang triều Minh-Mạng, thứ 2 (1821) sung Quốc-sử quán Phó Tổng-tài. Danh vọng ông càng lên cao bấy nhiêu thì trái lại gặp phải lắm chông gai, có một số quần thần tham quan ô lại, vạch lá tìm sâu, cốt để làm hạ uy-tín và thanh-danh của Ông, tâu với nhà vua phát giác việc Bộ Lễ mạo-tặng bằng sắc, ông bị giáng 2 cấp điệu, rồi bổ vào Hàn-lâm-Viện, Quốc-sử quán tổng tài như cũ, lại kiêm lãnh ấn vụ bộ Lại, sung Khâm tu Ngọc phổ Toản tu.

Minh-Mạng năm thứ 5 (1824), ông được triều-đình xét qua công-trạng của ông đã giúp vua Gia-Long thống-nhứt đất nước, sắc chỉ phục chức Lễ-bộ Thượng-Thơ như trước. Triều-đại nào cũng có rất nhiều gian nịnh, lập phe kết đảng hảm hại trung thần, vì những

bọn ấy làm không được việc chỉ biết nịnh bợ lòn cúi, thấy kẻ khác tài giỏi hơn mình thì kiếm cớ bươi móc quật ngã uy tín của đối phương để dễ bề thao túng, làm vua mà không sáng suốt hại biết bao trung thần vong mạng, chính trường hợp của tướng Đỗ-Thành-Nhân trước kia, bị bọn xàm thần sợ đến uy danh của người, kiếm điều tâu rồi làm cho nhà vua nghi ngờ nghe theo giết mất một đấng anh-hùng của dân-tộc, lịch-sử đã chứng-minh điều đó.

Đến đời Minh-Mạng cũng dẫm theo con đường cũ của phụ vương, bắt tội biết bao người trung liệt một cách oan uổng, chính trường hợp của Tả quân Lê-Văn-Duyệt chẳng hạn. Trở lại vấn đề công-thần Phạm-Đăng-Hưng, chúng tôi cần vạch rõ những việc làm đáng tiếc của nhà vua, sau khi giác ngộ thì chuyện đã lỡ rồi.

Năm 1825 mùa hạ vua Minh-Mạng ngự gia ở Quảng-nam giao cho ông giữ kinh thành, tức là Đế-đô-Huế, tỉnh Thừa-Thiên bây giờ. Xuyên qua cuộc đời của ông thật lắm nỗi thăng trầm trên bước đường hoan lộ, nhưng vẫn giữ một lòng trọn đạo vua tôi, thủy chung cùng non nước, đức tánh của ông thể hiện qua những việc làm hơn là nói, lúc nào cũng lo tròn nhiệm vụ của nhà vua giao phó.

Mùa hạ năm Ất-dậu (1825) ông thọ bệnh mất vào năm 61 tuổi, được thăng chức Hàm-vinh-Lộc Đại-Phu, Trụ-quốc Hiệp-biện Đại-học sĩ, thụy là Trung-nhã.

Nhà vua chiếu chỉ cho tẩn liệm theo nghi lễ của triều-đình, linh cữu đưa về Gò-công an táng tại giồng Sơn-qui là nơi quê hương của ông.

Tương truyền ghe chở linh cữu của ông đi đường biển khi về gần tới Cần-giờ, địa phận Gia-định, gặp phải trận cuồng-phong sóng to gió lớn, đoàn quan quân tiền đưa hộ tống linh cữu hết sức lo-ngại sợ thuyền kia phải đắm. Trong lúc nguy cấp bỗng đâu nhờ có hai con cá-ông nổi lên đỡ thuyền đưa vô tới bờ được bình yên vô sự, ai nấy đều cho đó là một việc hiển linh hi-hữu. (Dưới triều Gia Long, nghe đâu thuyền chúa bị lâm nạn ngoài khơi Cần-giờ cũng được cá-ông cứu, đỡ thuyền thoát khỏi cảnh hiểm nguy. Sau ngày

thống-nhứt san hà vua Gia-Long nhớ ơn cứu tử phong chức cho cá ông là Đại-càng Quốc-gia Nam-hải và ra lịnh lập miếu thờ theo các cửa biển từ Thuận an vô tới trong Nam, thành ra cá-ông được giới ngư phủ kính trọng).

Tự-Đức năm 2 (1849) ông được gia tặng Đặc tấn vinh-lộc Đại phu Thái-bảo. Cần chánh điện đại học sĩ, tước Đức Quốc-công được thờ ở miếu Trung-hưng Công-thần và liệt tự vào đền Hiền-lương.

Phạm-đăng-Hưng là thân sinh bà Từ-Dũ, tức Nghi-Thiên-Chương Hoàng-hậu vợ của vua Thiệu-Trị mẹ vua Tự-Đức.

Trên đây là những phần đại-cương về ông Phạm-đăng-Hưng mà chúng tôi biên soạn hiến quí bạn đọc để biết qua phần nào tiểu sử vị công-thần dưới triều Nguyễn, một đời chỉ biết phụng sự và hy-sinh cho đất nước đến khi mãn phần không một tai tiếng gì, được người đời tặng cho là liêm-khiết thanh-cần, lưu danh muôn thuở.

Tại Gò-công ngày nay có đền thờ kiếng họ Phạm tại Giồng Sơn Qui, và ông còn rất nhiều thân-nhân ở tại đây.

Một chuyện xảy ra rất ly kỳ là tấm mộ bia của ngài, do cụ Phan thanh-Giản Thượng-thơ bộ lễ và Trương-quốc-Dụng bộ-Hình thừa-lịnh vua Tự-Đức phụng soạn bia văn 1858, được chở bằng đường biển từ Huế đem vô Gò-Công đặt trước mộ ngài, chẳng may nửa đường bị Pháp quân tịch thâu đem về làm mộ bia cho Đại-úy Barbé, người bị Quản Định phục kích chết tại góc đường Trần-quy-Cáp và Lê-Quý-Đôn, Sàigòn, đêm 7 tháng 12 năm 1860 Tấm bia khắc chồng hai thứ chữ này được Pháp dựng tại đất thạnh Thạnh Tây, đường Mạc-đỉnh-Chi ngày nay.

Đây là sự vô tình hay cố ý mà chánh-phủ Tân-trào làm như vậy, điều nay xin nhường cho bạn đọc phân tách kỹ càng hơn.

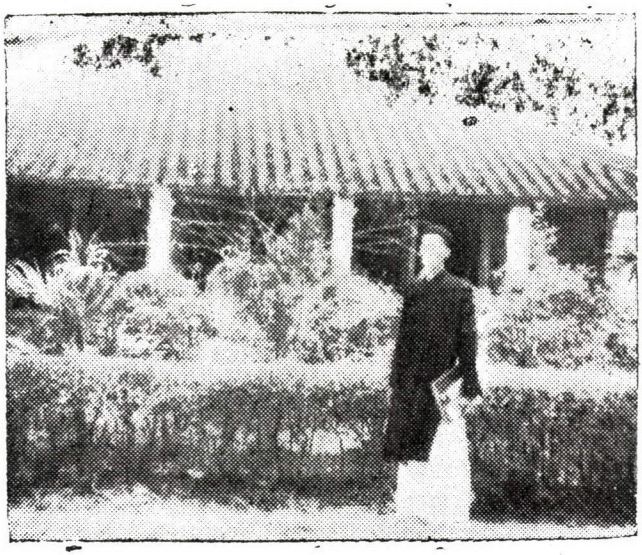
ĐỨC TỪ-DŨ THÁI-HOÀNG THÁI-HẬU

Một bậc hiền-phụ ở nước ta vào cuối thế kỷ XIX.

Bà tên Phạm-thị-Hằng, hiệu Từ-Dũ, sinh ngày 19-5 năm Canh-ngọ (1810) tại Gia-định, huyện Tân-hoà, Giồng Sơn-qui, nay thuộc tỉnh Gò-công.

Bà là trưởng-nữ của quan Thượng-thơ bộ Lễ Phạm-đăng-Hưng và bà Phạm-thị-Vị. Sau này là vợ của Hiến-tổ Chương-hoàng-đế tức là vua Thiệu-Trị, mẹ của vua Tự-Đức.

Xứ Gò-công là quê-hương của bà, địa-thế nằm cách bờ biển Nam-hải, độ 15 cây số ngàn, đất đai trù-phú sông dài bề rộng, phần nhiều là giồng cát và ruộng lúa phì-nhiêu, quanh năm nước mặn nên tại mỗi giồng đều đào giếng chứa nước ngọt xài nhưng cũng bị mội nước mặn rút vào pha chè không ngọt lắm.



Phủ thờ đệ nhị chi Thích lý, một trong ba chi của đức Từ-Dũ, toạ lạc tại xã An-hoà. Người đứng trước đền thờ là ông Phạm-đăng-Giác, nay trên 70 tuổi Miêu duệ của chi này.

Các bô lão địa-phương kể lại cho chúng tôi nghe một chuyện rất lạ, là khi sanh bà ra thì nước giếng nơi giồng Sơn-qui trở nên ngọt thanh khiến ai nấy cũng đều ngạc-nhiên cho đó là một điềm lành. Các vùng phụ cận nghe tiếng đồn đồ xô đến Giồng Sơn-qui gánh nước đem về uống, nước rất ngon và chữa được bịnh.

Từ khi bà ra chào đời thì đất Giồng Sơn-qui càng ngày càng nổi lên cao như dạng mô rùa, cây trái xum xuê thạnh mậu hơn các chỗ khác, phải chăng bà là một tinh đầu giáng trần để sau trở nên bậc mẫu nghi trong thiên hạ ?

Soạn giả Nguyễn-liên-Phong trong quyển Từ-Dũ Hoàng Thái-Hậu truyện, xuất bản vào năm 1913, đã mô tả bằng 2 câu dưới đây :

Lệ thủy trình tường thoại.
Qui khâu trúc phước cơ.

Nghĩa là :

Nước ngọt trổ điềm lành.
Gò rùa vun đắt phước.

Thật là « Địa-linh » trổ sanh « Nhơn-kiệt ».

Lúc bấy giờ có một thầy địa-lý nổi tiếng nghe đồn cuộc đất này có nhiều việc thay đổi lạ thường, nào là nước trở nên ngọt thanh, đất càng ngày càng bồi lên cao, bèn đến quan-sát đặt địa-bàn thí nghiệm, và cho đó là vùng đất linh tích tụ âm dương lâu đời có nhiều sinh khí, dưới lòng đất có long-mạch, đến ngày giờ được khai thông, lại thêm có các huyệt Bạch-hổ, Thanh-long, Châu tước v.v.

Bà sanh ra nhằm ngày tốt mà lại ở vào cuộc đất trên đây, chắc chắn trong tương-lai sẽ được sáng chói trong thiên hạ, chẳng những ảnh hưởng đến người ở chung quanh con giồng này mà về sau cũng được khá giả hiển đạt với đời. Sự việc đã thể hiện như lời của ông thầy địa-lý cho biết, về sau đã xảy ra y như vậy.

TÌM HIỂU MỘT VÀI ĐỨC TÁNH CỦA BÀ TỪ-DŨ

Bà lúc nhỏ tỏ ra thông-minh kinh sử, tánh rất hiền từ nhã độ, đi đứng nghiêm-trang, phương-phi cốt cách phải là một trang đài các. Qua đến năm 12 tuổi, Đức Quốc công-phu-nhân lâm bịnh, ưa nằm một mình chỗ thanh vắng không chịu tiếp xúc với ai thăm viếng. Bà ngày đêm chầu chực bên mẹ, thuốc thang, cơm cháo chẳng khi nào rời cho đến khi phu-nhân mất. Bà vô cùng cảm xúc sớm khuya khóc kể, lo việc tang chế phụng tự lửa hương không dứt, đêm ngày thức khuya dậy sớm cúng lạy, lâu ngày sức lực kém suy sanh ra bịnh hoạn thân hình gầy ốm. Bà thật là một người con chí hiếu ai trông vô cũng đều khen ngợi, tiếng đồn đến tai Cao Hoàng-hậu khiến Hoàng-hậu để ý người con gái đất Gò đầy đủ đức-hạnh vẹn toàn, tiếng thơm bay khắp chốn, như báo trước rồi đây cuộc đời của bà sẽ bước qua một giai đoạn mới liên quan đến lịch-sử Việt-Nam sau này...

Người xưa có làm 4 câu thơ để ca ngợi đức tánh của bà đến nay thế nhân còn nhắc nhở, ấy là :

Trời sanh quốc mẫu nết na hiền,
Thuở tuổi mười hai đã tự nhiên,
Giống lệ thủy tượng trưng thánh chúa,
Gò Sơn-qui triệu ứng thiên duyên.

BÀ TỪ-DŨ ĐƯỢC TUYỂN TIẾN CUNG

Qua năm 14 tuổi, Đức Thuận-thiên Cao Hoàng-hậu, vợ kế vua Minh-Mạng nghe bà là người hiền đức bèn tuyển triệu lai kinh, dạy vào hầu lịnh Hoàng trưởng-tử là Hiến-tổ Chương-hoàng-đế, ngày sau kế vị lấy niên hiệu là Thiệu-Trị (lên ngôi năm 1841).

Bà từ khi bước chân vào cung vẫn giữ một niềm khiêm nhường thảo thuận ! Đức Thánh-tổ đem lòng thương mến và đồng thời lịnh vua lại cho đòi con gái quan Kinh-môn Quận công Nguyễn-văn-Nhơn là bà Lịnh-Phi, cũng dạy vào hầu Hoàng trưởng-tử. Bà Lịnh-Phi nhờ cha quyền cao chức lớn cho nên ngôi thứ ở trên bà !

Một ngày kia, Đức Thánh-tổ ban cho hai bà hai cái áo chẹt kim sa bâu trệt. Đến lúc ấy hai bà vô bái tạ, lại vâng lịnh Cao Hoàng-hậu

sắm ban cho hai bà bộ nút vàng, một bộ đậu hình phụng, một bộ đậu hình hoa, hai bộ đều gói giấy riêng, bao phong cẩn mật

Lịnh Cao Hoàng-hậu hằng đêm thầm vái phật trời nếu ai bắt đặng bộ nút đậu hình phụng thời có con trước, vái rồi sai nữ quan đem ban cho hai bà, dạy một bà lấy một gói để nguyên phong tấn nạp không đặng phép mở. Bà nhường cho bà Lịnh-phi lấy trước, đến chừng dâng lên, lịnh Cao Hoàng-hậu mở ra xem, thời bà Lịnh-phi đặng bộ nút đậu hình hoa bà đặng bộ nút hình phụng. Qua năm 15 tuổi, bà sanh đặng Diên-Phước trưởng công-chúa, cách năm sau bà sanh đặng thứ trưởng công chúa, lúc bấy giờ ngôi thứ lại đổi ra ở trước bà Lịnh-phi, từ đây bà đối với bà Lịnh-phi càng thắm thiết, không giai cấp riêng rẽ gì cả, đức-tánh của bà thể hiện lòng yêu thương tất cả những người trong cung nội giúp đỡ tiến dẫn họ có chỗ dựa nương, thật là một người nhơn-đức không ai bằng. Một đêm kia bà nằm chiêm bao thấy thần linh bưng một tờ giấy vàng viết chữ đỏ, có đóng ấn vua và một xâu chuỗi minh-châu sáng loà, trao tay cho mà dặn rằng : Coi theo đó sẽ biết. Bà thọ lãnh, chẳng bao lâu có nghén đãn sanh ra Đức Dục-Tôn-Anh Hoàng-đế, ngày sau kế thống niên hiệu là Tự-Đức quả như chiêm bao ứng mộng.

Ấy là :

Thần nhơn bỗng thấy lúc canh chầy,
Tỉnh dậy mơ màng giấc ngủ say,
Chữ đỏ dâng đem trao tận mặt,
Nút vàng trước đã nắm trong tay,
Điềm sanh chúa Thánh đâu đoan mách,
Phước ứng ngôi Trời chẳng đổi thay,
Vòi vọi Đồ-sơn (1) ơn nhũ bộ.
Đắp vung nên Họ vững bền xây.

---

(1) Vua Hạ-Võ cưới con gái nước Đồ-Sơn tên là bà Nữ-Kiều. Cưới đặng 4 ngày vua Hạ-Võ mắc lo đi bình trị thủy thổ, không biết tới nhà cửa vợ con, đi ngang qua 3 lần chẳng hề bước chân vào thăm nhà, Bà Đồ-sơn ở nhà có một mình, đẻ ra vua Khải, vua Khải nhớ cha khóc oa oa luôn ngày đêm, Bà Đồ-sơn chịu cực khổ nuôi dạy vua Khải cho đến trưởng thành, ngày sau nối nghiệp cho trào Hạ. Lịnh bà nuôi dạy Tự-Đức công lao khó nhọc cũng giống như bà Đồ-sơn nuôi dạy vua Khải vậy.

Xuyên qua cuộc đời của bà từ ngày được tuyển vào cung làm vợ của vua Thiệu-Trị, bà giữ đúng theo khuôn mẫu của Triều-đình. Mỗi lần nơi trào nội có bày ra các lễ cúng, hoặc tế đàn Nam-Giao bà thường đến trước sắp đặt trang hoàng, mặc dầu công việc ấy có quan nghi lễ lo-liệu, nhưng bà không thể ngồi chờ cho người ta làm rồi mới đến sau. Bà tỏ ra rất mực thước, siêng năng giỏi dắn, các quan ai nấy đều tán dương đức-độ của Bà. Đến khi đức Thánh-tổ băng-hà, đức Hiến-tổ lên ngôi, niên hiệu là Thiệu-Trị, bà được phong lên cung tần, hai năm sau (1843) được sắc phong làm Thần phi.

Qua đầu năm Thiệu-Trị thứ 6 (1846) được phong làm Quí-phi rồi Nhất-giai-phi. Năm thứ 7 (1847), vua Thiệu-Trị lâm bệnh nặng, chưa kịp lập sách cho bà làm Hoàng-hậu thì vua mất, bà hết sức buồn rầu, mỗi ngày thường ra hoàng-lăng quỳ than khóc nức nở.

Vua Thiệu-Trị nối ngôi cha tại vị 7 năm.

Lòng trung nghĩa của bà đối với nhà vua đã chứng tỏ bà là một bậc hiền phụ ít ai bằng. Mỗi năm đến ngày giỗ cúng vua Thiệu-Trị bà mặc lễ-phục đứng hầu trước điện thờ cũng như trong lúc còn sống, bà ôm mặt khóc tức tưởi thật bà quả là người hữu thủy hữu chung, thờ chồng trọn đạo.

Vua Thiệu-Trị băng hà bà hết lòng dạy dỗ vua Tự-Đức trở nên một ông vua chí hiếu. Hằng đêm bà thường giảng sách cho vua nghe cắt nghĩa từng ly từng tí. Bà dạy cách trị nước chăn dân, nhờ vậy mà vua Tự-Đức trở nên thông-minh hiếu học.

Một hôm nhà vua đi săn bắn dẫn các quan theo hộ vệ, bà kêu khiển trách : « Một mình con đi chơi mà làm nhọc đến triều-thần thật là lỗi lớn, từ đây về sau không nên làm như vậy nữa ». Khi bắn được thú, con nào thương tích nhẹ còn sống đem dâng cho bà, bà liền lấy thuốc xức và băng bó vết thương lành rồi phóng sanh, lòng nhơn đức của bà thương người mến vật sánh như bể cả. Mỗi khi nhà vua có chuyện lỗi lầm bà kêu đến nhịp roi và hết lòng giáo huấn, vì thế mà vua Tự-Đức trở nên một ông vua hiền hòa hơn hết, ưa thích ngâm thơ vịnh phú, có tài xuất khẩu thành thơ, văn chương lưu-loát.

TỰ-ĐỨC NỐI NGÔI CHA XƯNG HIỆU DỤC-ANH-TÔN HOÀNG-ĐẾ

Vua Tự-Đức lên ngôi chấp chính việc trào chánh, nhiều lần ngỏ ý định tấn tôn cho bà Từ-Dũ nhưng bà một mực từ chối, mãi đến ngày 15 tháng 4 năm Tự-Đức thứ 2 (1849), nhân khánh thành cung gia-thọ, triều thần văn võ đến yêu cầu bà nên để cho nhà vua tấn tôn, lần này bà mới chấp nhận tôn hiệu là Hoàng thái-hậu.

Bình sanh tánh hay khiêm nhường không ham danh tước, lúc nào cũng từ chối, nhưng lệ vua luật nước không cho phép. Một hôm vào dịp ngũ tuần, vua Tự-Đức cùng đình-thần dâng sớ khẩn thỉnh bà chịu tấn tôn huy hiệu Mỹ-Tự, bà dụ rằng :

Cám Hoàng-đế có lòng hiếu phụng,
Xót trào thần hết bụng lo toan,
Vị vong nhân ai thống tiên hoàng.
Sầu não ấy ngổn ngang chưa giải,
Tấn tôn lễ hãy tua đình đãi,
Đợi Tây-cung rồi lại sẽ hay.

« Ta đã được thiên hạ phùng sụng, thì nên lo những việc thiên hạ đương lo, năm nay dân chúng chưa được đặng mùa, ta có vui sướng chi, chính lúc Hoàng-đế phải lo chăn dân, lòng ta nào có yên mà nghĩ đến sự tôn vinh, ta xét nét kỹ càng trước cái bả hư danh, bắt buộc ta gánh thêm cho thất đức hay sao ?

« Vậy thì sớ thỉnh ấy nên bãi đi thì hơn, ta khuyên tất cả chủ công triều-thần văn võ lo giúp chánh-trị trong nước thái-bình, không chi sánh bằng ».

Bà hết sức chăm lo việc nước, nghĩ đến sự sống còn của nhân dân, bà lo sợ cho vua Tự-Đức không sáng suốt làm thất nhân tâm, mỗi đêm bà thường kêu vua Tự-Đức đến nghe bà phân tách sự lợi hại, bà đóng góp một phần rất lớn với triều-đình.

Năm 1874, khi hay tin quân đội Pháp vào xâm chiếm toàn cõi Nam-kỳ và buộc Triều-đình Huế ký hòa-ước nhượng địa, bà hết sức buồn bã bỏ ăn bỏ ngủ, đứng ngồi không yên, tủi cho vận nước đành ngửa nghiêng do bọn xâm lăng cướp nước gây tang tóc cho xứ sở.

Vua Tự-Đức bất lực không làm gì được đành phải nhượng bộ để cho Pháp chiếm trọn 6 tỉnh Nam-kỳ. Vì không tin lời của Phan-Thanh-Giản qua nghị hòa bên Pháp quốc về thuật lại sự tiến bộ của Tây-phương, giữ óc thành-kiến, nghe theo lời của đám ngu thần dua nịnh, không chịu cho người sang nước ngoài để học hỏi, chẳng nhìn xa nên phải đi lần đến chỗ mất nước.

VUA TỰ-ĐỨC BĂNG HÀ

Tháng 6 năm Quí-mùi (1883), vua Tự-Đức mất, trị vì được 36 năm, để lại di chiếu tôn bà Từ-Dũ làm Thái-Hoàng Thái-hậu, cái chức ấy là bậc mẫu-nghi của thiên hạ, nhưng bà có vui sướng gì đâu, đêm ngày bà đầm-đìa rơi lụy thương chồng nhớ con, phần lo cho nước non rồi đây sẽ đổi chủ, cảnh núi xương sông máu hiện ra trên đất kinh thành không biết lúc nào. Bà nhớ đến công-nghiệp của Cao-Hoàng gian lao hạn mã, thống nhứt giang san lần hồi phải về tay người khác. Sự lo lắng của bà không bút mực nào mà tả cho hết.

KINH THÀNH THẤT THỦ, VUA HÀM-NGHI BÔN TẨU

Ngày lịch sử trọng đại của nước Việt-Nam để bước qua một con đường mới đã diễn năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, bà cùng với hai Hoàng Thái-hậu và Hoàng Thái-phi, vợ vua Tự-Đức, theo chân vua Hàm-Nghi bôn đào chạy loạn, ra đến Quảng-trị. Theo lời van tâu của vua Hàm-Nghi bà và lưỡng cung mới trở về Huế lại.

Vua Đồng-Khánh lên ngôi, phong bà mỹ-hiệu là Từ-Dũ Bác-huệ Thái-hoàng Thái-hậu.

Với tuổi già bà ở yên nơi cung nội cho đến ngày chết.

Ngày mùng 5 tháng 4 năm Tân-sửu (1901), bà qua đời hưởng thọ 93 tuổi, tôn thụy là Nghi-thiên táng-thánh Từ-Dũ, bác-huệ trai-túc tuệ, đạt thọ đức nhân công chuyên Hoàng-hậu.

Ngày 20 tháng 5, triều-đình cử hành đại lễ tống chung bà, vào lăng Xương-thọ tại Huế. Giao cho quan Lộc-tự-khanh tên Phạm-nhã-Khánh chủ coi việc tế tự, mỗi kỳ đến ngày cúng tế đem về biên dụng.

Tóm lược qua phần tiểu-sử của Đức Thái-hoàng Thái-hậu, từ lúc mới sanh đến khi tiến cung hồi 14 tuổi rồi sau làm chánh cung của vua Thiệu-Trị, bà hưởng thọ 93 tuổi, hài cốt gởi nơi đất Thần-kinh cho đến ngày nay. Những thân nhân của nhà họ Phạm hiện còn cư ngụ tại Gò-công. Theo một tài liệu trong gia phả của nhà họ Phạm tôi biết có 3 chi, bà Từ-Dũ thuộc về chi thứ ba. Đền thờ tọa-lạc tại Sơn-qui thờ quý ông Phạm-Đăng-Dinh, nội tổ Phạm-đăng-Hưng sanh ra bà Từ-Dũ.

Đệ nhứt chi Phạm-tộc thờ ông Phạm-đăng-Cao là bác của bà Từ-Dũ, đền thờ tọa-lạc tại Tân-niên-đông-tây, người giám thủ nhà thờ này là ông Phạm-đăng-Đoàn.

Đệ nhị chi Thích-lý Phạm-tộc, ông Phạm-đăng-Huỳnh, đền thờ tọa lạc tại xã An-hòa trước kia là Hòa-nghị, giám thủ là ông Phạm-đăng-Giác, nay trên 76 tuổi.

Đất Gò-công đã xuất thân ra bà Từ-Dũ một bậc mẫu-nghi dưới triều nhà Nguyễn. Bà đã nêu cao đức tánh của người phụ-nữ Việt-Nam với những trang sử vàng son lưu-danh hậu thế.

Một điều đáng cho chúng ta chú ý là ở Nam-phần Việt-Nam, đất Gia-định rất diễm-phúc có tất cả là 3 bà hoàng-hậu dưới triều nhà Nguyễn :

1.— Chánh hậu là Thuận-Đức-Nhơn Hoàng-hậu, họ Hồ, người tỉnh Biên-hòa, vợ của Thánh-tổ-Nhơn Hoàng-đế, niên hiệu là Minh-Mạng.

2.— Chánh hậu là Từ-Dũ Chương-hoàng-hậu, họ Phạm ở tỉnh Gò-công, Giồng Sơn-Qui, vợ của Hiến-tổ-Chương Hoàng-đế, niên hiệu là Thiệu-Trị.

3.— Bà Nguyễn hữu thị Lan người Gò-công con gái Nguyễn-hữu Hào, tức là Nam Phương Hoàng Hậu vợ của vua Bảo-Đại.

Ba vị chánh hậu trên đây đều là người miền Nam cả.

VỊ GIÁM-MỤC VIỆT-NAM ĐẦU TIÊN LÀ NGƯỜI GÒ-CÔNG ĐỨC CHA GIOAN BAOTIXITA NGUYỄN-BÁ-TÒNG

Các thanh thiếu niên học-sinh trường trung-học Nguyễn-bá-Tòng, và phụ-huynh các em có biết chăng trường các em đến học mỗi ngày ở bên Nhà thờ Chợ Đũi, mang danh một người con của tỉnh Gò-công đã làm rạng-rỡ cho quê-hương xứ-sở ?

Quả thật vậy, Đức Giám-mục Nguyễn-bá-Tòng là người đồng hương của bà Từ-Dũ Hoàng thái-hậu. Ngài sanh năm 1868 tại Gò-công.



Di ảnh cố Giám-mục Gioan Baotixita Nguyễn-bá-Tòng

Xuất thân từ một gia-đình công-giáo, từ thuở nhỏ ngài đã tỏ ra rất thông-minh, học hành tấn phát lạ kỳ. Nhưng thay vì dùng tài học mình để bước lên thang danh-lợi, ngài lại hiến thân mình làm một anh chài lưới như ngư phủ Vàm-láng, nhưng là một thợ chài lưới linh hồn, (Pêcheur d'âmes) như thánh Phêrô, đại môn đồ của chúa Giêsu. Thánh Phêrô xưa là một người đánh cá, khi gặp chúa Giêsu kêu gọi liền từ bỏ hết theo thầy, đứng đầu 12 môn-đệ đi khắp xứ Galilée để truyền giáo, lập nên Giáo-hội Thiên-chúa-giáo với nền tảng vững-vàng bất-diệt. Cũng như Thánh cả Phêrô, Gioan Nguyễn-bá-Tòng đã nghe tiếng gọi thiêng-liêng của Chúa Giêsu, từ bỏ hết để theo thầy chài lưới cứu vớt linh-hồn. Được các Cha, Thầy hiểu rõ tâm nguyện mình nâng đỡ, và khi có một vốn văn-hoá đủ để học La-tinh ngữ, hiểu các sách triết, tâm-linh và thần-học, Gioan lên Sài-gòn vào học tại Tiểu-chủng-viện (Petit Séminaire) là lò đào luyện các tu-sĩ truyền-giáo Việt-Nam, từ thầy giảng đến linh-mục.

Mười mấy năm chuyên cần học tập và tu thân ép xác, Nguyễn bá Tòng được phong Linh-mục ngày 10-9-1896, năm ngài 28 tuổi. Có tiếng là học lực cao thâm, thông sành tâm-lý và có tài tháo vác, ngài được Đức Giám-mục đương thời chọn làm thư-ký Toà Giám-mục, Ngài đảm nhận công việc này trên 20 năm trong sự thoả-mãn của mọi người. Trên 48 tuổi Linh-mục Nguyễn-bá-Tòng mới từ-giã Toà Giám-mục đi làm Cha-sở cai quản các họ (xứ) đạo. Họ đạo trước tiên được đón tiếp ngài là Bà-rịa. Kế đó ngài được thuyên-chuyển về chăn dắt một trong những họ đạo lớn và giàu thịnh ở Sài-gòn, là họ Tân-định.

Trong thời-gian làm cha-sở họ Tân-định, cha Tòng đã giúp ích họ này rất nhiều. Họ càng ngày càng thịnh, một ngôi nhà thờ mới được cất lên, rộng-rãi xinh đẹp hơn, tháp nhà thờ cao 50 thước thi đua với nhà thờ Chánh-tòa Sài gòn, Đáng chú ý nhất là công việc tông-đồ : người theo đạo mới ở Tân-định rất nhiều vì những công-tác xã-hội của người công giáo và đức độ của cha-sở cảm-hoá nhiều người. Trường học mở rộng thêm nhiều lớp. Nhà in Tân-Định hoạt động, tạp-chí. «Nam-Kỳ địa-phận» khởi sắc, những công việc từ thiện của

họ Tân-định chiếm một địa-vị ưu thắng trong công việc tông đồ của các họ đạo.

Điểm đặc biệt của cha-sở Nguyễn-Bá-Tòng là không những chỉ lo làm lễ, lên tòa giảng mỗi sáng chúa nhựt, ngồi tòa, rửa tội, làm phép hôn-phối, phép xức dầu và phép xác, mà đến họ nào, cha Tòng cũng lo mở mang việc học cho trẻ nghèo và mồ côi, cứu giúp người nghèo, băng bó những vết thương đau của xã-hội. Không phải chỉ giảng Phúc-âm mỗi sáng chúa nhựt mà lôi kéo được người ngoài theo đạo. Cha Tòng đã làm việc tông-đồ bằng cách đến gần, chia sẻ với những kẻ khổ đau, gõ cửa lòng người ngoại đạo bằng những công-tác xã-hội chứng tỏ tình-yêu và tương-trợ dân-tộc, không phân biệt giai-cấp và tôn-giáo. Việc lấy tên ngài làm bảng hiệu một Trung-học-đường lớn ở Sài-gòn, có dụng ý biểu dương công đức của nhà tu hành Nguyễn-Bá-Tòng, đi đến đâu cũng lo việc học của trẻ em nghèo trước nhứt.

Công-đức của Linh-mục Nguyễn-bá-Tòng vang dội về đến Vatican. Đức Thánh-cha ở La-mã lưu ý. Ngày 20 tháng 10 năm 1932, cha-sở họ Tân-Định Nguyễn-bá-Tòng được Tòa-thánh chỉ-định vào Giám-mục đoàn. Ngài là vị linh-mục Việt-Nam đầu tiên được nâng lên chức-vị cao trọng này. Tuy đã được cất nhắc lên hàng Giám-mục ngày 20-10-1932, nhưng phải mấy tháng sau vị tân Giám-mục mới có dịp qua La-mã, để được đức Giáo-hoàng Pie XI làm lễ tấn phong trọng-thể tại đền thờ Thánh Phêrô tại La-mã ngày 11 tháng 6 năm 1933, cùng một lúc với 4 vị tân-giám-mục chọn lựa trong hàng linh-mục đại-đức ở 4 xứ Á-đông.

Sau lễ tấn phong ở La-mã, đức Giám-mục Nguyễn-Bá-Tòng đáp tàu Amboise từ Marseille về nước ngày 13-9-1933. Sau đó ngài từ giả con chiên ra Phát-diệm phụ-tá cho Giám-Mục Marcou. Hồi ấy ở Sài-gòn chưa có chức giám-mục Việt-Nam. Đáng lẽ ngài là vị giám-mục Việt-Nam thứ nhứt tại Sài-gòn mới phải. Nhưng vì lý do chánh-trị thực-dân còn làm chúa tể Đông-dương, nên vị giám-mục địa-phận Sài-gòn cũng phải là người Pháp mới yên lòng thực dân. Đức Thánh-cha ở La-mã không bao giờ nghĩ đến sắc dân trong cấp bực Hội-Thánh, nhưng trong việc điều-hòa quyền lợi giáo-hội khắp thế-giới cũng phải kể đến những yếu-tố chánh-trị. Đức Thánh-cha cũng

phải đi từ từ để tránh xung đột với thực-dân. Phải đợi đến ngày 20-10-1935 có khuyết-tịch, đức Giám-mục Nguyễn Bá-Tòng mới thay thế Đức Giám-mục Marcou cai-quản trọn giáo-khu Phát-diệm.

Trong năm năm ngài cầm quyền giám-mục, 2 giáo-dân khu Phát-diệm được hưởng nhiều công đức của người con xứ Gò-công. Đô-đốc Decoux, ngày 3-12-1940, thay mặt chánh phủ Pháp đến tặng ngài Bắc-đẩu-bội-tinh ! Bội-tinh của thực dân đối với vị Giám-mục Gò-công không có nghĩa-lý gì, vì ngài đã nhận được phần thưởng quí-giá hơn nhiều là lòng tri-ân của giáo-dân Phát-Diệm và lòng nhớ thương của đồng bào ở Sài-gòn.

Năm 1944, Đức Giám-mục Nguyễn-Bá-Tòng đã 76 tuổi.

Ngài mệt mỏi lắm rồi, vì tuổi già, mà cũng vì theo gương chúa Giêsu ngài đã gánh lên vai trọng-lượng vô định những thống-khổ của nhơn dân trong cuộc đệ-nhị thế chiến.

Sau 50 năm lao-lực lo việc Tông-đồ, chức càng cao, gánh càng nặng, Giám-mục Nguyễn-Bá-Tòng xin với đức Thánh-cha được lui về dưỡng lão.

Ngài về Bùi-chu. Trong 5 năm ăn chay cầu nguyện, cho thế-gian biết Chúa, cho đồng bào Việt-Nam không phân tôn-giáo được chúa xót thương ngưng cơn thịnh-nộ mọi người biết thương yêu đoàn kết lẫn nhau sớm trở về dưới chân chúa.

Thế chiến chấm dứt ! Nhưng đối với nhơn dân Việt-Nam một chiến-tranh khác đau lòng hơn tiếp nối liền.

Ngài về với Chúa vào tháng 7 năm 1949, ôm theo một mối thương đau cho dân-tộc đang quay cuồng trong khói lửa và sắc máu

Vị Giám-mục Việt-Nam đầu-tiên người Gò-công, từ Tân-định ra Phát-diệm rồi sống những ngày sau cùng ở Bùi-chu, có đau đớn hay không khi nhìn xuống đường ranh Bến-hải.

★

ÔNG ĐỐC PHỦ ĐỨC

Ông Lê-tấn-Đức người làng Thành-phố, thuở nhỏ theo Hán-học, lớn lên thi đậu ra giúp Triều-đình làm một văn-quan. Gặp thời nhiễu-nhương, triều-đình nhượng bộ địch quân xâm lấn, ông khổ tâm tại vị chờ thời. Là một nho-sĩ trói gà không chặt, con người thuần hậu và thế cô sức yếu dẫu thù giặc phải ôm ấp trong thâm-tâm. Làm quan đồng thời với Lãnh-binh Tấn, ông làm trái ngược bạn đồng liêu. Trong khi Lãnh-binh Tấn gào ra khói thét ra lửa, Lê-tấn-Đức, như tên ông đã chỉ, đem nhơn-đức băng bó bớt những vết thương đau của dân chúng. Một trong những công-đức lớn của ông là cho đào ao lớn tại làng Thành-phố. Dân chúng tri ơn, tới ngày nay còn gọi ao ấy là ao Ông-Đốc, vì về sau ông lên chức đốc-phủ-sứ. Tại Gò-công ngày nay có một con đường gọi là đường Đốc-phủ-sứ để tưởng niệm người hiền đức biết thương dân. Chúng tôi đề-nghị gọi đường này là đường đốc-phủ Đức cho rõ rệt hơn và có tính cách lịch-sử, hơn là gọi trơn đường Đốc-phủ-sứ, vì Đốc-phủ-sứ trơn có nghĩa gì đâu ? Đốc-phủ-sứ nào mới được chứ ? Vì cũng có vài Đốc-phủ quỉ-sứ đó thì sao ?

ÔNG CHỦ SỰ THIỀU

Tại Gò-công có con đường được đặt tên là đường Chủ-sự Thiều.

Chủ-sự Thiều là ai ? Đã làm gì để được nêu danh muôn thuở ?

Ông tên thật Trần-đình-Thiều, người làng Thuận-ngãi (làng Thành-phố).

Từ nhỏ theo Hán-học, ông thông-minh và hiếu học. Dưới triều Tự-Đức, luôn hai khoa ông thi đậu Tú-tài. Được bổ ra làm việc, ông giữ chức Hình-bộ chủ-sự tại Đế-đô, kinh thành Huế.

Đời làm quan một mực thanh-liêm chánh-trực, lúc chí-sĩ trở về Gò-công, ông lập trường dạy học, đem sức già đào luyện lớp hậu-sinh. Nhờ công lao dạy dỗ của ông, học trò nhiều người nên danh phận.

Ông cũng là một văn nhân có hạng, bài phú « Tân-hoà thắng-cảnh » của ông còn truyền tụng đến ngày nay.

Công đào tạo thanh-niên, công vun bồi văn-học, ông Nguyễn-đình-Thiều quả xứng đáng được nêu danh và tưởng niệm.

Bài phú TÂN-HOÀ THẮNG CẢNH
Của TRẦN ĐÌNH THIỀU,
Chủ Sự Bộ Hình dưới triều TỰ-ĐỨC

Theo vần : « Phong Thủy Xuân Quang vô hạn »

Vần Phong : Kỷ Gò-công chi thắng tích, diễn *Hoà thạnh* chi di phong, Ngưỡng Thiên địa chi *Bình thành*, phong hoà hải nhuận, Mộc Hoàng Ân chi *Mỹ Lợi*, vật phụ dân phong.

Tân niên, Tân thới, Hoà lạc Hoà đồng.

Vi nhơn hồ đầu chi thu, cần tuân *hoà nghị*.

Cát dĩ *Long-hưng* chi địa, thủy thuộc *Tân Long*.

Vị Thiên đạo chi bất khả chuyển hề, Nam Kỳ Lục Châu tịch như thu dạm.

Hà thế đạo chi đại khả quan hề, *Tân Hoà* nhứt hạt lệ nhược xuân nồng.

Vần Thủy : Tắc kiến : Đông tắc *Bãi bùn, Lôi rạp* nhai my, Tây tắc *VÀM GIỒNG Định Tường* giái chỉ :

***Tiểu hải* nam thông, (cửa tiểu)**

***Tra giang* bắc kỵ (sông Tra)**

Thiên sản Nga mi chi tú sắc, thông uất *Qui-Sơn*.

Địa lưu Ngân phái chi kỳ văn, quanh hồi *Bức thủy*

Cương-giồng, Xa-giồng, Tự-giồng, Tháp-giồng.

Lâm-thị, Châu-thị, Huê-thị, Diệp-thị,

***TÂN THÀNH* kinh đạo, thoan chức tung hoành.**

***Vĩnh-trị* nhai cù, kỳ bàn bố trí.**

Giao nguyên nhứt vọng *Bình điền* tác tức thiên thu *Vĩnh Lợi*.

Vần Xuân : Quan phu : Lầu đài xứ xứ, xa mã phân phân

Đô đầu tống phách, phố diện nghinh nhân.

Hoàng kiều hề ảnh thềm hồng nghê, nhơn tư kiền phước.

Giáp đạo bề quang diêu đăng chúc, dạ khách *Bình-xuân*.

Học xá vi tấn đạo chi môn, du sức tàn tu tài đồi *Long-thành*.

Án trường nãi trị dân chi sở, binh diêu thuế khoá chánh hoá *Tuân duân*.

Vân Quang : Chí kỳ : Hiền vinh thích lý, quí dự tiêu phòng.

Văn tắc duy trướng vận trù Quốc công vị cực

Võ tắc trung hưng dực tá, Phò mã danh dương.

Khoa mục xuất : *Thuận Ngãi, Long-đông, Đồng-sơn Thạnh-nhựt.*

Nghĩa dõng lưu : *Mộ-già, Trước-phụ, Ngư-trai, mộng-thương.*

Túng linh Quách phác tinh dư, diệc viết : **Địa linh nhân kiệt.**

Nhược hữu hữu thừa thiện hoạ, nan miêu : **Thủy sắc sơn quang.**

Vân Vô : Tha như : Phong lưu dật khách, diễm lệ danh thù.

Triều ca tịch xướng, giang hạm đồ cu.

Phạn nhơn chi quán, mãi tửu chi lô, sơn tu hải vị hữu thời hữu : hương lạp thanh trì vô sư vô.

Hoặc thưởng nguyệt ư *Thành-phố*, chi cao lầu, nghi đăng **Bồng đảo.**

Hoặc nghinh phong ư *Bến chùa* chi lương tạ, tưởng thượng **Võ vu.**

Vân hạn : Nhiên nhi : Phong cảnh bất thù, giang sơn hữu hạn.

Xúc mục tâm hoài lịnh nhân thần vảng.

Niệm thử nhựt phồn hoa *Phú-thạnh*, nãi thị tân triều *Bình phục* chi châu dư

Tưởng đương niên suất thổ phồ thiên, diêu chúc Ngã hoàng trường xuân chi ức vạn.

GIA HỈ

ÔNG ĐỐC-PHỦ NGUYỄN-VĂN-NGUYÊN

Tại Tòa-bố (dinh tỉnh-trưởng) Gò-công, khách viếng thăm giở quyển sách vàng ghi danh những nhơn vật hữu-danh hoặc có công-lao với tỉnh nhà, thấy có ghi tên ông Đốc-phủ Nguyễn-văn-Nguyên, một viên quan gương mẫu giữa buổi giao thời cựu-học nhường cho tân học.

Sanh tại làng Bình-an, Gò-công. ông là một trong những người thức thời, theo tân-học sớm để quyết tiến-bộ và giúp đồng bào mình tiến-bộ.

Ông là người kỳ cựu trong phái tân-học ở Gò-công. Khởi đầu chỉ là một viên thông-ngôn, ông vừa làm vừa học và đi lần lên chức Đốc-phủ-sứ là chức quan cao nhứt ở miền Nam dưới thời Pháp thuộc.

Trong lúc giao thời, một số người tham-nhũng ra làm việc cho Tây, lợi-dụng sự bất đồng ngôn-ngữ đã làm giàu nhờ bốc lột đồng bào. Chúng ta không còn lạ gì những chuyện thông-ngôn đi với người Pháp đến nơi đâu cũng chỉ đất đai mà nói là ruộng vườn của hắn rồi xin giấy tờ chứng nhận mà đoạt điền-thổ của đồng bào không biết nói tiếng Tây, không kêu ca vào đâu được. Chúng ta cũng dư biết giòng họ của một vài tên bồi Tây được sắp hạng giàu nhứt nhì tam tứ ở miền Nam nhờ « thông-ngôn » thuở quân Pháp mới sang.

Trái ngược hẳn bọn thông-ngôn « móc họng đồng-bào » đó là ông Nguyễn-Văn-Nguyên đã dùng sự thông-thạo tiếng Pháp của mình mà che chở đồng bào, làm cho người Pháp am-hiểu và kính nể người Việt hơn. Những vụ bất công được ông mạnh dạn tố-cáo, những người cô-thế bị hiếp đáp được ông chở che bình vực.

Tánh-tình thuần-hậu và thanh-liêm, đời làm quan của ông trên kính nể dưới yêu vì, một đóa hoa thơm trong thời nước mất.

ÔNG HUYỆN HUỲNH-ĐÌNH-NGUƠN

Ông huyện Huỳnh-đình-Nguơn cũng có tên đường ở châu-thành Gò-công cũng là một nhơn vật đáng kính mến.

Sanh tại làng Yên-luông-đông, sau dời về làng Thành-phố, thuở nhỏ theo Hán-học, tuy không thi cử nhưng ông nổi tiếng là người học giỏi, được kể là một vị túc nho.

Thâm nhiễm đạo thánh-hiền, biết tu thân tề gia, khi được cử làm Cai-tổng ông đã làm tròn phận sự người đại-diện trung-gian giữa chánh-quyền và dân chúng nên được đời tưởng niệm. Về sau ông được thăng chức Tri-huyện nên có con đường để ghi ơn ông ở Gò-công, gọi là đường huyện-Nguơn».

Ngoài việc quan, thú tiêu-khiển của ông là làm thi và ngâm vịnh. Giọng ngâm của ông rất truyền cảm, và thi văn ông để lại còn được truyền tụng khá nhiều. Nếu có dịp, chúng tôi sẽ ra công sưu tập thi-văn của các bậc tiền bối ở tỉnh Gò, làm một cuốn cổ kim nhân-vật Gò-công thi tập.

ÔNG ĐỐC-HỌC HỘ

Giới học đường Gò-công từ giáo-viên đến học sinh, không ít thì nhiều, đều nghe danh ông Huỳnh-Thiên-Hộ.

Tuy là người sanh trưởng tại Quới-sơn, Mỹ-tho, sau khi tốt nghiệp trường Trung-học D'Adran ở Sài-gòn, ông đã hiến cả cuộc đời dạy dỗ thanh thiếu niên tỉnh Gò-công.

Là một nhà mô-phạm gương mẫu, giỏi cả hai ngôn ngữ Pháp-Việt, ông là người Việt đầu tiên được giao phó quyền Đốc-học tỉnh Gò-công và Thanh-tra các trường làng, tổng.

Để tưởng niệm một bực đàn anh trong ngành giáo-huấn đã hiến trọn cuộc đời lo đào luyện các thế-hệ thanh niên, ở Gò-công có một tục-lệ đáng khen là mỗi năm tới kỳ bãi trường, Trường Tiểu-học Gò-công có làm lễ truy-điệu ông đốc-học Huỳnh-thiên-Hộ và các giáo viên quá vãng.

Yêu trẻ, yêu nghề, ông đốc-học Hộ đã lưu tại Gò-công một tiếng thơm muôn thuở.

Nhơn dịp xuống Gò-công sưu-tầm tài-liệu, vạch bóng người xưa ghi lại những cái gì còn lại, chúng tôi hân hạnh được cụ Nguyễn-Văn-Thắng, bút hiệu Thiên-Kim, năm nay ngoài 70 tuổi, (cụ cũng là một thi gia kỳ cựu có tên trong Khổng-thánh văn-đàn) giới-thiệu cho chúng tôi đến thăm bà Huỳnh-thiên-Hộ tức là bà Bảy Lễ, năm nay ngoài 90 tuổi, nhưng người còn khỏe mạnh, ăn nói rắn-rỏi. Hiện nay bà sống ở trong một ngôi nhà ngói xưa trước có sân cỏ rộng. Bà vui vẻ niềm nở tiếp chúng tôi và kể lại bao mẫu chuyện xa xưa xảy ra trên đất Gò cách nay 60 năm, nào là những thiên tai nước lụt trận bão năm Giáp-thìn, giặc cào-cào phá hại mùa màng, kế bạch-đồng đại-họa liên tiếp 3 năm gieo sự tang thương trong tỉnh thật là bi đát.

Còn riêng về ông Huỳnh-Thiên-Hộ bà chỉ nói sơ qua cuộc đời của ông khi còn sanh tiền, tánh tình hiền hậu ngay thẳng, một đời chỉ biết phục-vụ với nghề-nghiệp dạy dỗ môn sinh, đào tạo rất nhiều người thành tài có địa-vị trong xã hội, những môn-sinh của ông tại Gò-công ngày nay còn sống có người trên 70 tuổi, như ông Nguyễn-văn-Thắng, Nguyễn-đình-Trị, v.v... ông để lại tiếng thơm bay khắp, là thanh cần liêm khiết. Đến khi nhắm mắt được người đời nhắc nhở.

Nửa giờ hầu chuyện cùng bà Bảy, chúng tôi thâu lượm được nhiều tài-liệu quí giá do bà kể lại, không dám làm phiền bà lâu chúng tôi bèn kiếu từ ra về lòng càng thêm cảm mến. Bà thật là có phước đức mới thọ tới tuổi này mà không lẫn lộn chi cả.

Quyển sách này ra đời cũng nhờ bà đóng góp một phần rất lớn về tài-liệu di-tích lịch-sử ở đây.



ÔNG LÊ-QUANG-LIÊM, TỰ BẢY

Đất Gò-công là một địa-linh sản xuất nhiều tay học giỏi. Ông Lê-Quang-Liêm, tự Bảy, cũng đáng kể là một trong những người học giỏi ấy.

Sanh năm 1881 tại châu thành Gò-công, ông từng học tại Trường Trung-học Mỹ-tho rồi lên Trường Chasseloup-Laubat Sài-gòn. Thi ra trường đậu số 2, năm 1897.

Sau năm bổ Học-sinh Thư-ký tại Soái-phủ Nam-kỳ, được biệt phái qua phủ Toàn-quyền Đông-dương từ 1899 đến 1906. Đậu Tri huyện năm 1909 và lại đậu thủ-khoa. Năm 1914 được thăng chức Phủ

Trong Đệ-nhứt Thế-chiến, ông được chọn phái qua Pháp làm Công-cán Ủy-viên, với tư cách phụ-tá giám-sát các lính pháo thủ và lao-động Đông-dương từ 1918 tới 1920. Làm Đại-biểu Hội Cô-nhi tử-sĩ từ 1914 đến 1918, thăng Đốc-phủ-sứ năm 1920, được hồi hưu theo đơn xin năm 1926.

Hoạt-động chánh-trị, kinh-tế, xã-hội :

Thời Pháp thuộc, ở Nam-kỳ là thuộc-địa, chánh-quyền thực-dân cũng phải vẽ ra những hình thức dân-chủ để che mắt thế-gian và cũng để quốc-hội bên Pháp không đả kích mấy viên Toàn-quyền Thống-đốc là độc-tài chuyên-chế. Vì vậy ở Nam-kỳ mới có những cái nghị-viện na ná như Hội-đồng quản-hạt (người ta quen gọi như thế nhưng đúng ra là Hội-đồng thuộc-địa : Couseil colonial), Phòng canh-nông, phòng Thương-mãi. Quan trọng hơn hết trong những viện này là Hội-đồng quản-hạt gồm có hai phần ba người Pháp, một phần ba đại-biểu Việt-Nam. Vai tuồng của Hội-đồng này là kiểm-soát hành-chánh của tất cả miền Nam, xem xét dự trù ngân-sách và cách thi hành, thảo luận thế khóa và các dự án kiến-thiết. Hội-đồng quản-hạt kiểm-soát tất cả hành-vi quyết-định của viên Tổng-đốc Nam-Kỳ, như một quốc-hội kiểm-soát chánh-phủ, ngon lắm chứ phải chơi đâu ? Có điều trong Hội-đồng này người Việt chỉ là thiểu-số, và cách bầu cử hội-viên ngăn rào đón ngõ không phải ai ai cũng có thể ra tranh và đắc cử được. Thực-dân tin cậy nơi giai cấp tư sản và công chức cao cấp, nên điều lệ Hội-đồng quản-hạt chỉ mở cửa cho đại điền-

chủ, đại thương gia và từ huyện, phủ, đốc-phủ trở lên thôi, nhóm tranh đấu của mấy anh Thâu, Thạch, Tạo, Mai, kiếm thế nhảy vào nhiều lần để «phá gạo» thực-dân mà không được, vì dầu có dư số thăm đắc cử cũng bị điều lệ gạt ra ngoài. Sở Lao-động của nhóm tranh-đấu lọt vào Hội-đồng Thành-phố Sài-gòn được mà không vào chỉ cố làm sao vô Hội-đồng quản-hạt để làm cho viên Thống-đốc mất ăn mất ngủ. Tuy vậy trong Hội-đồng quản hạt cũng có những tay cừ như De Lachevrotière, Nguyễn-Phan-Long, Trần-Văn-Khá, Huỳnh-Ngọc-Nhuận có tiếng là dám ăn dám nói và được Thống-đốc Nam-kỳ vuốt ve.

Ông Lê-Quang-Liêm, tự Bảy, đắc-cử Hội-đồng quản-hạt ngày 30-9-1926 và được tái cử 2 khóa nữa năm 1931 và 1935, Đồng thời ông cũng đắc-cử nghị-viện canh-nông năm 1930 và được cử phó chủ tịch viện này từ 1930 tới 1932. Ông cũng được cử phó chủ tịch Hội-đồng quản-hạt năm 1937 và 1938.

Dưới thời thực-dân, ngoài các hội-đồng địa-Phương, họ có một cơ-quan như nghị-viện lớn chung cho cả các xứ Đông-dương là Hội đồng kinh-tế lý tài (Conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine). Đại diện Hội-đồng quản-hạt và canh-nông, ông Lê-Quang-Liêm được cử dự Hội-đồng kinh-tế lý tài Đông-dương luôn 4 khóa 1929-1930, 1932-1935, 1935-1936, 1937-1938.

Đời chánh trị của ông Lê-Quang-Liêm, tự Bảy, vẫn hiền hòa như con người ông, và ông đã tùng hoàn cảnh binh vực quyền lợi của nông gia miền Nam. Ngoài ra ông cũng cố-gắng giúp-ích đồng bào bằng sự sáng lập Hội khuyến-học, Nghiệp-đoàn canh-nông, hội Sicam ở Rạch-giá từ 1926 tới 1931. Và ông là một trong những sáng lập viên quỹ đầu tiên của các trường học ở miền Nam là quỹ của Tỉnh Chợ-lớn.

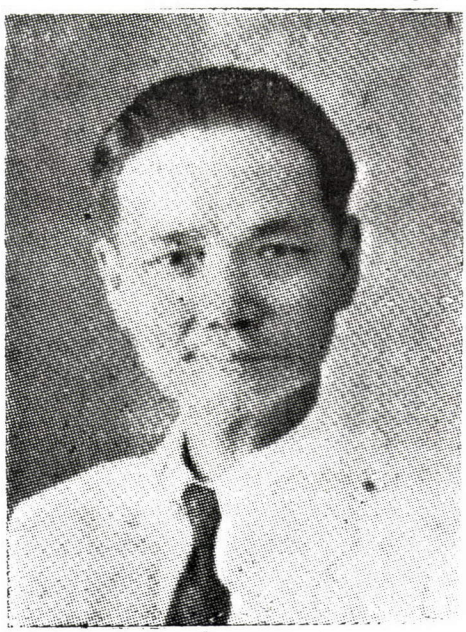
Ông cũng có công trong việc sáng lập Việt-Nam ngân hàng hội Đức-Trí Thể-dục và trường nữ trung học Gia-Long.

Đời làm quan thanh-liêm, đời chánh-trị hiền hòa, đời xã-hội lo hoạt động giúp đồng bào, và mặc dầu không có sự nghiệp văn chương, lúc hưu trí về Gò-công, ông đã lập hội dựng Miếu Khổng tử để chấn hưng văn-học và nho-học với các người bạn già Hồ-Biểu Chánh, Nguyễn-Đình-Trị, Trần-Văn-Quảng, Nguyễn-Duy-Dương v.v...

Nhơn sĩ Gò-Công

NHÀ VĂN HỒ-BIỂU-CHÁNH
(1885 – 1958)

Nói đến nhân vật Gò-công của thời cận-đại, chúng tôi trước nhứt phải nhớ tới người anh cả của chúng tôi trong trận bút trường văn : Hồ-văn-Trung tự Biểu-Chánh. Nhắc đến cụ chúng tôi không khỏi ngậm ngùi vì cảnh người còn kẻ mất, nhớ lại mới năm nào tại ngôi nhà của Thủ-Tướng Nguyễn-văn-Thinh cụ và tôi không biết bao nhiêu lần bàn chuyện văn-chương, tâm-sự về những nỗi đau lòng trước tình hình chánh-trị. Cụ Hồ Biểu Chánh đi trước về nơi yên nghỉ, chúng tôi hãy còn đây, phải sống lận đận để sầu đau với thế sự thăng trầm trong một nước bị chia đôi còn lắm tang thương vì hiểm hoạ.



Di ảnh cố nhà văn Hồ-biểu-Chánh

Cụ Hồ-biểu-Chánh sanh tại Bình-thành Gò-công ngày 1 tháng 10 năm 1885. Thuở ấy ở miền quê nước ta Hán-học tuy đến lúc suy nhưng hãy còn lây lất, trẻ con nhà nếp còn được vỡ lòng bởi các thầy đồ với vỡ Tam-tự-kinh. Sanh trưởng ở một gia-đình nho-giáo, cụ Hồ tự-nhiên phải theo học Hán-học từ năm 7 tuổi cho tới năm 16 tuổi, thời thế đổi thay, cụ trở qua học Việt-ngữ và chữ Pháp, phải là người thông-minh và cố học, cụ mới vượt mau qua các lớp mà đậu bằng thành chung vào năm 20 tuổi (năm 1905). Qua năm sau cụ thi đậu thơ-ký Soái-phủ Nam-kỳ (Secrétaire du gouvernement de la Cochinchine) rồi được bổ vào làm việc tại sở hành-chánh thời đó gọi là dinh Hiệp-lý.

Đời làm quan.

Trong khoảng 10 năm (1910-1920), đời thông phán đổi đi phục vụ trong nhiều tỉnh miền Nam : Bạc-liêu, Cà-mau, Long-xuyên, Gia-định. Năng lực của cụ làm cho người phải lưu ý nên về sau được đổi về văn-phòng Thống-đốc gần ánh sáng mặt trời.

Làm công chức nhưng tính thích văn-chương, và năng khiếu của cụ về mặt này mà sớm phát lộ. Trong thời kỳ đệ nhất thế chiến 1914-1918 việc tuyên-truyền cho công cuộc mộ lính thợ, cho công cuộc từ-thiện như giúp đỡ gia-đình chiến-sĩ, cho việc mua công trái lấy tiền cho việc quốc-phòng rất là quan hệ. Việc thông-tin tuyên truyền thời đó ngay cả ở nước Pháp đã có gì đâu ? chánh-quyền của họ có lẽ chưa nhận thấy sự quan-trọng của lợi-khí tuyên-truyền. Ông Hồ-văn-Trung lúc ấy mới là một viên thông phán tầm thường, nhưng ngòi bút của ông đã làm cho các giới kính nể. Khi chiến-tranh hữu-sự, quan quyền công-chức bó tay, ngòi viết của cụ Hồ-biểu-Chánh sáng tác những vỡ kịch tuyên-truyền đem diễn ở Sài-gòn — Chợ-lớn và các tỉnh rất được hoan nghinh và gặt hái kết-quả khả quan về tài-chánh.

Không như ai, thi đậu đi làm có lương tiền là mãn-nguyện, ông phán Trung vừa đi làm vừa học thêm và dồi mài cây bút của mình cho sắc bén thêm. Năm 35 tuổi ông còn đi thi, và đậu tri-huyện, lại đậu thủ-khoa. Từ đây ông được bổ đi ngồi chủ quận nhiều nơi : Càn-long, Ô-môn, Phụng-hiệp, v.v... Con nhà Nho, ông suốt đời giữ tiết tháo nhà Nho, đi làm quan một mực công-bình liêm-chính. Là nhà văn có tinh thần phóng khoáng, và giàu tình-cảm, ông giữ gìn

nguyên tắc « đừng bao giờ làm cho kẻ khác điều gì mình không muốn kẻ nào khác làm cho mình ». Giữa thời buổi nhiễu nhương một quan nhỏ nịnh bợ và tham-nhũng làm giàu rất dễ dàng nhưng quan quận Hồ-văn-Trung ngồi quận này đến quận khác vẫn nghèo xơ nghèo xác. Tuy nhiên, đổi lại, ông được sự cảm mến lâu dài của dân chúng.

Vị quan thanh-liêm tài giỏi Hồ-Văn-Trung năm 1935 thăng hàng Đốc-phủ sứ. Ba năm sau (1938) cụ hồi hưu. 52 tuổi làm việc 32 năm, mề đay kim-khánh thiếu gì, nhưng có một phần thưởng vô hình nhưng vô giá là lòng mến yêu của dân chúng ở những nơi được cụ ngồi chủ quận.

Đời chánh trị và xã-hội

Tuy đã đến tuổi hưu-trí vào năm 1938, cụ vẫn được chánh-quyền hồi đó mời giữ lại làm quan cai-trị ba năm nữa, vì thời kỳ khó khăn đã đến cho chánh quyền thực-dân với đệ-nhị thế-chiến, họ cần trọng dụng những ông đốc phủ-sứ được lòng dân như cụ Hồ-văn-Trung để mong xoa dịu lòng công phẫn của dân chúng phần nào ?

Con tàu thực dân sắp chìm. Tới lúc nguy kẻ tham-lam tiếc của mới nghĩ đến việc liệng bớt đồ trên tàu xuống cho đỡ nặng. Tới lúc này họ mới san sẻ chút ít quyền hành cho người Việt, lập hội đồng này, cơ-quan cố-vấn nọ kéo lôi người Việt vào để mua lòng.

Do đó, tuy đã hưu-trí năm 1941, cụ Hồ vẫn chưa được yên nghỉ để tô bồi sự-nghiệp văn-chương, cụ bị mời ra làm cố-vấn chánh phủ, làm Hội-động Liên-bang Đông-dương, hội-đồng Đô-thành Sài-gòn và làm Phó đốc-lý coi việc hộ-tịch của người Việt-Nam.

Là một nhà văn hơn là một nhà cách-mạng cụ Hồ-Văn-Trung tuy làm quan trong thời đô-hộ, nhưng đã tùy địa-vị hoàn cảnh hết lòng hết sức giúp đỡ đồng bào. Đời làm quan của cụ thanh-bạch đến nỗi lúc trở về già lâm một chứng bịnh kinh niên, bạn bè ở Sài-gòn phải mua gởi về giúp cụ từng viên thuốc auréomycine. Cụ sống thanh-đạm lắm, vậy mà có báo đăng tiểu-thuyết của cụ rồi ỳ ra không trả tiền nhuận bút, cụ cũng chẳng nói gì.

Đời chánh-trị của cụ Hồ-Văn-Trung có một đoạn bi thiết là lúc vì tình bạn không thể từ chối. Cụ ra làm cố-vấn và đồng lý văn-phòng cho Thủ-tướng Nguyễn-Văn-Thinh.

Vì cuốn sách này không đi sâu vào các vấn đề chính-trị, chúng tôi không tiện giải thích lập-trường của cụ Hồ Gò-công và Bác-sĩ

Thinh mặc dầu trong thời kỳ này chúng tôi cũng vì cảm-tình mà theo dõi từ bước đi của hai cụ và thấu hiểu mọi nỗi niềm. Chúng tôi chỉ cần thanh-minh ở đây rằng dầu không tán thành việc thành lập chánh-phủ Nam-kỳ, người miền Nam đều hiểu tâm-sự của hai cụ và chỉ thương tâm mà không phiền trách. Người miền Nam đều hiểu người ngay thật liêm-khiết như Bác-sĩ Thinh và cụ Hồ-Văn-Trung có thể mắc mưu, lầm-lạc, vì không quan-niệm được những xảo trá đê hèn của chánh-trị (Đức Thánh Khổng làm chánh-trị còn thất bại thay !). Nhưng nếu có lầm lạc thì hai cụ đã làm lạc một cách chơn thành, không vị kỷ, không vụ lợi.

Cụ Hồ Gò-công tạ thế ngày 4-11-1958, hưởng thọ 74 năm.

Sự nghiệp văn chương.—

Cụ Hồ-Văn-Trung dưới bút tự Biều-chánh là một ngôi sao sáng trên vòm trời văn-nghệ miền Nam. Tác phẩm của cụ có thể đặt vào hàng số 1 kể cả về lượng và phẩm.

Cụ là người ham chuộng văn chương, có năng khiếu về quốc-văn từ lúc còn trên ghế nhà trường.

Tập thơ đầu của « U tình lục » ra đời vào năm 1910 ; tiếp theo 5 tác phẩm nữa vừa thơ vừa tiểu thuyết.

Khoảng 1910-1920, cụ có công sáng lập 3 tờ báo : Đại-Việt tạp chí, Tribune indigène, và tờ Quốc-dân diễn-đàn, đồng thời cụ lại cộng tác xây dựng nhiều tờ báo khác như « Trung nhật báo », « Đồng tháp thời báo ».

1921 tới 1941 cụ sáng tác được 44 tác phẩm. Sau khi cho xuất bản cuốn « Cư Kỉnh » là cuốn thứ 44, cụ nghỉ viết một thời gian để lập tờ « Nam-Kỳ tuần báo ».

Ở nước mình nghiệp văn chương là nghiệp con tằm, sách ra nhiều bán chạy, tác giả vẫn nghèo xác nghèo xơ ! Làm báo mà phụng sự văn-chương nghệ-thuật không sao lại con buôn. Nhưng nghiệp con tằm cứ phải nhả tơ, cụ Hồ lại cầm bút sáng tác trở lại, và thời kỳ 1943-1945 là thời kỳ cụ sáng tác mạnh nhứt : 48 tác-phẩm gồm đủ các loại. Đặc biệt là tập « Ngập ngừng », tập truyện ngắn cụ ưng ý nhứt.

Trong khoảng 1945-1953 vì sức yếu cụ nghỉ viết hẳn 8 năm. Từ đầu năm 1953 cụ mới tiếp tục sáng tác và sáng tác vẫn lanh chóng đều tay như trước. Trong 6 năm cụ viết xong 22 cuốn, trong

số đó phải kể đến những cuốn tiểu thuyết thật dày, như : « Những điều nghe thấy » (1115 trang), « Nặng bầu ân oán » (931 trang) và « Trọn nghĩa vẹn tình » (794 trang).

Sẵn có một vốn Hán-học làm căn-bản, lại rành Pháp-văn, đọc nhiều sách, cụ có một lối văn rất bình dị mà lưu-loát đáng yêu. Cụ lại có mắt quan sát trí nhớ theo cặp mắt (mémoire visuelle) của một họa sĩ và biệt tài tả chơn, nên tiểu-thuyết của cụ làm người ta thích thú nhứt những cảnh tình đời sống thôn quê mà cụ đã thâu thập trong cuộc đời chủ quận trải qua gần khắp các tỉnh miền Nam và diễn tả lại rất sống thực và tình tứ trong tác-phẩm của cụ.

Phần đông các nhà phê bình văn chương đều công nhận cụ là một nhà viết tiểu-thuyết bình dân xuất sắc, văn của cụ đơn-sơ bình dị, tác-phẩm của cụ là một kho tàng đáng kể cho nền văn học Việt-Nam. Tiểu-thuyết của cụ có kỹ-thuật, đầy động-tác tình-tiết éo le, bố cục khéo léo ; phần diễn tả tâm-lý nhơn vật không rườm rà giả tạo, theo ảnh hưởng tiểu-thuyết Tây-phương, nhưng đạo-đức của nhà nho vẫn lồ-lộ trong việc ca ngợi trung trinh tiết-liệt, và kết cuộc rất có hậu, nghĩa là thiện ác đáo đầu, hết ly-tán đến sum-hiệp.

Những tiểu-thuyết được hoan-nghinh nhứt của cụ là « Ngọn cỏ gió đùa » « Cha con nghĩa nặng », « Cay đắng mùi đời », « Nặng gánh cang thường », « Tỉnh-mộng », « Khóc thầm », « Ai làm được », v.v...

Để chấm dứt tiểu-sử cụ Hồ-biểu-Chánh, chúng tôi xin mượn câu đối của hai thi-sĩ Đông-Hồ và Mộng-Tuyết lấy tên các tác-phẩm của cụ ghép thành đề kính điếu :

— **Cay đắng mùi đời, con nhà nghèo, con nhà giàu,** *tiểu-thuyết viết sáu mươi ba thiên,* **vì nghĩa vì tình, ngọn cỏ** *cứng* **gió đùa, tỉnh mộng** *mấy* **ai làm được.**

— **Cang thường nặng gánh,** *cơn* **khóc thầm,** *cơn* **cười gượng** *thanh cần trải bảy mươi bốn tuổi,* **thiệt giả giả thiệt, vườn văn xưa ghé mắt đoạn tình,** *còn* **ở theo thời.**

Ngày nay cụ đã ra người thiên cổ, cụ mất ngày 4-11-1958 nhưng tên tuổi còn sống mãi với sử xanh, khắp ba kỳ đều nghe danh biết tiếng, cụ là một tiểu-thuyết gia lỗi lạc, sinh trưởng nơi đất được nổi tiếng là « Địa-linh nhơn-kiệt » có danh từ là Khổng-tước nguyên.

(Phỏng theo tài liệu của Phong Cầm, trong **Phổ thông,** *số 4 (1-1-59) trang 54-59 ; và Nguyễn Hữu Ngư, trong* **Bách khoa,** *số 45 (15-11-58) trang 25-27).*

ÔNG HỘI ĐỒNG NGUYỄN-MINH-CHIẾU

Một nhơn vật cận đại tỉnh Gò-công được vinh hạnh lấy tên đặt cho một con đường khá dài ở Sài-gòn — Phú-nhuận là Ông Nguyễn minh-Chiếu.

Sanh năm 1889 tại Yên-luông-đông, Gò-công, ông học Trường Chasseloup-Laubat và khởi bước ra đời với chơn thơ-ký Bưu-điện. Vừa làm việc vừa học thêm, ông thăng chức Giám-thu Bưu-điện (Receveur des P.T.T.) năm 1912 và Tham-sự ngạch cao-đẳng Đông-dương năm 1921. Trong khoảng thời gian này ông làm chủ-tịch Hội Ái hữu công-chức Đông-dương và chủ-tịch hội Thể thao Bưu-điện.

Chấm dứt đời công-chức, ra làm việc cho hãng tư và hoạt động chánh-trị — xã-hội, ông làm Thanh-tra khu vực I và II cho hãng nấu rượu Société Française des Distilleries de l'Indochine.

Đắc-cử Hội-đồng thành phố Sài-gòn và được tái cử nhiều khoá kế tiếp, ông là người Việt đầu tiên được cử phó Đô-trưởng Sài-gòn vì thế tên ông được lưu niệm ở một con đường trong thành phố.

Giữ những chức vụ trọng yếu trong các cơ-quan từ-thiện, chẩn-tế xã-hội, suốt một đời ông đã sốt sắng hoạt-động cứu giúp đồng bào nghèo nàn và đau khổ.

Ở đời, không phải ai ai cũng anh-hùng cách mạng, đời cũng sẵn lòng ghi công cho những người sống bình thường nhưng tùy thời tùy cảnh giúp ích những kẻ sống chung quanh mình.

LUẬT-SƯ VƯƠNG-QUANG-NHƯỜNG

Sanh năm 1902 tại Yên-luông-đông, Gò-công.

Du học bên Pháp, trải qua các trường cao-học công-pháp, tư-pháp và kinh-tế chánh-trị. Trở về xứ với bằng luật-khoa tiến-sĩ, luận án của ông trình : «Des conflits de lois en Indochine» (về những xung đột luật-pháp ở Đông-dương) được ban giám-khảo ban khen.

Nguyên Thơ-ký của Luật-sư A.M. Husant, trạng-sư tham chính viện và Toà phá án.

Gia nhập Luật-sư đoàn Nam-Việt — Cam-bốt năm 1932. Hội-viên luật-sư đoàn Toà Thượng-Thẩm Saigon từ 1937 tới 1940. Thủ lãnh Hội-đồng luật-sư miền Nam từ 1950 cho tới năm ông tạ thế.

Đời luật-sư ông không có gì đáng nói, ông chuyên môn các vụ hộ và giỏi về lý-đoán hơn là tài hùng biện.

Về mặt xã-hội, ông là hội viên hoạt-động của Ủy-ban Trung-ương hội Amas (Tương tợ cứu-tế xã-hội) và làm ủy-viên của hội này tại Sài-gòn — Chợ-Lớn.

Về văn nghiệp ông là một trong những cây viết Việt-Nam cừ khôi về Pháp-văn, thuộc hàng nổi tiếng như Nguyễn-Phan-Long, Nguyễn-Tiến-Lãng. Hồi nhỏ hai họ Vương và Bùi có đính hôn nhau, sau ngày du học thành tài Luật-sư Vương-Quang-Nhường trở về được coi như là chàng rể của cụ Bùi-Quang-Chiêu, vị hôn-phu của nữ Bác-sĩ Henriette Bùi. Nên lúc mới về Sài-gòn. ông thay thế nhạc phụ chủ bút tờ báo Pháp-văn «La Tribune Indochinoise» (Đông-dương diễn-đàn) của đãng Lập-hiến. Trong thời-gian này ông tỏ ra là một tay bút chiến cừ khôi khiến các nhà báo Pháp phải kính nể.

Đời chánh-trị, Được mời Tham-chánh, Luật-sư Vương-quang-Nhường từng điều-khiển Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục trong hai chánh-phủ Trần-văn-Hữu và Nguyễn-văn-Tâm.

Đời tư, mặc dầu có đính hôn từ thuở nhỏ với nữ Bác-sĩ Henriette Bùi, nhưng vì tâm-tánh bất đồng cuộc hôn-nhơn giữa 2 người trí-thức này không bền vững, một cuộc ly-dị đồng ý đã xảy ra. Về sau Luật-sư đã nối lại tơ duyên với vợ cũ, con của Bà Sanh và vua Thành-Thái. Vị vua thất thời này từ đảo lưu-đày về ở Sài-gòn, may mắn gặp một người rể quý đất Gò-công hết lòng cấp-dưỡng.

CỤ LÊ-LƯƠNG-TRI
(1893 — 1963)

Cụ Lê-Lương-Tri chính tên là Lê-Văn-Quới, tục gọi là Năng, hiệu Lượng-tri. Người làng Dương-phước, Tổng Hoà-lạc-hạ, (nay thuộc xã Phước-trung, quận Hoà-lạc, tỉnh Gò-công), sinh năm Quý-tỵ 1893, mất năm 1963.

Theo quyển Lê-gia thế-phổ do chính tay cụ viết, được biết dòng dõi cụ như sau :



Di ảnh cố Lê-lương-Tri

«Ông thỉ tổ vào Nam chưa biết hồi năm nào, có lẽ từ năm 1744 đến năm 1750, lúc chúa Nguyễn chiêu mộ người vào khai-khẩn đất hoang ở miền Nam. Gốc người ở Quảng-Nam. thỉ tổ ông tên húy là Chánh, tự là Thọ, vào Nam với 5 người con. Từ thỉ-tổ đến cao tổ đời thứ nhứt và thứ nhì, còn nghèo, ít học, qua đời thứ ba đã khá, có của tiền và có học, song học chữ Nho».

Ông nội tên là Lê-Văn-Đồng, làm chức Hương-thân, thân phụ tên Lê-văn-Túc, tự Nghiêm-kỉnh, làm ông Bái ; mẹ là bà Đặng-thị-Còn.

Năm 19 tuổi, cụ lập gia đình với bà Nguyễn-thị-Ngọ, con gái của ông Nguyễn-văn-Khuê, làm Hương-thân ở làng Tân-phước, ấp Rạch-già, tỉnh Gò-công. Ở được 27 năm bà này mất, sanh cả thảy 12 lần nhưng chỉ còn được là 3 trai, 2 gái. Cụ lấy vợ kế là bà Nguyễn-thị-Sáu, ở xóm sau nhà, chung sống với nhau được 26 năm.

Vốn là con một bậc túc nho, cụ có căn bản vững chắc về Hán-học, nhưng chuyên sống về nghề nông vì thời thế phải ra làm thôn-trưởng mấy năm (người trong làng thường gọi là «Ông Thôn Năng») rồi trở về làm ruộng và học hỏi, nghiên-cứu Đông-y trên 10 năm.

Cụ có tài làm thi thơ rất giỏi, quanh vùng đều biết tiếng nhưng có tánh khiêm tốn, ai ai cũng đều kính mến cụ.

Vào lúc 6 giờ sáng ngày 8-4-1963 cụ nằm trên giường bịnh đọc bài thơ «Vĩnh-biệt» cho người con trưởng nam là ông Lê-văn-Triều chép trước khi từ giả đời. Bài thơ ấy như vầy :

Cảm tạ ơn lòng bạn chí thân;
Thương nhau cho chát, viếng ân-cần.
Biết nhau chẳng bởi trên lời nói,
Mà biết cho nhau chỗ nghĩa nhơn.
Thề phách dẫu về nơi xóm quỷ,
Linh-hồn mai cũng được quy thần.
Sau này nếu hãy còn thương cảm,
Mượn trái tim xây họa có chăng».

Sau khi cụ mất, các bạn thi hữu của cụ có làm nhiều bài họa lại bài «Vĩnh-biệt» ấy, tất cả đều tỏ lòng thương xót. Toàn thể hội viên trong «Khổng-tử tế-tự hội» ở Gò-công có phúng điếu cụ bằng một tấm vãng màu trắng ghi mấy hàng chữ như sau :

GÒ-CÔNG KHỔNG-TỬ TẾ-TỰ HỘI

Lê-phủ, Lương-Tri đăng tiên

Hơi ôi !

Khổng môn thảo sắc hòa yên noãn,
Thanh đạo thơ thanh đáy nguyệt hàn.
Trách tạo vật vô đoan,
Lan đình cho hợp, hạnh-đàn lại phân.
Ngậm ngùi đốt nén hương tâm !

***

Bắc-đẩu ! Sau ông rất oái oăm ?
Tuổi người chưa tới với biên trăm,
Đề xe trời rước trang mênh biện,
Đem nấm đất vùi đăng học thâm !
Ngòi bút cũ, lưu lai nét mực,
Tập thi xưa, phảng-phất hơi trầm !
Từ nay xướng họa như khi trước.
Biết có chăng ? Trong giấc mộng trầm.

Toàn thể hội-viên đồng bái.

Cụ đã từ giã cõi trần, để lại bao nỗi nhớ nhung mến tiếc, nhứt là những bạn thơ ở xa hay tin đến phúng điếu và làm nhiều tấm văng chia buồn và nói lên đức-tánh của cụ trong lúc còn sanh tiền, cụ đã góp công xây dựng nền văn-hóa nước nhà qua những vần thơ toàn là đạo-đức nhơn-nghĩa, lễ, trí, tín, lưu cho hậu thế noi gương, mặc dầu cụ đã ra người thiên cổ, nhưng tên cụ vẫn còn sống mãi với sử xanh.

Trích «Đồng-Nai Văn-Tập» số...
bài của giáo-sư Nguyễn-Văn-Y.

PHẦN THỨ TƯ

— Huyền-sử

— Giai-thoại

— Tục-lệ cổ-truyền địa-phương.

CỤ ĐỒ-CHIỂU VÀ TRẬN ĐÁNH ĐỒN CẦN-GIUỘC

BÀI VĂN-TẾ LỊCH-SỬ LÂM LY, TIẾNG NỨC NỞ BI THƯƠNG CỦA NHÀ ÁI-QUỐC

Mười bốn tháng chạp năm 1861, tức ngày 13 tháng 11 năm Tân-dậu, giặc Pháp cử đại binh cả hai mặt thủy bộ tiến đánh Tân-An và Cần-giuộc với mục đích diệt-trừ quân kháng-chiến, thực-hiện ý-định thôn tính lần hồi các tỉnh miền Nam nước Việt.

Quân kháng-chiến địa-phương do một vị cai-tổng tên Là chỉ-huy chống giặc, với võ-khí thô-sơ, quân số kém sút, lâm vào tình-trạng hiểm-nguy. Được thám tử báo cáo hung tin, ông Trương-Công-Định, vị anh-hùng kháng Pháp tỉnh Gò-công, lập tức huy động nghĩa-quân qua hội hiệp với lực-lượng Cai-tổng Là bàn mưu phá giặc.

Với chiến thuật «**tấn công là cách phòng thủ hay hơn hết**», Trương-Định đưa ra kế-hoạch hội họp lực-lượng Nghĩa-quân ba xứ Gò-công, Tân-an, Cần-giuộc đồng loạt tấn công quân-địch nhiều nơi. Với kế-hoạch «đánh Ngụy để giải vây cho Triệu» Trương-Định ra lịnh cho quân du-kích đột kích quân Pháp ở nhiều vùng, trong khi trọng lực dồn vào quyết hạ đồn Cần-giuộc cho quân Pháp không rảnh tay mà đánh chiếm trọn miền Tân-an, Cần-giuộc.

Cuộc tấn công của Nghĩa-quân xảy ra đúng ngày giờ trù định : ngày rằm tháng 11 năm Tân-dậu. Trận đánh kịch liệt hơn hết xảy ra tại đồn Cần-giuộc : Nghĩa quân mặc dầu võ trang thô-sơ bằng giáo mác cung tên, đao búa tầm vông vạc nhọn, đã làm cho quân Pháp và bọn chó săn khiếp đảm vì sự chiến đấu hy-sinh anh-dũng lạ lùng. Người này ngã, người khác tiến lên, không ai chịu quay mình trước hỏa lực của quân thù núp trong đồn có lợi thế bắn ra dữ dội.

Chiến thuật biển người phải đâu là một phát minh mới lạ ? Ngay từ hồi đó, năm 1861, nghĩa quân của Trương-Định và Cai-tổng Là đã sử dụng làm khiếp vía quân Pháp thủ đồn. Quân ta anh-dũng quá, mượn thi hài chiến hữu làm nấc thang tiến lên mãi, chút xíu nữa là đã thành-công. Nhưng rủi thay, chiến hạm và viện binh Pháp đột nhiên kéo tới giải vây đồn kịp lúc. Đại-bác dưới tàu phun sắt

lửa ; quân xâm lăng với chó săn tập hậu sau lưng nghĩa quân. Bị dồn ép vào giữa hai nàn sắt lửa, Trương-Định đành phải truyền lịnh rút lui, để cho toàn quân khỏi bị tiêu diệt.

Thương ôi ! Mấy trăm nghĩa-quân anh dũng đã phơi thây trên trận địa, nhiều người khác thọ trọng thương được chiến hữu cứu đem về. Bầu trời u-ám, cây cỏ thê-lương, trùng dế cũng khóc than, đất trời ảm-đạm xót thương những liệt sĩ xả thân vì nước.

Phát biểu mối căm hờn Pháp tặc, nỗi đau thương của bao người yêu nước vì đồng bào tổ-quốc hy-sinh, cụ Đồ-Chiểu, nhà nho ái-quốc mù loà, đã đem hết can-tràng, nước mắt hoà với máu, thảo nên bài văn-tế còn lưu hậu-thế.

Tiểu-sử cụ Đồ-Chiểu đã được nói rõ trong quyển Kiến-Hoà xưa và nay, trong mục này chúng tôi không trùng lập lại làm chi.

Bài văn-tế lịch-sử của cụ Đồ-Chiểu, do Bùi-quang-Diệu đại-diện ông Đỗ-Quang, Tuần-phủ Gia-định, đến đọc tại buổi lễ truy-điệu anh hồn các chiến-sĩ hy-sinh trong trận đánh đồn Cần-giuộc, thật lâm-ly thống-thiết làm rơi lệ bao người, mà nguyên văn lưu lại như dưới đây :

VĂN TẾ

HỠI ÔI !

Súng giặc đất rền,
Lòng dân trời tỏ,
Mười năm công vỡ ruộng, xưa ắt còn danh nồi như phao ;
Một trận nghĩa đánh Tây, danh tuy mất, tiếng vang như mõ.

NHỚ LINH XƯA !

Côi cút làm ăn ;
Riêng lo nghèo khó.
Chúa quen cung ngựa, đua với trường nhung
Chỉnh biết ruộng sâu, ở theo làng hộ.
Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm ;
Tập khiên, tập mác, tập giáo, tập cờ, mắt chưa từng ngó.
Tiếng phong hạc, phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ;

Mùi chinh-chiến vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Đêm thấy bòng bong che trắng lớp, những muốn ăn gan ;
Ngày xem ông khói chạy đen xì, toan ra cắn cổ.
Một mối xa thơ đồ sộ; há để ai chém rắn đuổi hươu ;
Hai vừng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó.
Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình ;
Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này giốc ra tay bộ hổ.

NHƯNG NGHĨ RẰNG :

Tấc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta ;
Chén cơm manh áo ở đời, mắt mớ chi ông cha nó !
Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ?
Vì ai xui hào lũy tan hoang, xiêu mưa ngã gió ?
Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn ;
Sống làm chi ở lính mã-tà, chia rượu ngọt, gậm bánh mì nghe càng thêm hổ.
Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ-phụ cũng vinh ;
Hơn rằng còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man-di rất khổ.

ÔI THÔI THÔI !

Chùa lão-ngô, năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng son gởi lại bóng trăng rằm ;
Đồn Tây-lương một khắc đặng rma hờn, tủi phận bạc trôi theo dòng nước đỏ.
Căm hận bấy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn xanh leo lắt trong liều.
Não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế vật vờ trước ngõ.
Một trận khói tan.
Nghìn năm tiết rở.
Binh tướng nó hãy đóng sông bến nghe, còn làm cho bốn phía mầy đen.
Ông cha ta còn ở đất Dồng nai, cứu đặng một phương con đỏ.
Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh cũng đều khen ;

Thác mà ưng đền miếu đề thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ-bình muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;

Sống thờ vua thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ấm đủ đền công đó.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương gì hai chữ thiên dân.
Cây nhan nghĩa khí thấp lên thơm, cám bởi một tân vương-thổ.

Đọc bài văn tế trên đây mọi người đều mũi lòng rơi lụy, cảm thương cho các chiến-sĩ ta vì nước non bị trị, hy-sinh thân mạng để bảo vệ quê-hương, chẳng qua bị bỏ mình trước hỏa lực bạo tàn của kẻ xâm lăng cướp-nước. Cái chết liệt-oanh của người chiến sĩ là một vinh-dự cho tổ-quốc, khích lệ cho tất cả sĩ-phu trong nước đứng lên giống trống phất cờ hăng say giết giặc, đánh đuổi quân thù ra khỏi lãnh thổ. Mặc dầu ý-chí quật-cường của dân quân miền Nam bị đàn áp, nguyện vọng không được đạt thành, nhưng tinh-thần bất khuất của dân tộc Việt-Nam đã tô đậm những trang sử vàng son muôn đời còn ghi tạc.

ÔI !

Trời Bến-nghé mây giăng ảm-đạm, thương đấng anh-hùng liệt-sĩ vị quốc vong thân.

Đất Gia-Định thành cây cỏ ủ-ê, cảm miền thần-tử, hết lòng trung ái.

Đứng lên giết giặc cứu non sông, chẳng may thọ tử chốn tuyền đài, nơi chín suối vẫn căm hờn quân phản tặc.

Phục duy chứng giám !
NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU

Theo tài-liệu tham-khảo trong sách « Bốn vị anh-hùng kháng-chiến miền Nam » trang 40-45, của Thái-Bạch.

ĐẦM VẠN-THẮNG MÒ CHÔN XÁC GIẶC LÀNG BÌNH-ÂN VÕ-TÁNH CHIẾN TÂY-SƠN !

Làng Bình-ân giáp ranh làng thành-phố và Tân-duân (An-hòa) Gò-công, ngày nay dân cư trù mật nhà dọc phố ngang, xe cộ qua lại dập dìu, chợ búa đông người buôn bán.

Nhìn vào cảnh sống vui tươi náo-nhiệt, phản ảnh sự phát-triển của tỉnh Gò, có ai dè ngày trước nơi đây là một chiến trường, nơi ngựa hí, quân reo, đầu rơi, xác ngã.

Thời-gian đã xóa nhòa tất cả. Sự sống cứ tiếp tục và vượt lên trên cái chết, cỏ cây mọc đầy chiến địa, người sống muốn sanh tồn phải đi tới mãi, dựng cột cất nhà, cấy cầy trồng tỉa, xây dựng trên hoang tàn, sản xuất trên máu xương của người xưa đã đổ ra cho thế-hệ sau được sống.

Nơi đây là một làng trú phú như các làng trù-phú khác ở miền Tây Nam Việt. Không có vẻ gì khác lạ. Không còn một di-tích nào lưu-ý khách nhàn du, nhưng trong lòng người dân đã ghi chép tự thuở nào. Đến đây du khách cứ hỏi bất cứ ai, cũng được chỉ và cho biết : « Đây là Đầm Vạn-thắng » !

Đầm Vạn-thắng ! Ngày xưa nơi đây là vùng hoang vắng. Cỏ cây rậm rạp, địa-thế hiểm nghèo, đường vào hiểm-trở khó khăn, hang hố chỗ lồi chỗ sụp. Dân cư không mấy hột, phía ngoài lơ-thơ vài nóc nhà tranh cách xa nhau, vào sâu phải lội bước hằng giờ chưa gặp được một túp lều để nghỉ chơn xin nước uống.

Một vùng đất chết, không chút gì quyến khách. Nhưng dưới mắt một người hiểu binh thơ địa-lý, có chí quật-cường có tài khiển tướng điều binh, vùng đất này là đất sống cho những ai hiểu biết nó. Người có mắt tinh đời ấy là Võ-Tánh.

Là một thanh-niên có dũng khí và tài thao lược, sanh nhằm thời loạn giữa buổi Trịnh — Nguyễn tranh hùng rồi tới cuộc tranh bá đồ vương giữa Nguyễn-Ánh và Tây-sơn, Võ-Tánh không biết đường

nào để tiến thân giúp nước. Theo Tây-sơn thì sợ không nhằm chánh-nghĩa, vì ba anh em nhà này không thuộc giòng vua hay chúa nào của đất nước xưa nay. Theo quan niệm người xưa họ không thể phò ai khác hơn là giòng dõi những vị vua chánh thống. Với tinh thần dân chủ của chúng ta hiện thời, hễ được là vua thua là giặc, ta sẽ ủng-hộ bất cứ người nào tranh đấu cho quyền dân lợi nước. Nhưng đối với người xưa cái quan-niệm vì dân vì nước chưa được rõ ràng, họ chỉ biết trung quân, trung với «con Trời» (Thiên-tử) và cháu chắt giòng họ của con Trời mà thôi ! Vì vậy ta không thể lấy đầu óc tân tiến của mình mà xét đoán hành động người xưa !

Võ-Tánh không thể phò Tây-sơn vì nghĩ cho ba anh em Nguyễn-Lữ, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Nhạc là tay soán nghịch như nhà Hồ nhà Mạc trước kia. Nhưng ông cũng không muốn theo phò Nguyễn-Ánh vì một mối thù nhà, như Đơn-Hùng-Tín quyết không phò Đường-Thế-Dân vì cái chết thê thảm của người anh Tín ngày trước.

Không phò bên nào cả, Võ-Tánh chiêu binh tuyển tướng đứng một mình một cõi để chờ xem, hoặc chờ anh-minh chơn chúa ra đời, hoặc gặp cờ vào tay cầm phất cho chính mình cũng được.

Khởi sự từ bãi thôn-vườn-trầu, Võ-Tánh qui tụ được một số dũng-sĩ làm tả hữu, ngày ngày chiêu tập thêm binh-sĩ ; bữa bữa lo tích thảo đồn lương, Lực lượng của Võ tướng-quân lớn mạnh dần. Tây-sơn khuyến-dụ nhiều lần không được, tính phải nhổ cây đinh trước mắt.

Cầm binh cũng như cai-trị, phải tiên-liệu.

Tự biết mình chưa đủ lực lượng, đương đầu với Tây-sơn đã có căn-bản lâu ngày binh rồng tướng mạnh gấp trăm mình. và đoán trước Tây-sơn thế nào cũng không để mình yên, Võ-Tánh rút binh qua miền Bình-ân vì con mắt nhà tướng nhận thấy đây là một hiểm cứ.

Rút binh về khu vực này, người thanh-niên thao-lược liền tổ-chức đồn trại, đào hào đắp lũy, đào hố cá nhơn. Nơi đây trữ cung tên, nơi kia chất bỗi và các đồ dẫn hỏa.

Tổ chức vừa xong, thì dịch quân dẫn đến.

Quân Tây-sơn đông mạnh hơn, võ khí đầy đủ hơn, khinh thường giặc cỏ ồ-ạt tấn công. Nhưng vì địa-thế hiểm-trở, mỗi cuộc tấn-công đều bị đẩy lui, nơi nào lọt vào được là bẫy rập của nghĩa-quân, vào là chết vì bị loạn tiền hoặc bị hoả thiêu.

Quân Tây-sơn bị thiệt hại nặng-nề đành rút về. Nhưng chịu làm sao được mối nhục này ? Quyết trừ cho được cái đinh nguy-hiểm, họ kéo đến tấn-công nhiều phen nữa.

Mỗi lần đánh quân Tây-sơn mỗi đổi chiến thuật.

Nhưng mỗi lần Võ-tướng quân cũng đổi cách chống ngăn, và trăm lần như một quân Tây-sơn đều sa cạm-bẫy, không chết vì hỏa thiêu thì bị bồi, hầm chông, hay loạn tiền.

Tuy thua nhiều trận xiểng-niểng nhưng quân Tây-sơn đành phải im-lặng, không dám động đến ổ ong vò-vẻ này nữa.

Vì lẽ đó nơi Võ-Tánh đóng quân ngày xưa được vang danh « Đầm Vạn-Thắng ».

Vì tại đầm này quân của Võ tướng-quân đã thắng biết bao nhiêu trận vẻ-vang.

Sau này, tuy Hậu-quân Võ-Tánh không có để lại binh thơ đồ trận cho con cháu đồng bào, nhưng chiến thuật vạn thắng của tướng-quân cũng được kháng-chiến quân ta áp-dụng : nào hầm chông, hỏa tiền, phục kích bất ngờ, làm cho giặc Pháp thất điên bát đảo.

Hùng khí non sông còn mãi.

Tinh thần bất khuất trường tồn.

Xưa cũng như nay, chiến thuật chiến lược lược của người Việt-Nam để diệt thù cứu nước không nhường ai cả.

✲

BẾN CHÙA QUÊ HƯƠNG CỦA PHÓ TƯỚNG BÌNH-TÂY NGUYỄN-NHỰT-CHI

Nói đến vị anh-hùng Trương-công-Định trong đoạn đầu kháng pháp, trên đất Gò như đã trình-bày, chúng tôi cần phải nhắc tới Bình-tây phó tướng Nguyễn-Nhựt-Chi, người là cánh tay mặt của Trương-công-Định nhưng ít người biết đến, thời ấy những nhà chép sử dường như bỏ quên tên tuổi của ông vậy. Trong chuyến đi Gò công kỳ chót tôi hân hạnh được bạn Trần-Anh-Tài trong nhóm thơ 20 tặng cho chúng tôi một câu chuyện vị phó tướng Nguyễn-Nhựt-Chi, do bạn sưu tập để cống-hiến cho bạn đọc hiểu thêm quê hương của người anh-hùng có công với đất nước chống xâm-lăng, khi chết được hiển thần.

Vùng Bến Chùa bên dòng cửa Tiểu, là quê hương của quan phó tướng Bình-tây Nguyễn-Nhựt-Chi, người ta cho rằng khi Trương-công-Định tự tử chết quan phó tướng dẫn tàn quân kéo qua Tân-Bình-Điền, đến Tân-thành đèn đỏ rồi nhờ ghe của ngư dân đưa ngược dòng cửa Tiểu, ghé Bến Chùa dưỡng quân mong có ngày dấy lại muôn binh. Nhưng rủi thay vừa dừng quân ngơi nghỉ Pháp lại hay tin tới đánh, một trận quyết tử diễn ra suốt một ngày một đêm. Nghĩa-quân chống cự không nổi tan rã. Phó Lảnh Binh Nguyễn-Nhựt-Chi cùng người tùy tướng tên Cương, đưa gươm lên trời hướng về phương Bắc như muốn tạ tội với triều đình Huế đoạn lạy ba lạy rồi thổ huyết ra chết.

Cái chết của 2 người quả thực dũng cảm nên về sau dân Bến Chùa đã lập miếu thờ mỗi năm vào rằm tháng 2 cúng tế rất linh đình làm trâu hoặc bò, mời tất cả dân luyện Tăng Hoà đến dự.

Sau đó ít lâu người giữ miếu và ông Cả làng Tăng Hòa cùng nằm mộng mà thấy một người vận y-phục vàng mão quan tay cầm kiếm lịnh, chân đi giày cong mũi đứng trên đầu giường mà phán rằng: «Ta là phó tướng Bình-tây Nguyễn-Nhựt-Chi, nội trong năm nay ta được phong thần trấn nhận phương xa các ngươi có tưởng nhớ thì đừng tế lễ linh đình bởi ta chỉ hưởng hoa quả cây trái mà thôi».

Từ đó, lệ cũng giản-dị đi và chỉ cúng trái cây hoa như lời mách bảo.

Người lớn tuổi ở đây cũng thường kể câu chuyện quan phó tướng Bình-tây cũng thường báo mộng cho dân trong làng nhiều tai nạn sắp tới. Như trong trận bão năm Thìn 1904, quan Phó tướng đã báo mộng [illegible]

SỰ TÍCH MIỄU ÔNG BẦN QUÌ VỚI CẬP SÓNG THẦN

Tại hạ lưu sông Vàm-cỏ-đông, có cổ-tích «Miễu Ông-Bần-Quì» thờ ông Mai-Bá-Hương.

Sanh tiền, ông là một viên xá lại (quan chức nhỏ) chuyên vận tải lương-thực cho chúa Nguyễn.

Một hôm, thuyền ông chở đầy lương thực trên vàm sông Bao-ngược, thuộc địa-phận Gò-công, bỗng gặp chiến thuyền Tây-sơn (1) đàng xa chạy đến.

Tấn thối lưỡng nan, ông thà liều chết theo thuyền, không để lương tiền sa vào tay giặc.

Thế là ông ra lịnh đục thuyền, thuyền chìm và ông cũng tử tiết luôn.

Từ đó, trên khúc sông này, thường nổi lên những đợt sóng thần, mặc dầu trời không chút gió. Dân chúng lập miễu thờ ông nơi cây bần quì gie cội ra sông.

Một khi, quan Kinh-lược Phan-Thanh-Giản đi thuyền ngang qua nghe chuyện ông Mai khí khái hiển linh, ghé lại thắp vài nén hương, rồi đề lên cột đôi câu đối như vầy :

«Nghĩa báo Nam thiên, cương thượng thường bồi cao tiết,

«Khí hiềm Tây tặc, giang tiền do khởi nộ ba.

Tạm dịch :

«Nghĩa đáp trời Nam, gò thượng thường nêu cao khí tiết,

«Thù căm Tây giặc, sông tiền hay dấy động sóng hờn.

Tục truyền rằng, kể từ ngày ấy, sóng thần của vong linh ông Mai-Bá-Hương lần lần im bặt.

Cho hay, văn chương chân-thành, mãnh-liệt của vị lão quan đạo-đức có mãnh lực xoa dịu nỗi hờn của người anh-hùng dân-tộc.

---

(1) **Lời soạn giả** : *Có nơi chép rằng ông Mai-bá-Hương, là viên quan phục vụ triều chúa Nguyễn, nhưng không phải là Nguyễn-Ánh, trong lúc Nguyễn-triều còn tranh chấp với Xiêm-quốc (Thái-Lan hiện thời) bình vực Cao-Miên chống lại ta.*

Chữ Tây-tặc nơi đây, cụ Phan ám-chỉ giặc Xiêm, chớ không phải Tây-sơn.

Vậy xin chép cả hai thuyết trên đây cho rộng bề khảo-cứu.

GIỒNG SƠN QUI LỊCH SỬ

Quê-hương Từ Thái-Hậu

Trên đường từ tỉnh lỵ Gò-công về Sài-gòn qua ngõ Long-an, người ta băng qua giồng Sơn-qui khi ra khỏi nhà thờ độ 3 cây số và bắt đầu lên dốc.

Giồng Sơn-qui, quê hương bà Từ-Dũ, có hình dáng như con rùa nằm. Trước có tên là Qui-nguyên, nghĩa là Gò rùa về sau đổi lại Sơn-qui là núi rùa, có ý nói nơi phát tích bền ngoại của vua Tự-Đức bền như núi. Rùa là một trong tứ linh «Long, Lân, Qui, Phụng», sống rất lâu mà lại hiệp với núi càng lâu bền hơn nữa. Giồng Sơn-qui cồ-kính im-lìm bên dòng nước phù-sa đỏ ra kinh Hàng, con rạch chảy qua chợ Gò-công, đề xuôi về Rạch Bằng là nhánh sông Soi-rạp.

Giữa giồng có đền thờ đức Quốc-công Phạm-Đăng-Hưng và 5 ngôi mộ tiền nhân Thái-hậu. Đền thờ xây từ đời Tự-Đức gồm có năm gian có hàng chấn song bằng danh mộc chạm-trổ và sơn son thiếp vàng. Tiếc vì thời gian quá lâu có chỗ hư mục, người giám thủ sửa lại làm mất kiểu xưa.

Nơi chính vị thờ Đức Quốc-công Phạm-Đăng-Hưng, thân sinh Từ-Dũ Hoàng-thái-hậu. Bên trái thờ Phước-an-hầu Phạm-Đăng-Long, Phụ thân đức Quốc-công ; bên mặt thờ Bình-thanh-Bá Phạm-Đăng-Dinh, nội tổ đức Quốc-công ; căn chót bên trái thờ Mỹ-khánh-tử Phạm-Đăng-Tiên, ông cố đức Quốc-công ; căn chót bên mặt thờ Thiêm-sự-phủ Phạm-Đăng-Khoa, ông sơ đức Quốc-công, Dưới thời phong kiến thật quả đúng câu «Nhứt nữ thọ hoàng ân, toàn gia hưởng thiên lộc». Trong đền có đề tấm bia gỗ sơn son thiếp vàng chép lại những chữ khắc trong bia đá dựng trước mộ đức Quốc-công ở bên đền thờ, do Phan-Thanh-Giản đề xưng tụng công-nghiệp của thích-lý. Mỗi năm có 2 lệ xuân-thu cúng tế do viên tri-huyện Tân-hòa chủ lễ, cho tới khi thuộc Pháp mới bãi bỏ chỉ còn giỗ như thường lệ, nhưng cũng có nhạc lễ và hương chức sở tại đến cúng.

Ông Phạm-quốc-Công, thân sinh bà Từ-Dũ, nghời làng Tân-niên-đông, Gò-công, thi đậu cống-sĩ (sau gọi là tú-tài) tại trường thi hương Gia-định. Ông được bổ dụng vào Tòa tu soạn trực thuộc quyền cụ Trịnh-Hoài-Đức đề coi việc văn thơ, sau được thăng lên

chức chủ-sự lập nhiều công, được phong lên chức Hình-bộ Thượng-thí, đến đời Tự-Đức ông giữ chức Hiệp-hậu Đại-học-sĩ lãnh Lễ-bộ Thượng-thơ. Đến khi cụ Phạm mất, vua ban cho một đạo hải-thuyền đưa linh cữu về an-táng tại nguyên quán ở giồng-sơn-qui, làng Tân-niên-đông, và truy tặng tước Quốc-công.

Bây giờ tại Gò-công có đường Phạm-Đăng-Hưng là mạch máu của Gò-ông, là nhịp sống của dân Gò-công suốt ngày tấp nập người qua kẻ lại.

Giồng Sơn-qui, vì là quê-hương đức bà Từ-dũ nên khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam-phần, ký-hiệp ước 1862, muốn thu phục nhơn tâm, thỏa thuận không xâm-phạm đến hoàng-triều cương-thổ và mọi lễ nghi, để cho người Việt trọn quyền tiếp tục theo tục lệ.

Gò-công trước có tên là Huyện Tân-hòa, miệt Đồng-sơn, Bình phục-nhì, Bình-phục-nhứt thuộc huyện Tân-thành, Tân-an-phủ, tỉnh Gia-định. Bình-tây Đại-tướng-quân Trương-công-Định trong cuộc kháng Pháp có lần đã dùng Sơn-qui làm chỗ trú quân, Pháp đánh nhiều lần không được. Sau khi vua Tự-Đức băng hà, Triều-đình Huế đang lúng túng trong việc chọn người thay thế, thì Pháp lại đánh dữ dội ra Bắc-hà. Một mặt để mưu trấn an lòng công phẫn của người miền Nam, Pháp điều-đình với Triều đình Huế mua 100 mẫu ruộng ở làng Bình-luông-Đông (quốc-gia điền) cúng vào nhà thờ để cai-trị luôn Giồng Sơn Qui.

Đường vào lăng thờ đức Quốc-công hiện giờ rêu phong kín lối. Đối với người Việt chúng ta hiện thời đó chỉ là di-tích lịch sử duy nhất của tỉnh Gò-công trải qua bao mùa chinh-chiến, cảnh vật điêu tàn, giồng Sơn-qui không mấy ai đến viếng thăm.

Trong lăng, có ông từ, cháu mấy đời của Phạm-quốc công, ở chăm lo nhang khói. Dòng dõi Phạm-Đăng-Hưng hiện thời còn lại 3 nhánh : một ở Tân-niên-đông, một ở Tân-niên-Tây, một ở Hòa-nghị, nhưng nhánh ở Tân-niên-đông hưởng hương quả lo việc thờ tự.

Đối với những di-tích lịch-sử này, chúng tôi mong khi hòa-bình trở lại, Bộ Văn-hóa Giáo-dục và Sở du-lịch sẽ lưu-tâm tu-bổ để vừa bảo tồn di-tích lịch-sử nước nhà, vừa thu hút khách du.

✶

VUA THÀNH-THÁI VỚI ĐỒNG BÀO GÒ-CÔNG

50 năm trước nước Việt-Nam còn trong thời-kỳ bị Pháp đô-hộ. Đại-diện chánh-quyền thực-dân là Toàn-quyền Paul Doumer, một chánh khách tiếng tăm của nước Pháp đã đề danh lại cho cầu Hàm-Rồng nối Hà-nội với Gia-lâm. Cầu này thời Pháp thuộc được đặt tên là cầu Doumer, ngày nay Việt-Nam độc-lập đã cải đổi lại rồi.

Dưới thời viên Toàn-quyền đại-diện nước Pháp cai-trị toàn cõi Đông-dương (kể luôn cả Cao-miên và Ai-lao), nước Việt chia ra làm 3 miền : Bắc, Trung, Nam, Bắc và Trung trên danh-nghĩa còn thuộc chủ quyền Nam-triều, nhưng thực-sự đặt dưới quyền cai trị trực-tiếp của 2 viên Khâm-sứ (Résident supérieur) và những viên công-sứ (Résident) cai-trị tỉnh. Bắc và Trung, gọi là xứ bảo-hộ, còn có những quan-chức Nam-triều bổ-nhiệm ra cai-trị. Nam-kỳ là xứ thuộc-địa, đặt dưới quyền cai-trị của một viên Thống-đốc (Gouverneur) và những viên Tham-biện Tỉnh-trưởng (Administrateurs, chefs de province).

Cầm đầu Nam-triều thời đó là vua Thành-Thái, một vị vua có tâm chí nhưng bất lực vô quyền. Chủ-quyền nhà vua chỉ hữu-danh vô thực, nhà vua trước áp-lực của chánh quyền đô-hộ, đành ôm-ấp mối căm hờn phần uất nhưng không biết làm sao tự giải-thoát, mới nãy sanh ra một thái-độ để tiếng đến ngày nay. Ông giả điên dại làm ra bộ khật khùng để chống lại Pháp quyền một cách tiêu-cực. Đồng bào ta đã nghe thuật lại khá nhiều những chuyện làm «ngông» của vua Thành-Thái, nhưng miệng đời đã phóng đại. Như chuyện mổ bụng một thiếu-phụ Pháp, chuyện giết một con cắc-kè rồi đưa đám linh-đình trọng thể, v. v... Sự thật vua Thành-Thái chỉ giả bộ khật-khùng làm những chuyện ngang-ngược để gây khó khăn cho người Pháp mà không sợ khiển-trách. Sự thật vua Thành-Thái không «khùng» chút nào, ẩn núp sau cái bề ngoài «bất thường tánh» để che mắt người Pháp, ông ngấm-ngầm liên lạc với các nho-sĩ cách-mạng, ngấm ngầm tán-trợ phong-trào kháng Pháp bắt đầu sôi nổi từ Bắc chí Nam. Một bằng cớ đáng chú-ý là hồ-sơ bí mật của thực-dân Pháp sau này bị kháng-chiến quân ta tóm được, nói về phong-trào quốc-gia cách-mạng Việt-Nam từ 1904 đến 1914-18 nhìn nhận ông Thành-Thái là vị vua đã giả khùng để bắt hợp-tác và ngấm-ngầm hộ-trợ các nhà cách-mạng.

Vì thời nước ta chưa tới, vận số dân ta còn đen, nên trong thời kỳ này những cuộc mưu toan nổi dậy diệt quân Pháp giành lại chủ-quyền đều bị phát giác trước khi cử sự chỉ vì kẻ tay trong

phản-phúc chạy đi báo-cáo với người Pháp để đổi bạc vàng chức tước.

Đồng bào đoán hiểu nỗi khổ tâm của vị vua có tinh-thần bất-khuất nên luôn dành sẵn một cảm tình nồng-nhiệt với vua Thành-Thái. Tuy miền Nam thời kỳ ấy là thuộc-địa không còn dính dáng gì với quan Nam-triều, nhưng người miền Nam hãy còn lưu-luyến với quân-vương ; quan-niệm dân-chủ chưa được tiêm nhiễm, rộng sâu, người dân miền Nam hãy còn coi ông vua là tượng trưng, đại diện chơn chánh cho tinh-thần quốc-gia dân-tộc.

Phong-trào kháng Pháp sôi nổi từ miền Trung lan ra Bắc, Miền Nam đợi chờ hưởng ứng nhưng liên-lạc khó-khăn. Chính vào lúc này vua Thành-Thái tính mở một cuộc Nam du. Bề ngoài với lý-do chánh thức là về Gò-công thăm quê ngoại của Tiên-hoàng nhà Nguyễn ; lý-do chánh thầm kín bên trong là vua Thành-Thái muốn thăm dò dân-tình ở những miền đã lọt ra khỏi quyền hạn của Triều đình ; nhắc nhở đồng bào miền Nam nhớ lại nguồn gốc của chính mình, liên lạc với các nhà cách-mạng miền Nam nếu có cơ-hội.

Người Pháp không có lý-do gì chánh đáng để cản-trở. Thế là Ngài ngự Nam du !...

Vua Thành-Thái vô Sài gòn, được nghinh-tiếp trọng thể theo nghi-lễ. Người Pháp thực-dân khôn-ngoan biết giữ thể-diện cho những vị vua bị đô-hộ, một để mua lòng người trong cuộc, hai để khoe khoang với thế-giới bên ngoài rằng họ luôn luôn kính trọng tục lệ lễ-giáo của nhơn dân những miền bị họ « khai hóa » ! Dân chúng Sài-gòn cũng rầm rộ hân hoan đón tiếp nhà vua, phần lớn vì hiếu-kỳ muốn coi mặt ông vua, một số ít còn lưu-luyến dĩ-vãng muốn tỏ cảm tình với ông vua không đến đỗi vì bã vinh sang làm bù nhìn cho quân giặc.

Trong chuyến Nam du này, vua Thành-Thái đã thu hút được cảm tình của khá nhiều đồng-bào Bến-nghé. Người ta thuật lại rằng mặc dầu mật-thám Pháp bủa giăng dòm ngó, rất nhiều người có tâm-chí đã tìm cách yết-kiến được nhà vua, bày tỏ nỗi lòng, hiến dưng sản-nghiệp. Trong đám hằng tâm hằng sản này có một thiếu-phụ là cô Tám, đã đem đến cho nhà vua một sản-nghiệp và một tấm lòng. Giữa nhà vua và cô Tám có gì không thì tác giả không dựa vào đâu mà quả-quyết, nhưng ở Sài-gòn Chợ lớn, trong hai thế-hệ, người ta không ngớt bàn tán về một đoạn ân-tình giữa vua Thành-Thái và cô Tám, chủ rạp hát Chợ lớn. (Bạn đọc có lẽ đều nghe nói tới « Rạp cô Tám » ở Chợ lớn)

NGÀY LỊCH SỬ : DÂN CHÚNG GÒ-CÔNG HÂN HOAN ĐÓN TIẾP VUA THÀNH-THÁI

Từ Sài-gòn, vua Thành-Thái về Gò-công, đến giồng Sơn-qui viếng đền thờ và lăng mộ nhà họ Phạm, thân-sinh và tổ-phụ Bà Từ-Dũ, mẫu thân vua Tự-Đức.

Ở tỉnh và miền thôn quê cuộc nghinh-tiếp nhà vua còn trọng-thể hơn nữa.

Vào thời-đại nền học vấn mới chưa truyền rộng, nho-giáo còn thâm-nhiễm các vùng quê, đồng bào Gò-công, nhứt là Sơn-qui, đã đặt hết tâm-tình vào cuộc cung nghinh vua Thành-Thái. Nhà nhà trước cửa đều đặt bàn hương-án đèn hương nghi-ngút. Chốn chốn treo hoa kết tụi, dựng khải-hoàn môn cờ xí rợp trời. Nhà vua chắc đã cảm-động và tự an-ủi lòng được phần nào trước cuộc cung-nghinh do tự tấm lòng, không quyền hành nào bắt buộc.

Lẽ cố-nhiên vua Thành-Thái đã đến viếng các lăng mộ nhà họ Phạm, đã đốt nhang tưởng niệm những công-thần của Tiên-đế, đem một niềm vui, một vinh-hạnh cho đồng-bào mộc-mạc tỉnh Gò. Từ lâu rồi, Gò-công là tỉnh duy nhứt miền Nam, đón tiếp và tỏ lòng cùng một vị vua nhà Nguyễn. Cũng trong cuộc viếng thăm này, ông Thành Thái đã gặt-hái một kết-quả không phải cho riêng ông mà cho phong trào cách-mạng : khêu gợi ngọn lửa thiêng trong lòng mọi người dân yêu nước.

***

Nhơn nhắc lại chuyện vua Thành-Thái viếng Gò-công, tác giả không thể không hồi-tưởng cuộc gặp gỡ 16 năm trước đây tại Sài-gòn giữa vị vua mất ngôi bị lưu đày đã trở về, và nhà văn đi tìm chuyện lạ.

Cuộc gặp gỡ xảy ra vào năm 1952 tại một căn phố đường Nguyễn-Trãi, Sài-gòn.

Sau ngày Việt-nam thâu hồi được chủ-quyền, mặc dầu chưa trọn vẹn nhưng người Pháp đã phải lần hồi giao lại đất nước cho người Việt-Nam, vua Thành-Thái từ đảo Réunion được trở về đất mẹ. Ông về sống những năm sau cùng trong một căn phố thường ở Sài-gòn, sống đời bình dị như một người công chức hưu trí.

Lúc đầu ông mới về, những người hiếu-kỳ hoặc hâm-mộ tới lui tấp nập, nhưng lần hồi không còn mấy ai lưu-ý cái bóng của một thời qua chẳng bao giờ còn trở lại.

Là một nhà văn chuyên vạch bóng thời-gian tìm vật xưa tích cũ, một hôm tôi đến viếng ông Thành-Thái, năm ấy là một cụ già ốm yếu ăn mặc tầm thường nhưng sau bao năm bị lưu-đày vẫn còn phong độ một ông vua. Ông tiếp tôi niềm nở, nhưng cử-chỉ và ngôn-ngữ vẫn còn «Vương giả».

Tôi tặng ông một cuốn sách do tôi trước tác. Đáp lại, ông cầm bút viết lên một trang giấy tặng lại tôi với bút tự của ông những chữ sau đây :

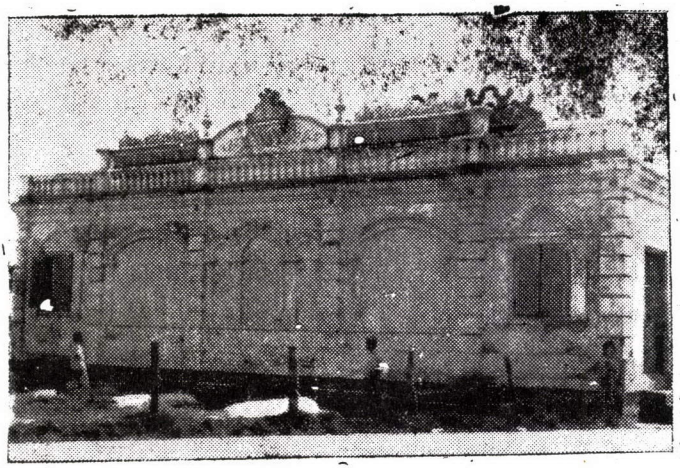
Nhâm-thìn đông thời, Dư ngọa trừ bịnh Gia-thành : thích Huỳnh-quân đái lai nhứt sách, cầu hữu thơ ký tự vi vi kỷ-niệm.

Ngã trùng vi kỳ ý, liên thơ chi tắc trách.
Hàn-thự Việt-hoàng : Thành-Thái
Ư niên thất thập tứ tuế.

Nay xin ghi lại trong đoạn sách này, của tác giả kính tặng đồng bào Gò-công để kỷ-niệm một cuộc viếng thăm lịch-sử : vua Thành-Thái viếng Sơn-qui !

NHỮNG CHUYỆN LẠ VỀ CÁ ÔNG VÀ TỤC LỆ CÚNG-TẾ ÔNG TẠI VÀM-LÁNG (GÒ-CÔNG)

Theo một tín-ngưỡng được kính-cẩn lưu-truyền hơn bốn thế-hệ đồng bào tỉnh Gò-công. Nguyễn-Ánh trong thời chinh-chiến với Tây-sơn phải lắm phen thất trận, nào bôn đào ra Côn-nôn Phú-quốc, nào mấy phen cầu-viện Xiêm-La. Đến một hôm vào khoảng tháng Giêng sau khi tụ tập được khá đông chiến thuyền và binh-sĩ Nguyễn chúa lại một phen nữa quyết sống mái với Tây-sơn, kéo tới vây hãm thành Bình-thuận (Phan-thiết). Ban đầu, quân Nguyễn chúa hùng hổ thắng thế, nhưng kế tiếp theo viện quân Tây-sơn từ Bình-định kéo ra kịp giải phá vòng vây, trong đánh ra ngoài đánh vô, quân Nguyễn-Ánh phải mở đường máu tránh sự tiêu-diệt. Sau một trận tử chiến cả hai mặt thủy bộ, Nguyễn-Ánh thu góp tàn quân xuống chiến thuyền chạy về phía Nam, sau lưng bị quân Tây-sơn truy nã rất gấp.



Lăng thờ Cá Ông tại Vàm Láng

Trong lúc sau lưng giặc đuổi, trước mặt trời bỗng kéo mây u ám như khói đèn, một cơn giông bão nổi lên dữ-dội khi đoàn chiến thuyền đến giang-khẩu Soi-rạp là con sông lớn phân ranh 2 tỉnh Gia-định — Gò-công. Tình thế thập phần nguy kịch, Nguyễn Chúa nhìn trời thở ra và thầm khấn : « Nếu lòng Trời còn tựa nhà Nguyễn, xin phò hộ Nguyễn-Ánh này thoát qua cơn thập tử nhứt sinh ! » Thì lạ thay, cơn sóng gió lại nổi lên dữ-dội thêm, các thuyền Tây-sơn rượt theo gần kịp bị gió thổi gãy cột buồm, văng bánh lái, thuyền xoay mòng rồi lật úp. Quân Tây-sơn đang thắng hoá bại, thuyền Nguyễn chúa cũng sắp lâm nguy thì bỗng được vững an : từ dưới nước nổi lên một cặp cá ông kẹp hai bên mạn chiến thuyền, đưa lưng đỡ và dìu dắt thuyền vào đến đất bình-an. Nơi thuyền chúa Nguyễn được cá ông đưa vào yên lành và đồ bộ, nhằm vào địa-phận làng Vàm-láng, tổng Kiểng-phước, Gò-công.

Câu chuyện này người đời nay với óc khoa học có thể nghi là chuyện hoang-đường. Nhưng không phải là chuyện hi hữu ở thế-gian đâu ! Ngày xưa ở Âu-châu, cứ theo sử-gia Hérodote, thì vua Arion cũng đã được một con cá voi cứu giá trong trường hợp giống y như Nguyễn-Ánh ở Vàm-láng vậy.

« Nạn khỏi tai qua, mấy ai còn tin-tưởng thần-thánh nữa ? », một tục-ngữ Tây-phương nói như vậy. Nhưng Nguyễn-Ánh không đến đỗi là người vô ân bạc nghĩa.

GIA-LONG PHONG CHỨC CÁ ÔNG

Sau khi chiến thắng được Tây-sơn lập quốc, Nguyễn-Ánh dưới vương hiệu Gia-Long không quên công cứu giá của cá-ông, muốn tỏ lòng tri-ân một cách rạng-rỡ. Khởi đầu, ông phong cho cá-ông tước « Nam-Hải Đại Tướng-Quân » ! Kế tiếp ông gởi cho mỗi làng duyên-hải gần nơi chiến thuyền ông đã cập bến ngày trước một bằng sắc phong thần, với lịnh xây cất một đình thần để thờ phụng cá-ông, mỗi năm đến mùa lo cúng tế. Theo lời các ngư-ông bô lão cho biết, các làng đã nhận được sắc-thần là Cần-giờ (Gia-Định), Kiểng-Phước (Gò-công) và Vũng-luông (Vĩnh-long). Ở Kiểng-phước, sắc thần hiện còn được tôn kính tại đình làng.

Rồi kể từ vụ cá-ông cứu-giá ấy, cá-ông luôn luôn đóng một vai tuồng trọng đại và hữu-ích trong đời sống của dân làng Vàm-láng.

HÀI CỐT CÁ ÔNG THỜ TẠI VÀM LÁNG

Các bô lão kỳ cựu thuật lại rằng vào thời kỳ ông Huỳnh-Văn-Bình làm hương-cả làng ngư phủ, có một lần trời đổ mưa không ngớt hột luôn ba ngày. Thì có dư-luận đồn-đãi rằng thiên-tượng này không bởi lý-do nào khác lạ hơn là có một cá-ông lụy, thi hài tấp vào làng Đông-hòa (Gia-định) ở bên kia bờ sông Soi-rạp. Ông phó Hương-cả Vạn thân hành đi điều-tra, quả có một cá-ông chết, xác trôi tấp vào bờ. Nhưng xác cá-ông này không còn nguyên vẹn : Ông Vạn đến nơi trông thấy chỉ có khúc giữa của cá-ông, đầu và đuôi đâu mất, tuy nhiên chỉ một khúc giữa đã lớn dài bằng một chiếc ghe biển. Di hài không trọn này được dân làng di chuyển về Kiềng-phước, để cho da thịt tan rã hết đi. Xương còn lại được góp nhặt đặt vào một quan-tài, để tại đình Vàm-láng cho dân làng kính bái.

Không bao lâu sau, một ngư-phủ ở Phước-hải (Bà-rịa) qua Vàm-láng xin thỉnh hài-cốt ấy, chịu đền bù lại 100 quan tiền. Ông ấy nói rằng : cá-ông chết đó đã đạp đồng về loan báo cho dân làng Phước-hải hay rằng : Bởi ông phạm lỗi đối với thiên-đình nên bị phạt thân xác phân làm 3 mãnh tản mác đi 3 nơi : Đầu ở Phước-hải, thân ở Kiềng-phước, đuôi ở Vũng-tàu. Nhưng nếu dân làng Phước-hải có thể tìm đủ 3 khúc lại để tôn kính trong một miếu đình thì ông sẽ phò hộ cho làng Phước-hải lâu ngày giàu thịnh. Nhưng bao nhiêu lời đường mật của vị khách đại diện làng Phước-hải đều vô hiệu.

Dân làng Vàm-Láng cũng tin-tưởng việc tôn kính bộ xương khúc xương giữa của « Ông » sẽ ban bố nhiều phúc lợi cho làng. Ai dại gì nhường của quí cho bà con làng Phước-Hải ? Họ từ chối hẳn.

SỰ LINH THIÊNG CỦA CÁ ÔNG

Hai ba năm sau, ngư-phủ tên Sự chài lưới tình cờ chài vào lưới thi hài của một cá-ông nhỏ. Cho là việc xui xẻo, anh ta trả xác chết ấy lại cho sông biển. Xác cá-ông chết này trôi tấp vào địa-phận Tân-bình-điền một làng ở phía Nam Vàm-láng cách chẳng bao xa ở đó cá-ông được hai người bắt cua, tên Mạnh và Nhiên trông thấy. Hai anh chàng này không biết là cá gì, tranh cải một lúc. Anh Nhiên lẹ tay chơn, cầm cái móc bắt cua xáng một phát vào thân cá ông, móc ra một miếng thịt. Liền khi đó anh ta nổi cơn sốt, run lập cập, rên hì hì, nằm lăn ra đó không đi về nhà được. Nhiên phải nằm lại trong rừng suốt đêm. Không nỡ bỏ bạn trở về một mình, Mạnh ngồi bên rầu thúi ruột, lâm râm khấn vái : « Nếu ngài thật là cá-ông, xin tha thứ cho anh Nhiên lành mạnh, chúng tôi sẽ chạy về làng báo tin rước thi thể ngài vào đình thờ cúng » Mạnh khấn vái vừa dứt thì quả anh Nhiên hết sốt và mê sảng, có thể đứng dậy đi theo bạn về nhà. Giữ lời khấn, Mạnh báo tin cho hương-chức làng ngư-phủ Vàm-Láng, các ông này liền phái người đi ghe đến chở xác cá-ông về đình. Nhưng rủi thay, khi các ngư phủ đến nơi thì trời tối, họ đốt đuốc lên đi tìm kiếm khắp nơi vẫn không thấy xác cá ông đâu ! Ai nấy ngã lòng tính trở về tay không, thì Mạnh lại lâm râm khấn vái đức Ông một lần nữa. Anh khấn : « Dân làng chúng tôi có lòng thành kính muốn rước Ngài về thờ cúng, sao ngài lại nỡ ẩn thân đi ? Xin ngài giúp chúng tôi tìm kiếm thi thể Ngài được dễ dàng. Xin ngài báo cho tôi biết Ngài nằm ở đâu, bằng cách cho tôi nhảy mũi khi tôi đến gần nhằm chỗ ».

Một lát sau, Mạnh đang đi tìm kiếm, anh ta bỗng nhảy mũi. Mọi người đều cầm đuốc xúm lại chỗ Mạnh đứng. Nhờ ánh sáng các ngọn đuốc tựu hợp, dân làng tìm ra được xác cá-ông gần đó. Khi xác cá-ông được đưa về đình Vàm-láng. Sự nhận ra chính là xác cá mà anh ta đã chài vào lưới hôm nọ rồi thả ra. Ai nấy lấy làm lạ và trầm trồ rằng xác chết đã lâu mà không hư thúi. Ruồi và kiến không dám đến gần.

LỄ TÁNG CÁ ÔNG

Dân làng đặt thi hài cá-ông vào một cỗ quan làm lễ nhang đèn kính cẩn rồi quàn tại Đình kế bên hài cốt khúc giữa cá Ông từ Gia định đem về.

Trong lễ tẩn liệm trọng thể này Sự và Mạnh chít khăn trắng để tang. Từ đó về sau hai anh này chày lưới thường gặp may, càng ngày càng phát đạt. Con cháu của hai người này ngày nay vẫn còn sống tại Kiềng-phước.

Theo Gamichon, mà chúng tôi tham khảo phần lớn để viết bài này trong tạp-chí Indochine (Đông-dương) của người Pháp thì « sự phù-hộ của cá-ông đối với ngư-phủ Vàm-láng là một sự kiện hiển-nhiên không một ai dám phủ nhận ? (La protection accordée par la baleine aux pêcheurs de Vàm-láng est donc un fait évident, que personne n'oserait se permettre de contester). Thủy-Tướng (tức Nam-hải Đại Tướng quân gọi tắt) luôn luôn che-chở hộ-trì những ghe thuyền lâm nạn, những ngư-phủ đắm thuyền, mỗi lần Ông nổi lên đưa ghe thuyền và người lâm nạn vào bờ bình yên. Dân làng Vàm-láng thường kể chuyện hai ngư-phủ tên Kiệm và Tề từ trên ghe rơi xuống biển, một người năm 1922, người sau năm 1931, vì ghe gặp bão lật úp, nhờ cá ông nổi lên dìu họ vào đến bờ ngất xỉu nhưng toàn tánh mạng. Hai người này còn sống lâu tại Kiềng-phước, sẵn lòng thuật lại vụ cá ông cứu họ cho người nào muốn biết.

Một lời đồn đãi không khoa học chút nào nhưng rất được bình dân xứ mình tin-tưởng truyền thuyết cá ông được Trời giao sứ mạng cứu người lâm nạn trên mặt biển. Đi theo cá ông ở hai bên luôn luôn có những cận vệ đồng thời là giám sát, là cá đao và cá mực. Khi cá ông gặp địch-thủ lợi hại, cận vệ mực xung phong phun mực làm nước biển đen thui, địch hết thấy đường ; kế tiếp mấy tướng cá đao múa đồ long đao độn thủy tới chém địch thủ văng vi tróc vãy. Ấy, nhưng khi có ghe tàu chìm mà cá ông vì lẽ này hay lẽ khác đóng vai trung lập ai chết mặc ai, thì cận-vệ cá-đao và mực liền biến đổi thành giám sát trị tội « ông » : mực phun mực cho ông mù mắt, cá đao đâm hai phát vào hai bên mang cá ông là chết ngay.

Dường như chỗ nhược của cá ông ở hai bên mang, các ngư-phủ khi thỉnh xác ông đem chôn thường thấy cá bị thương ở hai bên mang mà thôi.

Cũng theo truyền thuyết, cá ông trôi xác đến nơi nào vừa ý thì dừng lại, dân sống về nghề đi biển phải lập đền thờ ở đó. Ông sẽ phù hộ ban phúc lợi cho dân làng. Trái lại cá-ông lụy mà lọt vào lưới ai thì người đó phải chịu nghèo 3 năm nhưng sau đó sẽ làm ăn phát đạt.

Vì dân làng ngư-phủ tin-tưởng hễ thờ cúng Thủy-tướng đàng hoàng thành kính thì mùa chài lưới sẽ đánh cá được nhiều ; trái lại nếu không sốt sắng với «ông» thì nghề làm ăn sẽ thất bát, nên chi không ai lấy làm lạ mà thấy lễ cúng đình cá-ông được tổ-chức rất trọng thể mỗi năm vào đêm rằm qua 16 tháng 6 âm lịch tại Vàm-Láng.

DỰ LỄ CÚNG CÁ ÔNG

Lúc bình thời chúng tôi đã có dịp dự khán một cuộc cúng tế thần hoàng Thủy-tướng.

Cuộc lễ khởi sự vào lúc 11 giờ đêm tại đình Vàm-láng. Các sư sãi chuông mõ tụng kinh trước một cái giàn cao rộng, trên giàn chưng hoa quả, đồ mã như các giàn cúng cô-hồn, những cồ bánh đủ loại. Lễ cúng và tụng kinh kéo dài lối một tiếng đồng hồ, lễ tất người ta đem đốt đồ mã và phát bánh trái cho trẻ em trong làng.

Tới 1 giờ sáng, bắt đầu lễ nghinh Ông.

Trên một chiếc ghe trần thiết trang hoàng rực rỡ, có bàn thờ sắc thần nhang đèn thắp sáng, trước bàn thờ để một con heo quay. Một hương-chức, các lễ sinh, nhạc công và con hát bước xuống ghe. Phu thuyền rút đòn ngang, nhổ neo, thuyền rời bến lướt nhẹ trên rạch Vàm-láng chạy ra sông Soi-rạp đậu lại giữa giòng sông cách xa làng chừng hai cây số. Tới đây người ta đốt thêm nhang đèn, vị hương-chức chủ lễ đứng ra khấn vái thỉnh mời Thủy-tướng, trong khi các lễ sinh dưng rượu và trầm hương, nhạc lề trỗi lên đưa hơi cho con hát, trống phách nhịp nhàng đệm bước các lễ sinh. Nghinh lễ cử hành xong, thuyền trở về đình cũng do rạch Vàm-Láng.

Hai bên bờ rạch, các ghe chài lớn đều treo hoa kết tụi, đèn giấy đủ màu đốt sáng, treo từ mũi đến lái, từ mui ghe lên đến cột buồm. Các thuyền nhỏ của ngư phủ nghèo nàn cũng cố gắng thắp đèn giấy, đốt đuốc hay đèn chai, nên đêm ấy suốt đường sông hiện ra cảnh rực-rỡ huy-hoàng của một hội hoa đăng giống cảnh Sông-Hương đêm Hưng quốc Khánh-niệm. Trên mỗi ghe thuyền, trước cửa mỗi nhà ở hai bên bờ rạch đều có đặt bàn hương án với hương hoa lễ vật đèn đuốc rạng ngời. Vui thật là vui, toàn thể dân làng chung vui ngày đại-hội. Khi ghe chở vị hương-chức và các lễ sinh vào rạch, mỗi ghe thuyền, mỗi nhà hai bên bờ rạch đồng loạt đốt pháo nổ vang, tiếng pháo nổ ròn liên tiếp không ngừng, cho tới khi ghe cập bến trước đình mới dứt.

Cuộc lễ tiếp-tục. Người ta long trọng khiêng lư hương từ dưới ghe lên bờ vào đình. Đó là lễ an vị.

Thế rồi ban hát bộ xây chầu, dân làng thoả thích cùng nhau ăn uống và xem hát, một cuộc vui hiếm có cho dân chài, và dân chúng quanh vùng phụ cận đến dự đông đảo, mua bán tấp nập, đủ thức ăn của miền biển, cờ bạc đánh công khai trong mấy ngày không ai ngăn cản.

Những ngày trên đây là ngày thiêng liêng trọng đại của các giới ngư phủ, một nghề vừa lao lực vừa hiểm nguy phải mong nhờ ở thần quyền che chở cho mạng người nhỏ nhen trước những cơn giận dữ của phong ba biển cả.

BÀ TỪ-DŨ VÀ MẮM TÔM GÒ-CÔNG

Nói đến nhân vật Gò-công, ta không thể không nhắc đến Bà Từ Dũ, một bông hoa của đất Gò, đã ngự-trị một thời ở Triều Huế.

Không cần quốc như Bà Trưng, Bà Triệu, không kiếm cung tô-điểm sơn hà, nhưng người thiếu nữ Gò-công với tứ-đức tam-tùng đã nêu cao gương hiền đức của người phụ-nữ Việt-Nam, công-dung ngôn hạnh tỏ soi hậu thế. Nhà cầm quyền quốc-gia Việt-Nam độc-lập tân tiến, mượn danh bà đặt cho nhà bảo sanh lớn nhứt tại Sài-gòn, dẫu vô tình hay có ý-thức, đã làm một việc rất hay ! Phải chi những người vợ, bà mẹ đến sanh ở nhà thương Từ-Dũ đường Cống Quỳnh đều biết và nhớ đến người phụ-nữ đất Gò đã nêu gương mẫu một người vợ hiền mẹ lành dệt gấm thêu hoa cho xã-hội. Từ xưa tới nay người phụ-nữ có thể là vương tướng, có thể làm luật-sư, bác-sĩ quan tòa, song những chức tước ấy không quí báu bằng thiên-chức làm mẹ, của loài người, làm đấng từ mẫu đào tạo nền liệt-sĩ vĩ-nhơn cho đất nước.

Bà Từ-Dũ, đóa hoa thơm của đất Gò được chọn lựa tiến cung vì hương sắc. Được hay bị tiến cung, là một hạnh-phúc hay là một tủi hận ? Dưới thời phong-kiến việc phải đến tất đến, có ai hỏi đến lòng người thiếu-nữ được hay bị tiến cung ? Tuy nhiên gặp biến phải tùng quyền, người thiếu-nữ Gò-công đã biết hòa mình với hoàn cảnh để làm tròn nghĩa vụ.

Làm thứ-phi vua Thiệu-Trị, Bà Từ-Dũ may-mắn sanh được hoàng nam về sau lên ngôi báu dưới danh hiệu Tự-Đức. Nhờ may-mắn này bà thứ-phi bước lên địa-vị chánh-cung Hoàng-hậu, và sau khi Thiệu-Trị thăng hà, Tự-Đức tức vị, người thiếu-phụ đất Gò được tôn thái hoàng thái hậu làm mẫu nghi thiên hạ.

Về các vua chúa triều Nguyễn, ngoài vị khai sáng là Gia-Long ta không còn tìm thấy một vị nào có tinh-thần thượng-võ hay tài an bang tế-thế. Từ Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, Đồng-Khánh cho đến Khải-Định, Bảo-Đại, sử gia không chép được một công lao nào có thể làm cho người Việt ta tự hào, trừ ra có vua Duy-Tân cương quyết chống thực-dân nên bị đày nơi Réunion, kết cuộc mộng lớn cũng không được đạt thành khi trở về nước lâm nạn, thế thì sự nghiệp của nhà Nguyễn đành tiêu-tan theo mây khói, các vì vua trước kia nếu không bị kết tội đã là may mắn lắm rồi.

Đồng bào trí-thức nước ta, không thiếu chi người nghiên cứu lịch sử Nguyễn triều đã sanh mối nghĩ : « Phải chi Gia-Long thất bại, Quang-Trung thành đế-nghiệp và không chết sớm thì số phận nước Việt có đến đỗi như ngày nay không nhỉ ? Với vị anh-hùng Quang-Trung Nguyễn-Huệ, lấy Lưỡng-Quảng của Càn-Long để mở rộng bờ cõi, biết trọng dụng nhơn tài, mở rộng tầm mắt nhìn ra thế-giới không ngu đần tin-tưởng mình là « rún của vũ-trụ », mở lập hải-cảng giao thương với các nước, gởi thanh-niên du học, khai phóng phong-trào « Duy-Tân » như Minh-trị Thiên-hoàng ở Nhựt, thì nước Việt Nam ngày nay sẽ đến đâu ? Dầu sao cũng không đến đỗi bị thực-dân đô-hộ hơn 80 năm, dân-tộc phải hao mòn chiến-đấu trường kỳ gian-khổ để dịch chủ tái nô thay vì độc-lập. Nhưng thôi, định mệnh đã an bài, chỉ còn có thể lấy câu định mạng để tìm an-ủi, tiếc thương sầu não chẳng ích gì.

Lên kế-vị vua cha Thiệu-Trị, vua Tự-Đức mang tiếng là một vị vua ưa văn-chương thi-phú, ngoài việc làm thi đáp họa và ngâm ca vịnh, trên thực tế có làm được một việc gì hữu-ích cho nước non? Đã vậy lại có tánh tự-đắc không trông thấy sự tiến bộ ở bên ngoài được người xuất ngoại về thức tỉnh như Nguyễn-Trường-Tộ ; Phan Thanh-Giản. nhà vua không đủ đức tin để mà tin những tiến bộ của thế giới bên ngoài về khoa học. Thiếu óc nhận định lại nghe lời một bọn ngu thần, bác bỏ tất cả những ý-kiến đề-nghị canh tân cải tiến của Nguyễn-trường-Tộ, để đi lần tới mất nước.

Tự-Đức chỉ có một điểm đáng khen là làm con có chí hiếu. Đối với mẹ là Bà Từ-Dũ ông một mực kính thờ, người ta thuật lại rằng Tự-Đức lớn, khi lên ngôi vua, nhưng khi có lỗi vẫn phải nằm cho mẹ đánh đòn. Và một hôm sau trận đòn ông ứa lệ. Bà Từ Dũ bất bình hỏi : « bộ oan ức, câm tức hay sao mà khóc ? »

Nhà vua thưa mẹ rằng : « Con không phải vì oan ức hay dám đem lòng oăm tức, mà con khóc vì lúc này mẹ đánh con đòn roi yếu ớt tỏ ra rằng mẹ đã già yếu sức lực mỏi mòn con thương mẹ không còn khương kiện như xưa nên mũi lòng con khóc... »

Nếu chuyện trên là có thật, quả đáng khen hiếu tâm hiếu đạo của nhà vua, và đáng khen Bà Từ-Dũ, một bà mẹ hiền đức thế nào mới giáo-dục nên con hiếu thảo như vậy.

Trong lúc chưa lên ngôi hoàng-Hậu, còn là thứ-phi với cảnh buồn tẻ ở nội cung, Bà Từ-Dũ chỉ có một niềm vui và an ủi những

lần thân nhân bà từ Gò-công đi ghe bầu ra tận đế kinh thăm viếng. Lẽ tự nhiên mỗi lần ra thăm, thân nhân bà không quên chở ra kính biếu những thổ sản của tỉnh nhà. Trong các sản phẩm tiến cúng, có món mắm tôm chà là món bà ưa thích hơn hết, chẳng những riêng bà ưa thích, một hôm nấu cho nhà vua ngự thiện, bà cho dọn mắm tôm chà Gò-công ăn với bún thịt phay rau sống. Vua Thiệu-Trị nếm thử một lần khen ngợi là ngon. Bà Từ-Dũ cũng có biếu tặng các vị đại-thần. Vua quan Triều Huế nếm mùi mắm tôm Gò-công một lần đều lấy làm thích thú. Và ăn quen bén mùi... Bà Từ-Dũ phải nhắn thân nhân mỗi kỳ ra thăm đều tiếp vận kha khá mắm tôm để bà biếu tặng. Ở Huế từ trước cũng có một thứ mắm tôm làm nguyên con, nhưng không được ngon bằng mắm tôm chà và mắm nem (cũng nguyên con) của Gò-công được nổi tiếng từ thuở ấy.

Đáng tiếc thay, một sản phẩm có hương-vị ngon lành đặc biệt của đất «Khổng-tước-nguyên» như mắm tôm được cả nước ưa chuộng lại không biến thành một công-nghệ lớn lao, số sản xuất dồi dào, đem lợi về cho xứ sở.

Ở Sài-gòn có dạo người ta đã dùng mắm tôm chà làm xăng-huýt : hai miếng bánh mì mỏng, trét bơ lạt và mắm tôm cặp lại ; đãi trong những buổi tiệc trà. Cocktail, người ngoại quốc ăn thử một miếng khoái khẩu rồi ăn quên thôi, ngạc-nhiên không hiểu đó là caviar hay thứ pâté gì ngon dữ vậy ?

Nếu các nhà hàng Việt-Nam ta ở ngoại-quốc thử làm cách ấy đãi khách trong các buổi tiếp tân, có phải là quảng cáo hay cho một sản-phẩm quê nhà được nổi tiếng từ xưa tới nay, vua quan đều khen ngợi... Mỗi địa-phương đều có những sản-phẩm đặc-biệt khác nhau, như Châu-đốc có mắm ruốt, Sa-đéc bánh phồng tôm, Bạc-liêu có tôm lụi. Rạch-giá có khô cá-đường, Cà-mau có tôm khô, Cần-thơ có cá cháy, Vũng-tàu có mắm ruốc, Kiến-hòa có kẹo chuối, v.v... người ngoại quốc cũng như khách lãng du trong nội địa, từ tỉnh này sang đến tỉnh kia, trong lúc trở về cũng mua theo một vài sản phẩm nổi tiếng ở địa phương đem về tặng cho bạn bè và thân-nhân thưởng thức cái hương-vị đặc-biệt của tỉnh ấy vậy.

Nếu chúng ta có tinh thần hoài bảo đến quê hương, đem những sản-phẩm này ra ngoài tiêu thụ sẽ đem về cho ta một mớ ngoại tệ.

Tại sao biết khen món ngon vật lạ của nước ngoài mà không nghĩ tới việc kỹ nghệ hóa của nước nhà mà chúng tôi đã nêu trên ?

NHỮNG CHỐN LINH THIÊNG CỦA ĐẤT NƯỚC

ĐÁM LÁ TỐI TRỜI
NƠI ÂM BINH XUẤT HIỆN

Chốn người Nam đã 2 lần chống giặc Pháp xâm-lăng.

Đám lá tối trời ! Một vùng rộng lớn ở làng Kiểng-phước tỉnh Gò-công gần cửa Soi-rạp.



Đám lá tối trời

Ngày trước, như tên nó đã chỉ, vùng này mọc toàn dừa nước dày đặc, dày đến nỗi tàn cây nhành lá che kín mít ngăn cản ánh thái dương rọi xuống đất lành. Xuyên lọt vào vùng này như thể vào một đền thờ, giữa trưa trời nắng chan chan trong lùm vẫn im mát lạ thường lúc trời chiều bóng xế rơi đây bắt đầu mờ mịt tối.

Vì ánh mặt trời không bao giờ soi tới đất, nơi đây ẩm thấp lạnh-lùng, dưới đất đầy cỏ mục côn trùng, trên không bao phủ một không-khí ướt-át âm-u, nặc mùi tử khí. Người lọt vào vùng này bước một bước là gây nên một cuộc chạy trốn tứ tán của các giống vật chuyên bò dưới đất, chạm đến một lùm cây là bốc lên một đám mây muỗi mòng bay khắp mọi nơi. Thế giới của những giống chuyên sống trong bóng tối !

Thế mà ngày xưa nơi đây có những người chen vào tìm lẽ sống. Đó là những người vì nước quên hẳn bản thân, những người từ bỏ gia đình đầm ấm, làng xóm thân yêu, chấp nhận gian lao vào nơi tăm-tối để nuôi chí căm thù. Đó là những chiến sĩ của anh-hùng Trương-công-Định sau những trận giao phong với quân thù cướp nước, thất thế trước võ khí tối-tân và quân địch hùng-hậu, trước đa số đồng bào nhút nhát cầu an, phải tạm thời rút vào miền hiểm trở địch quân khó tiến vào, trong thế châu chấu đá xe phải dùng du kích chiến kéo dài cuộc kháng chiến cho ngọn lửa thiêng đừng tắt, đừng bao giờ tắt.

Chuyện xảy ra cách đây hơn một thế kỷ, vào khoảng 1861-1864

Vùng « Đám lá tối trời », một nơi âm độc con người khó sống lại là một chiến khu rất tốt. Từ căn cứ này, kháng chiến quân của Trương-Công-Định phóng ra những cuộc tấn công chớp nhoáng rồi rút theo chiến thuật « tam khoái » (Ba mau : di quân mau, đánh phá mau, rút về mau) đã làm cho giặc Pháp ngay ngáy đêm ngày. Theo tin tình báo cho biết đám-lá-tối-trời là mật khu của kháng-chiến quân, nhưng biết mà không làm gì được vì pháo-binh hồi đó vừa thô sơ vừa không đủ để oanh tạc cả vùng đám-lá-tối-trời, mà đem bộ binh vào không có pháo binh yểm trợ là vào chỗ chết.

Nhưng rồi họ vẫn làm được, bằng cách dùng cũi đậu nấu đậu, dùng chó ghẻ của đất Việt cắn người Nam. Cái việc giặc Pháp không làm nổi, thì đội Tấn và lũ chó săn của y làm được, nhờ cùng một màu da một ngôn ngữ chúng lừa gạt được những anh-hùng quốc-gia. Nhờ lọt được vào trong trận địa, đội Tấn với những tên thân binh thờ giặc Pháp tấn công thình lình làm cho kháng chiến quân trở tay không kịp. Anh hùng gặp phải vận cùng. Trương-Công đành thất thủ.

Giặc Pháp thắng thế !

Đội Tấn và lũ chó săn được gặm xương !

Đất nước tũi hờn, những oan hồn uổng tử mang mối hận xuống thuyền đài không tan.

Từ đó thiên hạ đồn ở vùng đám-lá-tối-trời cứ đêm đêm nghe tiếng gào thét, tiếng binh đao va chạm. Khi thì nghe tiếng chân đi rầm rập như thiên binh vạn mã rần rộ kéo đi, lúc lại nghe ngựa hí người la và tiếng trống trận.

Nghe đồn, một vài người gan dạ rũ nhau đi xuống lá, vào gần đám-lá-tối-trời ở lại một đêm thử xem.

Những người kia đã nghe thấy những gì ?

Khi trở về, ai hạn hỏi họ không trả lời có hay không, chỉ lắc đầu tỏ ra buồn bã. Phải chăng họ đã thông cảm những nỗi đau buồn uất hận của kháng-chiến quân Trương-công-Định, không buồn thuật lại những điều mắt thấy tai nghe cho những kẻ vô tâm, hiếu kỳ và cầu an.

Một bằng chứng về sự lạ âm binh hiển hiện trong vùng âm u đám-lá-tối-trời, là chính giặc Pháp cũng phải lưu tâm. Một thời-gian khá lâu, chúng đem đại-bác xuống bắn vào vùng, và cho lính đến thổi kèn đồng để phá bớt cảnh âm-u tịnh-mịch.

Không phải vì sợ tiếng đại-bác hay kèn đồng của quân địch, — lúc sống còn không sợ, chết rồi hồn thiêng còn sợ chi ai ? — nhưng sau một thời-gian khí hậu không tiêu còn vương vấn cây cỏ, có lẽ anh hồn các chiến-sĩ của Trương-Công nhờ các cuộc cầu siêu kinh kệ của người chơn đạo, đã hiểu lẽ huyền-vi của tạo-hoá mà xa lánh cuộc

đời ô-trọc không nghĩa lý gì. Mọi sự chỉ là hư không, có ích gì mà quyến-luyến ? Sống làm tướng, chết làm thần, dầu không có sắc phong, cũng được nhơn dân muôn đời kính bái.

Từ đó khí oán tiêu tan, ở đám-lá-tối-trời không còn nghe những chuyện ma quái nữa.

Tuy vậy, cảnh cũ vẫn còn u ám, chuyện xưa còn ghi trong tâm tưởng nhiều người. Thường dân ít có ai dám léo hánh đến gần sau khi mặt trời xế bóng. Những kẻ gian bị lợi-dụng sự kiêng sợ này. Quân trộm cướp làm ăn được đem tài vật về giấu giếm ở vùng này. Bọn trộm trâu bò cũng dắt về vùng này làm thịt, khỏi sợ ai dòm ngó.

Một số dân lương-thiện nhưng không tiền đóng thuế thân cho Pháp phải trốn tránh, cũng dùng đám-lá-tối-trời làm nơi ẩn lánh thân mình.

Non một thế-kỷ trôi qua, lịch-sử lại tái diễn. Nhơn sự sụp đổ của thực-dân trong đệ-nhị thế chiến, cuộc toàn dân kháng Pháp nổi lên ở miền Nam. Tinh-thần bất-khuất của dân tộc còn sống mãi, thanh niên Bến-tre – Gò-công không hổ là con cháu những anh-hùng ngày xưa đã hy-sinh trong đám-lá-tối-trời, đã vùng lên chiến đấu hy-sinh oanh-liệt, và cũng như ngày trước, kháng chiến quân ta đã lại dùng căn cứ cũ, làm cho Pháp quân điêu đứng vì vùng bí hiểm đám-lá tối trời. Một vùng nhỏ của non sông đã ghi những trang sử thắm.

Ngày nay quang cảnh vùng đám-lá-tối-trời đã thay đổi hẳn. Với sức phát-triển của nhơn dân Gò-công không ngừng dầu trong thời chiến, vùng đám-lá-tối-trời đã được khai hoang. Nhà cửa, ruộng nương, rẫy bái, cảnh sống động đã thay thế rừng dừa sầm-uất ngày xưa. Vùng âm-u chết chóc đã biến thành khu sản xuất đóng góp vào đời sống quốc-gia.

Tuy nhiên người du khách bước đến đây không khỏi dừng chơn một lúc suy tư, mừng cảnh sống vui tươi, nhưng không khỏi ngậm ngùi nhớ lại người xưa đã rưới máu cho đất này tươi tốt lại.

★

SỰ TÍCH VỊNH ĐÔI-MA

Với cặp oan-hồn hiện hình cắp tay đi

Rạch đôi-ma, tên chữ là Song-ma, cũng gọi là sông Tình-trinh, ở về ngọn hạ lưu hướng Bắc huyện Tân-hoà, Gò-công thuộc tỉnh Gia-định ngày xưa.

Tương truyền : Ngày xưa quanh vùng ấy có cô gái họ Phạm yêu chàng thư-sinh họ Nguyễn. Tình thắm-thiết, nghĩa mặn nồng. đôi trẻ thề nguyền trăm năm gá nghĩa vợ chồng. Cha mẹ đôi bên cũng thoả thuận, nhưng nghị hôn mà chưa cưới. Chẳng may chàng họ Nguyễn vương bịnh lao rồi mất. Nàng họ Phạm thương cảm cũng vương bịnh chết theo. Cha mẹ đôi bên ngẫn ngơ sầu hận, cho chôn đôi trẻ gần nhau. Lâu ngày đôi uyên ương ấy thường hiển hiện, hồn hoa phách quế khoác tay nhau thơ thẩn bên bờ rạch. Nhiều người trông thấy. Xa gần vang tiếng đồn. Do đấy ngọn rạch mới mang tên là « Tình-trinh ».

Lại có một thuyết khác : Một đôi trai gái thương yêu nhau. Chàng là học trò khó. Nàng là trang lá ngọc cành vàng. Cha mẹ nàng không ưng thuận cuộc nhân duyên ấy. Nhưng nàng đã quá yêu chàng. Đáp lại, chàng cũng nguyện cùng sống chết với tình. Đang đêm, cả hai dắt nhau lội qua rạch, toan tìm đường trốn để lập tổ uyên-ương. Chẳng may cả hai đều chết đuối Khi xác nổi lên, đôi trai gái hãy còn nắm tay nhau. Cha mẹ đôi bên động lòng, cho chôn chung một chỗ. Ít lâu, đôi lứa thường hiện lên. Vì thế đặt tên là rạch Đôi-ma hay Song-ma, có miếu thờ.

Trên đây là theo sự truyền khẩu của các vị bô lão và theo ông Thượng Tân-Thị trong bản dịch « Nam Kỳ lục tỉnh dư địa-chí » của Duy Minh-Thị. Còn trong « Đại-Nam nhất thống chí » thì chép :

« Tương truyền xưa có người con gái nhà giàu tuổi vừa đến lứa cài trâm, thầm yêu gã thư-sinh Nguyễn-vi-Nhân. Nhưng gã thư-sinh vì nghèo, nên dầu biết rõ mối tình, vẫn chẳng dám mượn mai mối ngỏ việc hôn nhân. Cô gái tương-tư uất-hận mà chết. Cha mẹ nàng ấy thương tiếc không đem chôn ngay, cất lều ở sau vườn làm nơi quàn linh cữu. Gã thư-sinh hay tin, bèn đến thắt cổ chết bên cạnh.

Người ta quàn cả lại một chỗ, âm khí kết tựu lần thành ma quỷ. Sau cha mẹ cô gái đều buồn rầu mất đi. Đôi xác trẻ không ai chôn cất. Chốn hoang vu cây cối mọc đầy thành gò rậm, quỷ khí càng thạnh hành. Dân chúng thường khổ sở vì đó, đặt tên sông là Đôi ma. Sau, Tây-sơn đốt phá, tai quái mới dứt ».

Khoảng năm 1906, một người Huê-kiều chủ hiệu thuốc Bắc «Nhân Ái Đường» ở Mỹ-tho, thông hiểu Việt-văn, thường lui tới Gò-công đi ngang qua Vịnh Đôi-ma, có bài thơ cảm xúc về chuyện rạch Đôi-ma như dưới đây :

Vực thẳm cây cao chiếm một tòa,
Sống không lẽ cặp, chết đôi ma.
Hồn hoa đem gửi chòm cây bạc,
Phách quế nương theo bóng nguyệt tà.
Con nước chảy ròng rồi kế lớn,
Tấm lòng có bậu lại cùng qua.
Căn duyên ai khiến xui cho đấy,
Tiếng để nghìn thu cũng lại là.

Khoảng năm 1907, ông Thượng Tân-Thị cũng có thơ đề vịnh :

Trải qua Rạch-kiến, ác chinh chinh,
Nghe nói Đôi-ma bất lạnh mình.
Thảm nỗi con nhà sinh bất hiếu,
Ngán cho giọt nước khéo vô tình.
Sống thề chưa vẹn duyên kim cải,
Thác nguyện cùng theo chốn thuỷ tinh.
Ai hỡi hồn thiêng như có biết,
Tiếng đời lượn sóng nỗi linh đinh.

Câu chuyện vịnh Đôi-ma hay rạch Đôi-ma, mà chúng tôi đã tường thuật trên đây là một huyền-sử có ghi trong «Đại-Nam nhất thống chí», được truyền tụng ở Gò-công cho đến ngày hôm nay. Nơi đây trở nên một danh từ rạch Đôi-ma hay lộ Đôi-ma mọi người đều biết.

Đồng bào dân chúng địa-phương, mỗi lần đi ngang qua đều nhắc đến cặp oan hồn trọn tình trọn nghĩa với nhau, không khác nào câu chuyện Lương-Sơn-Bá và Chúc-Anh-Đài, ngày nay các gánh hát lớn ở thủ-đô thường diễn cho ta thấy.

Đây là một sự-tích chứng-minh lòng chung thủy trước sau như một, giữ chữ tín cùng nhau không quên lời ước hẹn, sống có nhau chết có nhau, âu cũng là một gương đáng cho đời soi lấy.

Lời soạn giả :

Câu chuyện Đôi ma trên đây ở Long-an hay Bến-lức cũng có trùng hợp giống như Gò-công, nhưng ở các nơi khác không biết ra sao, chớ Gò-công có danh từ, và sự tích chứng-minh ai ai cũng rõ.

VÀI MẨU CHUYỆN VỀ GÒ-CÔNG TRONG CƠN BÃO LỤT NĂM GIÁP THÌN 1904

Mỗi lần nghe đài khí tượng loan tin ở nơi nào trong nước sẽ có bão lụt, hẳn lòng người đều se thắt khi nhớ lại cơn bão lụt năm Thìn (Giáp Thìn 1904) đầy hãi hùng, khốc liệt ! Hễ nói đến bão lụt năm Giáp-thìn, người ta đã nghĩ ngay đến hai miền bị thiên tai nhứt là Mỹ-tho và Gò-công, mà gọi là Trận bão Gò-Công Mỹ-tho. Trong ca dao hãy còn ghi chứng tích thê thảm ấy :

Đèn nào cao bằng đèn Châu-đốc
Gió nào độc bằng giế Gò-công...
Một trận Đông phong xiêu vợ lạc chồng
Em nằm nghĩ lại nước mắt hỗng tuông rơi.

Thật ra, chẳng riêng gì hai tỉnh Gò-công — Mỹ-tho lâm tai họa khủng khiếp ấy, mà trận bão lục năm Giáp-thìncũng đã tàn phá miền Trung rất dữ nữa. Cả đến ngoài Bắc cũng không tránh thoát thiên-tai đại họa. Có điều, hai miền Trung Bắc xảy ra trận bão lục sau miền Nam 6 tháng, vào ngày mùng 2 tháng 8 năm Giáp-thìn, nhằm 11-9-1904. Đây, quan cảnh Gò-công là nơi phát cơn bão Giáp-thìn :

Hôm ấy ngày 16 tháng 3, gió bỗng thổi mạnh suốt từ 4 giờ chiều cho đến về đêm. Thường thì 4 đến 8, tháng 10 âm lịch mới đáng sợ mưa to gió lớn, đề phòng bão lụt, chớ vào tiết tháng 3 lẽ nào có chuyện tai ương ? Thế mà... nào ai học đến chữ ngờ !

Đêm 16 tháng 3 gió càng lúc càng thổi mạnh. Trước đó, từ trưa 16 cho đến 4 giờ chiều mưa không ngớt hột. Một bài vè trong thuở ấy còn ghi lại vài nét chánh :

« Mưa sao đến xế không ngừng,
Gió sao càng lớn tưng bừng sang đây. »

Gió càng ngày càng thổi mạnh cây rung lá đổ. Rồi thì lần lượt nhà lá bị xập. Các nhà ngói đều rung động, ngói bay tróc nóc, tường xiêu vách đổ ầm ầm một cảnh thiên tai rùng rợn đưa đến bất ngờ gieo sự tang thương trong tỉnh, lúc ấy kẻ ngoài đồng lo việc đồng áng tỉa bắp giới ngư phủ hành nghề ngoài biển cả, trong làng đang làm lễ cúng trồng khoai thần xây chầu hát bội, đào kép còn mang râu đội mão bị nước dâng ngập lụt tới góc đình, có người mắc kẹt trên cây mặt mày còn đề nguyên kêu la cầu cứu, thật là một cảnh hãi hùng chưa từng có.

« Gió sao Nam Bắc Tây Đông,
Bốn hướng đều gió chẳng không hướng nào ».

Cuồng phong nổi dậy ầm ầm, mây mù bao phủ, mưa tuôn xối-xả, sóng nước tràn vào rất mau, một lượn sóng chụp đứng lên cao cuốn mất nhà cửa, có nhà ở gần biển chết trọn cả gia-đình, nước ngập lút ngọn cây, ở Vàm-láng ghe đưa tới nóc nhà. Nhìn bốn phía chỉ thấy trời nước mênh-mông không phân biệt đâu đâu cả. Tàu lục tỉnh chạy trên kinh Kỳ-hôn không biết đường chạy trờ trên ruộng không hay.

Theo các bô lão địa-phương kể lại với chúng tôi, lúc thiên tai đại họa xảy ra, ngọn thủy-triều từ biển ào vô đợt đầu sức nước đi mau tới 8 cây số ngựa chạy không kịp, vì thế mà đồng bào bị nước cuốn không đường sanh lệ, đợt thứ nhì thứ ba cây nước càng lên cao mười mấy thước, từ làng Bình-điền tới Bình-ân ghe trôi trên 10 cây số, có nhiều người bị sóng đánh mắc kẹt trên ngọn cây hai ba ngày quần áo rách rã, khi xuống được không biết gì hết, một số người may mắn được sống sót nhờ đeo theo các đống rơm trôi lênh-đênh trên mặt nước, định mệnh không biết về đâu, lúc ấy rắn rít cũng kiếm đường bơi lội díu theo các ngọn cây nóc nhà, một số người bị rắn cắn chết, phần thì bị đói lạnh mưa vì tầm tả suốt đêm ngày.

Trước cảnh thiên tai địa ách diễn ra như nháy mắt không ai biết được, gia đình nào cũng bị thất lạc tản mác trôi theo dòng nước định-mệnh, có người trôi tới Chợ-đệm, Cần-đước.

Tại thành phố Gò-công những nhà nào cất chắc chắn mái thấp thì khỏi sập, nhưng cũng bị tróc nóc vẹo xiêu.

Theo sự dọ hỏi của chúng tôi, tại Gò-công có gia-đình ông Lộ-công-Tập ở làng Long-thuận, gần ao Trường-đua, nằm trên con đường Tổng-Thứ ngày nay, nhà ngói năm căn nền lót gạch tàu mới cất, kế bị bão lụt. Nhờ nền cao ráo cột kèo chắc nên được bình-yên, quanh vùng đồng bào nhà bị sập đều chạy đến trú ngụ nhà ông trên ba bốn trăm người, quần áo mất sạch. Chủ-gia là ông Lộ-công-Tập gom hết quần áo trong nhà đem cho mà cũng không đủ, cơm nấu bằng chảo lá sen, hết chảo này tới chảo kia. Trọn ba ngày nước mới bắt đầu rút rất chậm. Nghĩa cử hào hiệp đầy lòng nhơn ái của gia đình ông đáng cho đời ghi nhớ.

Khi tai hoạ xảy ra, những nhà trên thành phố có chỗ không bị

thiệt hại, họ cũng giúp đỡ nấu cơm thí cháo cho đồng bào ở xa trôi giạt đến.

Người hằng tâm hằng sản hiệp nhau đứng ra lo việc cứu-trợ, kẻ giúp món này người giúp vật kia, gạo có bao nhiêu cũng đem ra chia sớt cho đồng bào lâm nạn không một ai làm ngơ được.

Đây chúng tôi xin trích dịch những câu phong dao của một nhân-sĩ thuở ấy ca ngợi những tấm lòng vàng cách nay trên 60 năm mà người làng Thành-phố cũng còn nhắc nhở :

Làng Thành-phố một vài người khá
Lớp thì cơm, thì cá, thì tiền
Năm Dinh một đứng sĩ hiền,
Bảo nhiêu xin xỏ hối liền cấp ngay.
Hương Sang, hương Chỉ, tay cũng thảo.
Chứa một nhà cơm cháo dưỡng nuôi.
Nội trong ba bữa đấy rồi,
Tiền cho một ít thối hồi quê xưa.
Bà Ban Xám cũng ưa làm phước,
Ban Dự cũng thí nước thí cơm.
Hao chẳng tiếc, tốn không hờn,
Cũng trong mấy bữa hồi huờn cựu hương.

Giữa lúc nguỹ biến kẻ còn người mất, sống trong cảnh đói lạnh bơ vơ mới thấy được lòng người nhơn thế, nhờ cơ hội này kẻ có tâm lành mới lập công bồi đức giúp người một cách thiết thực một miếng khi đói bằng một gói khi no.

Cho đến ngày 17 nước mới từ từ giựt xuống, tới ngày thứ ba mới thấy mặt đất. Quang cảnh tơi bời ảm đạm, thiệt hại về tài sản và sanh mạng quá nhiều, từ xưa tới nay ở Việt-Nam chưa có trận bão nào lớn lao như trận bão ở Gò-công năm Giáp-thìn.

Lúc ấy các vùng phụ cận cách tỉnh lỵ Cò-công năm sáu chục cây số như Bến-tre, Mõ-cày, Tân-an cũng bị ảnh-hưởng lây của ngọn gió làm thiệt hại nặng nề, nhứt là vùng Vũng-luông, Thừa-Đức, cù-lao An-hóa thẳng lên Giao-hòa, Giao-Long, Tân-thạch, Kinh-điều, dừa cây ngã thành đồng trống, từ làng này trông thấy làng kia, một số nhà cửa cũng bị gió thổi sập nhưng nước không dưng lên cao, gia súc trâu bò heo gà chết vô số kể, người đời lúc bấy giờ mới nghĩ câu « thành trụ hoại không » có rồi mất đi đến chỗ không có cái

gì là trường tồn cả, thấy đó rồi mất đó phút chút tiêu tan theo mây khói, đúng với lời của Phật nói không sai, nhờ vậy mà con người mới giác ngộ làm điều lành điều phải bỏ những tánh ích-kỷ tham-lam bo-bo giữ của.

Trải qua cơn ác mộng nhìn lại cảnh điêu tàn :

Ghe bầu ghe cửa ngã nghiêng,
Ghe chài, đò dọc cũng khiêng lên bờ.
Kẻ thời mất vợ bơ vơ,
Kẻ thời con chết ngẩn ngơ đi tìm.
Mấy người bị bão ghe chìm,
Trong lưng chẳng có một chim theo mình.
Sáng ngày mười bảy bình minh,
Mấy người bị nạn đi xin mà xài.
Trên bờ mấy cái lầu đài,
Ngói bay tốc hết, mưa dai ướt dầm...

Cho đến đèn đường, dinh tỉnh-trưởng cũng đều sập đổ hư hại, cây cối tróc gốc ngã la-liệt bít lối đi. Tử thi nằm vắt võng theo vệ đường, hoặc bị mắc kẹt trong các lùm cây bày ra một cảnh hoang tàn. Đêm về đèn đuốc tối thui, nhà nhà than khóc rợn cả người, chó không sủa đường vắng lạnh.

Quan chánh xem thấy chỉnh ghê,
Coi ra đồ đạc tư bề còn chi !

Qua trận bão, kiểm điểm lại ai cũng se lòng trước cảnh tang thương, xóm làng tan tóc, ai ai cũng mũi lòng nức nở thầm trách trời đất gieo tai họa cho dân chúng tỉnh này. Sau mấy ngày làm thống kê sự thiệt hại của hai tỉnh, Định-tường và Gò-công, cho biết kết quả đã ghi trong biên bản . Định-tường bị thiệt hại 35%, các vùng phụ cận tỉnh Định-tường từ Thừa-Đức lên tới An-hồ 30% nhà cửa sập đổ, vườn dừa bị gãy. Riêng về tỉnh Gò-công trên 60% có đến 5.000 chết trôi ở mấy làng ven biển vùng cửa Khâu, Làng Kiểng-phước, Tân-thành, Tân-bình-điền v.v... ; về tài sản nhà cửa dân chúng đi sụp đổ 60%, về gia súc trâu bò 80%.

Chánh tham-biện thời bấy giờ là ông Adamolle ra chỉ thị cho các làng tổng lập ngay ban cứu trợ, một mặt lo tìm kiếm các tử thi Những nhà từ thiện xung phong vô ban cứu trợ nạn nhân, nào là gạo, mền chiếu, xin trên trung ương Sài gòn gởi xuống bằng tàu.

Ban cứu-trợ này hoạt-động một cách rất hăng hái, đi vô tận thôn-ấp giúp đỡ để xoa dịu an-ủi những thân nhân bạc phước. Sự đau lòng, kinh khủng đến nỗi sau đó người còn sống sót gặp nhau ai cũng mừng cũng tủi, có cảm tưởng như vừa chết đi sống lại. Câu hát thương tâm truyền tụng nói lên cảnh rùng rợn của cơn bão lụt năm Giáp-thìn, vẫn còn văng vẳng bên tai của người đất Gò không sao quên được :

Gặp em đây mới biết em còn,
Hồi năm bão lụt anh khóc mòn con ngươi.

Câu hát ấy của cặp vợ chồng sắp cưới. nhưng anh chồng ở xa khi nghe tin tai nạn xảy ra nơi quê vợ, anh chàng mới đâm ra lo sợ tánh mạng vợ mình không biết ra sao, khi gặp được mới thốt ra những câu như thế ấy.

Gò-công từ ngày đó tới nay, hằng năm đến ngày 16 tháng 3 â-l. dân chúng hai tỉnh Mỹ-tho và Gò-công có thân nhơn chẳng may bị xấu số, cùng hợp nhau cúng quảy gọi là ngày giỗ hội :

Tháng ba, mười sáu lai niên,
Cũng trùng một bữa, đậu tiền cúng chung.

Quang cảnh giỗ hội bi đát thế nào, con số 5.000 người chết trôi trong một đêm lâm nạn, muôn thuở như còn vang tiếng khóc, hòa cùng sóng biển rạt rào trên đất Gò-công cách nay trên 60 năm.

Qua trận bão năm Giáp-thìn rồi tưởng đâu được yên, kế tiếp năm Ất-tỵ 1905 bị hoàng-trùng khởi loạn, cào cào từ Phi-châu bay đến hằng triệu hằng ức con, đáp xuống nơi nào cây lá đều rạp hết, lúa mới trổ đòng đòng chỉ còn gốc rạ, sự thiệt hại về mùa màng do cào cào gây ra cho nhà nông trên 50%.

Qua năm Bính-ngọ 1906 dân chúng Gò-công lại bị nạn bạch-đồng, đất nẻ trắng mùa màng không làm được, dân chúng đói khổ liên tiếp 3 năm như vậy.

Những vị bô lão ngày nay còn mạnh khỏe đã chứng kiến cảnh não lòng của tỉnh nhà qua ba sự việc trên đây, chúng tôi thuật lại giai thoại này để giúp quý bạn đọc hồi tưởng đồng bào ta thời ấy đã từng chịu khổ, đói cơm khát nước, sống cảnh màn trời chiếu đất, bệnh tật chết chốc dẫy đầy, ngày nay chúng ta đang sống trong cảnh ấm no cần nghĩ lại chớ xa hoa lãng phí, nên giúp đỡ cho những người bị xấu số, nhà tan cửa nát vì chiến cuộc gây nên. . .

ẤT TỴ 1905 HOÀNG TRÙNG KHỞI LOẠN

Giặc cào-cào phá hại mùa màng.

Trong quyển « Gò-công Phong-vịnh » của ông Võ-thành-Ký xuất-bản vào năm 1911, có mô tả về nạn cào-cào xuất hiện phá hại mùa màng tại Gò-công, sau một năm bão lụt Giáp-thìn, qua những câu bi cảm dưới đây :

Cuộc đời xem lãng nhách, kẻ dưới trần lạch ạch gian hung.

Năm Giáp-thìn hồng thủy phát trùng trùng,

Người thất lạc hãy còn hoài sự nghiệp

Sang Ất-tỵ cào-cào sanh điệp điệp, kẻ nông tan hết tưởng điền trù.

Hoạ chi mà hoạ phát tu du,

Ta đâu có tai sanh bất cập.

Gò-công thật điền phi vạn tập, mạ đương xanh, lúa đang nở, cắn một hồi bông trái xơ rơ.

Khổng-Tước nên địa quãn thiên-cơ, cây đương trổ, lá đương đơm, ăn một lát ngọn ngành trụi lụi.

Gò-công thật lắm tai nạn, mới năm rồi bị bão lụt tài sản sanh mạng con người bị trôi theo dòng nước, tang tóc chưa nguôi, lòng người sầu thảm. Kế qua năm Ất-tỵ nối đuôi bị nạn cào-cào bay đến rợp cả trời, hằng triệu con, con nào con nấy bằng ngón tay cái, mặt mày có rằn, mắt đen như huyền xem thấy rợn cả người. Mỗi lần chúng đáp đến miếng ruộng nào thì kể như không còn gì hết, chỉ trơ lại những gốc rạ xơ rơ, nhà nào rủi bị chúng đáp xuống đôi phút, khi cất cánh thì mái như rỗ xảo dòm thấy trời, sự tàn phá của loài hoàng-trùng khởi loạn trên đất Gò, gây sự thiệt hại ruộng vườn nhà cửa của đồng bào không thể tưởng-tượng. Hoa màu ăn sạch, ruộng lúa phì nhiêu phút chốc tiêu tan không còn gì hết.

Lúc bấy giờ quan chánh Tham biện Gò-công gởi trát về làng tổng, truyền rao cho dân chúng toàn tỉnh mở chiến-dịch chống lại cào-cào để bảo vệ mùa màng, những biện-pháp đầu tiên được áp-dụng là xịt dầu hôi, rải tro, rắc vôi, giăng lưới, chồi đập, vợt xúc

v.v... nông dân trong làng đều thi đua để tiêu diệt chúng, có người giết được cả một đôi dạ.

Nói đến nạn cào-cào ở Gò-công, chúng tôi nhớ lại ở Mỹ-tho cách nay 40 năm, tỉnh này có xảy ra nạn chuột loạn đồng ở miệt Cai-lậy, Đồng-tháp, cù-lao An-hóa, nhà cầm quyền ra lịnh cho hương-chức hội-tề truyền rao với dân chúng giết chuột cắt lấy đuôi phơi khô đem lên Tòa-bố lãnh thưởng. Lúc ấy tôi là một thơ sanh học trường tỉnh Mỹ tho được chứng kiến người ta đem nạp đuôi chuột chừng năm bảy chục bao, xem đó đủ biết hằng triệu chuột bị giết, nếu không tiêu diệt bớt thì mùa màng cây trái cũng không còn, và chẳng những dân chúng bị lây dịch-hạch là khác.

Trở lại vấn-đề cào-cào phá hại mùa màng gây sự đói khổ cho nhà nông ở Gò-công, chúng nương theo luồng gió từ rừng núi xa xôi bay đến, có người nói từ Phi-Châu sang, nhưng điều này không có gì chứng-minh cụ-thể. Chúng bay đến đen trời ai yếu tim trông thấy phải chóng mặt. Chúng quây quần tại Gò-công mười mấy bửa, bị giết cũng nhiều nhưng cũng không hết được. Các vị niên trưởng trong làng cho đó là việc Trời khiến gieo sự tai ương cho dân lành ở nơi đây.

Nếu nói theo luật nhơn-quả thì từ một quốc-gia, một xã-hội, từ cá-nhân, từ khu-vực trên mặt đất này, đều ở trong một định luật tạo-hóa tất cả, nhưng vì vô-minh không thấy được đó thôi. Có nơi sao được bình yên có nơi lại bị chết chóc. Những chỗ bị thiên tai địa ách, hết nạn này đến nạn khác liên miên, là vì nơi ấy có quan quân bạo ngược, làm những việc mất đức, phản lại cơ tiến hóa của dân tộc. Nếu tại một tỉnh, một làng, một ấp, dân chúng có tư-tưởng không lành, làm những điều tham lam gian-ác, v.v... thì khi đến ngày giờ khiến cho phải trả cách này hay cách khác mà thuyết nhà Phật gọi là cộng nghiệp không sao tránh khỏi. Chiến tranh, cũng thế do ảnh hưởng những chuyện của người xưa làm mà phải gây tai họa cho người đời gánh chịu.

Sự việc trên đời xảy ra đều có nhân và quả tùy theo nặng hay là nhẹ đó thôi.

Theo thiển kiến, chúng tôi chỉ đề cập một điểm nhỏ về sự việc đã nêu trên, trong một khía cạnh nào đó thôi, tác phẩm này còn phải dành cho nhiều mục khác chúng tôi không thể đi sâu vào chi tiết được.

Sau khi phá hại mùa màng, đám cào cào bay đi về hướng ra biển rồi mất dạng, không biết về đâu. Người nói thế này kẻ bàn thế kia, không có cái gì là vững chắc, chúng tôi không thể tô đậm những chuyện thần thoại hoang đường được.

Ông Võ-Thành-Ký, tác giả quyển «Phong-Vịnh Gò-công» đã nói lên những câu ai oán dưới đây :

— Đất Nam-Kỳ mấy tỉnh gian nguy, vì miệng gã, xúm chùm làm hư hại.

— Trên trần thế muôn nhà tồi bại, tại miệng người hùa hập phá tan hoang.

— Nhọc nhằn thay, cả hạt thọ hàm oan,

— Ôm bụng đói mơi đưa chiều rước,

— Mười mấy bửa lưng rùng gối mỏi, dạ bao nài ngậm đắng trêu cay.

— Gẫm nợ đời lớp trước ai vay, mà lại khiến đoàn sau phải trả...

Các câu trên đây thốt ra trên nửa thế kỷ của tác-giả bài này, cũng nhận là có luật vay trả, khi xưa ai làm mà người sau gánh chịu, cũng đồng quan-niệm với chúng tôi đều không phủ nhận là có luật nhơn quả.



GÒ-CÔNG VỚI NẠN BẠCH ĐỒNG

Vào năm 1906 Bính-thìn suốt năm không có hột mưa

Nói đến thiên tai ở Gò-công, làm cho người ta hồi tưởng lại thời dĩ-vãng cách nay trên 60 năm, đồng bào ở đây đã chứng kiến những cảnh thiên tai địa ách liên tiếp 3 năm khổ sở.

Ngoài trận bão năm giáp thìn vào năm 1904 và năm 1905 giặc cào cào phá hại mùa màng, dân tình đói rách, thảm khổ đến nỗi không còn có thể diễn tả nỗi những hình ảnh đau thương đó được nữa.

Tuy nhiên, người dân Gò-công vì muốn trường tồn tiếp nối cho sự sống còn của mãnh đất quê hương nên dù bị trải qua bao nhiêu cảnh đau lòng họ vẫn sống và chịu đựng cho đến ngày nay.

Những trận thiên tai cũng làm cho dân Gò-công tổn hại khá nhiều dân số sút giảm, nhưng trong những trận thiên-tai, chỉ có nạn bạch đồng vào năm 1906 là làm suốt năm không cày cấy gì được cả. Năm đó, trời không đổ một hột mưa, nắng cháy phỏng da, «tàn lan sa» trắng như bông gòn, để báo hiệu mùa màng sắp thất bát, ban đêm trời trong sao tỏ chắc chắn là phải nắng dai, người biết dòm trời xem mây cho đó là điềm bất tường thế nào cũng bị hạn hán.

Quả thật, vào đầu mùa mưa nhà nông bắt đầu sửa soạn hạ điền nhưng chờ mãi mà không có một chút hột mưa. Trời nắng cứ tiếp tục suốt năm làm cho đất đai ruộng rẫy, từ màu đen trở thành trắng đất nứt từng đường dài, khô cứng như đá, cây cối chịu không nổi chết hết, chỉ trừ những cây cổ thụ rễ ăn sâu xuống 5, 3 thước mới chịu nổi.

Dân chúng bắt đầu xôn xao lo ngại trước cảnh thiên tai.

Lúc bấy giờ người ta trông mưa như trông từng giọt sữa. Từng ngày và từng ngày ai ai cũng đều thất vọng.

Thú vật chịu nắng không nổi chết lần chết mòn hết, trẻ nít đau một giây chết một giờ chạy thuốc không kịp: Cho đến hết tháng 8 rồi mà trời cũng không đổ mưa, «tàn sa» ngày đêm vẫn rơi xuống, đến đỗi mọi người đều chui rúc trong nhà, không dám ra đường sợ thứ này sa vào mắt không thấy đường, gây thành bịnh bất thường khó

cứu chữa được. Dân chúng lâm vào cảnh quá bi thương, thống khổ thật là một thiên tai chưa từng xảy ra trong những thế kỷ gần đây.

Đứng trước cảnh nắng lửa mưa dầu đồng khô cỏ cháy. Các vị cao niên và hương chức trong làng đến mở cửa đình đánh trống dộng chuông, khấn vái thần linh gia hộ, ăn chay nằm đất để cầu trời mưa xuống, dân chúng tụ-họp khắp nẻo đường đi từng đoàn, bơi thuyền trên cạn để cầu phong đảo võ.

Cũng nên lưu ý trong năm bạch đồng, nước sông không lớn, không ròng bình bình và trong xanh như nước biển, từ tháng 6 đến tháng 10 ao hồ khô cạn. Nước lúc đó thật là một điều nan giải, người ta phải nấu cơm bằng nước mặn, ấy thế mà cũng không đủ nước ngọt để uống cho đã khát.

Dân chúng liên tục cả năm 10 bữa nửa tháng để cầu mưa, bắt đầu bằng cuộc chèo thuyền trên cạn. Mỗi người một chiếc dầm đi hai hàng bên chiếc thuyền được nhiều người khiêng, sau có lân múa, có ông địa dẫn đầu cầm quạt chỉ lên trời quạt xuống. Mọi người đi hai bên thuyền lấy mái dầm bơi đồng loạt, hò hát những câu :

Lạy trời mưa xuống...
Lấy nước dân uống.
Lấy ruộng dân cày
Lấy nồi nấu cơm
Lấy rơm đun bếp !
Lạy trời lạy trời...

Đoàn người chèo thuyền cầu phong đảo võ từ làng này qua làng khác. Tiếng hò hát của họ làm vang dội cả một khung trời.

Họ quan niệm rằng dân tình khi chèo thuyền trên cạn, tức là không còn có nước đâu để mà thuyền lướt đi trên dòng nước nữa. Trời nhìn thấy dân tình như vậy động lòng sẽ sai thần Kim-long bát bộ giữ cửa thiên đình đi lấy nước cho trần gian.

(Tục rồng lấy nước cũng là «huyền thoại» mà người dân quê rất tin tưởng vì thấy từng đám mây đen vần vũ từ ngoài biển cả tạo thành một cây cao vút, và khi thấy có hiện tượng này, thì họ cho đó là rồng lấy nước).

Dân gian chịu đói, khát nhiều ngày để bơi thuyền cầu mưa, nhưng dường như năm đó trời không nhỏ xuống một hột mưa, mọi người đều thất vọng, có lẽ dân tỉnh này làm những điều gì thất đức bất nhơn nên có việc như vậy, để cảnh cáo người đời.

Nạn bạch đồng chỉ kéo dài từ tháng 6 đến cuối năm, qua đến năm 1907 dân chúng mới trở lại cuộc sống bình thường, năm này trời vừa đổ cơn mưa đầu tiên, dân gian quá đỗi vui mừng, nên vọng bàn hương án như mang ơn trời và cùng nhau quì giữa trời mà lạy dưới cơn mưa giông tầm tả.

Đáng lưu ý, là tuy đám mưa đầu, nhưng cơn mưa kéo dài suốt 3 giờ liền, làm cho mọi nhà đều có nước uống, ruộng nương cũng đầy ngập nước, trên gương mặt mọi người lộ vẻ hân hoan bắt tay lo việc đồng áng, tăng gia sản xuất để bù lại một năm qua ruộng hoang đất nẻ.

Ngày nay nhắc lại chuyện bạch đồng ở Gò-công ai nấy cũng đều se lòng, những cụ già còn sống sót nghẹn ngào xúc động.

Dù đã hai phần thế kỷ đã trôi qua nhưng cuộc thiên tai ấy vẫn còn ghê rợn khi quay về dĩ vãng của người dân Gò-công vốn hiền hòa và chịu đựng vậy.



HAI MIÊN : MỘT NHÂN VẬT KỲ QUÁI CỦA GÒ-CÔNG DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Ở Sài-gòn cách 2, 3 chục năm trước, ở những ga xe điện, bến « bắc », bến xe đò, hành khách thường thấy những người mù, hoặc không mù, xin tiền công chúng bằng cách đờn độc huyền (ngoài Trung kêu là đờn bầu), vừa đờn vừa nói thơ Vân-Tiên, Phạm-Công Cúc-Hoa, Năm Mạnh, Sáu Nhỏ, Thằng Lãnh bán heo, v.v... Cũng có khi họ nói thơ hay nói vè « Cậu Hai Miên ». Vậy cậu Hai Miên là nhân vật thế nào mà những « Troubadours » Việt-Nam (**Troubadour** : Thi-sĩ giang-hồ hay bọn người hát dạo ở Âu-châu ngày xưa thường đặt những bài hát, thi văn-ca ngợi anh-hùng liệt-sĩ hay những chiến công, thời cuộc đáng ghi, những tài-liệu đầu-tiên của sử ký) đặt vè ca hát.

Người Việt ta có tinh-thần hài-hước (humour) lắm, nhưng bài vè về nhân vật thường chỉ ca ngợi anh-hùng liệt-sĩ vậy mà nhiều khi cũng « móc họng » ra phết ! Vậy cậu Hai Miên là một anh-hùng hay một nhân vật như thế nào ? Được giới bình-dân nhắc nhở, để nguyền rủa hay để tán dương ?

Theo các vị niên trưởng ở Gò-công thố lộ, chúng tôi biết qua vài nét đại-cương về thân-thế và cuộc đời của cậu hai Miên cách nay trên 80 năm qua.

Hai Miêng là con của Huỳnh-Công-Tấn một tên tội nước.

Lúc đầu, Tấn cũng là một chiến-sĩ quốc-gia ái-quốc. Hồi quân Pháp thực-hiện mộng xâm-lăng xâm chiếm tỉnh Gò-công vào năm 1861, Huỳnh-Công-Tấn là thuộc hạ vị anh-hùng kháng Pháp Trương-Công-Định. Về sau, vì phạm quân kỷ bị chủ tướng quở phạt, Tấn tức giận sanh lòng phản trắc. Cũng có lẽ vì bụng tiểu nhơn hẹp-hòi, vì chịu gian lao lắt nỗi, vì bị lôi cuốn bởi sự hấp dẫn của lợi-danh, Huỳnh-Công-Tấn bỏ hàng ngũ kháng chiến qua đầu giặc Pháp. Tấn liền được trọng dụng phong làm Đội-trưởng để huấn luyện, cầm đầu một số người Việt phản lại giống nòi gieo tang thương cho xứ-sở.

Huỳnh-Công-Tấn có 5 người con : 2 trai 3 gái. Hai người con

gái có lẽ giống như Nguyệt-Kiều trong tuồng San-Hậu, sám hối việc làm của cha anh đã bỏ nhà đi tu nơi nhà Dòng làm tôi cho Chúa, cứu thế độ nhơn, băng bó những vết thương đau của đồng bào đang bị dày đạp dưới gót giày quân xâm lăng do cha mình tiếp tay với chúng. Còn một người gái nữa chết hồi còn nhỏ.

Hai đứa con trai của Tấn là Hai-Miên và Sáu Viễn.

Đội Tấn được quan thầy trọng dụng, vì đã hết lòng lập được rất nhiều công lao phản nước hại dân, nhứt là đã cầm đầu đội lính tập hồi đó chưa có danh từ tràng độn nhập vào vùng quân Phap khó vào được là chiến khu đám-lá tối-trời mà đột kích sát hại Trương-Định, vị anh-hùng dân-tộc. Với chiến công Tấn được chủ phong lên chức Lãnh-binh. Từ đây Tấn mặc sức tung hoành, được bọn Pháp nuông chìu, muốn đoạt vợ chiếm sự sản của ai cũng được. Dường như «Cầu Ông Lãnh» là cái tên ghi lại thời oanh-liệt của Lãnh-binh Tấn. Nếu sự thật vậy thì không hiểu đồng bào mình còn giữ lại di-tích sĩ nhục ấy làm chi ! Nếu không đặt được cho cầu ấy một cái tên nào có tính cách «quốc-gia» và «độc-lập» hơn thì hãy mượn của «anh ba» mà đặt tên lại cho «Cầu Ông Lãnh» là «Cầu Tần Cối» vậy !

Huỳnh-Công-Tấn chết trong sự nguyền rủa của dân chúng, Huỳnh-Văn-Miên tức là Hai Miên được hưởng sự nghiệp bán nước của cha. Pháp thực dân muốn làm gương hay làm mồi để câu bọn người vong bổn, chuyền những ân-huệ chúng dành để cho Đội-Tấn qua Hai-Miên con đầu lòng của Tấn.

Thừa hưởng sự nghiệp bán nước của cha, được bọn Pháp nuông chìu cho sang Pháp để học, khi về cho nhiều quyền lợi. Hai Miên có một chỗ tha thứ được là hắn không nối chí cha làm những điều tàn ác bốc lột đồng bào. Nếu muốn thì được, nhưng hắn không làm quan bầy tôi, không giúp Pháp truy nã diệt-trừ những nhà ái-quốc Việt-Nam. Hắn chỉ là một công tử lấy tiền của Pháp đi du-lịch ăn chơi đã đời, từ tỉnh này sang qua tỉnh kia ngồi trên chiếc ghe bầu chễm chệ. Người ta thuật lại rằng : Hai Miên được bọn Pháp «cưng» đến nỗi hắn muốn bao nhiêu tiền cũng được, đi đến đâu, xài hết tiền cứ lại kho bạc viết «bông» đưa vào lấy tiền ra. Ngon lành không ! Trong quyển thơ nói về cậu có hai câu nầy :

« Cậu hai cậu chớ có lo !
« Hết tiền cậu xuống dưới kho cậu lấy mà xài.»

Nhưng đó là một điều đồn đãi mà người có kiến thức khó thể tin. Bọn Pháp thực có thể cấp cho hai Miên một số tiền lớn chừng nào đó, hoặc trợ cấp hàng tháng hay cho những quyền lợi trong một cuộc kinh doanh bốc lột nào, nhưng không bao giờ có thể có chuyện Hai Miên cần bao nhiêu tiền cứ đến kho bạc mà lấy, vì đó là một chuyện mà vua chúa của Pháp thực cũng không được quyền làm huống chi là con của một tên mãi quốc cầu vinh. Ta có thể hiểu rằng Hai Miên được cấp mỗi tháng một số tiền trợ cấp nhứt định tới số nào đó, với ngân phiếu hoặc biên lai hẳn có thể đem đến kho bạc lãnh tiền. Đồng bào ta hồi đó thật thà, chất phác, thấy Hai Miên hết tiền đến kho bạc lãnh trợ cấp tháng tới ra xài, tưởng là hai Miên cứ hết tiền là đến lãnh và bao nhiêu cũng được. Bọn Pháp có khi nào lại ký một ngân-phiếu khoán trắng (chèque en blanc) cho ai ?

Chỗ nên tha thứ cho Hai Miên là hắn chỉ du lịch, xài tiền hưởng thụ. Hắn lại có tánh hào hiệp của những tay chơi bời anh chị, nuôi dưỡng tinh-thần anh-hùng « Lương-sơn-bạc », gặp những việc nghĩa nho nhỏ dám ra tay « kiến-nghĩa bất-vi vô-dõng-giả » can-thiệp những chuyện bất công quan liêu hiếp bốc dân lành, như giúp gái điếm khỏi bị mã tà ăn hiếp, đánh lính giải vây cho em út tay chơi, v.v... Vì vậy mà Hai Miên được có « vè », được giới bình dân thật thà nhắc nhở như một anh-hùng mã thượng. Nhưng thôi, người soạn sách này không đến đỗi hẹp hòi như mấy ông vua tàu thuở trước, hễ một người phạm tội là tru di tam tộc. Nhơn danh lịch sử tôi lên án nặng Huỳnh-Công-Tấn, nhưng xét lại Hai Miên không có tội gì.

Requien in pace.

Tôi sẵn-lòng để cho linh-hồn Hai Miên được yên nghỉ.

Xuyên qua cuộc đời của Hai Miên đến chết không con kế tự, theo chúng tôi biết hiện nay ngôi mộ của người tọa lạc trong một vuông đất ở đường Pnát-Diệm Saigon, rẽ về mé tay trái, mộ xây bằng đá xanh, trước bia có ghi tên họ và ngày chết của người vì lâu ngày bị rêu phong cỏ mọc đọc không rõ.

ĐÀI KỶ NIỆM HUỲNH-CÔNG-TẤN BỊ ĐẬP PHÁ MỘ TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH HAI LẦN ĐƯỢC TRÙNG-TU

Dưới thời Pháp thuộc, những anh-hùng Việt-Nam kháng-chiến chống xâm-lăng chỉ được tôn thờ trong tâm-khảm của nhơn dân, trái lại những kẻ bán nước buôn dân vì danh-lợi chạy theo giặc Pháp để hãm hại và bóc lột đồng bào, được quan thầy của họ săn-sóc cho lập đài nọ miếu kia với ý-định « muôn đời » (!) kỷ-niệm.

Huỳnh-Công-Tấn, tức đội Tấn về sau là Lãnh-binh Tấn, đối với dân ta là một tên tội nước (thành-tích thờ giặc Pháp giết đồng bào của Đội Tấn đã được thuật rõ ở phần trước) nhưng đối với giặc Pháp là một công thần. Vì vậy tại Gò-công chúng cho lập một cái đài kỷ-niệm khắc tên họ ghi chiến công của tên đày tớ trung thành của chúng, dựng tại trung tâm thành phố gần bờ rạch cho dân chúng qua lại thấy, với tâm-lý làm mồi câu những kẻ háo danh ngu dại bắt chước theo gương phản-quốc.

Trên đài có khắc mấy chữ như sau.

À la mémoire du Lãnh binh Huỳnh-Công-Tấn, chevalier de la légion d'honneur, Tidèle serviteur de France.

Nghĩa là : Kỷ niệm Huỳnh-Công-Tấn, bắc đẩu bội tinh công bộc trung thành của nước Pháp.

Với những chữ ghi công ông bạn đọc hãy nghĩ xem đó là cái vinh hay cái nhục cho những kẻ rước voi về dày mã tổ cỏng rắn cắn gà nhà.

Lịch-sử đã chứng-minh cho ta biết, từ xưa tới nay, ở đời không có sự gian ác nào được tồn tại mãi. Những sự-nghiệp bá đạo như của Tần-thỉ-hoàng, César, Hitler cũng tính lưu truyền mãi và được bề-dương ngàn thuở trên những đền đài sắt đá, nhưng thật ra chỉ là một bọt biển phù-vân. Xưa nay chỉ có đạo-đức nhơn nghĩa mới được lưu-truyền, không cần đền đài sắt đá cũng sống mãi trong sử xanh, trong lòng nhân thế.

Trên đời này, ngoài đạo tình thương và từ-bi của Chúa Giêsu và Đức Phật Thích-Ca còn sống và lan truyền mãi với thời-gian, những đế-quốc hung tàn như Ba-tư, Ai-cập, Hy-lạp, La-mã còn lại những gì ? Đế-quốc Pháp thực-dân sau một thế kỷ dẫm trên xương máu của nhơn dân thuộc địa Á-Phi, theo luật nhơn quả tuần hoàn đi lần tới ngày đền tội. Luôn trong hai cuộc thế-chiến 1914-18 và 1939-45, nước Pháp bị người ta đánh như « con », bị lột trần như

nhộng để đền tội bóc lột dân thuộc-địa. Đế-quốc Pháp còn bị sụp như cái cầu mục thì bọn quan «bầy tôi» của chúng mà nghĩa lý gì ? Hãy lo tu nhơn tích đức đi, đừng dựng đài kỷ-niệm, đừng đúc tượng đồng làm chi vô-ích.

Đài Huỳnh-Công-Tấn ở Gò-công phải chịu chung số phận với đế-quốc quan thầy theo luật đào thải của lịch-sử.

Nước Pháp bị Đức-quốc-xã chiếm một cách dễ-dàng ! Pétain cộng tác với kẻ nghịch, De Gaulle chạy qua Anh ăn gởi nằm nhờ. Nước mẹ còn tiêu tùng thì chánh quyền ở thuộc địa làm sao tồn tại được ? Cuộc đảo-chánh 9-3-1945 của quân đội Nhựt-Bổn ở Đông-dương mở đường cho dân Việt-Nam ta vùng dậy.

Trong khi ở khắp nơi trên quốc-thổ, quyền hành Pháp bị lật đổ quá dễ dàng. tại Gò-công đồng bào được kích-thích bởi phong-trào Thanh-niên Tiền-phong, ra công quét những tàn tích của thực-dân đô-hộ. Một trong những việc làm đầu tiên của đồng bào Gò-công là kéo đến đập phá tan tành, triệt-hạ đài kỷ niệm Huỳnh-Công-Tấn, tên quốc phạm. Triệt-hạ xong đài ô-nhục chỉ đáng phỉ-nhổ như dân Tàu phỉ-nhổ lên đầu tượng Tần-Cối, lúc bấy giờ đồng bào dân chúng trong tỉnh thừa cơ-hội ấy đứng ra trùng tu ngôi mộ vị anh-hùng Trương-Công-Định lại được khang-trang hơn xưa. Và dựng đài Trương-Công-Định trên vuông đất đài kỷ niệm Huỳnh-Công-Tấn để truy điệu người anh hùng đất Gò.

Vì chánh quyền Pháp có mặt tại Gò-công thì không một ai dám bén mãng đến đó thăm viếng gì cả. Hằng ngày có những cặp mắt thám-tử dòm ngó để ý, vì thế ngôi mộ nép mình trong cảnh vắng lạnh, lâu ngày rêu phong cỏ mọc. Người có tâm-chí đi ngang qua không khỏi bùi ngùi cảm-xúc trước cảnh cũ người xưa, đã hy-sinh cho non nước diệt-thù, đến khi thác cũng không yên.

Nhưng số phận nước Việt-Nam ta còn lận-đận. Tại hội-nghị Yalta sau khi Đồng-minh đã hạ quốc-xã và phát-xít Đức — Ý — Nhựt, mặc dầu Tổng-thống Mỹ Roosevelt chủ-trương quyền dân-tộc tự-quyết và không muốn chủ nghĩa thực dân sống lại, thống chế Staline (Nga) cũng không có ý gì giúp Pháp chiếm những thuộc-địa cũ, nhưng nước Pháp của De Gaulle không bỏ mộng tái chiếm lại Việt-Nam, tuy trong giai-đoạn sau cùng của cuộc chiến tranh Pháp đã đóng góp được phần nào trong cuộc chiến-thắng chung, nhưng chỉ là phần rất khiêm-nhượng, lực-lượng Pháp lúc ấy ngoài sư-đoàn thiết binh của Thiếu-Tướng Leclerc thì chẳng có gì đáng kể nữa. Lúc ấy, nếu

dân Việt ta chỉ may hơn một chút, được Roosevelt và Staline cương-quyết bình-vực các dân-tộc nhược-tiểu (thuộc địa-cũ) đã tự giải-thoát nhơn chiến cuộc, thì thời cuộc ở Việt-Nam và cả Đông-Nam-Á đã đổi khác hết rồi ! Ở đây, thật ra Roosevelt cũng như Staline chỉ chống thực-dân chủ-nghĩa ở đầu môi, họ không giúp Pháp nhưng họ cũng không ngăn cản Pháp dùng bạo lực chiếm lại thuộc-địa cũ. Tưởng-Giới-Thạch thì bất thành vấn-đề, vì lúc ấy tuy được đứng vào hàng tứ cường, nhưng thật sự chẳng «cường» nổi chút nào. Lo chuyện nhà cửa ổng còn không xong ! Còn nước Anh, thì là tay thực-dân chúa, có bao giờ biết thương đồng loại da vàng và đen ! Chính người Anh, tướng Gracey, được phân công giải giới quân Nhựt ở bên nay vĩ-tuyến 18 đã giúp quân Pháp trở lại miền Nam Việt-Nam. Núp sau mấn quân «chà chóp» và Écossais của Gracey quân Pháp nhảy dù xuống Sài-gòn rồi từ đó chuyển lực-lượng từ Bắc-Phi qua lần hồi, đánh chiếm lại miền Nam nước Việt. Người Việt chúng tôi nhớ mãi ơn-đức của Tướng Gracey và người Anh về việc giúp giặc Pháp chiếm lại miền Nam. Chiếm lại được miền Nam, quân Pháp xuống Gò-công để bình-trị lại ít lâu.

Thực-dân khôn-ngoan lắm ! Trước cuộc đổi thay trên thế giới, trước phong-trào kháng-chiến của nhơn dân Việt-Nam đã thề quyết độc-lập hay là chết, chúng đưa ra lá bài Nam-kỳ tự-trị, lập Nam-kỳ-quốc, rồi đưa ra lá bài Bảo-Đại, ký thỏa-hiệp ngày 9-3-1949 nhơn-dân Việt-Nam độc-lập ở trong hai lớp tường cầm nhốt : Liên-bang Đông-Dương và Liên-hiệp Pháp. Không «chơi bảnh» (Fair play) như người Anh thấy nuốt không trôi là nhả Ấn-Độ cho khỏi chướng và mắc cổ, người Pháp tới mức cùng vẫn rán nhai và nuốt trọn trạo để rốt cuộc vẫn không ăn được, bị đời chế nhạo và té lăn đùng ở Điện-biên-phủ như ai nấy thấy.

Hội-nghị Genève ! Phân chia lãnh-thổ ! Thời kỳ thực-dân Pháp ở Việt-Nam đã cáo chung !

Quân Pháp vừa rút đi thì đồng bào yêu nước ở Gò-công, một lần nữa, kiến-thiết lại mộ Trương-Công-Định huy-hoàng rực-rỡ hơn. Còn cuộc đắt dựng đài kỷ-niệm Huỳnh-Công-Tấn chánh quyền địa-phương cất phòng Thông-tin, để xóa bỏ tàn tích phản dân hại nước. Từ đây đài kỷ-niệm Huỳnh-công-Tấn sẽ không bao giờ còn mọc lên nữa được.

Mộ Trương-Công-Định sẽ được trường cữu muôn đời, sừng sựng giữa Trời mây, chứng tỏ tinh-thần quốc-gia bất-khuất của một dân-tộc dám chết để tìm lẽ sống.

VÀM-LÁNG

- Nguồn sống và sản xuất của Gò-công

Vàm-láng, trước đây là một ấp của xã Kiểng-phước, toạ-lạc cách tỉnh lỵ Gò-công lối 13 cây số đường bộ. Từ Gò-công đi Vàm-láng phải qua sân bay về Tân-niên-tây rẽ sang Kiểng-phước, khỏi Đôi-Ma, và Vàm-láng là cuối con đường của dãy đất liền Gò-công, với diện-tích hơn 2 cây số vuông. Dân số Vàm-láng lối trên 4000 người.

Hầu hết dân chúng sống ở đây làm nghề đi biển và làm muối. Vàm-láng là vựa tôm vựa cá. Số cá đánh được tại đây cung cấp cho nhu-cầu toàn tỉnh và một phần cho thủ-đô. Chính vì địa-vị quan-trọng đó, Vàm-láng được đổi thành xã từ tháng 6 năm 1966 được tăng-cường hệ-thống an-ninh.

Vàm-láng có đồn và khá đông lính đóng. Dưới thời Pháp thuộc đồn này là một bót cảnh-sát kiểm-soát ghe tàu qua lại, bây giờ đồn có tháp canh, đèn rọi về phía Vàm-sông để những con nước khuya ghe chài dễ vào bến cá.

Ở Vàm-láng nhà nào cũng phơi cá khô, con ruốc để làm nước mắm. Nhà nào cũng có sọi, có tay lưới mới chưa sắn (nhuộm đen).



Những ghe ngư phủ chở cá vào Vàm láng

Buổi tối ở Vàm-láng không có giới-nghiêm, cuộc sống vẫn tiếp-tục. Những ánh đuốc dầu được thắp lên, Vàm-láng âm-u chập-chờn trong ánh lửa. Tùy theo con nước, đêm về khuya các ghe đánh cá lần lượt về bến càng nhiều.

Chiếc ghe đầu tiên tắt máy, vòng một tua cho mất trớn rồi thẳng vào Vàm-sông giữa tiếng xôn xao trên bến. Ngọn đèn trên tháp canh dẫn đường, bến cá bừng lên sống vội-vàng, tiếng cười nói vang lên như chợ ban ngày. Người ta tranh nhau cân cá, chia cá, trả giá cá. Mấy chị bạn hàng cá có lẽ gấp hơn ai hết, những máy xay nước đá cho nhuyễn lại hoạt động rè rè phía dãy phố. Những thùng muối dành sẵn, những cần-xé to lớn được người ôm tay chất trên các xe ngựa chở đi. Những ngọn đèn lồng di-chuyển, những con ngựa kéo xe trải qua 9 cây số đường gồ ghề để kịp về Gò-công vào khoảng 6 giờ sáng để tiêu thụ tại đây một phần, một phần chất lên xe đò chở lên Sài-gòn.

RỪNG VÀM LÁNG

Tại Vàm-láng có một cánh rừng. Tuy gọi là rừng nhưng không có thú dữ mà lại có nhiều cua, tôm càng. Trong rừng này người ta thuật lại có lần một con heo mẹ rất lớn không rõ của ai trốn vào rừng, dẫn 3, 4 con đi ăn. Một thanh niên trong vùng thấy heo định vây bắt, nhưng bị heo chống trả cắn bị thương, heo dẫn bầy con chạy tuốt vô rừng Vàm-láng rồi băng qua rừng Gia-thuận. Sáng hôm sau dân chúng tổ-chức cuộc lùng bắt. Đến giữa rừng Gia-thuận thì gặp heo. Con heo bị vây lại chống trả mãnh-liệt làm cho trên mười người bị thương trước khi nó chịu chết. Heo tìm tự-do cũng dữ thiệt !

LĂNG ÔNG, MIẾU BÀ

Lăng Ông là một ngôi nhà cất theo kiểu xưa, đặc biệt không có cửa trước. Muốn vào lăng phải đi vòng ra phía bến hông. Tọa-lạc trên bờ sông Cần-lộc, lăng cất đơn-sơ mà có vẻ trang-nghiêm, phía trước có một sân không rộng lắm và cũng không có vòng rào, hai lối đi hẹp chạy dài song song hai bên lăng, mỗi bên có nhà cửa dân chài ở san-sát.

Trong lăng rộng mà hơi tối vì không có cửa trước. Ba dòng bàn thờ để 5 cỗ quan lớn đựng cốt cá-ông : 1 cốt lớn, 50 cốt nhỏ, còn 3 xác chưa lấy cốt còn chôn trong lăng. Trước bàn thờ, 2 con hạc bằng đồng đứng trên 2 con rùa cũng bằng đồng, cao khỏi đầu người, chạm trỗ tinh-vi. Cũng có lư đồng, chơn đèn, toàn đồ xưa cỗ ít nữa từ 80 năm trở lên cả.

Hai bên bàn thờ có giá cắm các thứ binh khí như gươm giáo, chùy, siêu đao, v.v,... Những cây tượng dài khoảng 2 thước, những chiếc lọng xếp mỗi năm chỉ mở ra một lần vào dịp cúng lễ. Phía trước có một sân khấu có khán đài để đồng bào ngồi xem hát bộ.

Hằng năm đến rằm tháng 6 âm-lịch dân Vàm-láng tổ-chức lễ nghinh Ông trọng thể như chúng tôi đã thuật rõ trong đoạn nói về cá-ông. Dân Vàm-láng coi lễ này như ngày Tết, tất cả đều nghỉ. Ăn chơi xem hát, rượu chè cờ bạc bù lại một năm dài cực nhọc.

MIẾU BÀ VÀ TIỂU SỬ BÀ TƯ CÓ

Mỗi năm khi đoàn ghe nghinh Ông ngoài khơi trở về, đều ghé lại Miếu Bà ngoài Vàm sông Cần-lộc (đối-diện với đồn canh). Miếu hình ngũ giác lợp thiếc sơn trắng, trong có bàn thờ và bài vị Bà Tư Có, người có công sáng lập ngành chài lưới tại Vàm-láng.

Theo truyền thuyết, Vàm-láng ngày xưa là đất hoang-vu rừng rú nhà ở thưa thớt, dân sống về nghề đốn củi đổi gạo hay canh tác những phần đất trống ven rừng. Lúc bấy giờ bên Tàu, nhà Mãn-Thanh suy yếu, Hồng-Tú-Toàn khởi nghĩa lập nên Thái-bình Thiên-quốc cầm quyền được mấy năm. Chánh sách khắc nghiệt của họ Hồng làm cho khá đông dân Tàu phải bỏ xứ ra đi tìm chốn yên lành hơn sanh sống. Trong số những người di cư này có bà Tư Có gốc người Minh-hương, lên ghe xuôi về hướng Nam, dọc theo Nam-hải định xuống Hà-tiên. Ghe đi đến cửa Cần-giờ, trời nổi giông bão lớn, ghe bà chòng chành muốn chìm, bà đốt nhang van vái. Bỗng dưới biển có 2 con cá rất lớn nổi lên cặp hai bên mạn thuyền, bà sợ hãi than trời, nhưng hai con cá không làm hại gì mà còn giúp cho ghe khỏi chìm chạy vào một ngọn sông yên lành. Đó là sông Cần-lộc chảy qua Vàm-láng. Bà Tư Có nhớ ơn lập miếu thờ và gọi là cá-ông để tỏ lòng kính mến.

Nhận thấy sông Vàm-láng là ụ trú ghe tốt, bà Tư nghĩ ra nghề đánh cá, bà trở về xứ rủ thêm người qua sắm ghe đan lưới đi chài và đánh cá. Được khởi đầu bởi một người đàn bà Minh-hương nghề chài lưới ở Vàm-láng được người Việt-Nam ta với trí thông-minh canh-tân phát-triển. Đồng bào ta đóng đáy cả hai con nước lớn và ròng trong khi người Tàu chỉ đóng một con nước lớn ; dân ta lại sáng chế ra đáy rạo là loại đáy đóng có cọc theo hình chữ V cho nước chảy quặn vào cọc thành như hai tấm đăng, ngư phủ đặt phía dưới một cái đục cho cá vào.

Ngoài ra, đáy sông cầu là loại đáy ta thường thấy trên các sông rạch để bắt tôm nhiều hơn cá.

Đến ngày nay, trải qua gần một trăm năm, ngành ngư-nghiệp ở xứ ta được phát-triển và cơ-khí hóa, dân Vàm-láng đã có những kiểu ghe Kiên-giang, đánh cá bằng lưới ni-lông và bằng ghe máy.

Chúng tôi thành thật ước mong, khi hòa bình trở lại, một chánh-phủ độc lập dân chủ thật sự biết lo giúp đỡ nhơn dân, với sự viện-trợ của Ngân-hàng quốc-tế mở mang Đông-Nam-Á và sự viện-trợ đến tận tay nhơn dân không bị xén bớt dọc đường, thì ngành ngư nghiệp Vàm-láng sẽ phát-triển đến cực độ để biến thành một kỹ-nghệ, nâng cao mức sống dân chài, đóng góp vào sự thạnh vượng chung của xứ sở.



Bến cá Vàm-láng

NHỮNG VÙNG ĐẤT TRÙ PHÚ CỦA GÒ-CÔNG

GIỒNG NÂU TRẢI QUA BAO CUỘC THĂNG TRẦM NAY LÀ MỘT MẠCH SỐNG CỦA XỨ SỞ

Gò-công, như tên nó đã chỉ, là xứ có nhiều gò đống giồng đất cao, nào giồng ông Huê ở xã Vĩnh-lợi, giồng Sơn-qui, giồng Lức ở Tan-niên-đông, giồng Tháp ở Tân-niên-Tây, giồng Cát, giồng Trôm ở Yên-luông, giồng Găng ở Tân-cương (bây giờ là xã Bình-tân), giồng Trại-cá, giồng Chùa, giồng Gạch, giồng Bà lãnh ở Tân-hòa, giồng Bà lẫy, giồng Bà Canh, giồng Đình ở Tân-thành. Sau cùng là Giồng Nâu ở xã An-hòa.

Giồng-nâu có thể nói to rộng hơn các giồng khác, ở chỗ nó nằm dài từ xã Tân-duân-trung (xóm Kiếng), bây giờ là Phước-trung sanh, qua suốt xã An-hòa chạy luôn tới ấp Vạn-thắng, thuộc xã Bình-ân

Giồng Nâu nằm theo hình chữ nhứt : Đầu ở Tây Nam, đuôi ở Đông-Bắc xã An-hòa, chiều dài hơn 4 cây số, rộng non một cây số, Gồng toàn là cát vàng rất hợp với việc trồng tỉa.



Vườn trầu xã An-hoà
Một nguồn lợi đáng kể của tỉnh nầy

VÌ SAO CÓ TÊN LÀ GIỒNG NÂU ?

Theo lời các cụ kể lại thì xưa kia ở đây dân cư thưa thớt, giồng toàn là tre xanh và cây cối rậm rạp, nhiều nhất là giống cây ngâu, một loài cây các cụ hay trồng làm kiểng có nụ li-ti như tăm nhang, mọc thành chùm, dùng để ướp trà thì thơm ngon lắm (Hiện nay cây ngâu được trồng rất nhiều ở Bảo-lộc và được chăm sóc chu đáo để lấy hoa).

Loại cây này hiện nay vẫn còn mọc theo rào, lối ngõ trong lũy tre. Ban đầu người ta gọi là giồng Ngâu sau đọc trại dần ra mất chữ (g) thành giồng Nâu. Nhờ đất cát cao ráo mầu mỡ, dễ cuốc xới nên việc trồng tỉa ở đây rất phát đạt, huê lợi dồi dào.

Hầu hết dân sống trên giồng này đều khá giả, nên thu hút dân cư ở vùng khác đến lập nghiệp rất đông, hiện nay có trên 500 nóc gia, dân số trên bốn ngàn. Nhà cửa họ to rộng, khang trang, không ai ngờ trong một vùng tre xanh rậm-rạp như vậy, mà khi đi sâu vào toàn là nhà cao, cửa rộng. Nhà ngói 5 gian, 3 gian, 2 gian, vách tường, vách ván, nền lót gạch. Họ được giàu có như vậy là nhờ trồng tỉa, còn ruộng lúa thì rất ít chỉ làm được một mùa thôi, đủ dùng trong xã ít khi bán ra. Phần tiền bạc dồi dào là nhờ huê lợi trầu và đồ hàng bông (rau, cải, rau cần, hành hương, cà nâu, cà chua). Riêng về trầu vàng thì tại giồng, nhà nào cũng có năm ba trăm nọc, những người có đất rộng họ trồng đôi ngàn nọc là thường.

Lối trồng tỉa rau cải ở nơi đây kể ra cũng tiến bộ hơn các nơi khác là vì họ biết quấn bầu bằng lá chuối, dộng cát ở phần dưới, gạt phân lá cây mục ở trên, rồi cấy từng cây cải non, vít từng mớ hột rau vào lối năm bảy thiên, cả muôn cái, sắp khít trên giàn cách mặt đất 3, 4 tấc cho trùn đất không làm hại rễ cây non. Đến khi cây sống chừng chạc họ dang thưa ra cách khoảng nhau một phân, nhử nắng nhử mưa cho cây cứng cáp, rồi mới đánh luống, bằm đất cho tơi đem trồng xuống. Lối trồng như thế tuy rất công phu, song kết quả thu được rất dồi dào vì khi trồng, không cây non nào héo, mau bén rễ mọc mạnh, đúng lứa, rau cải sẽ nặng cân, nặng ký. Về mùa mưa nước ngọt đã đành, mùa nắng tại giồng dẫn đào giếng mạch vẫn ngọt, lấy nước đó mà vun tưới cho hoa quả.

Theo lời các cụ xưa kể và truyền tụng đến bây giờ tại đây có long-mạch : dưới lòng đất giồng Nâu và Vạn-thắng là mình rồng, đầu ở xóm Kiếng, hai chân trước ở xóm Tre, xóm Đập, hai chân sau một đặt ở xóm Bưng, một ở xóm Dinh. Khi người Pháp sang đô hộ nước ta đào con kinh An-hòa, là kinh Salicetty bây giờ, làm rồng bị cắt đứt đầu và hiện nay đầu rồng còn nằm ở xóm Kiếng (chính nơi đây đào ao nước thật ngọt). Chuyện đầu rồng tuy hơi hoang đường nhưng được các thầy địa-lý ngày trước công nhận và về sau cũng được các bậc kỳ cựu trong xã tin tưởng.

NGƯỢC DÒNG LỊCH SỬ

Chính nơi đây, thời vua Gia-long thống nhất sơn hà, có Hoài-quốc-Công Võ-Tánh (Gia-định Tam-hùng Võ-tánh đệ nhất) đã mộ binh hăng hái chống Tây-sơn. Mặt trận duy nhất là Vạn-thắng, nơi này ngài đã oanh-liệt bách chiến bách thắng với quân Tây sơn nên hiện nay còn địa-danh là ấp Vạn-thắng (ấp giáp ranh xã An-hoà) giữa rún xã An-hoà, tại cây đa cổ thụ còn lại di-tích một cái ao to vuông vức cạnh 50m do quân lính của ông Võ-Tánh đồn binh hạ trại nơi đó và đào ao này để lấy nước xài và tắm giặt. Do đó mà có tên là ao Đồn-binh. Nói chung Gò-công lắm sông rạch lại gần biển nên nước mặn, nhưng tại các giồng người ta đào ao, giếng vẫn ngọt, nhưng ngọt nhất là ao xóm Kiếng nơi đầu rồng. (Dân ở các xã khác và ở tỉnh hay vô đây chở nước về uống lúc mùa khô ngặt). Cạnh ao Đồn-binh có một ngôi chùa cổ. Sư cụ là hoà-thượng Võ-Ngại đã viên tịch lâu rồi. Ông là người giàu có không con đã hiến đất đào ao rồi dựng lên một ngôi chùa với phần hương hoả về đất và ruộng là 5 mẫu tây. Trong gia-phả của nhà chùa không nói cụ Võ-Ngại tên là chi, còn chùa cũng mang tên là Đồn binh. Sau này bị thời gian và chiến tranh tàn phá, nhưng các phật-tử góp tiền bạc trùng tu lại không kém phần trang nghiêm cổ kính và lấy tên là « Bửu-Long-Tự ». Mộ cụ Võ-Ngại được mấy vị trụ trì sau cho xây thành tháp cao và hằng năm vào ngày mồng 9 tháng chín bổn đạo cúng giỗ linh-đình.

GÒ-CÔNG HAI NƠI ĐỀN THỜ VÕ-QUỐC-CÔNG

Xuyên qua tỉnh lỵ Gò-công ra khỏi ấp Cầu-huyện về hướng quận Hoà-tân, sang ngã tư bên mặt chừng một cây số, có ngôi miếu cổ, ấy là «Lăng» thờ Hoài-quốc-Công Võ-Tánh, được kiến trúc theo lối cổ kim.

Một lăng khác hiện toạ lạc tại ấp Hoà-trung II, xã An-hoà, là một đền thờ quá cũ kỹ, cột cây vách ván, lợp ngói xưa. Ở chánh-điện hiện còn một cây kèo còn ghi chép một hàng chữ nho lu mờ theo thời gian, ở hậu điện, còn có chưng bày nhiều hình tượng siêu đao gươm giáo được tạc bằng thau hay đồng. Đó là những vũ-khí cổ-điển của ngài cùng quân lính xử dụng ngày xưa. Theo các bô-lão hàng chữ nho này chứng minh rằng lăng Võ-Tánh tại đây đã được nhân dân thuở trước ái mộ công-đức ngài nên dựng lên cách đây 144 năm để tôn thờ một công thần nhà Nguyễn. Lăng Võ-Tánh ở ấp Hoà-trung II đã được đồng bào xã An-hoà trùng tu lại và đã được khánh thành hôm 28-12-1968.

Nơi đây cũng có một đền thờ đệ-nhị thích-lý họ Phạm, một trong ba chi của Đức Từ-Dũ, thờ ông Phạm-Đăng-Quỳnh.

Theo các vị niên trưởng kể lại những chuyện xa xưa, lúc ông Võ-Tánh về đóng binh ở Vạn-thắng có trồng một hàng tre để ngăn giặc. Lâu đời tre trở thành dày bịt bề ngang có lối 4, 5 thước. Ngày trước, đây là chiến lũy nhưng đến khi có bão lụt năm Thìn thì nước biển Tân-thành và sông cửa Tiểu dâng lên cao tràn đi khắp nơi, riêng xã An-hoà có xóm Bưng bị thiệt hại nhiều. Còn ấp Vạn-thắng, Giồng-nâu, nhờ có lũy tre chắn gió lại nên sóng nước không tàn phá xóm làng, mực nước lên tới mí ván ngựa là cùng, nhờ đó mà hai nơi nay không bị thiệt hại gì cả. Về sau giặc giã nổi lên, Pháp tái chiếm miền Nam (1945 — 1954) quân đội Cao-đài vào đốn tre ở Giồng-nâu và đốn tiệt luôn hàng tre ở Vạn-thắng để đem về chẻ ra làm chông xóc nọc làm rào cắm quanh đồn bót. Vì thế chủ ruộng đã có bang bờ tre ở Vạn-thắng để nới rộng diện tích canh tác, do đó mà di-tích không còn nữa.

NHỮNG BƯỚC THĂNG TRẦM

Giồng-nâu gồm có 4 ấp trù phú nhất của xã An-hoà, trước kia vào năm 1958 hai ấp phía Tây của xã Hoà-nghị, hai ấp dưới của xã Tân-Duân-Đông, sau đất đai hai xã nhập lại lấy tên An-hoà. Nhắc lại lúc Pháp tái chiếm Gò-công vào khoảng năm 1945 về sau những người yêu nước chống Pháp rút vô các bưng biền làng mạc mưu đồ kháng Pnáp. Trong lúc đó Giồng-nâu là địa bàn để hoạt động cho thị xã, vì ở đây gần tỉnh, cây cối rậm rạp dễ lẫn tránh và dễ dòm ngó quân nghịch, do đó mà xảy ra một đại hoạ chưa từng có trong lịch sử tỉnh nhà. Năm 1948 vào khoảng mùa lúa chín hai tên Pháp vác súng vào Giồng bắt heo gà kéo theo một cái xe ngựa để chở súc vật, (xe ngựa chúng lấy của dân chứ không có ngựa). Chúng theo tỉnh lộ 24 tới ngã tư Giồng-nâu (bây giờ là An-hoà) bị dân quân phục kích giết một, còn một tên kia bị chận đường rút lui, chạy thục mạng xuống Tân-duân-Đông (chỗ cây da), nơi đây hắn bị bắt và vì lúc quá hăng say bồng bột dân quân đã chặt đầu đem về chưng tại phòng tuyến ở xã Tân-thành, còn xác chôn luôn ngoài đồng chỗ cây da. Thế là cuộc trả thù ghê gớm xảy ra. Pháp đem hùng binh, xe bọc sắt vào càn quét và đốt hàng loạt mấy trăm nóc gia (có thể nói cả hai phần Giồng-nâu giáp Vạn-thắng bị bà hỏa nuốt trọn, ngoại trừ một vài cái vì khói khắm mịt mù làm cay mắt mà chúng bỏ sót đó thôi. Chưa vừa bụng chúng bắt nốt một số 6 người vì bịnh hoạn già cả chạy không được đem ra bắn chết rồi chặt đầu đem chưng ở ngã tư Giồng-nâu. Thật là thê-thảm và xơ-xác đến khiếp. Nhưng rồi thời gian khói lửa tạm lắng dịu, Sau Hiệp-định Genève người dân Giồng nâu (An-hòa) cần cù, nhẫn-nại, đem sức lực mồ hôi để cày cuốc trồng tỉa, vun bón đổi lấy bát cơm, tủi hờn đành dẹp qua một bên để gây dựng những gì bị mất mát. Thế rồi từ 1954 về sau nhờ huê lợi trầu vàng, rau xanh, mà họ vượt được mọi khó khăn vào tạo được nhà cửa khang trang như hiện nay..

★

NHỮNG TỤC LỆ ĐỊA PHƯƠNG CẦN DUY TRÌ

Sau bài sưu tầm lịch sử và sinh hoạt của Giồng-nâu, chúng tôi xin hiến quý bạn đọc những tục lệ địa phương được đồng bào trong xã duy trì như thuở nào, qua những cuộc cúng kiến linh đình mà hằng năm xã An-hòa đã ấn định theo lịch trình 7 lệ như :

— Tháng giêng âm lịch lễ cúng đầu năm tổng phong tại chùa Quan Thánh.

— Tháng 2 âm lịch lễ kỳ yên đình

— Tháng 5 âm lịch lễ Hạ-điền và vía Quan-Thánh

— Tháng 10 âm lịch lễ Thượng-điền

— Tháng 12 âm lịch lễ Lạy-Miễu.

Và mỗi cuộc lễ như thế, người ta ghi nhận rằng có rất nhiều bô lão thân hào nhân sĩ, đồng bào các giới tham dự đông đảo với bộ y phục áo dài đen, khăn đóng rất cổ kính, uy nghiêm, với tinh thần vô cùng tin tưởng, để nguyện cầu cho đất nước sớm thanh-bình, và nhà nhà no ấm. Sau mỗi cuộc lễ chấm dứt, họ lại bày ra những bữa tiệc « đánh chén » thật say sưa để cho quên hết những nỗi ưu tư, khổ cực. Đó là hiện tượng của khung cảnh thanh-bình quốc-gia Việt-Nam vậy.

PHẦN THỨ NĂM

— Gò-công qua các bộ môn

- Văn-hoá nghệ thuật
- Phong tục tập quán
- Câu hò câu hát địa phương

VĂN-HOÁ NGHỆ THUẬT

TRÊN VĂN-ĐÀN TOÀN-QUỐC, GÒ-CÔNG CHIẾM MỘT ĐỊA-VỊ KHẢ-QUAN

Nói đến văn-học Việt-Nam ta phải để dành một chỗ cho tỉnh Gò-công, một xứ đồng chua nước mặn mà đã sản xuất khá nhiều nhơn tài trên văn đàn trận bút.

Từ thời xưa, người Gò-công đã có tiếng là hiếu học.

Lẽ cố nhiên vào thời-đại mà quan niệm quốc-gia dân tộc còn được tiêu-biểu bởi vua chúa, triều đình, việc học của người dân đều nhắm vào thi cử đỗ đạt để ra làm quan với triều đình phò vua giúp nước. Người đầu tiên của đất Gò làm rạng rỡ quê hương là Ông Phạm-Đăng-Hưng, sanh năm 1765, ra Huế làm quan, đến năm 60 tuổi (1825), lên đến chức Lễ-bộ Thượng-thơ, văn-tài lỗi-lạc, đức độ khả phong, gia đình nề nếp của ông lại sanh được một kỳ-nữ là Bà Từ-Dũ đã được tuyển vào cung và trở nên người hiền mẫu của vua Tự-Đức sau này.

Người thiếu nữ Gò-công rất giỏi văn-chương thi-phú, được tuyển vào cung rồi tiếng tài-hoa, trong các vị hoàng-hậu của triều nhà Nguyễn bà là người được kính nể tôn sùng hơn hết về tài hoa cũng như đức hạnh. Khắp dân gian đều truyền tụng vị mẫu-hoàng biết bình thơ giảng sách cho con, giáo huấn Tự-Đức nên một người con hiếu và một ông vua có tài về văn-học.

Ngoài gia đình họ Phạm, đất Gò-công, trải qua các thời đại, tiếp tục sản xuất biết bao văn-nhân thi-sĩ vang tiếng một thời, tô-điểm văn chương nên sự nghiệp, đắp bồi văn-hóa làm rạng rỡ nước non nhà. Thời cận đại, chúng tôi được biết một số văn-nhân thi-sĩ đất Gò lừng danh trên chốn văn-đàn, sau đây đã đóng góp cho nền văn học qua những sách vở, báo chí nay còn lưu lại.

Tiểu thuyết gia phong-phú khắp ba kỳ đều nghe tiếng, đó là cụ Hồ-biểu-Chánh (tự Hồ-Văn-Trung), sanh năm 1885 quán ở Bình-Thành, cụ tạ thế ngày 4-11-1958. Lúc sanh tiền cụ sáng tác nhiều bộ tiểu-thuyết có giá-trị, văn và truyện cụ rất bình dân phổ thông trong đại chúng, cụ để lại cho đời một sự nghiệp văn chương bất hủ, nay tên cụ đã đi vào lịch sử.

Cụ Lê-lương-Trí, chính tên là Lê-văn-Quới, tục gọi là Thôn Năng người làng Dương-phước, sanh năm 1893, một nhà nho sống cuộc đời thanh đạm, có tài xuất khẩu thành thơ, thi văn lưu loát, các thi hữu xa gần đều biết tiếng và mến phục, thường tới lui thăm viếng trao đổi văn thơ xướng hoạ, kể ra cụ là một nhà thơ lỗi lạc của đất Gò, cụ mất năm 1963 (xin coi tiểu sử có nói rõ ở phần ba).

Ông Trương-văn-Biện, sinh quán làng Bình-thành, quê hương tiểu thuyết gia Hồ-biểu-Chánh, một người tinh thông Hán học, có khoa ngôn ngữ ông chuyên về bình luận, giải nghĩa truyện Thúy-Kiều. Tuy không để lại một sự nghiệp văn chương nào, ông vẫn để lại Gò công tăm tiếng một văn nhân khả ái. Ông lìa trần sớm, nếu còn sống đến ngày nay đã trên 80 tuổi.

Nhà văn Lê-văn-Sum, gốc ở Đồng-sơn, tinh-thông Hán-học và luôn cả Tây-học, từng bỉnh bút cho những tờ báo thời xưa như tờ Lục-tỉnh Tân-văn, Công-luận, Nông-cổ mính-đàm. Cây viết của ông rất sắc bén, có thể nói là một trong những cây viết cừ khôi ở miền Nam, so sánh với Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh của miền Bắc. Nếu ông còn sống năm nay trên 80 tuổi.

Chúng tôi cũng nên kể đến các ông Trần-đình-Kiêng, Dương-văn Lời mà trí nhớ rất dai, ông thuộc hết bộ Dictionnaire Larousse, Nguyễn đình-Trị, đã viết cho những tờ báo Pháp-Việt đầu tiên xuất bản ở Sài-gòn, như Écho Annamite, Tribune indigene, Courrier Saigonnais, Tribumne Indochinoise, Nông-cổ Mính-đàm, v.v...

Ông Trần-đình-Kiêng có một trưởng nữ là bà Trần-kim-Xuyến, bút hiệu Mộng-hoa, đã trên 70 tuổi. Lúc xuân thời văn tài học luật không kém bà Trần-Ngọc-Lầu ở Vĩnh-long và bà Sương-Nguyệt-Anh ở Bến-Tre là hai bậc nữ-lưu đã nổi tiếng tài hoa, góp mặt với nam nhi trên trường văn trận bút.

Đất Gò-công dường như là đất thuận-sanh lắm nữ tài tử. Ngoài vị mẫu-hoàng Từ-Dũ được ghi danh thanh sử, những thế hệ tiếp nối theo sau ngoài Phạm-Thị-Bạch-Vân nói ở đoạn sau trong mục nữ lưu thơ quán, cũng có lắm chị em theo đòi văn nghiệp, nức tiếng một thời. Trong thế hệ trẻ sau này nên kể tới hai ngươi con gái ông Hội đồng Nguyễn-đình-Trị là giáo sư Nguyễn-thị-Châu và Nguyễn-thị-Kim tức nữ sĩ Manh Manh.

Cô Nguyễn-thị-Châu, người chị, đậu cử-nhân văn-chương, có bằng cấp chuyên-môn sử-địa của Pháp, từng làm giáo-sư Gia-Long nữ học đường và những trường nữ Trung-học trong nước. Dưới trào Thủ-tướng Trần-Văn-Hữu có một dạo cô bị động-viên phục vụ ở Bộ Ngoại-giao Việt-Nam, vì chánh-phủ cần đến tài thạo nhiều sinh-ngữ của cô. Nhưng cô giáo có tánh khác hơn mọi người là không ưa chức quyền chánh-trị, cũng như người ta nói cô không ưa lấy chồng vì thấy cô đến nay khá lớn tuổi vẫn sống độc thân, mặc dầu với sắc tài như cô không thiếu người gấm ghé. Người ta nói cô không ưa chức quyền, chánh-trị, vì nếu cứ đi theo ngành ngoại-giao cô rất có nhiều hy-vọng được giao phó những chức-vụ quan trọng ở những cơ sở đại-diện Việt-Nam ở ngoại-quốc. Nam-Phương Hoàng-hậu có lần yêu cầu cô làm bí-thơ cho bà nhưng cô kiếm đủ lý-do để từ chối.

Cô chị, học giỏi hơn nhưng không mấy người nghe danh biết tiếng bằng cô em, Nguyễn-thị-Kim học lực chỉ có Tú-tài nhưng danh tiếng nổi như cồn dưới biệt hiệu Manh-Manh nữ-sĩ.

Trong làng báo miền Nam hồi ấy, dưới thời Pháp thuộc, sau khi **Đông Pháp thời-báo** và **Thần-Chung** chết vì bị thực-dân đốn phá, báo hằng ngày Việt-ngữ chỉ vỏn-vẹn có mấy tờ **Trung-Lập, Đuốc Nhà-Nam, Công-Luận, Lục-tỉnh Tân-văn** và một tờ tuần báo in thành tập dành riêng cho phụ-nữ là tờ **Phụ-nữ Tân-văn** của ông bà Nguyễn-Đức-Nhuận. Xin đừng lầm lẫn Ông Nguyễn-Đức-Nhuận, chủ báo **P.N.T.V.** và chủ tiệm hàng tơ lụa ở đường Catinat (Tự-do bây giờ) với Ông Nguyễn-đức-Nhuận, tự Bút-Trà, ở Sài-gòn. Tờ **Sài-gòn** lúc bấy giờ chưa ra đời).

Một điều buồn cười là tờ **P.N.T.V.** một tờ báo phụ-nữ, đăng hầu hết bài vở ký bút hiệu nữ-sĩ nọ, nữ-sĩ kia nhưng phần đông là những cây bút đực rựa như Phan-Khôi, Bùi-Thế-Mỹ, Đào-Trinh-Nhứt, J.B. Đồng, Hoàng **Tân-Dân**. Thật sự ở tòa-soạn, ngoài bà chủ nhiệm không viết mà chỉ chuyên giữ két, chỉ có một nữ-sĩ thứ thật là cô Nguyễn-Thị-Kim, bút hiệu Manh-Manh. Kể về ngòi viết phụ-nữ, cô Manh-Manh là cây viết khá cừ, chuyên về phóng-sự, phỏng vấn. Nhưng cô nổi tiếng không phải nhờ tài viết báo, mà nhờ cô là người đầu tiên đã có can-đảm đưa ra và cổ động phong trào thơ mới ở miền Nam. Tôi nói can-đảm vì thời ấy thơ cũ theo Đường-luật đang làm bá chủ khắp non sông, danh nhân cũng như độc giả đã quá quen và nhiễm âm điệu của Đường thi khiến không ai ngửi được chớ đừng nói là thưởng thức thứ thơ mới nhập cảng từ Pháp qua, lối thơ mà các nhà Nho mắng cho là không niêm, không luật, không âm vận, tự do thả cửa muốn bao nhiêu vế bao nhiêu đùi cũng được. Cô gái nhỏ hiền lành mà quá bạo, dám khiêu khích cả rừng Nho biển thánh, chọc giận các ông đồ. Cô làm thơ mới, cô đăng thơ mới, cô diễn thuyết ở Hội khuyến-học gần ga Pétrus-Ký Sài-gòn rồi ra Hà-nội diễn-thuyết ở Hội Khai-trí Tiến-đức, binh vực, cổ-động phong trào thơ mới. Cô Manh-Manh đã làm sôi nổi dư-luận và chọc giận các nhà văn nô-lệ Đường-thi, không khác nào phong trào « Tiểu-thơ đi bộ » ở đất Bắc vậy.

NHỮNG TRẬN BÚT CHIẾN SÔI NỔI TRÊN MẶT BÁO

Ở Sài-gòn, một cuộc bút chiến diễn ra đùng đùng trên mặt báo giữa hai phái thơ mới và thơ cũ do Manh-Manh nữ-sĩ gây ra. Tôi còn nhớ ông Diệp-văn-Kỳ trên báo « Công-luận » binh vực thơ cũ, đả phá thơ mới, đã đăng ở mục câu chuyện hằng ngày, một bài thơ móc lò do ông làm (nói làm thì không đúng, nói chép lại thì đúng hơn) để trêu ghẹo Manh-Manh Nguyễn-thị-Kim :

« Con chim Manh-Manh,
« đậu nhành cây chanh,
« ta vác mảnh sành,
« ta liệng nó chết dãy
« ta làm bảy mâm

« ta dọn ông ăn
« ông hỏi con chim chi
« ta đáp chim Manh-Manh
« đậu nhành cây chanh, v.v... và v.v...

Không khác bài thơ « Vân-Tiên cõng mẹ trở ra, đụng phải cột nhà cõng mẹ trở vô . . . . »

Ai thắng ai bại ?

Việc phải đến, tất đến.

Tất cả những cái gì mới mẻ ban đầu đều làm chướng tai gai mắt những người thủ cựu có thành-kiến. Tự nhiên người ta la lên, phản đối. Nhưng bánh xe tiến hoá cứ lướt tới làm người ta quen dần, quen dần những cái chướng tai gai mắt ngày hôm qua để trở thành thời-trang của hôm nay.

Trong số ký giả cựu Nho, lão tướng kỳ khôi khó tánh nhứt là Phan-Khôi, ai dè cũng đâm ra làm thơ mới gởi đăng trên tạp chí **Thần-Kinh** ở Huế, của Toà Khâm-Giao do ông Lê-thanh-Cảnh trông nom. Bài thơ mới của Phan-Khôi tôi còn nhớ mang máng như sau :

Tình già

Hai mươi mốt năm xưa
một đêm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn lờ
Trong gian nhà nhỏ
một cặp đầu xanh
kề nhau mà than thở
— : « Tình đôi ta,
« yêu nhau thì vẫn nặng
« nhưng lấy nhau hẳn là không đặng . . .

Rồi 21 năm sau, cũng hai cái đầu xanh đã bạc ấy gặp nhau trở lại, nói và làm gì nữa tôi quên mất đi rồi. Và ở đây tôi chỉ muốn nói rằng nữ-sĩ Manh-Manh đã thắng ! Cô gái nhỏ Gò-công đáng ghi là người lính tiền phong của trào thơ mới trong văn-học-sử Việt-nam.



VĂN ĐÀN GÒ-CÔNG

Trước năm 1940, một số văn-sĩ tỉnh nhà như các ông Trần-văn-Quảng, Nguyễn-duy-Dương, Dương-văn-Lời, Nguyễn-huỳnh-Mai, Nguyễn-văn-Thắng, Lê-bằng-Ý, Thái-Hoà, Quách-văn-Nghĩa, Phạm-đăng-Thà, Trần-văn-Năng, Nguyễn-khắc-Minh, Minh-Hưng, Kim-Sơn, Bà giáo Huyện, v.v... hội nhau thành lập một văn đàn lấy tên là Văn-đàn Gò-công, với mục-đích nom bạn đề cùng nhau hưởng thú văn-chương và cũng là một cách khuyến-khích, nâng đỡ văn tài nầy nở và phát triển. Những ngày rảnh rỗi, các cụ hợp nhau tại nhà ông Nguyễn-duy-Dương cùng nhau thưởng thức hương trà, ngâm thi vịnh phú, cùng nhau xướng hoạ. Các thi hữu ở quanh vùng và các tỉnh lân cận nghe tiếng rủ nhau đến giao du, trao đổi thi vận rất nên hào hứng. Thật là thú vui tao nhã của các cụ lúc thời bình. Xứ ta bao giờ mới được yên vui như thế ấy».



KHỔNG-TỬ TẾ TỰ HỘI RA ĐỜI

Ngoài « Văn-đàn Gò-công » tỉnh lại có thành lập một hội lo việc phụng thờ Đức Khổng-tử, vị Thánh sáng lập đạo Nho một nền triết học đã làm thước ngọc khuôn vàng cho bao thế hệ chẳng riêng ở Trung-quốc mà luôn cả nhiều nước ở Đông-Nam-Á.

Đã lâu đời chịu ảnh hưởng Nho-giáo, người Việt từ ngày chịu sự đô-hộ của Pháp, tuy lớp trẻ lần hồi đua đòi theo Tây học để tìm đường tiến thân hoặc để tự tạo cho mình lợi khí tranh đấu, lớp phụ huynh thấm nhiễm đạo Thánh-hiền vẫn tôn sùng vị Thánh tuy thất bại khi ra làm chánh trị (ở nước Lỗ) nhưng đã để lại cho đời một nền đạo đức thịnh hành mãi muôn đời. Tuy đời đã tiến bộ, kỹ-thuật phát triển, khoa-học văn-minh, nhưng con người vẫn cứ là con người của thuở nào, với những giác quan những tình cảm và phản ứng tự nhiên, và đạo Khổng cứ như ngọn đuốc thiêng chiếu tỏa sáng ngời để dẫn dắt loài người tiến đến một xã hội thần tiên lý tưởng khi mỗi người đều giữ đạo người quân tử, biết tu thân để tề gia, trị quốc bình thiên hạ.

Người có công sáng lập Hội phụng thờ đức Thánh Khổng là ông đốc-phủ vừa là Hội-đồng quản hạt và canh-nông Lê-Quang-Liêm, tức Bảy.

Sau thời-gian làm quận làm Đốc-phủ và Hội-đồng quản-hạt, nhờ hiền lành ngoan-ngoãn nên có lần được cử đi tham dự Đại Hội-đồng kinh-tế lý-tài (Grand conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine) là một thứ quốc hội theo kiểu thực dân làm cho ra cho có vẻ dân chủ và tôn trọng ý dân, ông Lê-Quang-Liêm lúc về trí sĩ ở Gò-công đã nghĩ tới việc lập Hội thờ đức Khổng như trong thời làm quan ông đã thấy có ở Vĩnh-long, Bình-dương, Cao-lãnh. Ông cổ-động các thân hào, thảo điều lệ, lập ban trị sự lâm thời, xin phép quan trên chấp thuận điều lệ, rồi mượn đền thờ Quốc-công Võ-Tánh ở làng thành phố, tức xã Long-thuận bây giờ, để làm trụ-sở vào năm 1942.

Vì thấy ở Gò-công có tới 2 đền thờ Quốc-công Võ-Tánh, một cái ở Gò-tre và một cái ở làng Thành phố, ông vận-động mượn được nơi sau này làm trụ-sở cho « Khổng Thánh văn-đàn ». Từ ngày có

phép xong, thân hào trong tỉnh hưởng-ứng tham dự khá đông. Ông Lê-Quang-Liêm làm chánh hội trưởng, Ông Hồ-Biểu-Chánh, hội trưởng danh dự, ông Cung-Tất-Mai, phó hội trưởng ; ông Nguyễn-Huỳnh-Mai làm Tổng-thơ-ký.

Chẳng những làm nơi tế tự đức Thánh Khổng mà thôi, nơi này cũng trở nên văn đàn cho trên 100 người thuộc đủ các thành-phần thường tới lui làm nơi hội hiệp, trao đổi văn-chương thi-phú Tiếng đồn lan rộng, bạn văn xa gần tìm đến làm quen, nhiều người làm thi gởi đến chúc tụng.

Sau đây là bài thi của một nhơn sĩ đất Gò tặng nhân ngày thành lập «Khổng Thánh văn đàn».

Nghe đồn Khổng-tước có Văn-đàn
Thi phú xa gần tiếng nổi vang
Năm Tổng Gò-công đều mến chuộng
Một nền Thánh-miếu rất nghiêm trang
Nghiên Tô bút Đỗ (1) thêu hoa gấm
Cội trước chồi lan trổ ngọc vàng
Muốn đến hầu thơ mà chỉ ngại
Ngại vì thô siển dám khoe khoang.

Hòa-nghị, 19-11-46
LÊ PHƯỚC HẬU

Văn-đàn ngày càng phát triển, khách tài hoa thường đến gặp gỡ nhau kết chặt mối tâm đồng. Đối cảnh sinh tình, ông Nguyễn-Duy-Dương cảm khái làm bài thơ sau đây diễn tả mối tình đậm đà giữa tao nhân mặc khách :

Lảng lơ ngày tháng thoát mau a !
Những tưởng anh em khắc ngọc ngà
Tri kỷ đã đành liều thác được
Chí đồng đâu dễ bận trong gia
Phân ly giữ mãi tình thân mật
Hội hiệp tăng thêm nghĩa mặn mà
Dầu thắm keo sơn càng gắn chặt.
Đường xa cho mấy dạ nào xa.

(1) *Tô-Đông-Pha và Đỗ-Phủ, hai danh-sĩ đời Thịnh-Đường.*

Hôm ấy nhơn có cụ Hồ-B.ểu-Chánh ở xa về ghé lại thăm anh em, gặp hội liền họa lại một bài :

Về gặp anh em vui dữ a !
Chén thù chén tạc uống ngà ngà
Lợi danh mặc kẻ toan đeo đuổi
Nhơn nghĩa bạn mình chớ bỏ qua
Tòng bá nhiều năm càng cứng lắm
Bạc vàng đúng tuổi dễ phai mà
Mấy lời tâm huyết còn ghi nhớ
Muốn tránh hoạ gần phải tính xa.

HỒ BIỂU CHÁNH

Lại nhơn dịp lễ Thu-đình kỷ-niệm đức Khổng-Tử, cụ Nguyễn-Duy-Dương ghi kỷ-niệm lại bằng bài thi sau :

Thánh đăng Văn Tuyên đã đến ngày
Thu đình kỷ-niệm nhớ ơn Ngài
Luân thường chỉ rõ công cao trọng
Trung hiếu, phân rành đức thẳm dày
Tế tự tôn sùng thi phú đọc
Lễ nghi tinh khiết bửa hoa bày
Gương treo rực rỡ hương đăng vọng
Chiêm ngưỡng thành tâm hiến một bài.

NGUYỄN DUY DƯƠNG

Kế tiếp, cụ Phạm-Đăng-Thà cũng mượn thi văn tỏ lòng ngưỡng mộ bậc thánh hiền :

Khẩn cầu xin chứng tấm lòng đơn
Kỷ-niệm ngày sanh đức Thánh nhơn
Hoa quả sắp chưng đồng nguyện bái
Hương đăng vọng bái thọ công ơn
Xuân-thu *ký tạo đời khen khắp*
Đại-học *di truyền sách quí hơn*
Sùng đạo tư văn giồi đức-hạnh
Cùng nhau ghi nhớ dạ đừng sờn.

PHẠM ĐĂNG THÀ

Thi văn các cụ làm ra tại văn đàn rất nhiều không kể hết ; chúng tôi chỉ trích một vài bài tượng trưng sự hoạt-động của văn-đàn mà thôi.

Người dày công với Văn-đàn nhứt là ông Lê-quang-Liêm, tự Bảy. Ông làm chánh-hội-trưởng Khổng-Tử tế-tự hội được hai năm thì mãn

phần, ông phủ Nguyễn-Văn-Hạt ra thay thế. Cụ hạt năm nay trên 80 tuổi vẫn còn khoẻ mạnh.

Một biến cố đã xảy đến cho Khổng-Thánh văn đàn. Năm 1946, 47 khi quân Pháp trở lại Gò Công với bộ đội của tướng Leclerc, chúng mượn Văn Thánh-Miếu làm nơi đóng binh, không kiêng nể gì đến nơi tôn nghiêm thờ phượng, chúng quên hẳn sự bại trận thảm não ngày hôm qua, bọn xâm lăng hống hách. Chúng ra lệnh cho người có trách nhiệm nội trong một tiếng đồng hồ phải dọn đồ đạc ra khỏi hội để nhường chỗ cho bọn ngưu đầu mã diện. Lịnh của kẻ mạnh đương thời mà ! Các cụ nhà ta phải răm rắp tuân theo, thế là cảnh đau lòng diễn ra : kẻ khiêng người vác hối hả dọn đền, khiến cụ Nguyễn văn-Thắng biệt hiệu Thiên-kim phải thốt lộ lòng căm tức trong mấy vần thơ :

Từ hai giờ đến ba giờ
Khuân gánh tưng bừng nóng tợ hơ
Văn miếu bỗng thành nơi võ trướng
Thánh đàn liền hoá chốn binh cơ
Từ rày vắng vẻ câu thi phú
Sắp đến rộn ràng tiếng « ỏn-đơ »
Chín suối thấu chăng ông đốc phủ (1)
Thánh hiền thương nỗi cảnh bơ-vơ.

THIÊN KIM

Thời thế xoay đổi, về sau bọn Pháp đã trả Văn-miếu cho nguyên chủ, nhưng dường như chúng đã làm nhơ bẩn một nơi thanh cao tôn kính nên mặc dầu trụ sở được trả lại, rồi thời gian sau lại có một số Nghĩa Quân của quân đội VN.CH. đến trụ sở ở đây để giữ an ninh trong thành phố khiến cho văn-nhân thi-sĩ không còn ai muốn ngó ngàng tới nơi đó nữa. Không ai rủ ai nhưng mọi người trong hội đồng một ý nghĩ là đạo đức thánh hiền không đánh thức được lòng nhân thế khiến cho nơi thờ phượng tín ngưỡng bị xâm phạm đến.

Từ ngày Khổng-tử tế-tự hội bị quân đội đóng hai phen, các cụ lấy làm chán nản không lui tới gì nữa. Bấy giờ các cụ có một ý-nghĩ là phải quay về với những anh-hùng dân-tộc đã chiến đấu với quân thù. Thế rồi lần hồi, tao nhân mặc khách không hẹn mà gặp nhau để trao đổi thi văn và câu chuyện tâm tình nơi một căn nhà mé sau mộ Trương-Công-Định, vị anh hùng kháng Pháp.

---

(1) Ông Đốc phủ Lê quang-Liêm, người sáng lập Khổng-Tử tế-tự hội.

VIẾNG MỘ TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Gặp các thi-gia Văn-đàn Khổng-Thánh

Nhơn dịp chúng tôi đến Gò-công sưu tập tài liệu lịch sử tỉnh này, được sự hướng dẫn của ông Lê-Văn-Cang, Ty-Trưởng Tiểu-học, đến viếng ngôi mộ người anh hùng đất Gò vào một buổi sáng ngày 10-12-1968, hân hạnh gặp được quý vị trong ban trùng tu ngôi mộ họp mặt nơi đây : cụ Nguyễn-Huỳnh-Mai, ông Nguyễn-Văn-Thắng và các vị khác. Quý cụ tiếp đãi chúng tôi với niềm hân hoan sơ ngộ và tôi được cụ thủ bổn trao cho chúng tôi xem qua quyển lưu bút ghi lại cảm tưởng của mỗi du khách đến viếng mộ. Chúng tôi giở ra xem thấy có rất nhiều thân hào nhân sĩ bốn phương có ghi địa chỉ tên họ và một số thi, lưu niệm. Trong quyển lưu bút có bài thơ của ông Thiên-kim một nhơn-sĩ tỉnh nhà nay trên 70 tuổi nói về ông Trương-Công-Định. Chúng tôi xin trích nguyên văn dưới đây :

Vịnh Ông Trương-Công-Định

Bình Tây Đại-soái tướng Trương-công
Danh tiếng anh hùng dậy núi sông
Đám lá tối trời ngăn giặc Pháp
Gò-công bạch quỉ khiếp oai ông
Ba năm kháng chiến gan dường sắt
Một phút sa cơ chí tợ đồng
Tử tiết tránh vào tay Lãnh Tấn
Coi thường cái chết nhẹ như bông.

THIÊN KIM

Cái chết liệt oanh của Trương-Công hy sinh cho tổ quốc, không chịu hàng giặc để hưởng áo mão cân đai, đến nay đã trên một thế kỷ nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi với sử xanh.

Ngày nay ngôi mộ của ngài được tu bổ khang trang, hằng ngày có người lui tới lễ bái khói hương nghi ngút.

Đồng bào dân chúng địa-phương rất tin tưởng nơi sự oai linh hiển hách của ngài hộ trì qua bao cuộc biến cố vừa qua, được sống yên lành giữa thời khói lửa đao binh, mà dân chúng Gò-công không bị thiệt hại gì nhiều, vì lẽ đó mà ngày nay ai ai cũng đều kiêng nể cho ngài là một vị thần hộ mạng của xứ Gò-công.

Những lời trên đây do các vị thân hào nhân sĩ nói lại với chúng tôi. Trên tinh-thần vô tư của nhà cầm bút chỉ nghe sao trình bày vậy, chúng tôi không hề thần thánh hoá.

HOẠT-ĐỘNG VĂN-HOÁ GIÁO-DỤC

Không hổ với tiền nhân và đàn anh của những thế hệ trước luôn luôn tỏ tinh-thần hiếu học, lòng yêu chuộng văn-chương nghệ-thuật, sốt sắng góp công tô bồi văn-hoá nước non nhà, các thế hệ trẻ của Gò-công mặc dầu trải qua lắm biến thiên lịch-sử, vẫn bền lòng tiếp nối công trình của người xưa. Gò-công, một tỉnh nhỏ ở miền Nam vẫn có thể tự hào với hai nhà in và xuất bản.

Vào khoảng từ năm 1921 đến 1930, một phụ nữ là bà **Phạm-thị-Bạch-Vân** sáng lập nhà in và xuất bản **Nữ-lưu Thư quán.**

Lập nhà in, chẳng phải chỉ để sanh phương với nghề ấn loát, in thiệp, giấy tờ các công sở và nhãn hiệu hàng hoá các tiệm buôn để lấy tiền, mà người chủ « **Nữ lưu thư quán** » quả có nhiệt tâm muốn tô bồi nền văn-học, mở mang kiến thức đồng bào ở tỉnh nhà nên đã chú tâm vào việc xuất bản những sách hay và hữu ích cho công việc tìm hiểu để mở rộng tầm kiến thức. Bà **Phạm-thị Bạch-Vân** không nệ tốn hao mướn những văn nhân cựu học và tân học phiên dịch cho « **Nữ lưu thư quán** » xuất bản những tác phẩm hữu danh của Trung-Hoa và Pháp quốc. Chính nhà xuất bản nhỏ bé này đã cống hiến cho độc giả tỉnh nhà và luôn cả toàn quốc những bộ truyện hay như **Nữ tài tử, Tây sương ký, Truyền kỳ mạn lục, Kim Vân Kiều, Chinh phụ ngâm, Vân Tiên truyện.** Những tiểu thuyết đặc sắc đã say mê nhiều thế hệ Tây phương của những tác giả như Victor-Hugo, René Balzac, Anatole France, Alexandre Dumas, Alexandre Dumas Fils v.v...

Không lẽ thua sút bên phái yếu, phía « mày râu » có ông **Vĩnh-Tường,** trước làm y-tá nhưng cũng ưa thích nghiệp văn, đã đem tất cả tiền dành dụm ra mua máy chữ, mướn thợ lập nhà in và xuất bản « *Chiêu anh thư quán* » để tạo thêm những viên gạch xây-dựng ngôi nhà văn-học Việt-Nam, khuyến khích việc phiên dịch tác-phẩm ngoại quốc, nâng đỡ những mầm non chớm nở.

Ở Gò-công, ngay từ thuở nước nhà còn bị thực dân dùng chánh sách ngu dân để trị, một hội Khuyến học đã ra đời, đồng bào sẵn sàng nhịn ăn mặc đóng góp cho trẻ em và thanh niên có khả năng, dẫu nhà nghèo cũng tiếp tục được việc học đến nơi đến chốn để sau này phụng sự tổ-quốc.

Hiện nay, ngoài các trường công ra, ở Gò-công đã có thêm những trường bán công và tư thục, cho học sinh có thể học hết bậc Trung-học mà khỏi phải rời tỉnh nhà.

NHÓM THƠ HAI MƯƠI RA ĐỜI

Một nhóm bạn trẻ ở Gò-công không nhường các ông già trong «Gò-công văn-đàn» và «Khổng Thánh văn-đàn», đã tiếp tay cầm ngọn đuốc thiêng, hiệp nhau lập thành «Nhóm hai mươi» đã nêu tên tuổi với nhiều bài thơ nói lên được tình quê hương. Từ chốn bùn lầy nước đọng xa xôi, các cô thôn nữ ngây thơ duyên dáng, các bà mẹ hiền, thật thà chất phác ru con.

Những nông sản đặc biệt của tỉnh nhà được mô-tả qua những vần thơ dưới đây :

GÒ-CÔNG YÊU MẾN !

Vì đem Quê Hương tôi vào lòng
Vì Quê Hương tôi là Gò-công
Vì Quê Hương tôi là đất Việt
Đất nước tôi đau khổ chất chồng
Tôi đem Quê Hương tôi vào lòng
Vì Quê Hương tôi còn dòng sông
Mang phù sa lên từng luống đất
Dù đất nghèo nhưng luôn đơm bông
Quê Hương tôi xanh màu An-hoà
Biển Tân-thành dâng cao lời ca
Hương Xơ Ri ngát vùng cầu Đúc
Vĩnh-hựu dừa buông xoả tóc ngà
Quê Hương tôi có bà mẹ hiền
Có đàn em thơ tươi triền miên
Có bà Mẹ quê ngồi cho con bú
Có nàng nữ sinh cười thật duyên
Tôi đem Quê Hương tôi vào lòng
Em Gò-công ơi ! Em Gò-công !
Ta bỏ đời ta, ta chẳng tiếc
Chỉ tiếc em binh lửa ngập lòng.

Nhóm thơ hai mươi thành lập ngày 1-11-1964 gồm những nhà văn, nhà thơ tỉnh nhà đang phục vụ trong các ngành, các bạn đã hăng say tích cực sáng tác nhiều văn, thơ có giá trị, mang màu sắc dân tộc đăng tải trên các báo gây được nhiều cảm tình với đọc giả bốn phương. Về mặt báo chí người Gò-công hiện đại đứng chủ trương hai tờ nhựt báo lớn ở thủ đô, tờ Cấp-tiến do giáo-sư Nguyễn-văn-Bông giám đốc chính trị, tờ Dân-tộc của Lý-quý-Chung, Nguyệt san Đồng-Nai văn tập của giáo sư Nguyễn-văn-Y, những tờ báo trên đây đều là người Gò-công tất cả.

Thật ra Gò-công từ xưa tới nay đã đóng góp rất nhiều cho nền văn học nước nhà đáng kể, xứng đáng là dân của xứ «Địa linh nhân kiệt».

VĂN-CHƯƠNG BÌNH-DÂN

Những câu hò câu hát địa phương.

Văn nhân học giả Gò-công lập Văn-đàn Khổng-hội để rèn luyện văn chương trau dồi ngọn bút, sáng tác và ngâm vịnh thi văn làm thú tiêu khiển vừa để bộc lộ tâm tình. Người bình dân Gò-công không đủ học lực văn tài để nhả ngọc phun châu, nhưng cũng ôm ấp một tâm hồn thơ mộng bộc lộ một cách ngây thơ qua những lời ru con, câu hò câu hát xuất phát tại địa phương.

Tiếng dây nôi kêu kẽo kẹt, giữa đêm khuya một giọng thanh-tao của thiếu nữ cất lên trong trẻo :

Ù ơ . . . Lấy chồng đừng lấy chồng xa
mai sau cha yếu mẹ già
bát cơm ai đỡ, bệ kỷ trà ai dưng ?

Ù ơ . . . Mẹ mong gả thiếp về vườn
ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh
Thương anh cũng muốn theo anh
ngặt cha với mẹ không đành thời sao . . .

Ù ơ . . . Chuồn chuồn bay thấp, mưa ngập ruộng vườn
nghe lời nói lại càng thương
thương em anh muốn lập vườn, cưới em.

Những lời mộc mạc đơn sơ không cao xa bóng bẩy nhưng bộc lộ được chân tình của những người dân quê Việt-Nam với đời sống đơn giản ít nhu cầu, một tô canh bầu bí cũng xong, nhưng bao giờ cũng quyến luyến lũy tre xanh và sống trong vòng lễ nghi đạo đức. Dân tộc hiền lành này còn muốn gì hơn là được sống yên, nhưng thế giới gọi là văn minh đâu có để cho người ta được yên sống ! Hết xâm lăng này tới xâm lăng khác, hết ngoại xâm lại đến nội chiến cốt nhục tương tàn. Cảnh sống thanh bình ở thôn quê với những mối tình thơ mộng có bao giờ trở lại !

Còn đâu những cảnh tấp nập trên đồng ruộng bao la những ngày có vụ cày cấy hay gặt hái. Dân quê ta cần lao và biết tìm thích thú trong cần lao, vừa làm việc vừa hát vừa hò, vừa trao đổi tâm tình hay trêu ghẹo, và do đó mà kết thành những cuộc tình duyên thơ mộng.

— *Hò ơ . . . Thương em thương dại, đừng ngại tâm tình*
phòng loan anh dọn sạch đâu để cho mình đạp gai . . .

— *Hò ơ . . . Phải chi em đặng ở gần*
đêm khuya anh hái táo bẻ bần kính dưng.

— *Hò ơ . . . Sợ đó em không ưng chớ đó em ưng đây anh mừng biết mấy.*

bởi anh thấy thương rồi cha mẹ thấy cũng thương.

— *Hò ơ... Dần Thận Tỵ Hợi tứ hành xung.*
Xin anh thử xét lại cùng
Hợp hôn giá thú em sợ trùng không nên

— *Hò ơ... Cọp mà vật mấy ông thầy địa,*
Voi mà dày mấy lão coi ngày,
Trớ trêu họ khéo đặt bày ?
Đôi ta thương nhau thiệt lý nào trời không định đôi

— *Hò ơ... Trước em xin hỏi thăm chàng*
Vậy chớ cao đàn còn sức khoẻ, đơm được mấy nhành, lan huệ mấy bông...

— *Hò ơ... Đây anh phân lại em tường,*
Bởi cao đường còn già yếu, anh chỉ có đôi bạn rồi, nhưng còn thiếu chữ trung.

— *Hò ơ... Anh đi thuyền gạo Gò-công,*
Anh về Bao ngược bị giông rách buồm,
Rách buồm nước chảy có cuồn,
Anh đi về đó dựng buồm chạy luôn.

Ghi làm sao hết những tiếng hò câu hát của bao nhiêu thế hệ thanh niên thiếu nữ miền quê ở tỉnh Gò đã gởi tâm tình theo mây gió.

Bởi thế cho nên chúng tôi sưu tầm một ít câu hò câu hát trên đây để nhắc lại đời sống và tâm tình của đồng bào chốn thôn quê, vì ở đây, ta mới thấy rõ những tính tình chất phác, những đức tính cố hữu của giống nòi.

Dân ta ngày trước sống dưới chế độ quân chủ nặng óc thành kiến nên thốt ra những câu dưới đây ; nhưng ngày nay, dưới chế độ dân chủ hai câu này không còn hợp nữa.

Con vua thì đặng làm vua
Con sãi ở chùa thì quét lá da

Mặc dầu ca dao Việt-Nam chuyên tả tình cảnh, song ca-dao còn là tiếng nói của các hạng bình dân, nó là sản phẩm của đồng ruộng, của làng mạc sau lũy tre xanh, nên nó phản ảnh cả phong tục tập quán của dân quê ta vậy.

Trong cuốn sách này không chuyên sưu khảo một mục thi văn, chúng tôi chỉ ghi chép lại một vài câu để nhớ, để thương, để tiếc nuối một thời kỳ không bao giờ trở lại.

BÃI BIỂN TÂN-THÀNH

NƠI QUYẾN RŨ TAO NHÂN MẶC KHÁCH

Địa phương nào cũng có một vài thắng cảnh nên thơ, không nhiều thì ít, tuy nhiên không xinh lịch bằng các nơi danh thắng khác, mỗi chỗ đều có sự đặc biệt của nó, gợi lên những màu sắc thiên-nhiên, quyến rũ.

Nào là đồi cao núi thẳm, sông dài bể rộng bao la, vườn ruộng giăng giăng xanh mướt, cảnh vật ấy dành cho những ai có tâm hồn biết hoà mình thưởng thức.

Nói đến Gò-công, là một tỉnh đồng chua nước mặn, cách thủ-đô Sài-gòn 60 cây số, nơi đây có một bãi biển tên là Tân-thành, khách nhàn du các tỉnh lân cận : Định-tường, Long-an và cả dân thủ-đô cũng thường tới lui trong lúc thanh bình.

Một hôm tôi cùng với các người bạn có dịp xuống viếng bãi biển Tân-thành vào một ngày rảnh rỗi, từ chợ Gò-công tới biển 14 cây số ngàn, đi bằng loại xe Lambretta mỗi người 40$, đường đi gồ-ghề chỗ lồi chỗ lõm, tới nơi, chúng tôi xuống xe bách bộ đi vòng theo bãi biển quan sát cảnh vật ở đây ; đăm mắt ra đại-dương nhìn thủy triều cuồn cuộn muôn trùng, gió lộng từng cơn hoà với tiếng sóng tạt vào rú lên những tiếng hồn thiêng của sông núi, như khóc cho tang thương biến đổi, xa xa một dãy núi mờ xanh nằm hiện ra trên mặt bể, đó là dãy núi lớn ở Ô Cấp, cảnh trí gợi lên làm say lòng du khách, ngắm lâu càng thấy tâm hồn lâng lâng thích thú, như trút hết nỗi lòng . . .

Trăng nước gió mây cây rũ bóng
Tân-thành cảnh đẹp như mơ.

Hướng lên trên đất liền một bãi cát vàng lóng lánh bằng thẳng dài trên 10 cây số uốn mình theo một giòng sông lớn thênh thang chạy qua đèn đỏ, những ngày chúa nhựt, ngày lễ các loại xe gắn máy ở tỉnh đổ xô xuống đua nhau biểu diễn, một vài cặp nhân tình mượn nơi đây làm chỗ hẹn hò, cắp tay nhau tâm sự các quán có bày ra bán các thức ăn đồ hải sản, tôm, cua, sò, ốc, lave nước ngọt v.v... du khách mặc tình ăn uống vui chơi lảng quên đi những ngày mệt nhọc.

Biển Tân-thành trước kia trải qua bao mùa chinh chiến khói lửa

bao trùng gây nhiều tang tóc, nép mình trong cảnh vắng lạnh không bóng người lai vãng, ngày nay trở nên nhộn nhịp càng thêm khởi sắc, ngắm cảnh quanh mình làm cho tôi rung cảm dệt lên những vần thơ lưu niệm . . .

HOÀI CẢM

Lố xố nhàn du rộn khách đời,
Tân-Thành bể đẹp lắm ai ơi,
Rì rào gió thổi bờ lao chuyển,
Lồ đồ trăng soi mặt sáng ngời,
Nhân-sự lắm lần người việc đổi,
Giang-sơn bao thuở núi sông dời,
Nước kia gội rửa bao sầu khổ,
Lố xố nhàn du rộn khách đời.



TRÔNG RA BÃI BỂ

Trông ra bãi cát Tân-thành,
Cỏ cây đua mọc khoe công với đời.
Bóng che được mát du-nhân,
Lại làm chủ đích người xa trông vào :
Ngoài mặt bể ngó mênh-mông,
Thuyền tàu nhấp nhoáng nước êm như tờ ;
Chân trời xem đẹp nên thơ,
Ngóng xa rặng núi xanh mơ Vũng-tàu. **(Cấp)**
Lòng ta ao ước làm sao !
Sớm cho tao loạn được mau thái-bình,

PHONG TỤC TẬP QUÁN VÀ TÔN GIÁO

Phần đông đồng bào Gò-công theo đạo Phật, Thiên Chúa giáo, Tịnh độ cư sĩ, Tin Lành, đạo Hiếu nghĩa, Du tăng Khất sĩ, Thông-thiên học v.v..

Dù vậy, đồng bào đều tôn trọng tín ngưỡng của nhau, không hay chỉ trích tôn giáo này tôn giáo khác. Ai theo tôn giáo nào tùy ý, nhưng vẫn kính nể tôn giáo của người bạn láng giềng.

Về phong tục tập quán, người Gò-công cũng giống nhơn dân các tỉnh khác ở miền Nam : thờ cúng tổ-tiên, tôn sùng Thần linh, chiêm bái Phật Trời.

Vào những ngày lễ, đồng bào thường tựu họp ở các chùa, chiền nhà Thờ, Thánh thất để cúng kiến lễ bái.

Về phong tục ở đây còn duy trì một ngày giỗ hội là ngày 16 tháng 3 nhà nhà đều cúng số người tử nạn năm Giáp Thìn 1904, ngày ấy là ngày thiên tai của tỉnh nầy. nghèo giàu gì cũng đều cùng chung một bửa để tưởng niệm thân nhân xấu số tục gọi là giỗ hội.



SẢN PHẨM GÒ-CÔNG

Tỉnh Gò-công có mấy sản phẩm nổi tiếng toàn quốc là các thứ mắm tôm, cào-cuống và tôm khô (thứ tôm khô đặc biệt).

Các thứ mắm tôm (đỏ) :

a) Mắm tôm chà .— Là thứ mắm đặc biệt làm bằng tôm đất mùa có nhiều gạch son. Tôm đất ruộng chưa đẻ, người ta bắt về cắt đầu cắt đuôi, cho ngâm rượu trắng, bỏ vào cối quết dập, thêm vào gia vị muối và nhiều ớt. Xong người ta đề lớp tôm quết nát ấy vào một rổ cảu dày (hay rổ sắt quay thực phẩm) chà cho thịt tôm chảy xuống như bột lỏng. Đoạn bỏ vỏ, lấy bột tôm để trên mâm, dĩa bàn hay trên ván lót ni-lông đem phơi nắng cho khô đặc lại.

Xong rồi, người ta vô ve lúc nước ròng để dành ăn và bán. Sài-gòn — Lục-tỉnh đều thích ăn mắm tôm chà Gò-công. Mỗi năm có 3, 4 bà chuyên môn làm mắm chà để gởi lên Sài-gòn bán năm mười ngàn hủ, mỗi hủ lối 250 gờ-ram.

b) **Mắm tôm (mắm chua nguyên con)**.— Lựa tôm đất nhỏ con cho ngâm rượu cắt đầu để đuôi. Để vào nước mắm nấu nước đường và hàn the cho ngập ; gài trong hủ dưới lá chùm ruột và mía, để chừng trên mười hôm mắm chua ăn được. Ngoài mắm tôm nguyên người ta còn trộn đu đủ xắt nhỏ và riềng để ăn với rau sống và thịt ba rọi, mắm nầy được nổi tiếng xưa nay trên đất Gò-công như mắm ruốc ở Vũng-tàu vậy.

Cà cuống.— Con cà cuống hình giống như con cào-cào lớn, mình dẹp, bụng dẹp, miệng có vòi lớn, bụng có chứa nước cay thơm ngon. Mỗi năm đầu mùa mưa (1). trời mưa xuống là cà cuống chui dưới rơm và mô lúa để kiếm ăn và sanh đẻ Phải bắt được con cà cuống chưa đẻ, đem về chiên hay rim nước mắm để dành. Mỗi khi

muốn ăn bằm một vài con để vào nước mắm nhay mắm dọn lên bàn. Nhiều người kén ăn mắm kho phải có cà cuống bán mùi mắm mới chịu ăn.

Còn một cách nữa để lấy nước cay của cà cuống để vào chai nhỏ. Cáeh lấy : chích bọc nước cay dưới bụng con cà cuống, nặn nước cay vào chai nhỏ như chai dầu Nhị-thiên-đường hay Song-thập. Phải nặn 15 con cà cuống tốt mới đầy một chai. Chai nước này để dành ăn lâu cả năm. Mỗi lần ăn nhều ra ít giọt hay lấy cây tăm chấm vào lấy nước cà cuống ra mà ăn.

Cách lấy nước cà cuống cũng khó khăn, nhiều người giữ kín cách lấy nước cay cà cuống làm bí mật nghề nghiệp để làm ra bán được nhiều lời. Trời sa mưa giông thì có cà cuống đáp xuống nhiều nhứt ở Gò-tre và Giồng-nâu.

Tôm khô.— Tôm khô Gò-công cao giá hơn tôm khô các tỉnh vì nó ngon hơn, nhứt là tôm đất tốt có gạch phơi khô. Tôm khô biển thì cũng như của các tỉnh khác.

Cách làm : Tôm nguyên con đem luộc, không có muối. Trải ra phơi tốt nắng cho võ tôm dòn, xong bỏ vào bao vả dày đập vào vật cứng cho vỏ tôm bể nát. Trút ra sàng sảy cho bay vỏ. Tôm khô có gạch thịt dẻ và lạt rất ngon.



NGHỆ THUẬT VÀ TIỂU CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH GÒ

I.— Nghệ thuật đánh cờ tướng :

Đã sản xuất lắm tao nhơn mặc khách, tỉnh Gò-công lẽ cố nhiên cũng là nơi qui tựu khách tài hoa « thi họa cầm kỳ ».

Về môn cờ tướng ở Gò-công xưa nay thường có nhiều người chọn lấy làm thú « giết thời giờ ». Thỉnh thoảng trong các cuộc thi đua xuất hiện vài tay cờ cao, nhưng xuất sắc nhứt là giáo Bố, người Gò-công, đã tỏ ra một tay cờ vô địch chẳng những nội miền Nam mà toàn cõi Đông-dương, danh vang tận Hồng-kông, Thượng-hải. Một vài tay danh kỳ Trung-quốc nghe danh đã tìm đến cùng giáo Bố thử tài. Phải nhìn nhận giáo Bố là một tay cờ quốc tế hữu hạng, một thiên tài cờ tướng khó kiếm trong nhiều thế hệ. Nhưng bực kỳ tài dường như thường đoãn mệnh, giáo Bố cũng theo thông lệ ấy mà chết trẻ.

Còn nhớ lại năm nào, nhơn khánh thành chợ Bình-luông-đông, Gò-công, nhà cầm quyền có tổ chức một cuộc đánh cờ người (dùng người thiệt mang áo mão làm quân cờ sắp trên một sân rộng làm bàn cờ cho hai đối thủ chỉ huy như hai tướng lãnh) xem rất vui và ngoạn mục,

Ở Gò-công lúc sau này có nhiều người chơi cờ quân đội gần giống như cờ lục quân của Tàu nhưng thật khó có thứ cờ nào khoa học hơn cờ tướng cũ.

Những danh cầm :

Gò-công cũng là xứ sản xuất nhiều tay đàn xuất sắc.

Thuở Bà Từ-Dũ còn sanh tiền, các xã thường hay tổ chức những ban nhạc gởi ra triều Huế trổ tài hòa tấu cho bà thưởng thức.

Ban nhạc ông Thiên-Trứ (Ông ngoại cô ba Hậu Trần-Thị-Ba), và các tay đàn tranh, cò, kìm (nguyệt), đoản đã nhiều phen ra trình tấu ở triều Huế. Họ được cho mang những thẻ bài đề nhập xuất thành nội.

Ông Thiên-Trứ đờn đủ mười cây, nhưng xuất sắc nhứt cây đờn đoản là thứ đờn lóc chóc khó « mùi » nhứt.

Lúc Viện quốc gia Âm nhạc ở Sàigòn mới thành lập, nhiều tay đờn cò ở Gò-công đã đến truyền lại cho đàn em ngón đàn điêu luyện của mình : như cò Giáp, cò Vững.

TIỂU CÔNG-NGHỆ GÒ-CÔNG

Nghề đóng ghe hầu và bàn tủ cẩn.

Là xứ sống gần sông rạch, ngày xưa đường bộ chưa được mở mang, sự giao thông của dân chúng phần lớn bằng đường thủy, vì vậy công nghệ đóng ghe thuyền ở tỉnh này phát đạt và khá tinh xảo.

Ngoài những ghe thuyền thường thấy, xứ Gò được nổi tiếng về nghề đóng ghe hầu, thứ ghe ngày xưa chuyên để các quan chức, cai-tổng, hương-chức dùng đi việc quan.

Khác những ghe thường, ghe hầu được đóng có vẻ đẹp đẽ sang trọng hơn : sơn son thếp vàng, đầu rồng đuôi phụng, trước mũi hai chèo, sau lái 2 chèo, mui ghe lộng lẫy, bên trong trang trí rất đẹp như một phòng khách ở trên nhà, nào chiếc bông nẹp điều, gối dựa vải màu sặc sỡ, đồ lỗ-bộ, ống điếu bình, văn án thấp, v.v... ban đầu chỉ có quan nhơn chức việc mới đi loại ghe này, về sau các nhà giàu có dư-dã cũng đua nhau sắm ghe hầu, như kiểu đời Citroen con-cóc sắm Dodge hay Mercédès đi cho oai ! Nhờ vậy mà công nghệ đóng ghe hầu tấn phát, những kiểu ghe mới do xưởng ở Cầu huyện (cách thị-xã Gò-công không quá ngàn thước) chế tạo càng ngày càng xinh đẹp.

Với phong trào tiến bộ, xe hơi ca nốt, ghe máy thay thế việc giao thông, những ghe hầu ít còn ai đặt đóng nữa. Không có khách hàng, công nghệ này phải dẹp bỏ chăng ? Không, đồng bào ta trong việc làm ăn cũng biết xoay trở lắm. Không ai đặt ghe hầu lớn làm phương tiện di chuyển nữa, đồng bào vùng này trở qua đóng những ghe hầu cỡ nhỏ, bề dài chừng một thước, bề ngang chừng 5 tấc là nhiều nhưng cũng đủ bộ phận và đồ trang trí y như ghe lớn, để bán cho du khách trong và ngoài nước mua về chưng chơi, hay để làm kỷ vật. Những ghe hầu «bỏ túi» của tỉnh Gò rất mỹ thuật. Tại phòng khách nhiều nhà khá giả và biết chơi ở Sài-gòn — Gia-định ta từng thấy để chưng kiểu ghe này.

Về phương diện mỹ-thuật, tỉnh Gò cũng có thể tự hào đã đào-

tạo những tay thợ khéo sản xuất những tủ, bàn ghế dựa và trường kỷ chạm trổ và cần xa cừ rất đẹp, đã được công chúng tấm tắc khen ngợi trong những hội chợ triển lãm.

Trong kế hoạch phát triển công kỹ nghệ Việt-Nam, không rõ nhà cầm quyền có lưu tâm giúp đỡ để bảo tồn và canh tân những tiểu công nghệ đã bao đời nuôi sống dân trong xứ chăng ?

Nghề thêu dép cườm :

Phụ nữ Việt-Nam thời tiền chiến, ở các tỉnh, nếu có đôi giày cườm để mang trong các dịp có tiệc tùng lễ cưới hỏi hay đi cúng đình cúng miễu là hãnh diện và sang cả lắm. Đó là những đôi dép da trên mặt có thêu bằng cườm tròn cườm ống nhỏ li-ti nhiều màu sáng chói. Mặt này thường là miếng nhung đen hoặc màu xanh, hường, vàng lợt, được ráp cườm thêu ra hoa bướm, cảnh vật. Mặt cườm của dép che bít ngón chân như giày hạ chứ không có quai.

Với thời tiến, chị em nhà theo đòi những « mốt » mới của Âu-Tây, giày cườm không còn mấy ai đi nữa ngoài các bà cụ xưa ở vườn. Nghề thêu giày dép cườm vì thế không còn nữa.

Nghề chạm trổ và các nghề linh tinh :

Ở Gò-công trước có nhiều tay thợ chạm trổ bàn ghế, kèo cột, điềm nhà khéo léo không thua gì ở Trung-Bắc.

Cũng có những thợ hồ đắp hình nổi trên vách, cột nhà cửa đình chùa, nhiều tay nổi tiếng được rước đi các tỉnh miền Tây và cao-nguyên để giúp kiến-trúc những đình chùa, lăng miếu, đền đài kỷ niệm.

Tỉnh Gò-công cũng có những tay thợ mã khéo léo, thợ chưng cảnh đám cưới tiệc tùng hay cúng tế : dùng lá cây, bẹ dừa, bè chuối, trái cây, hàng vải tạo nên những khung cảnh hùng vĩ, tôn nghiêm, những cỗ bàn mỹ thuật rất ngoạn mục.

Thợ đóng tủ thờ :

Một nghề đặc biệt : ở xóm Non có một ông thợ đóng tủ thờ nổi tiếng. Tủ gõ, lại thêm chuỗi cột, trụ, tô bằng mun. Mỗi cột có 3 trụ rồi tô nền. Mặt uốn cong. Tủ đóng khéo đắt giá, không có tỉnh nào làm tương tợ.

Thợ đúc :

Ở Gò-công cũng có thợ đúc đồ thường dùng như trụ cột, ống cống, dalles, đúc mồ mã, mộ bia bằng đá mài, mặt bàn, ghế, băng và cả tủ cũng bằng granito.

Làm bánh đấu xảo : Tỉnh Gò-công ngày trước thường hay tổ chức những cuộc đấu xảo bánh mứt.

Giống như các bà các cô ngoài Bắc vào thời-đại hoàng-kim (âge-d'or) mà dân ta còn bình an và nhàn rỗi, thường có một thú tiêu-khiển nhưng cũng là một cách khoe tài khéo léo của phụ-nữ con nhà giàu, là làm bánh mứt, món ngon vật lạ, dọn cỗ chưng bàn trong những dịp hội hè đình đám.

Phụ-nữ con nhà khá giả ở tỉnh Gò cũng thế. Với sự khuyến-khích của bà ngoại và mẹ, các cô từ nhỏ đã bắt đầu học làm các thứ bánh mứt chẳng những ăn ngon mà chưng bày rất mỹ-thuật. Trong cuộc đấu xảo gia-đình nào thắng giải là một vinh dự lớn vô cùng, và những cô gái nhà ấy rất được các nhà có con trai lưu ý rấp ranh, những ước mong rước cô gái khéo ấy về làm dâu.

Đó cũng là một điều hay. Nhờ tục lệ này mà đa số phụ nữ Gò-công biết làm nhiều thứ bánh mứt, và những công thức (recettes) nhiều thứ bánh ngon được truyền từ đời này sang đời khác.

Chỉ tiếc rằng các cô các bà chỉ làm để khoe khôn khoe khéo, và để «chinh phục» bao tử của chồng con, không ai nghĩ đến chuyện hiệp nhau kỹ-nghệ-hoá nghề làm bánh để tranh thương với ngoại-kiều.

Đời sống ngày nay máy móc, vội vã, chật vật hơn xưa biết bao nhiêu ! Không còn là lúc nhàn rỗi và dư dả tiền bạc để khoe khéo hoa tay nữa, mà tất cả phải hướng về cuộc tranh đấu để sanh tồn và phát triển.

Những cái khéo của ngày xưa không nên để mất, chị em nên hiệp nhau góp nhặt kiến thức và kinh nghiệm về việc làm các thứ bánh, viết ra thành sách để lại cho đời. Nhưng theo chúng tôi biết thì trong đời sống đấu tranh hiện tại, các đấng phu quân muốn có người vợ biết kho hột vịt ngon lành ăn chắc bụng hơn là bánh long lân qui phụng.

PHẦN THỨ SÁU

— Gò-công qua các cuộc thăng trầm thay đổi

— Gò-công sinh-hoạt các ngành

— Gò-công trên đà phục hưng và kiến thiết

— Gò-công qua các nhân-vật hiện đại

VẺ MẶT CHÂU THÀNH GÒ-CÔNG XƯA VÀ NAY QUA CÁC CUỘC THĂNG TRẦM

— Những thay đổi của thành phố qua các thời đại.

— Nước và điện vẫn còn là hai vấn đề thắc mắc của dân.

Một du khách chưa bao giờ đặt chân đến xứ Gò, lần thứ nhứt bước đến đây ắt không có cảm tưởng gì khác lạ hơn những lần thăm viếng các tỉnh khác ở Hậu-giang. Nhưng một người dân Gò-công, hay một người bạn thân thiết của xứ này, sau nhiều năm lưu lạc tha phương trở về nhìn lại vẻ mặt của tỉnh nhà, không khỏi ngùi ngùi ngổn ngang trăm mối bên lòng trước hình ảnh những cuộc biến thiên, sao dời vật đổi.

Gò-công ngày nay với ngày xưa có khác, theo thời biến chuyển. Vẻ mặt thân yêu nay cũng khác xưa nhiều. Người du khách đa cảm đa-tình dừng chân tự hỏi nên buồn cuộc bể dâu hay nên mừng đời tiến bộ ?



Bắc cầu nổi Mỹ-lợi ; du khách từ Saigon xuống Gò-công đều đi ngang qua cầu nầy

CẦU TÀU GÒ-CÔNG :

Bến tàu ngày xưa nay hãy còn trơ mặt đó, nhưng đâu còn cảnh phồn-hoa náo nhiệt ngày xưa ? Cây cầu gỗ dựa bờ sông bên đường Gia-Long nối dài, ngày xưa tôi cùng bạn tác đã đặt chân lên biết mấy lần ? Từ Sài-gòn đáp xuống, từ Gò-công trôi lên, sau một đêm đờn ca xướng hát dưới tàu chúng tôi đáp bến này trong giây lát ăn điểm tâm, mua hàng-hoá. Vào thời mà sự giao-thông đường bộ chưa phát-triển, đường hàng không còn ở trong tưởng tượng của những tiểu-thuyết gia tiền phong như Jules Verne, G.Wells, việc giao-thông giữa Sài-gòn — Lục-tỉnh bằng xà-lúp rất thịnh-hành. Các tàu Sài-gòn — Gò-công thường đậu tại cầu này hành khách người lên kẻ xuống tấp nập đêm ngày, bạn hàng chuyên chở hóa vật rộn rịp tranh thương, những kẻ bán hàng rong, xe mì mời mọc hành khách xuôi ngược trên đường, tiếng «lắc cắc cụp» của chú tửng gỏ hai miếng tre bông cầm trên tay còn văng vẳng. Sự hoạt-động kinh-tế luôn luôn náo nhiệt. Những khách nhàn du cõi lòng trống trải, cũng tìm đến cầu tàu ăn uống ngồi xem thế sự cho khuây bớt nỗi buồn phiền. Người trai trẻ đến cầu tàu cầu may gặp một tâm hồn bạn cũng cô-độc như mình để rủ cuộc phiêu lưu. Người tuổi tác đến hứng gió và nhìn những cảnh hợp tan, tan hợp để tự tìm một triết lý.

Từ năm 1910 cầu tàu cũ bị bỏ đi không xử dụng nữa, dời vô bến mới, sau chợ Gò-công tiện lợi cho việc chuyên chở, dễ bề mua bán.

Nhưng cầu tàu này một thời gian sau phải chịu luật đào thải của đời tiến bộ, nhường lại cho các xe đò và xe vận tải chạy đường bộ từ Gò-công lên thủ-đô Sài-gòn, đi ngõ cầu nổi 58 cây số mất 2 tiếng đồng hồ.

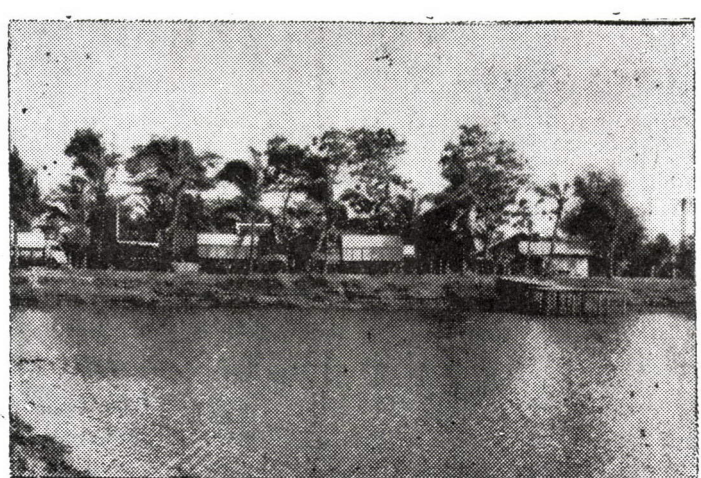
AO TRƯỜNG ĐUA :

Người Pháp mặc dầu đã làm cách mạng dân chủ trước nhứt thế giới, nhưng chánh sách thực-dân họ còn áp dụng kế hoạch phong kiến vua chúa họ ngày xưa như Henri IV, Louis XIV... Thay vì lo cho dân được no ấm, họ tổ chức hát xiệc trò chơi cho dân chúng ham vui mà quên đói và quên hận thù.

Đến chiếm Gò-công không bao lâu, người Pháp lo lập một trường đua để tổ chức những cuộc đua ngựa vào những ngày lễ lớn, vui mừng của họ như 14 Juillet kỷ-niệm cách-mạng thành-công phá ngục Bastille. Lễ này không hiểu vì sao người Việt mình lại gọi là lễ «chánh chung» một điều buồn cười : Thời xưa vào dịp lễ này thực dân dễ dãi với dân chúng và những kẻ phạm pháp đôi chút, nên mấy tay chơi bời thường nói : Cách-to-ru-dết đánh chết không tội.

Nói là trường đua cho oai chớ thật sự chỉ là một bờ đất chạy vòng tròn, chu-vi độ 3.000 thước, bề rộng 5 thước. Giáp đường Tổng Thứ họ có dựng một khán-đài cho quan khách ngồi xem ngựa đua.

Trường đua đã theo thời gian và sự tàn tạ của thực dân chủ-nghĩa mà bị đào-thải. Nhưng chính giữa vòng đua, không rõ một bộ óc thiết thực nào đã cho đào một cái ao hình vuông mỗi phía dài 100 thước để chứa nước mưa cho dân chúng trong vùng xử dụng. Điều nên nói là ở Gò-công, xứ đồng chua nước mặn, nước uống là một vấn đề quan hệ thiết yếu cho đời sống của đồng bào Quí nước yêu nước ở xứ này mới thật là rõ rệt về cả hai mặt nghĩa đen và bóng.



Ao Trường Đua
Nơi chứa nước ngọt cho dân chúng dùng

Ao này được đồng bào trong tỉnh đặt tên là « Ao trường đua », từ 60 năm nay không lúc nào cạn nước. Đôi năm nhà cầm quyền trong tỉnh muốn vét ao cho sạch, phải dùng bôm rút nước ra ngoài. Những lần như vậy là một dịp cho dân làng bắt được nhiều cá, thường là cá lớn cỡ 5, 7 ký.

Chiến tranh ! Khói lửa ! Đời sống ở thôn quê bất ổn, đồng bào đua nhau về tỉnh thành. Dân số ở ngoại ô càng ngày càng đông. « Ao trường đua » không còn đủ sức cung cấp cho người tiêu thụ. Nạn thiếu nước cũng khổ như nạn mất nước. Trước nạn thiếu nước của đồng bào ở thành hết sức là chật vật, đầu mùa nắng từ tháng 10 trở đi người ta đã lo nghĩ nước ao xài không đủ phải mướn xe chở nước ngọt ở xa về xài. Thường mỗi năm cũng có một số ghe chở nước đến đổi từ 30 $ đến 50 $ tùy theo số tiêu thụ.

Trên hồ ao có vài tư-nhân đặt máy bôm, hút nước dưới ao lên xe hơi xi-tẹt hoặc xe bò chở đi đổi nước trong thành phố. Dân chúng cũng tự do múc gánh.

Các tiệm ăn, hàng quán trong châu thành quanh năm đều dùng nước trong các ao lớn và hồ nước mưa nhưng không đủ vào đâu, nhà nào cũng đều phải có đào giếng để xài hằng ngày.

SÂN VẬN ĐỘNG :

Sự đô-hộ của Pháp đem lại cho dân ta nhiều tai hại, nhưng vô tình chúng cũng đem lại cho ta một vài ảnh hưởng hay. Một trong những ảnh hưởng ấy là thể thao.

Cũng như ở nhiều tỉnh khác (như Tân-an chẳng hạn) ở Gò-công trước dinh Tỉnh-Trưởng đối diện với đồn lính mã-tà Garde civile locale (bây giờ là tiểu khu quân đội V.N.C.H.), có một sân cỏ để đá banh. Sân này được dùng để cất trường Trung-học và cư-xá Sĩ quan, vì Gò-công đã có sân banh khác tốt đẹp và đúng thước tấc hơn.

Vào thời Toàn-quyền Decoux, giữa lúc thế chiến thứ hai gần xảy ra, thế giới xôn xao, vùng Đông-nam-Á sôi động trước trục Tam cường và sự đe dọa của chủ nghĩa phát xít, ở Đông dương, nhất là Việt-Nam, phong trào cách mạng ngấm ngầm phát triển. Chánh-quyền Pháp cảm thấy tình hình bất ổn, địa vị rung rinh họ nghĩ ra một mưu

kế hấp dẫn để kéo thanh niên theo xu hướng tâm trí năng lực và hoạt động của thanh-niên thể thao, một phong trào được ra đời dưới sự hướng dẫn của Ducoroy, và được thúc đẩy rất mạnh phát triển hết sức mau lẹ.

Ta phải nhìn nhận viên trung-tá hải-quân Ducoroy quả có tài tổ chức. Khắp nước Việt từ Nam chí Bắc vận-động trường mọc lên như nấm sau cơn mưa, những cuộc đua xe đạp, thịnh diễn điền kinh thể thảo thu hút thanh-niên nam-nữ rầm rộ khác thường. Theo phong trào chung của toàn quốc, ở Gò-công một sân vận động được lập gấp rút bên hông dinh tỉnh-trưởng. Sân này cũng khá đồ sộ so với các tỉnh : ngoài cổng lớn một tấm bảng kẻ hãnh rêu rao : « Stade de Gò-công », bên trong có sân cỏ đá banh, sân vận động với đủ dụng cụ điền kinh như sân chạy bộ, nhảy cao và dài, mộc mã và xà ngang (barre-fixe), đu, tạ, lao, dĩa, đề liệng, v. v...

Ducoroy đã thành-công một phần nào trong mưu định lôi kéo thanh thiếu niên Việt chạy theo phong trào « thể thảo điền kinh », nhưng chỉ lôi kéo được thân xác luyện tập cho cường tráng mà thôi. Đến lúc người Pháp sa cơ, phong trào cách mạng Việt-Nam bùng nổ, thì đám thanh niên của Ducoroy huấn luyện trở thành những thanh niên tiền phong đấu tranh đắc lực cho đất nước.

Sân vận động ngày nay hãy còn đó. Để lập sân này người ta đã phải chiếm mất phân nửa con đường Pétrus-Ký. Phần còn lại của con đường cũng bị những hàng kẽm gai của Trung-tâm cải huấn chiếm luôn. Thế là con đường Petrus-Ký không còn tồn tại vì xâm lăng của đời sống phát-triển, giống như đường Cả Thuận ở đầu mé bên kia sông.

LẤP RẠCH CỬA KHÂU

Hồi người Pháp chiếm lấy huyện Tân-hoà đổi lại làm hạt Gò-công và bắt đầu mở mang kiến-thiết, họ khai rạch Cửa-Khâu vào năm 1870 để tiện việc thông thương và mua bán.

Trước khi có kinh Chợ-gạo, rạch Gò-công và rạch Cửa-Khâu là hai huyết mạch chính cho đời sống tỉnh Gò-công, các ghe tàu từ Lục-tỉnh lên Sài-gòn đều phải qua Vàm Cửa-khâu. Do đó, chợ Gò-công được lập gần bên rạch Cửa-khâu vì nhu-cầu kinh-tế.

Nhưng về sau, với sự phát-triển của tỉnh-lỵ, con rạch quan yếu này trở thành một chướng ngại cho sự mở rộng thành phố.

Năm 1943, viên tỉnh-trưởng cuối cùng của người Pháp, Ropion đề-nghị lấp một khúc rạch Cửa-khâu để lấy đất mở mang tỉnh-lỵ. Đề-nghị này mặc dầu được chú ý, với con rùa hành chánh, vẫn phải nằm yên ở các văn phòng. Phải chờ đến năm 1946, sau khi đã đào được con kinh từ Yên-luông đến Vạn-thắng, một vị tỉnh-trưởng Việt-Nam bắt đầu thực hiện kế hoạch này và các vị tỉnh trưởng Việt-Nam kế tiếp hoàn thành.

Kết quả : Cầu Huyện bị cắt bỏ, được thay thế bằng một cái cống đúc nối liền hai đoạn đường. Cầu Albert-Sarraut cũng bị phá, chỗ trống được đổ đất lấp bằng cho xe cộ qua lại được.

Tại khu này thành phố đã đổi vẻ mặt. Thay vì khúc rạch một hồ tắm được xây cho nam nữ thanh niên đến tập lội bơi. Hồ tắm nằm trước Trường Nam Tiểu-học, thật tiện lợi cho các em học-sinh vui đùa và tập lần để đi dự các hội điền kinh vào các năm 1950 — 1965. Phía đầu hồ tắm là một khúc lộ nối liền đường Gia-Long

với đường Trần-hưng-Đạo. Từ 1966 về sau nước hồ tắm không thay đổi được vì Vàm-sông đã lấp. Nước hồ không dùng được nữa.

Khoảng 1966-67, chánh-quyền địa-phương cho thầu đổ đất lấp một đoạn rạch nữa đến gần phòng Thông-tin. Thế là châu-thành có thêm một khoảng đất, trên đây nhà cầm quyền sửa sang tổ-chức thành một vườn chơi trẻ em, và xây cất luôn một ký-nhi-viện. Vì ở tỉnh không có bao nhiêu người đem con đến gởi để đi làm như lao-động ở thành-thị, ký-nhi-viện bỏ không một thời gian, không bao lâu cũng có chỗ dùng : cho Trường kỹ-thuật mượn làm lớp học.

Còn khúc chót của rạch Khâu, nhà cầm quyền cho tư nhân muốn kiếm chỗ cất nhà, ra công tự lấp lấy rồi cất nhà lên trên. Người này kế tiếp người kia, không bao lâu nhà cửa mọc lên nhiều, chỗ con rạch vô dụng biến thành một khu thương-mãi. Rồi theo kế-hoạch mở mang thành phố, những sạp bán hàng phía sau chợ được dời vào. Bến xe đò được dời ra gần cổng ấp chiến-lược trên đường đi Sài-gòn.

CẦU TÂY-BAN-NHA :

Trên rạch Cửa-khâu ngày trước có một cây cầu sắt nối đường Phan-đình-Phùng với đường Phan-chu-Trinh. Xe cộ từ Sài-gòn về thường mượn cầu này. Với thời gian sắt đá cũng mòn, cầu hư sập xe cộ Sài gòn về phải tìm ngã khác. Cầu bị bỏ trên 50 năm. Tới năm 1943 Nhựt-Bổn đến Việt-Nam. Trong lúc chiến tranh cần dùng sắt thép để đóng tàu và đúc võ-khí, người Nhựt mướn một thầu-khoán Việt-Nam là ông Tư Bảy trục những mảnh cầu này lên để lấy sắt.

Năm 1968, một toán công binh Tây-ban-nha qua giúp Việt-Nam, đến dùng cây ván bắt lại cây cầu này, cho sự giao thông thuận lợi trong thời chiến. Để nhớ ơn những người bạn đồng minh đến giúp mình, chánh quyền đặt tên cho cầu này là cầu Tây-ban-nha. Tiếc rằng bề ngang cầu nầy chỉ có 1 thước 40. Ngoài người đi bộ, xe đạp và xe gắn máy, xe lam 3 bánh cũng không qua lọt. Sao lạ vậy ? Đã làm thì làm cho luôn, như vậy có phải mất công sau này làm lại tất cả cho xe hơi cũng qua được khi tiến-bộ cần mở mang thêm nữa ? Theo lời đồng bào địa phương kể lại, cây cầu này được mang tên là cầu Tây-Ban-Nha có một giai thoại đáng buồn cười và tủi hổ, nhận thấy không ích lợi gì nên chúng tôi không cần nêu lên sâu rộng, để độc giả tỉnh nhà suy luận và tìm hiểu tại sao cây cầu bắt quá hẹp ?

ĐƯỜNG KINH LẤP :

Hồi chợ cũ Gò-Công còn ở trên rạch Cửa-Khâu, địa điểm chợ Gò-Công hiện nay chỉ là sông rạch (trước 1900). Đầu thế-kỷ 20 chánh-quyền địa-phương đã cho lấp một con kinh làm thành một đại lộ rộng nhất ở Gò-Công. Dân chúng thường gọi là đường Kinh-lấp (đường Phạm-đăng-Hưng ngày nay), hai bên đường có những căn phố, quán ăn mọc lên trên lề đường, bên trong có những căn nhà đẹp, cách lề mỗi bên 10m.

Các cuộc lễ lớn có tánh cách phô trương thường được tổ-chức trên đại lộ này.



Đại lộ Phạm Đăng Hưng ngày nay
trước kia là một con kinh lấp

ĐƯỜNG NGUYỄN-VĂN-THINH

Trước kia gọi là đường Paulbert sau này đặt tên lại là Nguyễn-văn-Thinh để tưởng niệm vị thủ-tướng đầu tiên của miền Nam nước Việt.

Ngày trước nó là một con đường rộng lớn đi thẳng ra mé rạch Gò-công. Từ năm 1920 đoạn cuối con đường này ở mé rạch bị choán làm thổ cư, nhà cửa nổi lên san sát không ai ngăn cản nổi. Thế là một khúc đường biến thành một khu phố, và từ đó đồng bào trong tỉnh muốn ra mé sông phải tìm ngã khác. Khúc đường này trên thật tế không còn nữa, nhưng hãy còn ở trên bản đồ tỉnh lỵ. Nghe nói tại chỗ này chánh quyền dự tính bắc một cây cầu qua sông. Nhưng tới nay vẫn chưa hấy gì.

ĐƯỜNG CẢ THUẬN

Tại Gò-công có một con đường khác cũng chịu một số phận na ná như đoạn đường Nguyễn-Văn-Thinh, đó là con đường Cả-Thuận.

Đường Cả-Thuận tồn tại cho tới năm 1948, một đại đội Bảo an tức Địa-phương-quân bây giờ kéo đến đóng và giăng giây kẽm gai, chận bít con đường này. Lần hồi nhà cửa do Bảo-an quân xây cất mọc lên khá nhiều. Thế là con đường này biến thành một trại Bảo-an quân dân, chúng phải quanh qua ngã khác vậy.



CÁC DINH THỰ XƯA

PHÁO ĐÀI BIẾN THÀNH TRƯỜNG HỌC :

Năm 1866, người Pháp đến Gò-công. Việc trước nhứt của họ là cố thủ. Đền pháo thủ, bót mã-tà, một pháo đài kiên cố hình chữ thập tại khúc quẹo cuối cùng của rạch Cửa-khâu. Họ đã chọn để lập đài một địa điểm có thể kiểm soát cả sự di chuyển trên sông Gò-công. Pháo-đài được xây cất thật kiên cố : tường dày 60 phân, trên có những tháp canh hai từng trên 10 thước cao, nền đá xanh dày trên một thước chung quanh đầy lỗ châu mai để đặt súng bắn ra. Công trình kiến trúc thật vững chắc, mãi tới ngày nay hãy còn trơ mặt với thời gian, chỉ thiếu những song sắt bị những nhà kinh tế mạo hiểm gỡ bán cho Nhựt-bổn hồi Nhựt thuộc.

Với thời gian và sự đổi thay của thế cuộc, con dao giết người có thể biến đổi thành dụng cụ hữu-ích cho người. Pháo đài kiên cố trước kia dùng để bảo vệ quyền thế thực dân, ngày nay dưới chánh quyền Việt-Nam được biến đổi thành một trường tiểu-học cho trẻ con trong tỉnh.

PHÁO ĐÀI THÀNH TIỆM CẦM ĐỒ, RỒI NHÀ BẢO SANH :

Cũng vào năm 1866, ở Gò-công người Pháp có xây dựng một pháo đài thứ hai ở kế bên kia bờ rạch Cửa-khâu (hiện tại là ngôi nhà bên hông Phòng Thông-tin tỉnh).

Pháo đài này cũng không kém kiên cố, cất theo hình chữ nhựt bên trên có một thâu lôi. Pháo đài oanh liệt một thời, nhưng sự nghiệp nào xây dựng trên bạo lực cũng không trường cữu. Công ty Hui-Bôn-Hoả (gọi là chú Hỏa) mua pháo đài và sở đất, sửa lại làm một tiệm cầm đồ. Nhưng coi bộ làm ăn cũng không khá hay sao, công ty bán lại cho một Bác-sĩ Việt-Nam và ông này sửa lại thành một nhà bảo-sanh. Nay của người này mốt của người kia khó ai giữ được trăm năm, đúng với câu : nhứt khoảng điền thiên niên vạn chủ.

NGÂN-KHỐ GÒ-CÔNG :

Người Pháp coi vậy mà rất bảo-thủ. Họ rất ưa «bồn cũ soạn lại» nên trải qua các tỉnh đến đâu ta cũng thấy lối kiến trúc của họ rất cổ điển. Ở tỉnh nào họ bước chân đến thì cũng xúm xít ở một khu vực, tập trung những cơ sở trụ cốt của thực dân : dinh Tham-biện, đồn lính. tập, Ty Ngân-khố, khám tù... Quyền hành-chánh, tủ bạc, cây súng và khám đường xúm xít ở gần nhau, mà cũng để cho dễ kết bạc chạy chung một lượt.

Với chủ trương và đề phòng ấy, ngoài dinh chủ tỉnh và khám nhốt tù ra, cái dinh thứ ba được họ đặc biệt chú trọng là kho bạc.

Dinh thự rộng rãi, có lầu cho viên chủ sở và vợ con ở phía trên vách tường dày, cửa nẻo chắc. Ngân-khố Gò-công nằm sát con lộ Gia-Long, là một sở lầu kiểu xưa không mấy xinh đẹp nhưng rất chắc chắn. Mãi tới ngày nay ngân-khố đổi chủ mấy lần nhưng vẻ mặt cũng không thay đổi.

DINH TỈNH-TRƯỞNG

Người Pháp đến đô hộ nước ta mỗi tỉnh đều cất giống nhau dinh Tham-biện có lầu đồ sộ khang trang hơn Ty Ngân-khố. Dinh chánh Tham-biện tức dinh tỉnh-trưởng ngày nay nằm giữa khuôn viên đất rộng, là dinh thự lớn nhứt trong tỉnh, được xây cất từ năm 1904.

Ba cuộc Hội-chợ vào năm 1938, 1940, 1942 được lập trong khuôn viên rộng rãi này. Hiện thời trong vòng thành dinh tỉnh-trưởng được phân lô theo mé đường để cất thêm những cơ-sở cần-thiết do sự phát-triển của hành-chánh như Hội-trường, Ty Thuế-vụ, Kho vật-liệu v.v... Tỉnh cũng đã xây cất một cư-xá sát bên sân vận-động.

KHO MUỐI

Nằm mút đường Huyện Nguơn ngó ra rạch Gò-công là một toà nhà lầu đồ sộ khá xinh đẹp : Ty Thương-chánh (douanes et régies), mà người dân Gò-công quen kêu là kho muối, vì hồi trước nơi đây người Pháp buộc nhân dân phải chở muối về đóng thuế rồi mới được đem đi bán. Người Pháp cai quản Ty này được đặt tên riêng là tào cáo (do tiếng « tài-cầu », chó lớn, của người Tàu mà ra). Nội danh hiệu này đủ tả người Việt vừa sợ vừa oán ghét Tây nhà đoan là dường nào, bởi nghề nghiệp của chúng chuyên làm khó dễ dân, tìm bắt những dân nghèo vì quá nghèo phải làm và bán chút đỉnh muối và rượu lậu thuế.

Trước kho muối, tại mé sông có một cái bến đúc xi-măng nhô ra ngoài sông khá xa, để cho ghe thuyền cập bến, nay vẫn còn :

NHÀ NAM VÀ NỮ ĐỐC HỌC :

Ngày trước, hiệu-trưởng trường nữ-học là một phụ nữ Pháp. Bà này được ở căn nhà lầu tại đường Gia-Long, trong vòng thành trường Nữ.

Ông Hiệu-trưởng trường nam học sinh thì lại ở một khu nhà trệt phía đường Hàm-Nghi, dưới bóng những cây da cổ thụ. Hiện nay nhiều cây cối bị đốn, ở Gò-công chỉ còn một cây da duy nhất là cây da này.

Cuộc đời thay đổi, ngôi nhà trệt đường Hàm-nghi để cho cố vấn Mỹ đến ở một lúc, và bây giờ là cư xá của Bác-sĩ Tây-ban-nha.

Còn sở nhà lầu trong vòng thành trường nữ hiện là nhà ở vừa là văn phòng ông trưởng-ty tiểu-học.

BỆNH-VIỆN TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH :

Khởi đầu là một nhà nhỏ ở đầu đường Trưng-nữ-vương, do các bà phước dòng Saint des Chartres lập nên vào năm 1898, phát thuốc chữa bịnh cho trẻ em và đồng bào nghèo. Nhận thấy công-trình phước thiện và y-tế rất hữu ích, chánh quyền tiếp tay cất thành một bịnh viện có 3 dãy nhà tường gạch bông. Kế tiếp cất thêm một nhà bảo-sanh. Dưới nền nhà có những hồ nước cho nhu cầu trong bịnh viện Lần hồi với sự bành trướng của tỉnh lỵ, dân số thêm đông, bịnh nhơn thêm nhiều, chánh quyền cất thêm nhiều trại và phòng, kho thuốc, nhà xác, v. v. . . Bịnh viện lớn dần để trở nên hình thể ngày nay. Năm 1968, tỉnh xây thêm một hồ nước lớn với kinh phí trên 2 triệu đồng V.N. chứa nước đủ cung cấp cho bịnh viện.

HỒ NƯỚC MƯA GÒ-CÔNG :

Trong khi chờ đợi, dân chúng cứ còn phải nhờ nước của Trời. Từ lâu rồi người Pháp còn để lại 2 cái hồ chứa nước mưa giữa 2 con đường Lê-Lợi và Võ-Tánh, xây cất như những dãy phố đúc.

Cái hồ lớn dài bằng mười căn phố từ đường Phan-Bội-Châu đến Paulus Của và Nguyễn-Công-Trứ.

Hồ nhỏ dài bằng 5 căn phố sát đường Nguyễn-Tri-Phương, mỗi năm phát thẻ cho dân chúng đến gánh nước về dùng theo số lượng dự định cho mỗi nóc gia trong một tuần. Cái hồ lớn nước đã oi nên bị phá đi để xây cất nhà việc và trại phố.

Giữa thời buổi trên thế-giới người ta đã dùng được sức nóng mặt trời để biến đổi nước biển thành nước ngọt được mà ở nước ta còn những tỉnh phải khổ sở vì nạn thiếu nước như Gò-công, thì có phải đáng buồn tủi hay không ?

GIẾNG NƯỚC LAYNE :

Ở Gò-Công, xứ nước mặn, nước ngọt để uống và nấu ăn là một vấn đề quan-trọng đã lâu năm làm khổ dân chúng và là mối lo nghĩ cho chính-quyền. Từ ngàn xưa dân Gò-Công chỉ nhờ Trời mà sống nên nhà nào cũng lo sắm lu mái, xây hồ hứng và chứa nước mưa để xài quanh năm. Thường thường đến mùa nắng dân chúng rất khan nước ngọt vì các ao hồ bị cạn.

Nạn thiếu nước khốn khổ như thế nào đồng bào ta đều rõ, ngay cả ở Sài-gòn nhiều xóm ta còn thấy cảnh tranh giành gánh nước rất thương tâm.

Các chánh-quyền Pháp rồi Việt tiếp nối đều có tìm phương giải quyết vấn đề nước cho Gò-Công, nhưng mấy chục năm nay chưa tìm được một giải-pháp lý-tưởng. Trước năm 1930, một ban chuyên viên người Pháp đến khoan ở cuộc đất phía sau Ty Mục-súc ở đường Lê-văn-Duyệt nhưng không tìm được nước ngọt. Mười năm sau một nhóm chuyên viên với các khí cụ tối tân khoan tìm dưới đất sâu trên 50 thước vẫn không gặp mạch nước ngọt. Năm sau, họ vào khoan trong vùng dinh tỉnh-trưởng cũng vô hiệu nữa.

Ba lần tìm nước không hiệu quả, năm 1940 chánh quyền túng thế phải cho đào 2 ao lớn chứa nước mưa để bôm lên lầu nước, lọc rồi cho chảy xuống ống phân phát các công sở và máy nước công cộng. Về sau cho đào thêm 2 ao nữa kế bên nhưng cũng không giải quyết được đầy đủ. Những vấn-đề trọng đại cho dân chúng không thể giải quyết bằng những biện pháp « đàn bà vay tiền góp » !

Cuối năm 1968, chánh quyền địa-phương nhờ tới chuyên-viên Huê-kỳ tìm mạch nước sâu hơn và lập một hệ thống giếng Layne như ở Sài-gòn. Công việc đang xúc tiến, nghe đâu đồng-bào Gò-công nhiều người đã nộp đơn xin đặt ống nước vào tận nhà, việc làm trên đây được dân chúng hết sức hoan nghinh. Chúng tôi vừa hoàn thành quyển Gò-công thì giếng nước còn đang đào, nếu được kết-quả thì nạn khan hiếm ở đây không còn nữa.

ÁNH SÁNG và ĐIỆN LỰC Ở GÒ-CÔNG :

Tới năm 1930, ban đêm châu thành Gò-Công còn được soi sáng ở những ngã tư và cầu bằng những ngọn đèn... dầu lửa ! Tại

những nơi nói trên, có những trụ đèn sắt hình cong như cần câu, đầu cần thòng xuống một lòng kiếng lục giác dưới nhỏ trên to, treo ở sợi dây cáp có rõ rẽ để thòng xuống rút lên khi cần đốt. Mỗi buổi chiều một nhơn-viên nhà nước cầm bồi cháy châm đèn sáng, gài lồng kiếng rồi rút lên cao, móc cứng. Đoạn qua cột khác, thật là một công trình khổ nhọc để cung cấp cho thành phố một thứ ánh sáng lờ mờ vàng khè, dơ dáng và buồn tẻ.

Hết thời kỳ kinh-tế khủng hoảng, Gò-Công mới được cung cấp một máy điện nhỏ, tuy chẳng ra gì nhưng cũng còn khá hơn đèn dầu.

Mười năm qua, máy điện nhỏ như con trâu già bắt đầu cự nự khoẻ thì chạy, mệt thì nghỉ, sáng tối mặc bây.

Năm 1950 một máy đèn lớn được chở về Gò-Công ! Ngon lành ! Ai nấy xoa tay : «Từ đây thì phải biết tớ». Nhưng dân chúng lại một phen mừng hụt. Máy đèn có, nền đặt máy xây đắp xong, nhưng còn thiếu dây xuất phát điện đặt mua bên Pháp còn chờ gởi qua. Thì giữa lúc ấy Gò-Công bị chánh quyền Sài-gòn «ông ứng» sửa lưng thành một quận sát nhập vào Định-Tường. Quận đối với Tỉnh là «cửa con», cái máy đèn lớn của Gò-Công chưa xử dụng bị Mỹ-Tho chở về xài. Bây giờ Gò-Công lấy lại địa-vị Tỉnh vẫn chưa lấy lại được máy đèn, và vẫn phải dùng đỡ con trâu già (máy đèn nhỏ cũ) cà rịch cà tang chỉ cấp điện lực cho thành phố từ 7 giờ tối đến 12 giờ khuya, con trâu già đi ngủ để rồi thức dậy chạy lại từ 5 giờ tới 6 giờ rưỡi sáng. Trước Tết Kỷ-Dậu (1969) Gò-Công có thêm một máy điện lớn 220 mã-lực, kể cũng đỡ phần nào.

BỜ LỘ DƯƠNG :

Trên quốc-lộ Gò-công — Sài-gòn, đoạn đường từ tỉnh lỵ ra đến Cầu nổi được tráng nhựa hẳn hòi, xưa kia hai bên đường trồng những cây dương lâu đời cao vút đều đặn trông ngoạn mục. Người từ xa đến nhìn thấy rặng dương này là nhận được ngay đường đưa tới lăng tẩm Hoàng-gia, Sơn-qui, nơi đây có một vẻ trầm lặng uy-nghiêm vắng vẻ lạ thường, làm người du khách phải trầm ngâm hồi tưởng một thời oanh liệt xa xưa trong lịch-sử. Nhưng tiếc thay cảnh cũ năm xưa ngày nay không còn nữa.

Vào khoảng năm 1947, một số người cố ý hay vô tình, hoặc vì quyền lợi riêng tư, cho người đến đốn hết hàng dương trên con lộ chạy xuống tỉnh để lấy củi. Người có tâm chí biết bảo tồn di tích lịch sử lấy làm xúc động, ngậm ngùi thầm tiếc cho bàn tay người đời ác độc, tàn phá quê hương không nghĩ gì quê cha đất tổ.

Hiện nay số cây dương còn lại một ít ở đoạn đường phía sau dinh Tỉnh-trưởng sơ rơ cằn cỗi.

LỘ ME

Ngoài rặng cây dương đặc biệt trên đường Sơn-qui, hai bên đường các con lộ khác ở tỉnh lỵ Gò-công đều trồng một thứ cây loại có rễ ăn sâu dưới đất chịu đựng nổi với thời tiết và nước mặn đất chua, là cây me. Nhiều nơi cây già cằn cỗi vì khô nắng thiếu nước, nhưng trái vẫn nhiều, đem lại một nguồn lợi nho nhỏ cho ngân-quỹ xã. Mỗi năm xã có mở cuộc đấu giá cho tư nhân mua sát hái me về bán lại cho bạn hàng để tại chợ bán lẻ hoặc chở lên thủ đô tiêu thụ me, có loại me phơi khô và me sống để nấu chua và làm mứt.

NHỮNG ĐƯỜNG MỚI ĐÃ HOÀN THÀNH 1968 : MỞ RỘNG THÀNH PHỐ VỀ PHÍA BỜ KINH :

Từ 1964 đến nay thành phố càng ngày càng đông nên chánh-quyền địa phương cho nới rộng bờ kinh ở về phía Nam tỉnh lỵ chừng 500 - 600m. Nhà cửa được phân lô và xây cất dọc theo bờ bờ kinh, có nhiều tiệm mua bán lớn về vật liệu xây cất mọc lên, có nhiều tiệm ăn và nhà ở rất mát mẻ.

Theo chương trình mở rộng thành phố về phía bờ kinh, hai con lộ lớn đã được phóng và trải đá xanh : 1) đường dọc theo kinh Cầu-đúc ; 2) con đường cong từ đường Huyện-Nguơn vào bờ kinh.

Ngoài ra, trên 10 con đường hẻm bên trong các xóm đông-đúc được ủi rộng sát thềm nhà cho tiện việc lưu thông và cứu cấp khi hữu sự.

Mang tên là «đường chiến-sĩ» số 1, 2, 3, v.v... những đường này phần nhiều được tráng xi măng, ở giữa có lót vĩ sắt bề ngang lối một thước, ngày thường rất tiện lợi và sạch sẽ, nhưng mưa bị nước ngập vì mương hai bên bị lấp, nước không có đường thoát.

ẤP ĐẠO XƯA VÀ NAY :

Trước thời chiến, phía bên kia cầu Long-chánh là đám đất hoang lát mọc cùng nơi. Lúc người Nhật đến, chưa gì đã tính việc kinh tế, họ cho cất lên tại sở đất này ba kho lớn lợp ngói móc để chứa lúa các nơi gom góp về. Kho cất xong, nhưng chưa chứa được

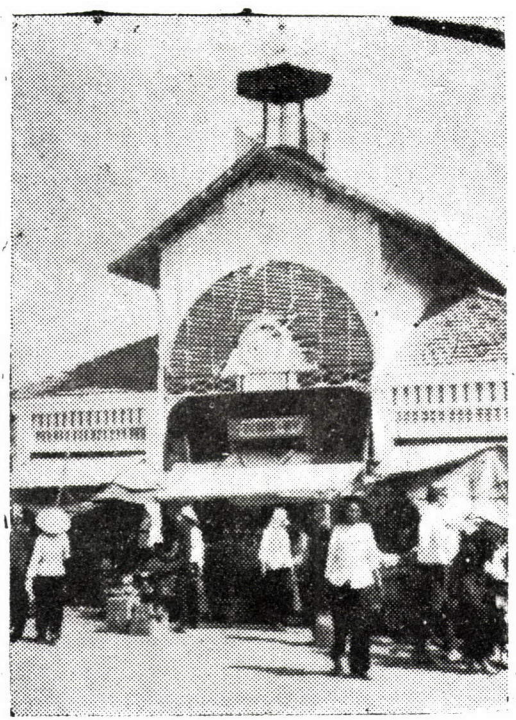
hột lúa nào thì vừa đến 1945, bom nguyên tử nổ ở Hiroshima, Nhựt-bổn đầu hàng. Pháp quân núp bóng đồng minh trở lại. Thì kế cuộc kháng chiến bùng rồ, lửa chiến-tranh tàn phá thôn quê, nạn nhân chiến tranh trốn vùng chết chóc chạy đến dồn về tỉnh lỵ. Một số đông nạn nhân không nơi nương tựa phải chạy vào tá túc trong những kho lúa bỏ không. Người nọ rủ người kia, lần hồi mỗi gia-đình tự cất nhà mà ở, không bao lâu khu hoang vắng này biến thành một xóm trù mật, nhà phố chen chúc, hẻm hóc quanh co không khác xóm Bàn-cờ, Chợ-lũi Sài-gòn ngày trước. Số đông dân lánh nạn qui tụ ở khu này vì gặp sẵn đất trống và là một chỗ gần đường qua chợ.

Trong đám cư dân có nhiều người theo đạo Cao-đài, một Thánh thất được dựng lên và đặt dưới quyền cai quản một vị Khâm-Châu. Nhằm lúc các giáo phái võ trang đến bảo vệ đạo và sanh mạng tín đồ bị tàn sát quá vô lối, châu đạo này cũng võ trang tín đồ trai tráng lập thành đội ngũ, và Tổng-hành-dinh tại nơi đây. Do đó xóm dân cư này được gọi là ấp đạo.

Sáp nhập vào tỉnh lỵ Gò-công từ năm 1956, ấp này càng ngày càng phát đạt. Năm 1964 bị một trận hỏa tai thiêu hủy ngót 1.000 nóc nhà. Trong sự rủi cũng có cái may, xóm nhà chen chúc lộn xộn này được tái thiết khang trang ngay hàng thẳng lối hơn, tiện bề cứu cấp và hạn chế tai hại khi rủi ro khi có một đám cháy khác.

CHỢ GÒ-CÔNG :

Theo lịch sử, chợ Gò-công ngày xưa nằm trên Rạch Cửa-khâu. Những hình ảnh xưa để lại cho ta thấy chợ này nhỏ hẹp ở giữa hai con đường Võ-Tánh và Lê-Lợi. Hai bên hông chợ có hai dãy phố cất một kiểu giống hệt nhau, cùng của một người chủ : Bà Lâm Tố-Liên, được người ở đây quen gọi là bà Tư Nói. Trước đầu chợ có một đài kỷ-niệm chung quanh dựng trụ có lòi-tói bao-bọc



Mặt tiền chợ Gò-công

như kiểu các đài kỷ-niệm Âu Tây. Đây là đài người Pháp dựng lên để tưởng niệm người tôi trung thành của chúng là Huỳnh-Công-Tấn kẻ đã thờ giặc giết đồng bào, hãm hại anh-hùng Trương-Công-Định. Trên đài kỷ niệm có khắc mấy hàng chữ như sau : **À la mémoire du Lãnh binh Huỳnh công Tấn, chevalier de la légion d'honneur, Fidèle serviteur de France.** Năm 1945 đài kỷ niệm này bị dân chúng triệt hạ và đồng thời dựng lên phòng Thông-tin rợi cuộc đất này.

Theo tài liệu quyển La Cochinchine, Ed. Photo nadal, c. 1926 thì chợ cũ Gò-công bị dỡ bỏ năm 1898, một chợ mới lớn hơn được cất với hai nhà lồng ngó ra đường Trưng nữ Vương. Hai nhà lồng được cất khá chắc : cột sắt, lợp ngói móc. Phía sau chợ rạch Gò-công, từ năm 1960, người ta lập thêm tại nơi này một chợ cá nền đúc xi-măng, de ra trên mặt sông Gò-công.



GÒ-CÔNG NGÀY NAY

SINH HOẠT :

Dân chúng Gò-công phần đông sống về nghề nông, một số ít sống về nghề thương mãi, chài lưới v.v...

Căn cứ vào các nghề nêu trên, sự làm ăn sinh sống của dân chúng địa phương được điều hòa và dễ dàng, nhờ nhẫn nại chịu khó hoạt động. Đối với nông dân khi hết mùa lúa, họ trồng rẫy hoặc chăn nuôi để kiếm thêm lợi. Ngoài ra, bãi biển Tân-thành và cửa Vàm-láng đã giúp một số rất đông dân chài lưới sinh sống ở đây. Vào thời bình, ngư phủ Vàm-láng bắt được nhiều cá vì lẽ vấn đề đi lại trên mặt biển và các con sông lân cận được dễ dàng vào ban ngày cũng như ban đêm. Nhưng hiện nay vì thời cuộc chiến tranh nên nghề chài lưới nơi đây bị hạn chế một phần nào. Có một số ít nông dân, vì thời cuộc hiện tại không ở nơi chỗ hẻo lánh xa xăm được phải tản cư ra gần quận lỵ, hoặc tỉnh lỵ, để lo việc buôn bán hoặc làm công cho các xí nghiệp tiểu công nghệ hay các hiệu buôn trong thành phố, hoặc làm các ngành khác như chạy xe, có một số ít đã khai thác ruộng lúa thành những vườn trồng cây ăn trái, như cam, quít, xoài, mãng cầu, trái cerige và thí nghiệm trồng củ hành tàu, tỏi, bắp cải, cà chua v. v. . .

SINH HOẠT TÔN GIÁO :

Phần đông dân chúng Gò-công theo đạo Phật, một phần theo Khổng-giáo, Tin-lành, Cao-đài, Công-giáo, Du-tăng Khất-sĩ, Tịnh-độ cư sĩ. Bản chất của người Việt-Nam là khoáng đạt, sẵn sàng chấp nhận mọi điều phải, mọi chơn lý. Từ khi ánh sáng Tây-phương soi rọi đến, người Việt-Nam không câu nệ theo những tôn-giáo mới miễn là Tôn-giáo ấy dạy điều lành, điều thiện.

Vùng Gò-công là nơi trù phú, dân chúng từ xưa đã hấp thụ Nho giáo lấy lễ nghi làm thước ngọc khuôn vàng, vì nơi đây là quê hương của đức Từ-Dũ hoàng thái hậu, mẹ của vua Tự-Đức, vì thế mà phần đông dân chúng đều chịu ảnh hưởng về phong tục tập quán của triều-đình nhiều hơn các tỉnh khác ở miền Nam. Chẳng những người dân ở đây sống một cách rất dễ dàng với nguồn lợi kinh-tế phì nhiêu, mà người dân còn có đủ cơm áo để rảnh rang suy gẫm việc đời, với một thái độ ôn hoà không quá khích.

Ba yếu tố dưới đây đã giúp họ mạnh dạn tin tưởng ở tương lai :

— **Thiên-thời** : Sông sâu, biển rộng.

— **Địa-lợi** : Kinh tế phì nhiêu.

— **Nhân-hoà** : Trình độ văn hoá cao, có thể chấp nhận những lý thuyết sâu xa.

Vùng Gò-công là nơi phát triển tôn giáo và có nhiều chi phái đáng kể, vị Linh-mục đầu tiên ở Việt-Nam là đứa cha Giaon Bao-Ti Xi-Ta Nguyễn-Bá-Tòng sanh năm 1868 quán tại Gò-công, nhưng vì phần đông dân chúng địa-phương hướng về đạo thờ cúng ông bà nhiều hơn hết.

Chúng tôi đã sưu tầm được những con số thống kê về tín đồ tôn giáo tại Gò-công như sau :

1.— Đạo thờ cúng tổ tiên :

— Quận Hoà-lạc : 19.780 tín đồ
— Quận Hoà-tân : 27.061 -nt-
— Quận Hoà-đồng : 31.604 -nt-
— Quận Hoà-bình : 14.300 -nt-

Tổng cộng .... 92.563 tín đồ

2.— Đạo Phật cổ truyền :

— Quận Hoà-lạc : 7.590 tín đồ
— Quận Hoà-tân : 4.410 -nt-
— Quận Hoà-đồng : 277 -nt-
— Quận Hoà-bình : 1.230 -nt-

Tổng cộng .... 13.507 tín đồ

3.— Tịnh-độ cư-sĩ :

— Quận Hoà-lạc : 1.890 tín đồ
— Quận Hoà-tân : 1.208 -nt-
— Quận Hoà-đồng : 10 -nt-

Tổng cộng .... 3 108 tín đồ

4.— Đạo Cao-đài :

— Quận Hoà-lạc : 7.862 tín đồ
— Quận Hoà-tân : 2.654 -nt-
— Quận Hoà-đồng : 1.785 -nt-
— Quận Hoà-bình : 2.260 -nt-

Tổng cộng .... 14.561 tín đồ

5.— Công giáo :

— Quận Hòa-lạc : 850 tín-đồ
— Quận Hòa-tân : 327
— Quận Hòa-đồng : 2.391
— Quận Hòa-bình : 1.775

Tổng cộng .... 5.431 tín đồ

6.— Tin-lành :

— Quận Hòa-lạc : 468
— Quận Hòa-tân : 36
— Quận Hòa-đồng : 500
— Quận Hòa-bình : 19

Tổng cộng .... 1.023 tín đồ



ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

Tỉnh Gò-Công nằm giữa con sông Soi-rạp và cửa Tiểu nên đất có phù-sa rất hạp với việc canh-nông. Sản phẩm chính trong tỉnh này là lúa nếp, hàng giồng và hàng vườn.

Nông sản :

Riêng về ruộng lúa diện tích là 48.000 mẫu chiếm 86% diện-tích toàn tỉnh.

Nông dân dùng hai thứ lúa giống : lúa sớm và lúa muộn, tùy theo từng vùng có điều kiện canh tác. Lúa nhum, lúa tiêu, lúa nhỏ, lúa nàng con đỏ, lúa cà đum sơn, lúa nếp than, lúa nếp mọt, v.v....

Lúa muộn có các giống : Lúa trăng nhứt, lúa cao cô, lúa nàng quớt, lúa nàng út, lúa đốc phụng, lúa đung kết, lúa cà đun trắng lúa nếp rùa vàng, lúa phụng lùn, lúa nàng tiên, v. v...

Vụ gặt : Vụ gặt tổng quát bắt đầu từ tháng 9 đến thượng tuần tháng 12 âm-lịch. Ở các xã Thạnh-nhựt, Bình phục nhì, Tân-thới, ruộng sâu lại được ngọn sông tiền-giang đổ xuống nên người ta cấy lúa được hai mùa và gặt hái hai lần ; vụ gặt thứ nhứt từ hạ tuần tháng 7, đến thượng tuần tháng 9 âm-lịch, vụ gặt thứ hai từ hạ tuần tháng 11 đến thượng tuần tháng Giêng âm-lịch.

Hàng giồng :

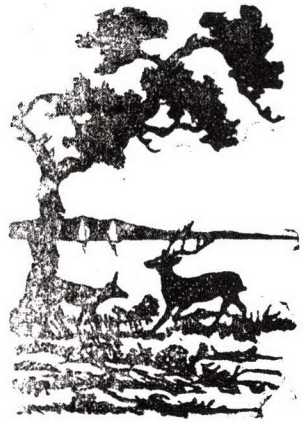
Trong giồng đất nổi lên cao, mầu mỡ, gọi là đất cát rất hạp với sự trồng tỉa rau cải, dưa, bắp, mía, đậu. Diện tích giồng được 300 mẫu, chiếm 0,54% diện tích chung. Hàng giồng đặc-biệt trong tỉnh là : cải bẹ xanh, cải bẹ trắng, bầu, bí, khổ qua, nấm rơm.

Hiện nay, người ta nuôi nấm rơm theo lối khoa-học, bằng cách ủ rơm rồi đốt xung quanh cháy vô chừng 5 phân, tưới nước mỗi ngày rồi cấy meo trong 15 ngày là có nấm. Tháng nào cũng trồng được.

Lâm sản :

Gò-Công không có rừng cao gỗ quí, chỉ có một số ít rừng thấp ngập nước kêu là rừng sát, sản-xuất cây làm củi chụm (cây giá, cây vẹt, bần) nhưng không quan-trọng, nên lần hồi người ta khai phá trồng cây dừa nước lấy lá lợp nhà.

Ngoài ra, cây ăn trái trồng ở vườn với diện tích lối 500 mẫu, chiếm 0,90% diện tích toàn tỉnh. Trồng nhiều nhất là hai xã Thạnh-nhựt và Vĩnh-viễn là hai nơi giáp tỉnh Mỹ-Tho, nhờ có nước ngọt sông Tiền-giang đổ xuống, và hai xã Vĩnh-Hựu, Vĩnh-Lợi cũng có một số ít vườn tược. Món hàng vườn đặc-biệt là dừa xiêm ngọt nước, dừa khô, dừa nước, cau và các thứ chuối, nhất là chuối già bán ra khỏi tỉnh rất nhiều. Những cây ăn trái khác như cam, quít, bưởi, xoài, mãng cầu không được dồi-dào lắm.



CÔNG - KỸ - NGHỆ

Dân chúng Gò-Công sống với nhiều nghề như : thợ mộc, thợ rèn, thợ bạc, thợ đóng giày, thợ làm guốc, thợ hồ, thợ chạm v. v... Nghề thợ mộc phát đạt nhứt ở các xã : Thành phố, Tân-niên-trung, Bình-Xuân. Nơi sau này nổi tiếng đóng tủ thờ.

Vĩnh-Thạnh, Tân-niên-Đông (đóng xe bò và xe ngựa).

Vĩnh-Lợi, Vàm-Láng, Đồng-Sơn, Yên-Luông-Đông, Tăng-Hoà, Gia-Thuận, Vĩnh-Trị, Vĩnh-Hựu, Tân-Niên-Tây, Phú-Thạnh-Đông, (chuyên làm sườn nhà).

Tại Thành-phố : có 5 trại cưa tay, thợ đẻo guốc, thợ rèn, thợ đóng giày, thợ bạc.

Long-chánh, Tân-niên-Trung, (thợ bạc, nghề đúc xi-măng)

Đồng-sơn, Tăng-hoà, Tân-niên-Tây, Vàm-Láng, Vĩnh-lợi (chuyên nghề thợ bạc).

Vàm-Láng (đan dáy và chài lưới).

Đồng-sơn (lò gạch)

Vĩnh-lợi (lò vôi)

Tân-niên-trung, Cầu muối, Vàm-láng, Đồng-sơn, Bình-thạnh-đông, Long-chánh, Vàm-giồng, Vĩnh-thạnh (lò nước mắm)

Tân-duân-đông (làm mắm cá biển, làm bánh phồng, làm hủ tiếu)

Thành phố : Tăng-hoà, Yên-luông-đông, Vĩnh-trị, Vĩnh-lợi (thợ hồ)

VỀ KỸ NGHỆ

Trong tỉnh có nhiều nhà máy xay lúa được lập ra khắp tỉnh, nhứt là nơi dân cư đông đúc để thay thế sự giả lúa gạo bằng tay rất mệt nhọc và tốn kém thời giờ. Hiện nay toàn tỉnh có trên 30 nhà máy xay lúa mỗi ngày.

Trại cưa máy được 6 cái, phân phối như sau :

Thành-phố 2 cái, Long-chánh 1 cái, Yên-luông-đông 1 cái, Mỹ-lợi 1 cái, Đồng-sơn 1 cái.

Về máy điện, tại tỉnh lỵ có nhà máy điện, nhà máy nước, làm nước đá và cà rem cây ; ngoài ra, nhiều nơi còn có một số lò ấp vịt tổng cộng trên 10 lò.

Hiện nay các công nghệ trong tỉnh đều do người Việt hay Hoa-kiều nhập Việt tịch làm chủ.

Rải rác trong tỉnh có nhiều trại hòm, trại đóng ghe, đóng xuồng ba lá, v.v...



NGƯ-NGHIỆP

Tại những làng ở miền duyên hải như Vàm-láng, Tân-thành dân cư chuyên về nghề chài lưới. Người ta bắt được nhiều cá biể đủ loại, tôm, cua, sò, hến, hào, vọp, những hải sản này dùng tron tỉnh không hết, một phần chở lên thủ-đô tiêu thụ.

Ở Vàm-Láng đánh cá thạnh hành không kém ở Tân-thành, nl nào cũng được khá giả, đời sống thoải mái, số sản xuất mỗi nă trên 60 ngàn tấn cá, 20 ngàn tấn tôm tươi và 1000 tấn mắm ruố

Ở Tân-thành nghề đánh cá mỗi năm sản xuất trên 800 tấn c 100 tấn tôm tươi, 500 ký tôm khô và 300 ký mắm ruốc.

Ở các sông rạch lớn như sông Vàm-cỏ và cửa Tiểu người đóng đáy và chài lưới để bắt cá sống. Ở Bình-thạnh-đông người đóng trên 30 miệng đáy ở sông Vàm-cỏ, mỗi ngày kiếm được ! ký tôm. Ở Dương-phước, Vĩnh-hựu người ta đóng đáy trên sôi Cửa tiểu kiếm được mỗi ngày trên 100 ký tôm và cá.



CHĂN NUÔI

Tại đây người ta cũng nuôi vịt, thạnh hành hơn hết là ở các xã Tân-thành, Tân-duân-đông, Bình-thạnh-đông, Bình-xuân, Tăng-hòa, Vĩnh-trị, Bình-luông-trung, Vàm-láng, số vịt nuôi đã lên tới : 200.000 con mỗi năm, số trứng sản xuất đến 20.000.000 trứng.

Ở khắp nơi, người ta cũng phát triển nuôi gà Úc-châu mới nhập cảng, có nhà nuôi năm bảy trăm con, nhứt là tại xã Long-thuận có nhiều khá giả đóng chuồng nuôi kỹ-lưỡng, nếu đừng bị chết số lợi thâu vào cũng đáng kể.

Ngoài ra, còn có những nơi nuôi heo, đào hầm nuôi cá tra, cá phi của sở ngư-nghiệp cấp phát.

Ruộng muối : Ngoài việc chăn nuôi và đánh cá, người dân ở các xã gần miền duyên hải, khác thác ruộng muối, nhứt là ở Vàm-láng mỗi năm sản xuất trên 500 tấn muối.



SINH HOẠT CHỢ BÚA

Gò-công ngày nay rất đông dân cư, việc mua bán được thạnh hành, thôn xã nào cũng có chợ lớn, chợ nhỏ, tùy theo sinh hoạt ở đó, cuộc diện chung của những chợ ấy là phồn thạnh đông đúc.

Chợ Gò-công nhóm hằng ngày để cung cấp thực phẩm vật dụng cho dân chúng. Ở Gò-công có một điểm đặc biệt là đồng bào thường hay thức khuya dậy sớm, lối chừng 5, 6 giờ ở những nơi đồng áng người ta đã đốt đuốc gánh đồ ra chợ bán rồi và độ chừng 10, 11 giờ chợ bắt đầu thưa lần. Người ta bán nhiều nhứt là đồ hàng giồng bầu, bí, mướp, rau cải, củ hành, sắn, những loại này sản xuất tại mỗi địa phương, còn đồ biển thì ở Vàm-láng và Tân-thành đem lên, tùy theo con nước, có nhiều loại tôm cá, cua, sò, sam, ruốc, v.v...

Còn những đồ nhập tỉnh như vải, đồ chạp phô được bày bán chung quanh chợ như các tỉnh khác không có gì lạ.

Hoa chi chợ hằng năm là 2.707.000, diện tích độ 80 sào, cửa Bắc thông ra bến tàu, có ghe thương hồ đến mua bán 4 mùa.

Việc mua bán thực phẩm cho dân cư ở tỉnh lỵ và dân cư ở các nơi miền phụ cận rất phồn thạnh.

Xuyên qua chợ Gò-công như đã trình bày trên, tại đây lại còn có một con đường lớn nhứt ở tỉnh là đường Phạm-Đăng-Hưng, trước kia là một con kinh lấp, nay thành một đại lộ khang trang, hai bên phố xá đông đúc, có nhiều quán ăn, đầu dưới là bến xe lam đưa hành khách đi các quận, sự lưu thông rộn rịp, có thể nói con đường này là đông đảo hơn hết trong những con đường của thành phố Gò công ngày nay vậy.

KIẾN THIẾT

Gò-công là một tỉnh tương đối nghèo nàn hơn các tỉnh khác huộc miền Tây Nam-phần. Do đó vấn đề kiến thiết và chỉnh trang à mục tiêu chính yếu của chương trình và kế-hoạch bình định và ái thiết nông thôn của chánh phủ. Hơn nữa, sau nhiều năm chiến ranh tiếp diễn, đồng bào ở những vùng quê bất an ninh tản cư ra inh lỵ càng ngày càng đông, xây cất bừa bãi ở những nơi ẩm thấp hiếu vệ sinh, làm cho tỉnh lỵ kém phần thẩm mỹ. Do đó, chánh quyền ịa phương đã chủ trương phát triển mạnh chương trình kiến thiết ông thôn và chỉnh trang thành phố, nhằm mục đích :

— tăng gia sự phồn thịnh địa phương,

— cải tiến dân sinh,

— mở mang kinh tế.

Các công tác kiến thiết được thực hiện song song với chương-rình bình định.

Ngoài ra, các dự-án tự-túc phát-triển đang được thực-hiện để giúp cho dân chúng có thêm nhiều tiện nghi hơn, như :

— Đào giếng Layne,

— xây hồ chứa nước ngọt,

— đào ao nuôi cá,

— trải đá các trục giao thông,

— tái thiết những cây cầu bị hư sập,

— phát-triển nông-nghiệp và trồng hoa mầu,

— kiến-thiết bãi biển Tân-thành để cho du khách đến có chỗ nghỉ ngơi hưởng lạm.

Còn nhiều công-tác khác cũng đã được dự-trù.

Tại tỉnh-lỵ : ngày nay đã mở rộng một số đường sá nhỏ hẹp và tăng thêm ánh sáng trong châu thành. Khuyến khích dân chúng hỉnh trang lại nhà cửa cho hợp vệ-sinh, khang trang và sạch sẽ hơn ưa.

Một đời sống mới bắt đầu !

XÃ - HỘI

Trên 20 năm chiến tranh tang tóc điêu linh, tỉnh Gò-Công cũng như bao nhiêu tỉnh khác của miền Nam đau khổ này không làm sao tránh khỏi cảnh tàn phá cả tinh thần lẫn vật chất.

Lòng người phân hóa ? xã-hội đảo điên. Nhiều gia-đình nề nếp suy đồi. Nhiều sự nghiệp mới thành lập trên khổ đau xương máu của đồng-bào. Nơi đây xưa kia người dân quê sanh sống dễ-dàng : lúa đầy bồ, tôm cá sẵn dưới ao. Dù có khách lạ đến bất cứ giờ nào chủ nhà cũng sẵn lòng hiếu khách tiếp đãi ân-cần, bắt gà làm thịt, bắt vịt làm cơm, rau cải sẵn có ở sau vườn, vài xị rượu đế thế là chủ khách cười vang đồng cộng lạc.

Cảnh nhàn hạ và thân hữu ấy ngày nay đâu còn nữa ? Gạo châu củi quế, với thời buổi chiến tranh, xứ lúa ăn không hết ngày nay phải mua của xứ người, vì thế khách xa lạ đến là một tai nạn không ai dám tiếp.

Nạn chiến-tranh đuổi người xa đồng ruộng, ruộng bỏ hoang, dân chúng chạy ra thành. Dân tản cư mất gốc sống linh đinh, người thành thị phải khổ lây vì nạn dân số tăng gia, nhiều bài toán khó khăn xuất hiện.

Nạn nhà phố, nạn sanh hoạt tăng giá, nạn thiếu nước ngọt cho đông người cư ngụ, nạn thiếu vệ-sinh khiến thời bịnh phát sanh, nạn phong hóa suy đồi vì nhu cầu sự sống bức bách con người phạm-pháp.

Ở tỉnh sự đổi bại không đến nỗi như ở đô-thành đủ thứ dân phức-tạp, nhờ dân chúng ở tỉnh còn gần gũi nguồn gốc cổ truyền. Tuy nhiên vẫn không khỏi nảy sanh những vấn đề xã-hội phiền toái mà chánh quyền và các bực phụ huynh phải chung sức góp công lành mạnh hóa.

Lưu tâm các vấn-đề xã-hội ở Gò-công ngày nay, chúng tôi lấy làm may mắn mà nhận thấy : Với sự viện trợ đắc lực của các nước bạn, Ty Xã-hội Gò-công đã sốt sắng hoạt động để băng bó những vết thương đau của đồng-bào. Đáng chú ý là những đoàn công-tác xã hội về tận thôn ấp phát thuốc men, lập trường học, bịnh xá, giúp đồng bào chỉnh trang nhà cửa đường sá, cứu trợ những người già nua, nghèo khó.

Tuy nhiên đó cũng chỉ là những phương thuốc « đỡ giấc » mà thôi. Vấn-đề chỉ giải quyết được trọn vẹn khi hoà-bình tái lập, hay ít nữa khi công cuộc bình-định, xây-dựng và dân-chủ hoá nông-thôn tiến triển khả-quan hơn. Nông thôn có an ninh thái bình thì những người tản cư mới lần lượt trở về quê cũ gầy dựng lại nghiệp nhà, và đời sống mới bình thường trở lại.

Hoà-bình ơi, hoà-bình ơi ! bao giờ mi mới trở lại cho thôn-quê miền Nam lấy lại vẻ mặt vui tươi niềm nở của một dân-tộc hiền-hoà, hiếu khách, coi tiền tài như phấn thổ, nhơn-nghĩa tợ thiên kim ! miền thôn quê yêu dấu trải qua bao cơn biến đổi tang thương vẫn gìn giữ nguyên vẹn kho tàng đạo-nghĩa của một dân-tộc hết sức hiền lành, nhưng có một tinh-thần thượng võ, ý-chí bất khuất bền gan chiến đấu làm kinh tâm cả thế-giới !

★

GIÁO-DỤC

Việc giáo-dục thanh thiếu niên là một vấn đề rất quan trọng của mỗi quốc-gia dân tộc.

Vấn đề giáo-dục mở rộng học-đường, đào tạo nhân tài là một quốc sách đối với nước ta hiện nay. Hầu hết tại các tỉnh miền Nam nói chung, ngành giáo-dục đang phát-triển mạnh từ thành thị đến thôn quê, riêng về tỉnh Gò-công là một tỉnh nhỏ nhưng có tinh-thần hiếu học.

Hiện nay có tất cả các bậc Tiểu-học và bậc Trung-học, số giáo chức và học-sinh dưới đây :

Tên và loại trường	số trường	Số giáo viên giáo-sư	Số học sinh
Bậc Tiểu-học :			
Tiểu-học	23	275	14.484
Sơ cấp	18	36	2.849
Ấp đời mới	70	160	11.450
Tỵ-nạn C.T.	04	11	397
Cộng . . .	115	482	29.180
Bậc Trung-học :			
— Trung-học Gò-công		50	1.700
— Hoà-đồng		11	454
— Hoà-lạc		04	150
— Hoà-tân		04	150
— Trung-học tỉnh hạt hoà-bình		03	116
— Trung-học Bán-công Võ-Tánh (Hoà-đồng)		08	324
— Trung học bán công Gò-công		42	1.540

Chúng tôi đã hướng dẫn quý độc giả hiểu qua các cuộc thăng trầm về mặt của Gò-công có ít nhiều thay đổi. Trở về thăm bạn cũ, ghi lại những nét đổi thay, người bạn của Gò-công ngậm ngùi đối cảnh. Xứ sở tuy còn chiến tranh nhưng vẫn mang danh độc lập, thế giới tiến bộ xa xôi, con người đã lên viếng được chị Hằng, mà đồng bào ở Gò-công vẫn còn phải chật vật về Điện và Nước.

PHỤ LỤC

THA HƯƠNG NGỘ CỐ-TRI

NGƯỜI GÒ-CÔNG Ở SAIGON VÀ TƯƠNG-TẾ HỘI

Trong cuốn sách sưu-khảo về tỉnh Gò-công nầy, chúng ta sẽ thấy còn thiếu-sót, nếu không nói đến Gò-công Tương-Tế Hội và những người Gò-công đang sinh sống ở Saigon, Chợ-Lớn, Gia-Định, có tinh thần hoài bão đến quê hương tận tâm phục vụ cho Hội và làm nhiều công tác từ thiện khác xoa dịu nỗi khổ đau của người đồng loại, trước cảnh quốc phá gia vong, nhờ những tấm lòng vàng của quý hội viên tỉnh nhà mà hội được đứng vững đến ngày nay.

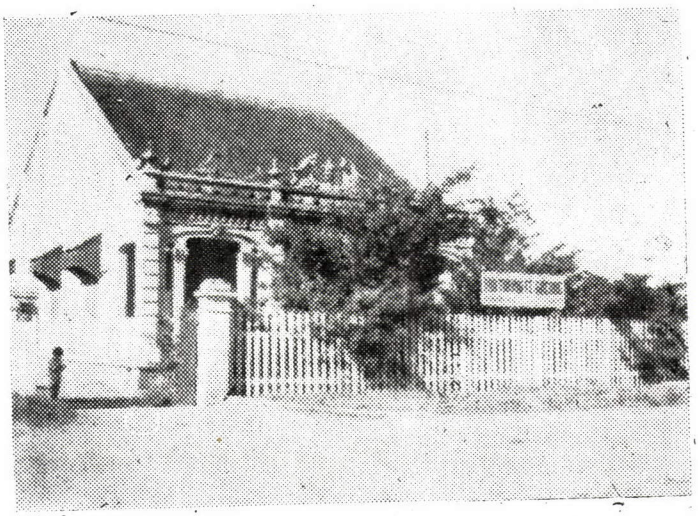
Theo lời ông Chánh Hội Trưởng niên khóa 68-69 là ông Đoàn văn Ảnh thuật lại cho chúng tôi được biết, qua quá trình của Hội Tương-Tế Gò công thành lập và hoạt động như dưới đây.

GÒ-CÔNG TƯƠNG-TẾ-HỘI :

Thành lập tại Sai-gon ngày 12 tháng 4 năm 1919 do Ông Đốc phủ Nguyễn-đức-Long khai xướng, với mục-đích quy-tụ người Gò-công sanh sống ở đô-thành chung lưng đậu cật giúp đỡ lẫn nhau trong những lúc ốm đau, nguy ngập, tang chế, v.v...

Nhờ tinh-thần tương thân tương trợ của người đồng hương nhờ sự hoạt động hăng hái đắc lực của Ban-trị sự kế tiếp chừng nửa thế-kỷ nay, Hội đã tạo nên một cơ sở bền vững, cứu giúp rất nhiều người.

Hội viên chỉ đóng một số nguyệt liễm rất nhỏ, mà khi hữu sự được Hội trợ cấp khả quan, tiền thuốc men, tiền bệnh viện, tiền phúng điếu, tiền châu cấp cha mẹ hay vợ con.



HỘI QUÁN HỘI TƯƠNG TẾ GÒ-CÔNG

Đặt tại số 27, đường Nguyễn-Khoái mé bên sông cầu Ông-Lãnh (Sài-Gòn)

Nghĩa cử cao đẹp ấy khiến được nhiều người đồng tỉnh hưởng ứng xin gia nhập vào hội càng ngày càng đông.

Đáng chú ý hơn hết là hội đã tạo nên 2 nghĩa địa dành cho người Gò-công chẳng may quá vãng sớm không đem về xứ được, có chỗ mai táng tử tế khỏi sợ thất lạc về sau.

Một nghĩa địa đầu tiên lập tại Tân-sơn-nhứt vào năm 1944, đã an táng trên 200 người sớm cõi hạc quy tiên. Nơi đây Hội lại làm một việc nghĩa với nhà chí-sĩ Phan-Chu-Trinh hài cốt người nằm trong nghĩa địa của Hội, trong một ngôi mộ đồ sộ với tấm mộ bia cao trên 3 thước có ghi tiểu sử cụ. Hằng năm được Hội chăm nom cúng lễ để tưởng niệm vong-linh người có công lo cho quốc gia dân tộc.

Nghĩa địa nầy, từ năm 1948 bị thuộc vào vùng công ích (sân bay) nên không thể an táng thêm.

Qua năm 1951, Hội lập nghĩa trang mới tại Tân-sơn-nhì (Gia-định) cạnh quốc lộ số 1, cách Bà-quẹo 3 cây số, diện-tích 1 mẫu 45 sào 50 m.

Tại nghĩa địa này có 1 nghĩa tử và 1 nhà quàn, tới nay đã làm chỗ yên nghỉ cho trên 300 người, bao quanh có xây tường riêng biệt trông qua rất ấm cúng. Trong nghĩa địa có phân lô, mỗi lô 15 thước bề ngang, 22 thước bề dài.

Sau cuộc biến cố Tết Mậu-thân, Hội có trợ cấp cho các hội-viên chẳng may bị hỏa hoạn, bệnh-tật.

Ngoài việc lo lắng cho người trong Hội, Gò-công Tương-Tế-Hội cũng đã tham-gia các công-tác xã-hội công cộng khác, như cứu-trợ đồng-bào bị lụt miền Trung và nhiều công tác khác do chiến cuộc gây nên. Hội đã liên tục tận tâm, tận lực phục-vụ cho người đồng hương sanh sống ở Sài-Gòn. Hội chỉ ngưng hoạt động trong thời gian một năm vì biến cố năm 1945.

Sau đây chúng tôi xin nêu lên danh tánh các Ông Hội-trưởng đã ghi trên bảng vàng liên tục hoạt động cho Hội :

Ô. Nguyễn-Đức-Long, Đốc-phủ-sứ (1919-1920)

Dược-sư Nguyễn-Văn-Tri (1921-1926)

Lê-Quang-Liêm, tự Bảy, Hội-đồng quản-hạt (1927)

Nguyễn-Đình-Trị, Tri-huyện (1928-1931)

Luật-sư Vương-quang-Nhường (1932)

Dương-tấn-Thiện, Tham-sự (1933-1936)

Hồ-Văn-Trung, tự Biểu-Chánh (1937-1941)

Hội-đồng Nguyễn-Minh-Chiếu (1942)

Huyện Đỗ-Văn-Sâm (1943-1946)

Lê-Văn-Trị, Cán-sự (1947-1953)

Phủ Lâm-Trung (1954-1967)

Như đã trình bày những vị có công khai sáng vun bồi cho Hội từ trước tới nay ; vẫn liên tục hoạt động không ngừng, theo sự tìm hiểu của chúng tôi ban trị sự mới niên khoá 1969 gồm các vị hằng tâm hằng sản tình nguyện vào để phục vụ cho Hội dưới đây :

BAN TRỊ SỰ KHOÁ 1969

Ô.Ô. Đoàn-văn-Anh	Hội-Trưởng
Nguyễn-văn-Kỳ	Phó Hội-Trưởng I
Nguyễn-Thoại-Kỳ	« II
Nguyễn-văn-Huệ	Chánh Thư-Ký
Ngô-văn-Thọ	Phó «
Lê-tấn-Khuê	Chánh Thủ-Bổn
Bà Trần-thị-Lũy tự Tuyết-Mai	Phó «
Ô.Ô. Võ-văn-Đĩnh	Kiểm-soát-Viên
Lê-văn-Hộ	«

	Nguyễn-văn-Tá	Thanh-toán-Viên
	Bạch-công-Nhơn	«
	Dương-văn-Thống	«
Ô.Ô.	Nguyễn-ngọc-Thơ	Cố-Vấn
	Võ-văn-Vận	«
	Nguyễn-tiến-Thanh	«
	Lê-văn-Thi	«
	Trương-văn-Bông	«
Bà	Ngô Liêng	«
Ô.Ô.	Phan-văn-Trung	Ủy-viên K.S. Tài-Chánh
	Huỳnh-công-Yến	«
	Trần-thành-Danh	«
Ô.Ô.	Huỳnh-Minh	Trưởng-Ban K.S. Nghĩa-Địa
	Nguyễn-đình-Trị	Nhân-viên UBKS «
	Nguyễn-văn-Nhựt	« «

Ngoài ban trị sự ra, chúng tôi còn được biết có nhiều Hội viên sinh trưởng tại Gò-công đã nên danh phận với đời, phục vụ trong các ngành : **Tướng lãnh, Tổng-trưởng, Quan-toà, Giám-đốc, Luật-sư, Bác-sĩ, Kỹ-sư, Dược-sư, Giáo-sư, Công-kỹ nghệ-gia**, v. v... và còn một số thành tài đang hoạt động ở Hải ngoại, thật ra đất Gò-công đã sản xuất lắm nhân tài làm rạng rỡ quê-hương, thiết nghĩ chúng tôi không thể nêu danh tánh, vì e quá sớm mà chẳng những các vị ấy cũng không hài lòng.

Trên tinh thần vô tư của nhà cầm bút chúng tôi không đề cao cho một nhóm, một cá nhân nào, chỉ nhắm vào mục-đích chung phục vụ cho đại chúng với tánh cách xã-hội ; cần nói lên để khích lệ tinh-thần đoàn kết của Hội Tương tế Gò-công đã và đang đóng góp rất nhiều cho xứ sở qua những việc làm từ thiện vừa qua.

BAN TRỊ-SỰ HỘI TƯƠNG-TẾ

Quý ban trị-sự có mặt đứng trước hội-quán, trong buổi họp thường niên, gồm có quý ông :



Từ trái qua mặt :

Nguyễn-thoại-Kỳ, Thương-gia
Lê-tấn-Khuê, Giám-đốc hãng Khinh-ký (Thủ-bồn)
Nguyễn-văn-Huệ, Kỹ-nghệ gia Tổng-thơ-ký
Huỳnh-Minh, (1) Phủ danh-dự (chủ-tịch ban kiểm-soát nghĩa-địa)
Dương-văn-Thống, Kỹ-nghệ gia, thanh-toán viên)
Nguyễn-đình-Trị, Cựu Tri-huyện (cố-vấn)
Phan-văn-Trung, (kiểm-soát viên)
Lê-văn-Hộ, Thông-phán (cố-vấn)
Võ-văn-Vận, công-chức Hỏa-xa hồi hưu (Phó Hội-trưởng nhì)
Đoàn-văn-Ảnh, nghiệp-chủ (Hội-Trưởng)
Nguyễn-văn-Kỳ, kỹ nghệ gia (ủy viên kiểm soát tài chánh)
Nguyễn-văn-Tá, cựu kiểm-soát viên Bưu-điện (Thanh toán viên).

---

(1) Huỳnh-Minh trên không phải là nhà sưu-khảo các tác phẩm miền Nam.

TỔNG-KẾT

Đến đây « Gò-công Xưa và Nay » tạm chấm dứt.

Với tài-liệu không sao tránh khỏi thiếu sót, với phương-tiện nghèo nàn chúng tôi chỉ tự-lực, nhưng với tất cả tấm lòng mến yêu từng mảnh đất quê hương, chúng tôi đã giới-thiệu Tỉnh Gò-công qua các mục lịch-sử, địa-lý, danh-nhân, di-tích lịch-sử, giai-thoại, huyền-sử, phong-tục tập-quán, tôn-giáo và tất cả các phương diện sinh-hoạt của phần đất miền Nam đang chiến-đấu và kiến-thiết.

Ngậm ngùi thương cảm Trương-công-Định,
Căm hờn buồn tủi lãnh binh Huỳnh.

Trải qua một cuộc du-lịch trong thời gian và không gian để thăm viếng Tỉnh Gò-công, bạn đọc đã cùng chúng tôi thông cảm trong một mối tình yêu đất nước.

Buồn thay cho những ai theo đuổi lợi danh quên ông bà nòi giống, sống trên sự đau khổ của dân đen.

Buồn thay cho hạng người giả danh giả nghĩa, tìm lãng quên trong trụy lạc và những tiểu thuyết nhảm nhí dâm-ô !

Lỡ kiếp tằm nguyền trả nợ dâu, quyết đeo đuổi chương-trình tô-điểm non sông dầu còn gặp cam go bạc bẽo, chúng tôi tạm giã từ Gò-công đi qua tỉnh khác. Và xin hứa hẹn với bạn đọc theo dõi những quyển sách sưu khảo của các Tỉnh miền Nam trong những ngày gần đây...

HUỲNH-MINH

Chơn Ân

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý thân hào nhân sĩ đất Khổng-tước-Nguyên.

Trước hết cụ Nguyễn-văn-Thắng huyện Danh-dự, cụ Nguyễn-huỳnh-Mai nhân sĩ, ông Lê-văn-Cang Ty Trưởng Tiểu-học Gò-công, ông Lộ-công-Bích, ông Trưởng Ty Thông-Tin, ông hiệu-trưởng xã An-hoà, Bạn Trần-anh-Tài nhóm thơ 20.

Ông Đỗ-văn-Anh, Viện khảo cổ Sài-gòn.

Quý vị đã nhiệt tâm với quê hương xứ sở, nghĩ đến công-nghiệp của tiền-nhân, bảo tồn di tích lịch sử nước non nhà, giúp đỡ chúng tôi trực tiếp hoặc gián tiếp dưới mọi hình thức để hoàn thành tác phẩm nầy.

Giữa thời buổi chiến tranh, mà chúng tôi cố gắng sưu-tầm khảo-cứu viết loại sách nầy là cả một vấn đề vất vả.

Tuy nhiên không sao tránh khỏi những sự sai lầm và khuyết-điểm, ước mong khi tái bản, những phần còn lại nhờ quý vị có những tài liệu gì mới vui lòng bổ-túc cho.

Vì sự ích lợi chung của nền văn-hoá dân-tộc, cùng nhau xây dựng tô bồi chẳng riêng gì cá nhân tôi. Một lần nữa, xin quý vị nhận nơi đây lòng cảm mến và biết ơn của chúng tôi.

HUỲNH-MINH

ĐÍNH-CHÁNH

Trang	Hàng	Chữ Sai	Xin đọc cho đúng
12	4	Sóc Mền	Sóc Miên
12	11	Mên	Miên
14	34	Mô	Một
16	3	Mền Trung	Miền Trung
16	27	Trần-quang-Dệu	Trần-quang-Diệu
24	19	Lửa thu	Lửa thù
27	10	Đông-pháp	Đồng tháp
30	4	Quan Định	Quản Định
47	30	Một đềm	Một điềm
48	23	Bình an	Bình ân
84	17	Tân-niên-Trung	Tân-niên-Đông
95	6	Dư đủ	Dư dủ
118	7	Bình an	Bình ân
180	19	Tidèle Serviteur	Fidèle Serviteur
180	28	Bểu dương	Biểu dương
186	17	Gồng toàn	Giồng toàn
200	7	Nom bạn	Nhóm bạn
203	13	Thánh đẳng	Thánh đẳng
208	13	Bệ kỳ trà	Bộ kỳ trà
216	12	Chiếc bông	Chiếu bông

Mục-lục

Vài giòng tâm sự 7

PHẦN THỨ NHỨT :

Sử lược tỉnh Gò-công 11
Gò-công đất dụng binh của Võ-Tánh giúp Nguyễn Ánh chống Tây Sơn khắc phục đất Nam kỳ 13
Bài văn của vua Gia Long tế Võ Tánh và Ngô-tùng-Châu 17
Công-Chúa Ngọc Du có bài thơ khóc chồng 18
Chúa Nguyễn Ánh khắc phục đất Nam kỳ 20
Gò-công lập được nền hành chánh Nam kỳ dưới thời Pháp thuộc 22
Pháp đô hộ. 28
Anh hùng Trương công Định dựng cờ kháng Pháp 30
Trận thư hùng : cuộc hành quân lớn nhất của Pháp tại Gò-công (25-2-1863) 32
Thua keo này ta bày keo khác 35
Bài hịch của Trương Công Định Tân Hoà thất thủ 1863 36
Giai thoại tranh đấu với kẻ nội thù : Đội Tấn 36
Thành tích của Đội Tấn 38
Ngày cuối cùng của vị anh hùng kháng chiến Trương công Định trả nợ núi sông 38
Gò-công dưới chế độ Tân trào 45
Ban hội tề dưới thời Pháp thuộc 49
Vài nét đại cương về Gò-công dưới phong trào 1944-45 53
Nam kỳ tự trị 54
Gò-công địa lý 57
Vị-trí — địa giới — diện tích 59

PHẦN THỨ HAI :

Di tích lịch sử, Lăng mộ nhà họ Phạm 71
Đền thờ Hoàng Gia Phạm Quốc Công 74
Mộ Trương Công Định 75
Miếu Võ quốc Công 76
Lăng cá ông 78
Ngôi Cồ Mộ bà dưỡng Mẫu Hậu quân Võ Tánh 81
Địa danh xóm thủ ngày xưa 82
Đập ông chưởng 83

Vịnh Đôi Ma 83
Giồng Sơn Quy 84
Đám lá tối trời 84
Ao ông Sâm 86
Pháo đài
Đầm Vạn Thắng
Ao đồn binh Võ Tánh 87
Chợ dinh Quan Đàng Cựu
Ngôi chùa bà huyện
Đình Đồng sơn 88
Danh lam thắng cảnh

PHẦN THỨ BA :

Vài nét về danh nhân lịch sử và Nhân sĩ
Gò-công xưa và nay 91
Chưởng Cơ Mai Tấn Huệ 92
Ngài Nguyễn văn Hiếu 94
Quốc công Phạm Đăng Hưng 99
Đức Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu 102
Vị giám mục đầu tiên là người Gò Công Đức cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng 111
Ông Đốc phủ Đức 115
Ông chủ sự Thiều
Bài phú Tân-hoà thắng cảnh của Trần Đình Thiều 116
Ông huyện Huỳnh Đình Nguơn 119
Ông Đốc học hộ
Ông Lê Quang Liêm, tự Bảy 121
Nhơn sĩ Gò Công 123
Nhà văn Hồ Biểu Chánh
Ông Hội Đồng Nguyễn Minh Chiếu 128
Luật sư Vương quang Nhường 129
Cụ Lê Lương Tri 130

PHẦN THỨ TƯ :

Cụ Đồ Chiểu và trận đánh đồn Cần Giuộc 135
Đầm Vạn Thắng mồ chôn xác giặc, 139
Làng Bình Ân Võ Tánh chiến Tây Sơn
Bến chùa quê hương của phó tướng Bình Tây Nguyễn Nhật Chi 142

Sự tích Miếu ông Bản Quỳ với Cặp sóng thần 143
Giồng Sơn Quy lịch sử 144
Vua Thành Thái với đồng bào Gò công 146
Ngày Lịch sử : Dân chúng Gò-công hân hoan đón tiếp vua Thành Thái 148
Những chuyện lạ về cá ông và tục lệ cúng ông tại Vàm Láng 150
Bà Từ Dũ và mắm tôm Gò-công 157
Những chốn linh thiêng của đất nước 160
Đám lá tối trời nơi âm binh xuất hiện
Sự tích Vịnh Đôi Ma 164
Vài mẫu chuyện về Gò-công trong cơn bão lụt năm Giáp Thìn 1904 166
Ất Tỵ 1905 Hoàng Trùng khởi loạn 171
Gò công với nạn Bạch Đồng 174
Hai Miên : một nhân vật kỳ quái của Gò Công dưới thời Pháp thuộc 177
Những chuyện trớ trêu trong lịch sử
Đài kỷ niệm Huỳnh công Tấn bị đập phá
Mộ Trương công Định 2 lần được Trùng tu 180
Vàm Láng 183
Những vùng đất trù phú của Gò-công 186
Những tục lệ địa phương cần duy trì 192

PHẦN THỨ NĂM :

Văn hoá nghệ thuật 195
Văn đoàn Gò Công 200
Khổng tử tế tự hội ra đời 201
Hoạt động văn hoá giáo dục 206
Nhóm thơ 20 ra đời 207
Văn chương bình dân 208
Bãi biển Tân Thành 210
Phong tục Tập quán và Tôn giáo 212
Sản phẩm Gò-công 213
Nghệ thuật và Tiểu công nghệ của tỉnh Gò 215
Tiểu Công Nghệ Gò-công 216

PHẦN THỨ SÁU :

Vẻ mặt châu Thành Gò-công xưa và nay qua các cuộc thăng trầm 221

Cầu tàu Gò Công 222
Sân Vận Động 224
Lấp rạch cửa khâu 226
Cầu Tây Ban Nha 227
Đường kinh lấp 228
Đường Nguyễn văn Thinh 229
Đường Cả Thuận 230
Các dinh thự xưa 231
Pháo đài biến thành trường học
Ngân khố Gò-Công 232
Dinh Tỉnh Trưởng 233
Kho muối
Nhà Nam và Nữ Đốc Học 234
Bệnh viện Trương công Định
Hồ nước mưa Gò Công 235
Giếng nước Layne
Ánh sáng và Điện Lực ở Gò Công 236
Bờ lộ dương 238
Lộ Me
Những đường mới đã hoàn thành 1968
Mở rộng thành phố phía bờ kinh 239
Ấp Đạo xưa và nay
Chợ Gò-công 241
Gò-công ngày nay 243
Sinh-hoạt Tôn-Giáo 244
Địa lý kinh tế 247
Công kỹ nghệ 249
Ngư nghiệp 251
Chăn nuôi 252
Sinh-hoạt chợ búa 253
Kiến Thiết 254
Xã Hội 255
Giáo Dục 257
Tha hương ngộ cố tri 259
Gò-công Tương-Tế Hội 260
Ban trị-sự Hội Tương Tế 264
Tổng Kết 265